

# VĂN THI SĨ HIỆN ĐẠI

K'V'N'E'N'. N'H'A'N'D'N'

BÀNG BÁ-LÂN

XÂY DỰNG

# **VĂN, THI-SĨ HIỆN ĐẠI**

## **KỶ-NIỆM — NHẬN-ĐỊNH**

Bình - nguyên - Lộc  
Quách - Tân • Trọng - Lang  
Đông - Xuyên • Nguyễn - thị - Vinh  
Phi - Văn • Mộng - Tuyết • Văn - Đài



**QUYỀN II**



## Thay lời tựa

Ô I say mê thơ văn từ hồi còn là một học sinh. Tôi thuộc khá nhiều thơ văn của các thi, văn-sĩ Tây phương, Trung-quốc và nước nhà.

Nhiều lúc ngâm đọc những bài thơ, đoạn văn ưa thích, tôi thường tự hỏi : « Không biết tác-giả có thích như mình không ? Đây có phải bài thơ, đoạn văn mà tác-giả ưng ý nhất không ? Và nếu không thì là bài thơ nào; đoạn văn nào ? » Đồng thời với những câu hỏi này — những câu hỏi thật khó trả lời — tôi bỗng nảy ra ý ước ao giá có những phê-bình gia cùng thời và quen biết các thi, văn-sĩ ấy làm cái việc mà mình đang muốn biết này, há chẳng hay lắm ru !

Ý nghĩ ấy cứ ám ảnh tôi hoài, nhất là những khi tôi đọc những bài phê-bình văn-học hoặc chính tôi phải làm việc bình giảng văn thơ. Mắt nhìn những dòng chữ nhảy nhót mà lòng tôi thắc-mắc hoang-mang... Tôi hoài nghi tự hỏi : « Có thật tác-giả có tư-tưởng này, có dụng ý kia, có tâm-sự nọ ? Hay tất cả chỉ là vô đoán ? » Rồi sự thắc-mắc trên đưa tới kết luận này : « Muốn phê-bình thật đúng một nhà thơ, nhà văn nào, cần quen biết nhà thơ, nhà văn ấy ! ».

Và đúng ở quan-diểm đó, tôi có ý định viết một quyển sách phê-bình văn-học để làm thỏa mãn phần nào những người ưa thích văn thơ có những đòi hỏi như tôi, nghĩa là một quyển sách phê-bình không giống những sách phê-bình đã có ở nước ta.

Độc-giả đọc sách này — ngoài chân-dung, tiêu-sử, thủ bút, chữ ký — còn được đi sâu phần nào vào tâm tình một số các nhà thơ, nhà văn hữu danh hiện đại qua những kỷ-niệm vui buồn, ngộ-nghĩnh hay cảm-động ; được thưởng thức những văn thơ những áng văn đặc sắc của các thi, văn-sĩ ấy ; được biết những bài thơ nào, áng văn nào họ ưa thích nhất và sáng tác trong trường-hợp nào ; được hiểu rõ và đúng cái hay, cái đẹp của thơ văn.

- Chắc có một số bạn đọc khó tính sẽ cho là tác-giả sách

này nói nhiều đến mình. Chính tôi cũng rất kỵ điều ấy, vì hằng không quên lời nói của miệng của tây phương « *Le moi choque toujours* » (Cái tôi rất chướng) và câu nói rất phò biển của hiền-giả Pascal : « *Le moi est haïssable* » (Cái tôi đáng ghét). Nhưng ở đây tôi muốn làm nhịp cầu thông cảm giữa các nhà văn-nhà thơ với bạn đọc, làm tấm gương phản chiếu tâm tình của họ để độc-giả soi xem. Qua « cái tôi » của tôi, các bạn sẽ nhìn rõ « cái tôi » của các thi, văn-sĩ ấy. Vậy nếu tôi trốn « cái tôi » của tôi thì làm sao mà thực hiện được ý muốn trên ? Cho nên việc nói đến mình ở đây tưởng không khác gì việc các nhà viết hồi-ký (mémoires) vẫn thường làm. Và đây cũng là một loại hồi-ký — hồi-ký và phê-bình — nên mới mang thêm tiêu đề : « KÝ - NIỆM ».

• Trong số những văn thi-sĩ mà tôi đưa ra giới-thiệu hôm nay, có người có thè sê thành « bắt tử », có người rời ra chỉ còn là « vang bóng một thời », có người đã tự tạo được một vòng hào quang khá rực-rỡ, có người chưa có mày tiếng tăm ; nhưng tất cả đều đã ít nhiều đóng góp vào công việc xây dựng lâu dài văn-học Việt-Nam với tất cả khả năng và tinh huyết. Riêng một điều đó cũng đáng kề rỗi.

• Tôi biết còn nhiều nhà văn, nhà thơ có tài và có tiếng bằng hoặc hơn những người có mặt ở đây, và tôi tiếc rằng chưa giới-thiệu được. Ấy là vì tôi chưa được hân hạnh quen các vị đó, hoặc mới chỉ biết sơ sơ. Nhưng tôi thành-thực mong rằng « chưa » không phải là « không ». Và khi cho in quyền sách này, tác-giả cũng như nhà xuất bản đều tin tưởng rằng đây chưa phải là quyền chót. (1)

Sài Gòn, ngày 16 tháng 8 năm 1962

Bàng Bá-Lân

---

(1) Trên đây là « mày lời nói đầu » đã in trong Quyển I.

Vì có nhiều bạn chưa đọc quyền đầu không rõ lý-do và mục-dịch của người viết sách nên chúng tôi cho in lại ở đây, chỉ thay đổi ít chữ cho hợp với nhan sách lần này (đã được thu ngắn cho dễ trình bày và dễ nhớ). Sự tin tưởng nói trên nay đã thành sự thật ; và đã có quyền hai, tất sẽ có quyền ba...



BÌNH - NGUYỄN - LỘC  
(Ảnh chụp năm 1958)

THỦ BÚT VÀ CHỮ KÝ :

Võ con ngoài - cảnh eo béo;  
Lặng nghe xa vắng tiếng chèo khua sồng  
Đuôi tên, quanh bờ' hía hồng,  
Gia đình tết túi ma - đồng - Lê Rồi.



Thủ Bút : Mây cát thư trong tập Thơ Ba Mèn.



# BÌNH-NGUYÊN-LỘC

Tên thật là TÔ-VĂN-TUẤN. Sinh ngày 7-3-1914. tại làng Tân-Uyên, tỉnh Biên-Hòa (Nam-Việt), trong một gia-dình thuộc thành-phân tiều-tư-sản.

Từng làm công-chức cho đến năm 1945. Sau đó, viết văn và viết báo chuyên nghiệp.

Đã viết rất nhiều truyện ngắn và tiều-thuyết. Tất cả đều đã đăng báo ; có một số đã in thành sách như : Nhớt gió (truyện ngắn, 1950) ; Đò đọc (tiều-thuyết, 1958) ; Gieo gió gặt bão (tiều-thuyết, 1959) ; Tân Liêu-trai (lấy bút hiệu là Phong-Ngạn, 1959) ; Ký thác (truyện ngắn, 1960) ; Nhện chờ mối ai (tiều thuyết, 1962) ; Ái ân thâu ngắn cho dài tiếc thương (tiều thuyết, 1963) ; Mối tình cuối cùng (tiều-thuyết, 1963) ; Tâm trạng hòng (truyện ngắn, 1963) ; Hoa hậu Bồ-Đào (tiều thuyết, 1963) ; Bóng ai qua ngoài song cửa (tiều-thuyết, 1963) ; Xô ngã bức tường rêu (tiều-thuyết, 1963).



 Ô I nghe danh Bình-nghuyên-Lộc từ khi mới di cư vào Nam (1954), nhưng chưa đọc văn anh bao giờ. Vì lúc đầu tôi còn phải lo thu xếp chỗ ở cho gia-dình, lo chạy gạo nuôi con ; kể đó thi-giờ dạy học choán mất hết cả ngày tháng, không có cả đến thi-giờ đọc sách, mà truyện dài truyện ngắn của anh thi dăng lần lần trên các báo hàng ngày bên cạnh những truyện tình-cảm rẻ tiền, những truyện võ-hiệp phi lý tuy hợp với thị hiếu binh-dân nhưng lại làm nản lòng thức-giả.

Do đó, một người mỗi ngày chỉ có thể bỏ ra năm, mười phút để liếc qua tờ báo hàng ngày coi những tin tức quan trọng như tôi, thì làm sao mà theo dõi anh được, dù rất muốn.

Mãi đến năm 1959, tôi mới nhận được cuốn *Đò dọc* của anh gửi cho, do một bạn văn chuyền giúp. Cái nhan-de rất gợi cảm của cuốn truyện đã làm tôi chú ý. Chưa đọc truyện mà trí tưởng tượng của tôi đã làm việc rất lung: Tôi nghĩ đến sông đến nước, đến những chuyến đò dọc rất nên thơ của thời thanh-bình, đến những chuyến đò dọc rất lộn-xộn của thời loạn lạc vừa qua, đến câu «mười hai bến nước, một con thuyền», đến những vần thơ của Huy-Cận:

*Sóng gợn trường giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền về nước lại, sầu trẩm ngả ;  
Cùi một cành khô lạc mấy dòng.*

*Lơ-thơ còn nhỏ gió dùu-hiu,  
Đâu tiếng làng xa vẫn chờ chiều.  
Nắng xuống, trời lên sâu chót-vót,  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,  
Mênh-mông không một chuyến đò ngang.  
Không cầu gợi chút niềm thân mật,  
Lặng-lẽ bờ xanh tiếp bờ vàng.*

*Lớp lớp mây cao dùn núi bạc,  
Chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.  
Lòng quê đơn đơn với con nước,  
Không khói hoàng-hôn cũng nhớ nhè.*

(LÚA THIỀNG — Trường giang)

Ngâm xong mấy vần thơ du-dương và gợi cảm trên này, tôi mới thong-thà mở sách ra thưởng thức... Nhưng tôi bỗng cảm thấy như lạc lõng. Khác hẳn với những điều dự tưởng,

tôi không thấy có thuyền, có bến, có trời rộng sông dài, có những cô lái đò xinh xắn với câu hò giọng hát đưa duyên...

Tôi bị lạc vào giữa gia-đình ông bà Nam-Thành với bốn cô con gái có những cái tên đặt rất ngộ theo điệu ca bình-bán : *Hương, Hồng, Hoa, Quá, Thom.*

Trên kia, tôi nói bốn cô mà sao lại có những năm tên ? Ấy là vì cô Thom đã chết ngay từ buỗi sơ sinh, nên điệu ca bình-bán ở đây, thiếu tiếng âm bằng sau cùng, đã tắc nghẹn ngay ở tiếng trắc thứ tư như một sự nghẹn-ngào đau xót !

Mà quả thực gia-đình ông bà Nam-Thành đang gặp cảnh đau xót nghẹn-ngào, nói không trôi mà đè bụng cũng không đành : gia-đình này đang gặp phải hồi sa sút. Không giải quyết nỗi đời sống ở đó-thành, họ đành rút lui về vườn theo quyết định của người già-trưởng. Đó là một sự hi-sinh lớn của bốn cô gái từng được ăn học và quen sống đời sống thị-thành, nhất là cả bốn cô đều đến — nếu không muốn nói là quá — tuổi lấy chồng, vì cô lớn đã hai mươi tám tuổi và cô út cũng đã hai mươi hai.

Đó là nỗi lo âu thường nói ra miệng của bà Nam-Thành, nỗi lo âu kín đáo của ông Nam-Thành và nỗi lo buồn âm-thầm của bốn cô con gái. Nhưng họ ráng hòa mình theo nếp sống ở thôn quê và gia-đình ấy tiếp tục sống những ngày hòa thuận yên vui trong sự đợi chờ an phận. Bỗng một tai nạn xe hơi xảy ra ngay trước còng Thái-huyén trang (tên cái thôn-trang của ông bà Nam-Thành) mà nạn nhân là một thanh-niên chưa vợ, một họa-sĩ tài-hoa. Anh chàng này chỉ bị thương soáng, nhưng được gia-đình ông Nam-Thành săn sóc quá chu đáo. Thế rồi giữa Long (tên chàng thanh-niên) và mấy cô gái, cảm-tình này nở nhanh chóng và sóng gió bắt đầu nồi làm xáo trộn cả cuộc đời trầm lặng ở Thái-huyén trang, suýt gây nên cảnh đồ vỡ, tang tóc... Nhưng rồi sau cơn giông trời lại tạnh ráo sáng sủa, trật-tự được vãn hồi êm đẹp đồng thời nỗi lo âu chính đáng của ông bà Nam-Thành cũng hết, nhờ Bằng (người anh họ tốt bụng, hết

lòng lo lắng cho tương lai của các em gái) và Long «chiếc đò dọc đã tình cờ ghé bến trên dòng thiên-lý».

Rốt cuộc ông bà Nam-Thành cũng già chồng được cho ba cô con gái, trừ cô Hương đã luống tuổi, dành sống nốt chuỗi ngày cô đơn cho đến mãn chiều. Nhưng cô biết lấy cái vui của những người thân yêu làm cái vui của mình, vì tâm-hồn cô là một tâm-hồn dịu hiền sẵn sàng hi-sinh và an phận.

Truyện được tác-giả trình bày rất hấp dẫn. Tôi đã theo dõi một cách thú vị và, trước khi gấp sách lại, tôi đã thử phào khoan-khoái, chia vui với ông bà Nam-Thành khi nghe hai người đàm thoại :

*«Chú rè Long rước cô dâu Hồng đi xong, chiều lại ông bà Nam-Thành ngồi nhơi cái hiu-quạnh của mình.*

*Đè cho vui nhà, ông Nam-Thành nhìn bà, và cười tự đắc mà nói :*

*— Bà thấy hay không? Rồi cũng già trôi hết ba đứa, có ẽ àm gì đâu mà bà cứ theo cẩn-nhẫn tôi đến nhức xương?*

*— Xi, ông không biết cái khỉ khô gì hết! Hỏi thằng Bằng nó nói cho mà nghe. Gà trôi ba đứa là công lao của thằng Đặng và của cả thằng Long nữa. Nếu ngồi đó mà đợi, thì con mình sẽ thành đá vọng phu hết trọi! Ông nên biết rằng trường-hợp của mình là trường-hợp đặc biệt. Tai nạn xe hơi không bao giờ diễn lại lần thứ nhì ở gia-dình khác mà cùng cảnh với mình. Ông nghe chưa?*

*— Những việc chánh là gà được con, mà mình đã gà được! Rồi ông cười ha hả đè đánh trống lấp. »*

Tôi chắc những ai có nhiều con gái đến tuổi già chồng, nặng lòng thương con và lo lắng cho tương lai của chúng, đọc đến đây, sẽ thông cảm nhiều với ông bà Nam-Thành vậy.

Tôi chưa đọc hết những tác-phẩm đã đăng báo của Bình-uguyễn-Lộc; nhưng qua những truyện đã in thành sách của anh,

tôi thấy cuốn *Đò đọc* xuất sắc hơn cả và có thể coi là một thành công. (1)

Ngoài lối thuật chuyện nhẹ-nhàng, hấp dẫn, còn những mầu đối thoại dí-dỏm, những đoạn văn bay bướm, những đoạn tả cảnh duyên dáng gợi cảm, gợi hình. Xin trích in mấy đoạn để bạn đọc cùng nhận xét.

Trước hết là đoạn văn tả đêm đầu tiên ở thôn-trang của bốn cô gái thị-thành cùng nỗi buồn nhớ của họ trước nếp sống thay đổi quá đột ngột :

*« Qua trī long mōt, hoàng hôn xuồng ngập đồng vắng. Đây là buồi chiều đầu tiên mà bốn cô con gái sống ở thôn-quê. Lòng họ bỗng nghe buồn mênh-mông khi nhìn ra ngoài. Nỗi buồn đến đột ngột quá, khiến họ kinh ngạc cho số phận họ, mới hồi sáng còn ở chốn phồn hoa đô hội, rồi chớp mắt một cái bấy giờ đã ngồi giữa cảnh đìu-hiu, cô quạnh này, và không biết về sau sẽ ra sao ! »*

Ông Nam-Thành có sắm một cây đèn măng-sông, mua xăng, mua rượu đủ cả. Nhưng ông nói thấp đèn sáng quá sợ người ta đề ý ngờ gia-dình giàu có dư-dả lắm, rồi trộm cướp nó mò tới. Nên chỉ họ thấp đèn đầu hội.

Cây đèn vẫn ngọn lên cao thì un khói, còn hạ ngọn xuống thì mù mờ quá sức. Những đầu cao ngọn hay thấp ngọn, ánh sáng vàng vàng của nó cũng phủ lên buồng khách một màu dor dày, ủ-rũ và bình hoan.

Những con sâu con trùng gì không biết, ở đâu ngoài cổ nội bay vào đậm đầu vó ông khói rồi chết thiêu, rơi xuống đầy mặt

(1) Gần đây Bình-nghuyên-Lộc có cho tôi biết anh thích tiêu-thuyết *Xô ngã bức tường* réu hơn *Đò đọc*, vì — theo anh — *Đò đọc* chỉ có giá trị nghệ-thuật, còn *Xô ngã bức tường* réu thì ngoài nghệ-thuật còn có tính-cách xây dựng nữa. Anh cho biết sách này đang in và hứa sẽ gửi đèn tôi ngay. Nhưng rât tiếc là cho đèn hôm nay tôi vẫn chưa nhận được (vì tiêu-thuyết đó chưa in xong) nên không kịp giới-thiệu với bạn đọc.

bàn. Có một mờ lại rơi ngay trong ống khói đèn và lớp xác sàu cứ càng lúc càng dày lên.

Lúc ấy vào cuối tháng tư, tạo-hóa chuyển mình một cách đau đớn để bước sang mùa khác, nhưng bước còn do-dự ngập-ngừng nên vạn vật dưới đây như bị đè bẹp dì xuống.

Không bảo nhau, cả nhà đồng đứng lên, đi ra ngoài.

Mặc dầu nực, trời không mây, sân sáng sao, trông mờ mờ như hừng đông. Vài con dom-dom nở trước mùa, xẹt qua lại trên không trung thành những lẵn nhỏ dài như những mũi kim vàng. Đèn nhà ai le-lói dang xa và xa nữa rùng mờ đèn trên chân trời trong hơn một tí.

Trên vòm trời, sao dãy đặc như vè corm cháy. Đó là muôn ngàn đầu cây đinh bằng vàng đóng trên một tấm trần đen.

Thỉnh-thoảng một cây đinh long ra, rơi đi đâu không biết.

Bốn cô con gái đều ngó về hướng nam. Một vầng ánh sáng bừng lên ở chân trời hướng đó, như mặt nhụi sắp lú lên vào buổi bình minh.

Đó là ánh sáng đủ-thành mà mới hôm qua đây họ còn sống lộn trong đó. Mới hôm qua mà nghe như lâu quá rồi, nghe như xa lắm rồi ! Nỗi nhớ xứ, nhớ nhà minh-mông như là họ đã lia khói quê cha đất tđ. »

Và đây một đoạn nữa có thể lấy nhanh-dề là « Một buổi chiều ở thôn-quê » :

« Sau ba bốn ngày nóng bức, gió nồm thổi dữ. Trái sao, trái dấu có cánh ở đâu bay tới như mưa, quay tròn như con vẹt trên không trung rồi rơi xuống đầy sân.

Không khí buồn tẻ ở Thái-huyên trang nhò thế đỡ lạt phẫn náo.

Chiều chiều bốn cô con gái đợi gió. Hễ gió nổi lên là họ vui như các thú quái có cánh ấy là những bức tâm thư của người xứ xa gởi đến.

Trái sao, trái đầu bay đẹp mà rơi cũng đẹp. Nhưng trái trắc bay trông lại buồn cười. Cánh của thứ trái ấy không chia ra hai nhánh, hoặc bốn nhánh mà lại bao quanh tròn cả trái. Trái trắc, nếu gió to thì bay cuồng loạn lộn nhào, còn nếu gió nhẹ thì bay như đĩa bay mà các cô thay trong chiểu bêng.

Thú nhứt là rượu bông lồng-mức. Bên kia đường, một cây lồng-mức già trụi lá đứng đó, bồi thêm vài vết buồn vào cảnh khôn hạn ở Xóm Thuốc này.

Trái lồng-mức tròn mà dài như trái đậu bắp. Chiều chiều, vỏ cứng như vỏ sò của trái ấy nỡ tách ra làm hai rồi thả ra muôn ngàn cái bông trắng, bay như tuyết đồ.

Bông gồm một hột vàng nhỏ như hột lúa, trên đầu hột lồng trắng mọc tua tua ra, lông mịn như tờ, mà cong như lông mì, dùng làm cánh dưa hột vàng về những nơi xa lạ.

Nhiều bông quá nặng, cánh chờ không nổi, sa xuống trên sân, nhưng vẫn bay là là ngang đầu người chờ không chịu rời xuống đất.

Các cô rươi bắt mớ bông ấy, ai bắt được một chiếc thì sung sướng vô cùng. Chỉ có mớ lồng trắng mịn giữa hai ngón tay cũng đủ vui cả một buổi chiều trống rỗng.

(ĐỒ DỌC)

Tôi có nghe một vài nhà văn tỏ ý kiến về truyện Đồ dọc, nói rằng: "Truyện này phảng-phất giống một tiểu-thuyết của tây-phương và, vì thế, nó hơi có vẻ... tây!"

Có lẽ vì mấy lời đẽ tặng mà tác-giả cho in ở đầu sách: Kinh tặng J. J. Bernard, người sáng tạo «kịch thuyết ít lời» mà vở kịch danh tiếng «Con đường quốc-gia số 6» đã gợi hứng cho tôi.

Hoặc giả các bạn ấy ám chỉ truyện «Les quatre filles du docteur March» của L. M. Alcott và P. J. Stahl?

Tôi cũng nhận có vài điểm giống, như: đoạn đầu tác-giả cho biết gia-đình họ March trước kia giàu có nay mới sa sút; rồi

cũng có bốn chị em gái sống hòa thuận thương yêu nhau, và này tâm-hồn dại hiền của cô Hương cũng là tâm-hồn dại hiền của cô Beth, còn cô Quá thì dạn-dí nghịch ngợm chẳng khác gì cô Jo (tên Joséphine gọi tắt), v.v...

Tôi không biết Bình-nguyễn-Lộc đã có đọc truyện « Les quatre filles du docteur March » hay không ? Nhưng, theo tôi, những điểm tương tự ấy không đáng kể, và Đò đọc không vì thế mà bảo là giống « Les quatre filles... » và nó vẫn là tiểu-thuyết sáng tác có giá trị của Bình-nguyễn-Lộc. Còn chê là « có vẻ tây » thì cũng hơi quá ! Bốn cô con gái ông Nam-Thành tuy mới, nhưng vẫn có cốt cách Việt-nam. Vả các cô đều là gái sinh trưởng ở thị-thành, có tây học, thích ăn kem (như cô Hoa), mê say chiếu bóng (như cô Quá), ở giữa một xã-hội từng chung đụng với người tây-phương gần một thế-kỷ và chịu ảnh-hưởng nặng-nề văn-hóa Pháp thì làm sao tránh khỏi không tiêm nhiễm ít nhiều tinh-thần cùng nếp sống tây-phương ?

Ngoài tiểu-thuyết Đò đọc, tôi thích những truyện ngắn của Bình-nguyễn-Lộc hơn truyện dài của anh. Trong tập truyện ngắn « Ký thác », có nhiều truyện làm ta phải cảm động và suy nghĩ như những truyện : *Rừng mắm*, *Ba con cáo*, *Ăn cơm chưa*, *Cho tay này lấy tay kia*. Và các văn, thi-sĩ chắc không khỏi bùi-ngùi cho số kiếp con tằm rút ruột của mình qua truyện *Người đàn ông đẻ*. Còn trong tập truyện ngắn « Tâm-trạng hồng » thì hầu hết các truyện đều kết cục rất bất ngờ khiến người đọc ngạc nhiên một cách thích thú.

Trong số những truyện đã xuất bản của Bình-nguyễn Lộc, còn có một tập truyện quái đản kiều « Liêu-trai chí dị » của Bồ Tùng-Linh. Do đó, tác-giả lấy nhan sách là « Tân Liêu-trai » (riêng tập truyện này, anh ký bút hiệu là Phong-Ngan). Tuy truyện phỏng theo lối viết truyện ma của họ Bồ, nhưng kết cục lại chịu ảnh-hưởng tinh-thần khoa-học tây-phương, nghĩa là không có ma gì hết và người sợ ma chỉ là người nhút nhát thầm hồn nát thần tinh, vì những cái mình tưởng là ma chỉ là người bằng

xương bằng thịt ! Truyện quái đản của Bình-nghuyên-Lộc, vì thế, có được ưu-dièm là không hoang đường, nhưng — cũng vì thế — thiếu về kỳ thú của Liêu-trai, của những giấc mơ ảo huyền thoát tục. Đọc *Tân Liêu-trai* của anh, ta vẫn thấy mình bị gắn liền với thực tại vật-chất, và chỉ sau vài ba truyện là ta nắm ngay được chớp... con ma. Ta biết chắc là không có ma, thế là ta hết sợ, và hết sợ thì bớt thú ! Người lớn tuổi — nhất là lại có học-thức — đọc truyện ma đâu có dễ bị ảnh-hưởng sự hoang đường. Vì thế, ta không lo ngại họ trở nên mê tín. Họ đọc truyện ma là muốn quên thực tại đau buồn trong chốc lát để lạc vào thế-giới-kỳ bí của linh-hồn dặng tìm những cảm-giác lạ cũng như thi-nhân mơ mộng đè mây cưỡi gió, thả hồn lên cõi trăng sao. Họ biết là nói láo mà họ vẫn thích nghe, đúng như Vương-ngư-Dương đã cảm đ𝐞 « Liêu-trai chí dị » :

*Cô vọng ngôn chi, cô thính chi !  
Đậu bằng qua giá vũ như ti.  
Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ,  
Ái thính thu phần quý xương thi.*

Bản dịch của Tân-Đà :

*Nói láo mà chơi, nghe láo chơi,  
Giàn đưa lún-phún hạt mưa rơi.  
Chuyện đời hần chán không buồn nhắc,  
Thơ-thần nghe mà đọc mây lời.*

Bản dịch của Vũ Hoàng-Chương :

*Nói bừa bừa đi, nghe bừa bừa,  
Dây đưa giàn đậu phơi tơ mưa.  
Giọng đời chán ngấy người lên được,  
Tiếng quý mồ thu hát thi ấy ưa. (1)*

(1) Tôi lục in bản dịch của Tân-Đà vì là bản được nhiều người biết và lời thơ nghe thật lưu loát, nhưng tiếc thay bản dịch này còn đôi chút khuyết dièm như câu 2 không dịch chữ « đậu bằng », câu 4 thiếu ý « thu phần » và chữ « lún-phún » tinh quá không thích hợp với mưa rơi. Không hiểu sao dịch-giả không nghĩ đến chữ « lật-phát » ? Bởi vậy, tôi lục in thêm bản của Vũ Hoàng-Chương, dịch sít hơn. Hai câu cuối của bản này mới đọc nghe như tám thường, nhưng ngâm nghi mới thấy tự-nhiên và hóm-hỉnh, chưa chát nữa, vì việc đời quả làm lú... chán thay mồ !

Do đó, *Tân Liêu-trai* của Bình-nghuyên-Lộc chỉ làm thỏa mãn được những độc-giả ưa chuộng khoa-học mà không lôi cuốn được những người thích... nghe nói láo ! Mà những người sau này lại chiếm số đông ; vì thế anh khó mà lẩn được họ Bồ ở địa-hạt này, nhất là « *Liêu-trai chí dị* » không phải chỉ toàn nói láo suông mà còn có nhiều truyện mía đời, rán người rất sâu sắc.



Tuy đã được thưởng thức văn tài của Bình-nghuyên-Lộc từ 1959, qua tiêu-thuyết *Đò dọc*, tôi vẫn chưa có dịp gặp anh. Mãi đến giữa năm 1961, tôi mới gặp anh lần đầu tại Câu-lạc-bộ Sĩ-Quan ở Chợ-lớn, nhân buổi nói chuyện về thơ của Hà-thượng-Nhân do bác-sĩ trung tá Hoàng-văn-Đức, chỉ huy trưởng trường Đại Học Quân Y, tổ chức. Hôm ấy, anh đến muộn, đi vào ngồi gần bên tôi. Anh lặng lẽ đưa tay chào ; tôi bắt tay anh, yên trí là một nhà văn nào đó. Kịp đến khi ban tổ chức giới-thiệu từng người, chúng tôi mới nhìn nhau ngạc nhiên nhưng vui thích. Tôi hôm ấy, tôi chỉ trao đổi được với anh có ít lời, vì còn nghe diễn-giả nói và nhất là mãi nghe cô Hồ-Điệp ngâm thơ ; nhưng hình dáng con người gầy gò, hiền lành, có vẻ ít nói ấy đã làm tôi nhớ mãi. Tôi không ngờ một người bề ngoài ốm yếu, hiền lành như vậy mà lại có sức sáng tác rất dồi-dào, có những nhận xét dí-dỏm sâu sắc, có giọng văn duyên dáng tài hoa.

Gần đây, nhân anh ghé thăm, tôi có đưa anh xem tập « lưu bút » để anh ghi cho ít hàng làm kỷ-niệm. Tôi hơi ngạc nhiên thấy anh không nghĩ ngợi, thoản-thoắt viết ngay. Hỏi, thì anh cười đáp :

— Chơi với ai, nhất là các bạn trong làng văn, tôi đã có nhận xét về người ấy. Với anh cũng vậy, nên chỉ việc viết những nhận xét ấy ra, chứ có gì đâu !

Nhưng tôi thì tôi cho là anh khiếm tốn đè che giấu cái tài mẫn tiệp của anh. Qua mấy dòng lưu bút mà tôi được mục-kích khi anh viết, tôi có cảm-tưởng anh viết văn rất dễ dàng và rất thành-thực khi nói rằng anh tha-thiết yêu quê hương xứ sở. Trong nhiều truyện và các thiên tùy bút (như *Tình đất*), khảo luận, sưu tầm (như *Thờ người Đồng-Nai*), anh đã từng nhiều lần biếu lộ mối tình cao đẹp ấy.

Tiện đây, xin chép lại mấy hàng lưu bút của anh đè ghi chút kỷ-niệm giữa anh với tôi, đồng thời cũng đè độc-giả xét xem nhận định của tôi có hay không đúng :

*« Tôi ưa kinh nghiệm nên tôi thương những người thương tôi. Qua mấy bài thơ « Trái sầu riêng », « Trái măng-cụt », « Trái xoài », « Trái vú sữa », « Ngô hẻm »..., tôi thấy rằng anh thương mến miền Nam của chúng tôi, tức là của tôi, tức là chính tôi, nên tôi thương mến anh ».*

Phú-nhuận, 26-5-63

BÌNH-NGUYỄN-LỘC



Để hiểu rõ hơn về tác-giả, tác-phẩm, phương-pháp làm việc, văn-de cảm-hứng, v.v..., tôi mở một cuộc « phỏng vấn văn-nghệ » và « buộc » anh trả lời.

Tôi hỏi :

— Anh bắt đầu viết văn từ bao giờ ?

— Từ hồi còn đi học. Nhưng mãi đến năm 1942 văn thơ của tôi mới được báo chí nhận định.

— Cách làm việc của anh thế nào ? Có phải đợi cảm-hứng không ?

— Buổi đầu, tôi đợi hứng. Nhưng trong vòng mười năm sau này tôi làm việc đều đều, mỗi ngày nhất định phải viết bao nhiêu trang, mặc dầu bận gì. Nhờ sự đều đặn trong mười năm liền ấy, tôi đã viết được khá nhiều.

— Anh cho biết rõ : khá nhiều là bao nhiêu ?

— Cho tới ngày 31-5-63, tôi đã viết được 600 truyện ngắn, 37 truyện dài, 1 tập tùy-bút (*Tình đất*), 1 tập sưu-khảo (*Thò ngơi Đồng-Nai*), 2 quyển văn vần cho trẻ em (*Việt-sử trường ca, Cố tích Việt-Nam*), 1 tập thơ (*Thơ tay trái*), 1 tập nghị-luận (*Vài ý nghĩ về văn-nghệ*), 1 tập khảo-cứu, cùng soạn với trưởng nam tôi là bác-sĩ Tô-dương-Hiệp : *Khinh-tâm bệnh và sáng tác văn nghệ* (Névrose & Créations artistiques et littéraires). Ngoài ra, tôi còn dịch được 3 bộ sách Pháp là : *Poil de carotte* của Jules Renard, *Tartarin de Tarascon* của Alphonse Daudet và *Le livre de mon ami* của Anatole France.

Tất cả những tác-phẩm trên này đều đã đăng báo và một số đã in thành sách.

— Anh có gặp trở ngại gì trong việc bắt buộc phải sáng tác đều đều và đúng kỳ hạn ?

— Ấy, có nhiều nhà văn cho rằng tôi viết tiểu-thuyết đăng báo hằng ngày sẽ có hại cho văn-nghệ của tôi vì tôi viết vội, làm sao hay được !

A, cái vụ này thật là mâu thuẫn một cách buồn cười ! Mấy mươi năm gần đây, các văn-hào trên thế-giới đều khuyên văn nhân, thi-sĩ nên làm việc đều đều mỗi ngày và có qui-cù chờ đừng đợi hứng như ngày xưa nữa. Những lời khuyên ấy rất có lý nên hầu hết văn-nhân-thi-sĩ ta đều cho rằng nên theo. Như thế, nếu không viết tiểu-thuyết đăng báo hằng ngày thì mỗi ngày tôi cũng phải viết chừng năm trang giấy, y như là viết đăng báo, nếu tôi theo đúng lời khuyên nhủ trên mà ai cũng cho là có lợi. Thế thì đăng báo hằng ngày hay không đăng báo

hằng ngày có khác gì nhau đâu ? Có nhiều tờ báo chỉ đăng ba trang rưỡi của tôi thôi, nghĩa là ít hơn số chữ mà tôi phải viết mỗi ngày. Hay là các vị ấy ám chỉ đến nhiều tiêu-thuyết của tôi, đăng một lượt trên nhiều tờ báo ? Nhưng có gì chứng tỏ rằng tôi viết mỗi ngày đến bốn tiêu-thuyết một lượt ? Tôi không thể có sẵn được một số tiêu-thuyết đã viết xong ư ?

Ngày nay, trên thế-giới có nhiều nhà văn (rất có danh) viết bằng máy đánh chữ, nghĩa là không có sửa chữa, và những người chưa đến đỗi làm thế, đều có khuynh-hướng muốn làm thế. Khi mà ai cũng vội vàng cả thì người ta sẽ đánh giá-trị trên cái gì còn lại của mỗi nhà văn trong không khí hối-tấp đó.

Nếu họ gọt từng chữ như G. Flaubert thì họ được ro diêm ; còn như họ hối hả, họ chỉ còn 6 diêm thôi, thiệt cho họ mà cũng thiệt cho cả người thường thức ; nhưng biết sao, vì nhịp sống đưa họ tới đó, họ hoàn toàn bất lực, không cưỡng lại được. Rồi các nhà văn ta cũng sẽ thế, vì một ngày kia nhịp sống ở đây sẽ cũng vun vút như bất kỳ ở đâu, không ai còn thi-giờ gọt dưa nữa !

Vậy nếu tác-phẩm của tôi không hay là tại tôi bất tài, chớ không phải tại viết báo hằng ngày mà thành dở ! Tôi nói điều này ra, thật là bất lợi cho tôi ; vì hiện giờ tôi có thè nương vào luận-cử của các nhà phê-bình ấy để đồ thừa sự bất tài của tôi cho báo hằng ngày. Nói rõ quan-diêm của tôi ra, tôi không còn đồ lỗi cho ai được nữa cả và dành phải chịu là bất tài vậy, trong khi tôi rất có lợi mà rêu-rao rằng : « Các bạn ơi, tại tôi viết vội nên mới dở thế, chớ nếu có thi-giờ gò gãm thì tôi đã viết hay hơn và sẽ hay lắm kia ! ».

— Anh có những nguyện vọng gì trong đời văn của anh ?

— Tôi tham lam nên có nhiều nguyện vọng, nhưng nói ra sao cho hết ! Vậy xin chỉ đưa ra nguyện vọng tha-thiết nhất của tôi.

Trước khi trình bày nguyện vọng đó, tôi xin nhận phép xúc phạm đến các nhà in của người mình, họ cầu thả một cách đáng buồn ! Thường thì sách in, tác-giả sửa bài ở bàn cuối cùng, và các lỗi đều đã được sửa hết. Nhưng ông sếp "typo" chẳng mấy khi không đè sót lỗi. Cái đó cũng không sao, vì đáng lý còn phải sửa lại một lần chót nữa khi lên máy, rồi ký tên cho phép thì máy mới được chạy. Nhưng thói tục các nhà in của ta là cho lên khuôn máy hời 12 giờ đêm. Họ không buồn đợi sáng để tác-giả đến sửa, cứ đưa cái bản lên máy đó cho bất kỳ một thày cò phụ nào xem để ký tên (vì lúc ấy ông thày cò chính cũng đã ngủ mất rồi !) Vì kém cỏi, vì lười, vì buồn ngủ, ông thày cò phụ nhầm mắt ký tên bừa ; thành thử sách nào in trong nước cũng còn những lỗi là lỗi !

Vì thế, nguyện vọng tha-thiết của tôi là ngày sau, nếu may ra đoạn văn nào của tôi mà còn được đè đời thì tôi mong mỏi các nhà trích văn hãy nên tìm đến gia-dinh tôi, xem chính quyền sách riêng của tôi được sửa chữa lại do chính tay tôi, đúng y *theo bản thảo*. Hiện giờ nhà soạn sách giáo-khoa nào mà có xin phép tôi để trích văn, tôi cũng yêu cầu như thế. Còn nhà nào không xin phép, tôi không hay biết, thì nếu có trích in sai, tôi không chịu trách-nhiệm.

Năm ngoái, có một giáo-sư xin trích một đoạn văn trong quyền *Dò đọc*, trong đó có câu : « *Những thanh sắt đã nướng, đã lăn lăn như lửa đã rửa được cái đèn đưa dơ đáy của nó* ». Câu văn này, may quá, sách lại in đúng. Nhưng vị giáo-sư ấy ngờ là in sai một dấu phết và đè nghị đời dấu phết ấy như thế này : « *Những thanh sắt đã nướng đã lăn lăn như lửa, đã rửa được cái đèn đưa dơ đáy của nó* ». Ai biết tiếng Pháp, thử dịch hai câu trên ra Pháp-văn và sẽ thấy ngay là hai câu khác nghĩa nhau rất xa khi một dấu phảy bị dời chỗ.

Câu thứ nhất của tôi có thể dịch là : « *Les barres de fer chauffées, rougissent de minute en minute comme si le feu aurait lavé leur saleté* ». Còn câu của vị giáo-sư phải dịch là : « *Les barres de*

*fer chauffées peu à peu au rouge, pareilles à du feu, ont lavé leur saleté ».*

Câu sau chẳng những khác hẳn câu trước, mà còn vô nghĩa nữa ; vì trong câu Pháp-văn thứ nhì, *chữ của nó* (leur) không chỉ được là của ai ! Những thanh sắt đã nướng đỏ, rửa được cái dơ bẩn của ai ? Nếu là của chính nó thì phải viết : « ... tự rửa được cái dơ dáy của mình », và — như thế — câu chữ Pháp phải là : « *Les barres de fer chauffées peu à peu au rouge, se sont lavées les saletés.* »

Câu chuyện này xảy ra, khiến tôi đậm sory, vì sách của tôi bị in sai không biết mấy trăm lỗi trong một quyển. Một dấu phết nhỏ mọn cũng đã quan trọng đến thế, huống chi là các chữ ! Thế mà sách nào cũng sai lỗi vài trăm dấu phết và lỗi bảy tám mươi chữ là thường !

Hồi về nguyệt vọng mà lại chỉ được nghe than thở về kỹ-thuật ăn-loát của ta, người không ở trong nghề hẳn không khỏi ngạc nhiên. Nhưng tôi rất thông cảm với anh. Và tất cả các bạn văn đã từng hơn một lần đau xót cho đứa con tinh-thần của mình khi ra đời bị bà mụ vùn vụng-về cầu thả làm treo tay què chân hay thành tật, hẳn cũng đồng ý.

Tôi tiếp tục phỏng văn Bình-nghuyên-Lộc :

— Anh cho biết tác-phẩm đầu tay của anh là quyển nào ?

— Là truyện dài lịch-sử *Phù-sa*. Đó là tác-phẩm lớn nhất của tôi (chừng 900 trang) viết từ năm 1942 mà chưa xong hẳn, mặc dầu đã đăng báo một phần (tạp-chí Nhân-Loại). Truyện tả cuộc di-cứ vĩ đại của đồng-bào ta cách đây ba trăm năm, đồ xô vào Nam để khai hoang đất mới, dựng nên miền Nam ngày nay.

— Trong các tác-phẩm của anh, tương đối anh thích tác-phẩm nào hơn ? Và những đoạn văn nào, khi viết, anh thấy có hứng hoặc ưng ý hơn cả ?

— Tôi thấy khó đáp câu này, vì nhiều tác-phàm có liên hệ đến tâm-sự mình nên mình yêu thích, ngõ nó hay lầm, nhưng thật ra không có giá-trị bao nhiêu đối với người khác. Hơn thế, người đời lại đoán biết được những gì mà mình muốn giấu.

Tuy nhiên tôi cũng xin đáp rằng tác-phàm của tôi mà tôi thích nhất là tiểu-thuyết *So le*. Truyện này đăng báo cách đây đã mười năm, không còn ai nhớ cả, không ai đoán được gì hết vì tôi không cho xuất bản bây giờ. Khi tôi chết rồi, gia-dinh tôi có cho in thì tôi không còn đó để sợ người ta cười. Nhưng, vì lỗi làm việc của tôi, tôi lại có thể nói rằng : Tác-phàm nào của tôi, tôi cũng thích hết, vì những truyện tôi viết ra đều hoàn toàn bịa đặt, nhưng tất cả chi tiết trong ấy đều có thật. Thành ra ở truyện nào cũng có tôi cả, ít hay nhiều, không nhân-vật chính thì cũng nhân-vật phụ. Tôi thương tôi qua những nhân-vật ấy và, vì thế, tôi thương tác-phàm của tôi. Có một tác-phàm trong đó không có tôi — một truyện dài bằng văn vần, nhan là *Thor Ba Mén* — nhưng tôi rất thương. Đây mới thật là thương, thương không ích kỷ, thương nó vì nó chớ không phải vì mình (1).

Còn đoạn văn mà tôi thích nhất ? Chắc chắn là văn trong truyện ngắn ; vì trong tiểu-thuyết tôi không dám tả cảnh, tả người, sợ nó sẽ dài đến bảy, tám trang làm mệt người đọc. Nhưng hiện nay tôi không nhớ rõ đoạn nào, mà đợi đọc lại hết cả 600 truyện ngắn để lựa ra thì chắc lúc đó anh không còn viết loạt sách « *Kỷ-niệm và nhận định...* » này nữa ! Vậy xin tạm đưa ra một đoạn văn trong tiểu-thuyết « *Nhện chờ mỗi ai* » : Đó là đoạn ở cuối truyện gồm có bức thư của Liên gửi cho Ngọc và những đoạn văn xen lẫn trong thư (trừ ba dòng sau chót) (2).

— Theo như anh vừa nói thì anh đã sáng tác một truyện dài bằng văn vần, nghĩa là anh có làm cả thơ. Vậy tiện đây anh có thể cho biết bài thơ nào anh ưng ý nhất không ?

---

(1) Có giới-thiệu đoạn đầu trong phần Phụ lục ở dưới.

(2) Xem phần Phụ lục.

— Nói là yêu mến nhất thì đúng hơn. Đó là bài thơ «*Dâng Má thương*» (1), tôi làm tặng má tôi. Bài thơ này (đã đăng trong tạp-chi Bách-Khoa) dùng làm tựa cho tập sưu-khảo *Thờ-ugor Đồng-Nai*, nhưng cũng được cho vào tập thơ *Thơ tay trái* (gồm độ 40 bài).



Đã biết rõ tất cả những điều muốn biết, tôi ngừng hỏi,  
ngồi yên lặng ngắm Bình - nguyễn - Lộc và tự nhủ : Con người  
nhỏ nhắn này quả có sức làm việc phi thường.

Một ý nghĩ so sánh thoáng qua óc tôi : Tôi nghĩ đến Victor Hugo, đến Honoré de Balzac của nước Pháp ở thế kỷ XIX và — gần hơn, cả về không-gian lẫn thời-gian — đến Hồ-biều-Chánh. Rồi tự nhủ thầm : Đây là một ưu điểm đáng khen của miền Nam. Nhưng lớp trước có Hồ-biều-Chánh, lớp này có Bình-nguyễn-Lộc, còn lớp sau sẽ có ai ?

(Tháng năm 1963)

---

(1) Xem phần *Phụ lục*.

# Văn luyện :

## CÁI BÁCH-XÊ (1)

*Anh Công về Sài Gòn vào cái lúc mà số nhơn khầu ở thủ đô miền Nam nước Việt được công bố là một triệu rưỡi.*

*Sau những đêm mướn ghe bỗng ngủ ở các đường hèm, anh được một người bạn điểm chỉ sang một căn phố lá ở xóm*

*Đứng tường xóm X ở ngoại ô nào đó đâu. Nó ở ngay trung tâm thành-phố, núp sau lưng những dãy phố gạch sango trọng dựa đại lộ. Nơi đó là một đám đất trống, nguyên trước kia là một chỗ trũng, mùa mưa như mùa nắng quanh năm ứ nước, một thứ nước xanh như nước lá bồ ngót. Nơi đó tha hồ cho thủy thảo, cho bèo mọc, cho cá bã trầu sanh sản. Nơi đó là chỗ nương náu cuối cùng của nhái bầy, của ênh-ương trong thành-phố.*

*Mấy năm trước cuộc khởi nghĩa, chủ đất xin phép địa-phương cho đào rác lên cho đầy, rồi phủ lên đó một lớp đất. Thế là ông chủ có một đám đất cát nhà giữa chung thành. Ông chỉ phiền địa-phương không xé đường qua đó, thành ra miếng đất của ông cũng vô dụng.*

*May thay cho ông chủ, lại xảy ra cuộc loạn ly. Bao nhiêu người dồn về mà không có chỗ ăn nằm. Thôi thì cho chúng nó cất nhà lá. Cho dễ dắt, ông nói.*

*Nhà có ba căn, thấp cỡ cốc nhảy lên mái nhà được và không cần học võ theo lối kiêm-hiệp, cỡ có biến thì nhảy lên nóc nhà trốn dễ như chơi.*

*Cái nhà cát xa nhà khác chừng năm tấc thôi. Nhưng Công cũng mừng được ở căn bìa, bẽ gì cũng có cái khoảng không đó, đỡ bớt sự khó chịu bị kẹp giữa hai căn. Nhà lại ở ngoài bìa*

---

(1) Laisser-passar (giày thông hành thời Pháp trị).

*hàng trăm nhà lá lúp-xúp, lúp-xúp khác, cái nào cũng lùn xùn như đám dân bị bỏ ngõi bên đường.*

*Ngày đầu, Công giậm chân lên mặt đất, nghe nó xèm-xẹp như là đặt mặt vông. Mỗi lần xe điện chạy nqang qua lối đó, ngoài xa kia, thì ly, tách trên bàn anh rung len-ken, y như là nhà có ma nó dời chén, dời tách đè phá chủ nhà.*

*Có khi đang đêm trời mưa ầm-ī, anh nghe chông tre anh đang nắm lắc lay, giao động, toàn thề đám đất rung chuyền như cơn địa-chấn sắp đến. Đó là rác mục đang biến thành đất, gấp mưa nó dē xuống, lớp đất trên cũng xụp theo.*

*Những đêm khuya vắng lặng, Công nghe rõ-ràng có tiếng động ở dưới đất, hình như không sâu cho lắm. Chuột hang chăng?*

*Dẫu sao, anh cũng thấy sướng hơn là ở ngoại ô. Ở ngoài, còn khổ vì nhiều việc khác nữa. Ở đây thì hoàn toàn an thân, nếu không có vợ chồng cái anh láng giềng ở căn giữa.*

*Trời sao lại xui anh Công có một anh láng giềng khó chịu như vậy.*

*Anh ta không biết làm gì ở đâu, mà cũng đi đúng giờ về đúng khắc như người làm ở sở. Nhưng đó là người không bao giờ nghỉ ngơi, trưa như tối. Hết dồn với bạn ở đâu kéo về, lại cãi lộn với vợ. Rồi hết hai cái đó, lại quay hát máy. Có khi cùng dồn, cùng cãi lộn, cùng hát máy một lượt.*

*A, cái sự hát máy này mới thật là một hành hạ lớn nhất trong đời Công. Hết cứ đúng giờ nghỉ ngơi, từ đúng ngọ đến ba giờ trưa, từ bảy giờ chiều đến nửa đêm là nó ong-óng lên như con mẹ diên, thế là thầm trí Công bấn loạn, không mong nghĩ gì được, không mong nghỉ yên được.*

*Có nhiều đêm, Công mới chợp mắt được đâu vài giờ thì bỗng giật mình thức dậy để phải hứng đầy tai những câu hát chửng chết được người.*

*Anh nghe con vợ nói:*

— Thôi mà, đè cho xóm giềng người ta ngủ !

Anh chẳng nạt giọng :

— Thôi gì, hát giờ này êm tai, ngủ mới sướng chờ ! Vợng cò thì phải rỉ rả về khuya mới mùi chờ !

Thế là vợng-cò éo éo tới sáng.

Cái thứ vách lá thì như là không có vách gì hết. Nếu ra ngoài đường mà nằm được, thì Công cũng sẵn lòng đi trốn cái nạn hát mây ấy.

Mỗi lần anh nghe nó khởi sự lên dây thiều rồn-rột thì ruột gan anh cũng lên theo. Mà lạ, sao nó hát mãi như thế mà không đứt dây thiều lăn nào. Công chỉ mong có bao nhiêu đó, đè nghỉ lỗ tai vài bửa.

Trưa và tối, anh nằm dài, thở ra : « Thế này thì đến loạn óc mất ! ». Quả thật, bộ thần-kinh anh bị khích động thái quá. Mỗi lần nghe nó mở mây hát là mỗi lần anh tức, rồi cứ nằm mà đợi giờ này qua giờ kia, toàn thè thầm-kinh anh bị căng thẳng trong chờ mong và trong khó chịu. Mây đóng lại cái sập, anh mới nghe nhẹ người, thầm-trí mới giãn ra, nhưng anh đã mệt nhoài khó thè徭 giác ngủ được.

Một hôm Công yêu cầu anh lang giềng ẩy bớt hát, nhứt là bớt lúc gần sáng, thì anh ta sững sờ nói : « Nội đây, không ai nói gì, có mình anh là kiểm chuyện thôi. Đời thuở nào mà hát mây gì lại nghe khó chịu. Anh muốn êm tĩnh sao không ở xóm nhà giàu, xóm Tây é !

Công sò ngay, nhưng người kia còn nói nữa, nói nhỏ riêng với vợ bên nhà, nhỏ mà đủ lớn cho Công nghe : « Thú dỗ thực-dân, dỗ trưởng-giả, người ta hát cho mà nghe, sướng hùng chết mà còn làm bộ hoài. Đè tao hát sáng đêm tối ngày coi ai làm gì tao ! ».

Chết chưa ! Bây giờ anh đã hóa thành thực-dân mũi xệp rồi đó. Và trưởng-giả nữa. Đây là thứ trưởng-giả học làm nhà

nghèo, đi ở nhà lá dây, và được hân hạnh người ta hát cho nghe!

Nhưng những lời nói xấu ấy không làm anh khò bằng câu hâm dạo hát tối ngày sáng đêm. May thay, đó chỉ là câu hâm dạo; vì va cũng phải ngủ chờ thức sáng đêm sao được. Và tối ngày va mắng đi làm. Chỉ có bữa trưa là va hát trọn từ đầu chí cuối.

Con vợ cũng tùng đảng. Nó lên dây hoài sao không biết mỏi tay. Mỗi lần hát hết đĩa, nó quên, để kim chạy không, còn bị rầy nữa là khác.

Cái bợn này có lẽ là dân quê mới lên. Máy hát lại kêu là giàn hát máy. Và nó mê « giàn hát máy » như trọn đời nó mới thấy lần đầu.

Quả thật Công rất ghét vợ chồng anh lồng giềng. Nhiều khi anh mong cho anh chồng thua cờ bạc, bán hay cầm máy hát đi. Anh lại mong cho vợ chồng nó đánh lộn, đập bè hết đĩa hát. Đánh lộn thì chúng nó có đánh. Cũng có đập bè đĩa nữa, nhưng mà đĩa ăn cơm. Còn đĩa hát thì hai vợ chồng đồng lòng bảo vệ, y như là hai nước giao chiến với nhau, bằng lòng theo ước-lệ quốc tế, kính trọng những nơi có dấu hiệu Hồng-thập-tự. Có nước tham chiến thua quá còn xâm phạm ước-lệ đó, chờ hai vợ chồng này thật là đứng đắn, thành tâm, thật ý.

Có khách trò chuyện với nó, nó cũng hát, không biết để ai nghe. Mạnh người, người nói, mạnh máy, máy la ào ào. Người ta rán nói lớn hơn máy để cho nhau nghe. Công khiếp sợ, bịt tai ôm đầu lại.

Đó là một hụng người chịu sự im lặng không được. Họ thav rỗng không trong sự yên tĩnh, không biết nghĩ gì hết, nên phải cho máy nó làm ồn để lấp chỗ trống rỗng ấy đi. Không phải họ nghe hát hoài đâu, Công chắc chắn như vậy. Bằng có là có nhiều khi vừa khởi sự cãi lộn, họ vừa lên dây máy hát. Như vậy có phải đè nghe đâu.

*Thét rồi không biết làm sao để thoát nạn, Công định lợi dụng tình thế ấy cho đỡ khò. Anh nghe hát, cố thường thức điệu đàn, câu ca. Nhưng ác một nỗi là nó chỉ hát vọng-cò. Mà vọng-cò là điệu đàn anh ghét nhất. Không phải vì vọng-cò ủy-mị. Không, nó không đủ ủy-mị để anh sợ mà tránh. Nó ngông nghê, lỗ-bích, không nghệ-thuật gì hết.*

*Trời ! bộ họ sống để mà nghe ca vọng-cò sao chớ ! Hết rên tới khóc. Vọng-cò từ trưa tới khuya, từ khuya tới sáng.*

*Kè từ những ngày ấy, Công kết luận hai điều : Bình-dân không biết lịch-sự, bình-dân chưa hiểu nghệ-thuật. Anh còn hoài nghi về lời kết luận thứ nhất. Anh tin như đinh đóng lời kết luận sau.*

*Công sợ nhất bài «Đêm đông». Không phải điệu Đêm đông tuyệt tác của Nguyễn-văn-Thương đâu nhé ! Đó cũng là điệu vọng-cò, mà lời là Đêm đông. Nó khởi sự như thế này : «Đêm đông có tịch dưới ánh trăng mờ, cảnh vật đìu-hiu của tiết trời thu u-ám...»*

*Trời ơi, văn-chương kỳ lạ, đêm đông mà lại có tiết trời thu !*

*Nhưng hình như mỗi lần dĩa ấy bắt đầu rên khóc thì Công nghe ở bên chắt lưỡi khen : Hay ! Hay lắm !*



*Một đêm, sau mấy giờ lỗ tai và bộ gan bị hành hạ, Công vừa thiếp ngủ thì bị tiếng la bài hãi làm anh giật mình choàng dậy. Anh lắng tai nghe rõ thì hiểu hết mọi việc : bà hỏa viếng xóm này. Biết rằng có ngày thế nào nạn này cũng xảy đến, Công không hốt hoảng. Anh vội xách valy quần áo, tất cả giang-sơn của anh, chạy ra ngoài.*

*Lửa cháy cách cẩn anh lối mìnri căn phở. Đờn bà, con nít la khóc inh-ỏi, trong khi đờn ông hè-hụi lo dọn đồ ra. Nhưng không một ai lo chữa lửa hết, không hiểu vì họ không biết tháo-vát, phở mặc cho sở chữa lửa công việc ấy, hay là vì họ thấy chữa cũng vô ích. Nhà khít nhau như là chiến thuyền*

Tao-Tháo trên sông Xích-Bích, lại làm toàn bằng đồ dân hỏa, ai tài nào mà chữa cho được.

Lửa cháy lăn qua hai bên, lăn vô trong sâu. Người ta, từ trong đó chạy ra như kiến. Con nít khóc, đứa bà la, tre, nứa nồ rắc-rắc. Mái nhà cứ nối tiếp nhau mà cháy như sáp. Nhiều căn nhà hình như là có chứa dầu xăng trong chai. Khi lửa bò qua đó thì nghe tiếng nồ, rồi ngọn lửa bùng lên một vài giây.

Gió nghe lửa rù, kéo tới. Lửa gấp gió mừng rõ, càng hung hăng thêm.

Công vừa muốn bỏ va-ly đi khiêng đồ phụ với họ, thì thấy lửa cháy đã gần tới căn anh. Anh đứng nhìn. Thị lửa cháy căn anh cũng như cháy căn khác, có gì đâu lạ. Nhưng anh vẫn muốn xem. Xem coi khi chính căn nhà mình cháy, cảm-tưởng mình ra làm sao.

Anh nghe sau lưng có tiếng đứa bà hỏi :

— Anh đem ra được cái gì ? Tôi ôm quần áo ra hết.

Đó là tiếng chị hát máy. Công sực nhớ lại vụ hát máy, cười thầm :

À, thế thì từ đây mình thoát. Trọn đời nhiệt định không dám ở gần người có máy hát nữa.

Công nghe vui vui vì anh thấy như là đã trả thù được thằng cha đáng ghét. Và không hiểu sao anh cứ tưởng là cái máy thế nào cũng phải cháy, còn cái nhà thì còn, và từ đây anh khỏi bị nghe hát nữa. Rồi anh nghe anh chòng trả lời :

— Tao đem được hết mớ dĩa vọng-cò ra.

— Không dữ hồn, cái máy mắc tiền không lo, đè ôm dĩa !

— À phải, thôi đè tao chạy vô lấy, kia lửa cháy tới kia !

Công rầu lốm, cứ trách sao chị vợ lại khôn quá như vậy.

*Đè cái máy qui ấy cháy cho rồi, có phải đỡ khò xóm giềng không.*

*Bỗng có người la :*

*— Úy trời ôi, cái « bách-xê » của tôi, đè trong hộc tủ.  
Thôi chết tôi rồi !*

*Đó là tiếng của anh ở căn thứ ba, khít vách anh máy hát như tôi. Anh làm cu-li ở đâu đó, hôm rày bị thương nơi chơn, đi không được. Không hiểu làm thế nào mà anh lết ra được nơi đây.*

*Thằng cha hát máy vừa chạy vừa day lại hỏi :*

*— Hộc tủ nào ?*

*— Hộc tủ ở cái bàn nước đó !*

*Công thấy thằng cha hát máy không chạy vô căn phố anh ta, mà lại vô căn anh bỏ quên « bách-xê ».*

*Anh ta ra liền. Nhưng lửa đã cháy tới nửa căn nhà anh. Đêm đó bầm bay túa ra, tre, nửa nồ lõp-bõp. Anh ta do-dự, rồi bỏ đi chậm chạp trở lại chỗ Công đứng.*

*— Nè cái « bách-xê » của anh. Bậy quá, tôi. Io giùm anh nên lấy « giàn hát máy » không kịp !*

*Công nghe vợ nó thở dài :*

*— Buồn quá anh há ! Từ đây làm sao nghe hát được nữa. Sắm sao chờ nồi cái máy khác !*

*Công cũng buồn chết đi. Và anh hết thấy ghét vợ chồng thằng cha đó nữa.*

(NHỒT GIÓ)



## ĂN CƠM CHƯA ?

Hoài-niệm hương hồn một người đẹp Bình-Đương.

Bà sơ rút nhiệt-kẽ ra khỏi nách tôi (1), chăm chú đọc nhiệt-độ, mặt ló vẻ ngạc nhiên như không tin ở điều mà bà đọc thấy. Bà dòm mặt tôi, đoạn đọc lại một lần nữa.

Tôi đang hồi-hộp vì đoán rằng có chuyện không hay thì bà đã nhảy ra khỏi phòng làm cho tôi hốt-hoảng đến cực điểm.

Tôi mặc chứng thương-hàn, sốt mê man mấy tuần nay, vừa tỉnh lại là chứng kiến sự bối-rối của con người áo đen bé loắt choắt ấy, làm tôi ngờ tôi chết đến nơi.

Nhưng gương mặt tươi cười của bác-sĩ Ch. hiện ra nơi khung cửa, giúp tôi an lòng lại ngay. Giờ ấy còn sớm quá, bác-sĩ chắc mới đến nhà thương, chưa kịp mặc áo choàng, còn vận thường phục.

Bà sơ theo sau, nói :

— Hắn không còn nhiệt độ nữa, chắc hắn phải lạnh lắm vì sự thay đổi đột ngột này, tôi cho hắn uống potion de Todd, bác-sĩ nhé !

— Phải đấy.

Đoạn bác-sĩ hỏi tôi :

— Ông nghe thế nào ?

— Như vừa tái sanh, thươn bác-sĩ.

— Tốt ! Mới nghe, tôi hoảng lắm, vì nhiệt độ xuống thành linh, có thể là triệu-chứng của sự chảy máu ruột... nếu ông lén ăn gì !

Tôi cười một cái cười héo-hon của con người sốt liên miên hầm tẩm ngày mà không ăn uống gì cả trong thời-gian đó. Bác-sĩ dặn thêm, trước khi rời buồng tôi :

— Vài hôm nữa là thèm ăn, nhưng phải nhịn, ăn là lủng ruột ngay. Ngoan lên nhé !

---

(1) Lời người kể truyện cho tác-giả nghe.

*Quên nói rõ là tôi mắc bệnh này trước chiến tranh, vào thuở mà loài người chưa tìm ra thuốc trị thương-hàn. Nhà thương cứ đè vây, tiêm thuốc nồng đớ cho trái tim khỏi lụy, rồi ai kháng chêt được thì sống, ai yếu lấm là đi.*

*Như vừa được tái sinh! Tôi nói không quá lố lầm đâu. Vì trùng thương-hàn phá rối sinh lý con người một cách kỳ lạ lầm. Tôi nghe yêu đời ghê hồn và dòm ra sân của nhà thương tỉnh Bình-Dương, (bấy giờ là Thủ-Dầu-Một) tôi thấy khóm bông gừa đẹp lạ lùng.*

*Trưa hôm đó, bác-sĩ Ch. khoe với tôi rằng ở trại bõ-thí III một con đồng binh với tôi cũng vừa khỏi. Ông ta sung sướng về chuyện ấy lấm, vì con binh các trại bõ-thí chết nhiều quá, khiến dân chúng hiều lầm nhà thương bỏ bê người nghèo khó. Sự thật thì sở dĩ số tử ở đó lên cao theo tỷ-lệ vì các con bệnh nghèo thường đè thật nguy kịch mới vào nhà thương và khi vào điều trị không có người nhà theo đê săn sóc, nhà thương chỉ vừa đủ người lo thuốc men thôi. Còn những sự săn sóc (rất cần) phải được người nhà lo lấy mới mong lành binh.*

*Tôi yêu đời, và cố nhiên yêu kẻ đồng binh vừa khỏi cùng một lượt với tôi. Ba hôm sau, được nuôi dưỡng bằng nước xúp và bột Ý, tôi đã chống gậy đi được, và mục-phiêu phiếm du đầu tiên của tôi là trại III.*

*Kẻ đồng binh với tôi là một cô gái Trung-Hoa hai mươi tuổi. Con gái đang thi. cái ngực tất phải no, thế mà tôi trông cô ta xẹp lép như con khô hổ. Cái mền cô ta đắp, như dán sát vào chiếu nhà thương.*

*Người bạn đồng binh với tôi, đi không được như tôi. Trong khi nóng sốt không ăn, người nhà tôi có mua serum glucosé cho bác-sĩ bơm vào tôi, nhờ thế mà tôi không suy lấm. Con binh nghèo này thì khỏi hướng mòn xa-xi-phàm ấy mà nhà thương không săm được vì kém tài-chánh.*

*Tuy nhiên nhìn sơ cô gái, tôi cũng thấy là cô ta đẹp lấm.*

*Hoa tàn kia mà còn mang dấu vết thời tươi thắm thay, hương chi đây chỉ là một đóa hoa thiếu nước lọ trong chõc lát...*

Cứ theo lời người cùng trại với Á-Lìn (1) thì cô ta là một đứa bé « mua ». Chú Xứng-Hinh, chủ tiệm chạp-phô ngoài chợ, năm xưa về thăm quê quán bên Tàu, gặp mùa lụt lội đói kém, đã mua đứa bé ấy ba mươi đồng bạc. Bạc Trung-Hoa với bạc Đông-Dương thuở ấy tương đương giá với nhau, thì các bạn biết con bé ấy rẻ là đường nào !

Chú Xứng-Hinh cũng khá, xem Á-Lìn như con cháu, chờ nhiều thằng khác, nó nuôi những con bé « nước lụt » ấy cho đến thời trồ mã, bắt làm lụng cho bù với số tiền mua, rồi lại hướng luôn chúng nó là khác.

Như chủ nó, Á-Lìn là người Triều-Châu. Phụ-nữ Triều-Châu đè rìa tóc phủ lên trán, xem rất ngây thơ và có duyên. Họ lại đẹp người hơn tất cả các thứ người Trung-Hòa khác. Á-Lìn lại là gái dung nhan có hạng trong thứ người đẹp này, nên tình thương kẻ đồng binh của tôi bỗng nhiên tăng lên gấp bội, vì tôi mới có hăm hai tuổi..

*Nếu như ở ngoài, chắc không bao giờ tôi nghĩ đến chuyện yêu một ả nô-tỳ, cho dầu là nó đang đẹp lồng-lẫy. Nhưng ở đây, nó là con binh, đồng hạng với tất cả mọi con binh khác.*

Một ngày tôi chống gậy xuống trại III đến hai lần; lần nào tới nơi, tôi cũng đứng lại nơi cửa trại để thở dốc một hồi rồi mới vào được.

Á-Lìn đoán biết tình cảm của tôi đối với nó, nên lần nào mắt nó cũng sáng lên khi nghe tiếng gậy của tôi nện cõm-cõp trên gạch.

*Từ năm lên chín mài đến bảy giờ, nghĩa là từ năm bị bán và đưa sang nước « An-Nam », con nô-tỳ này chưa được ai*

---

(1) Nguyên văn viết là Á-Lin, nhưng âm il không có trong tiếng Việt, nên chúng tôi mạn phép tác-giả đổi là in cho dễ đọc, tưởng cũng không hại chi. (B.B.L)

nói ngọt với nó lời nào cả. Bay giờ bỗng nhiên có một dân mặc bi-da-ma riêng lân-la thăm hỏi nó thì làm sao nó không rung rưng lệ cho được.

Mặc dầu chỉ được uống nước cháo với đường hạ, con ở Á-Lìn cứ càng buồm càng hồng hào ra. Con gái đường như có dự trữ trong người những sức mạnh gì nó cứ chực vùng lên, không cần ăn gì cho bò lầm, họ cũng cứ béo tốt ra.

Má Á-Lìn cạn lần lên, trông ngon như hai trái đào ở bảy phủ Triều-châu mà Á-Lìn thường ca tụng với tôi.

Trong Á-Lìn, tôi nghĩ ngay đến những phi-tần bên Tàu ngày xưa, cũng tuyển lựa trong đám dân « nước lụt » như vậy. Thì ra con gái Trung-Hoa ngàn đời vẫn đẹp và vẫn đẽ mà tiếp tế cho các cung tần. Con Á-Lìn sẽ làm bé chú chết già đại phú nào đây, một ngày kia !

Hôm ấy Á-Lìn đã ngồi dậy được, nhưng còn phải ăn cháo hòa với hàm-yūu. Cháo với vị mặn giúp Á-Lìn tươi tỉnh hẳn ra. Nó tiếp tôi bằng một bài hát gì đó tôi không hiểu, nhưng rất thích nghe. Cái giọng mũi của người Triều-Châu, khi hát lên nghe líu-lo rất dễ yêu, nhứt là dễ thương, nghe như là họ khóc cảnh sống lầm than của họ.

Á-Lìn cất nghĩa cho tôi biết rằng bài hát ấy nói đến cái mặt trăng nhỏ nhõ và tròn tròn. Nó mới giải thích tới đó thì người nhà chú Xìng-Hình mang cho nó một gàu-mên cơm. Mắt con Lìn sáng hơn là khi tôi mới vào thăm nó nữa. Tôi hỏi :

— Nhà đem cơm vào từ bao lâu rồi ?

— Ngóá thèm quá, chỉ mới nhăn đem vô lần đầu thôi.

— Lìn không nên ăn cơm vội. Bác-sĩ không có dặn gì hay sao ?

— Bác-sĩ nói tiếng Tây, ngóá đâu có hiểu. Bà sơ biết chút ít tiếng An-nam, dặn đừng cho ăn đồ cứng, ăn thì lùng ruột chết liền !

Á-Lìn nói xong, cười ngặt nghẹo một hơi rồi tiếp :

— Dời thuở nào ăn cơm lại chết. Chỉ có không ăn cơm mới chết thôi !

— Lìn không hiểu, chờ ruột Lìn đã bị vi-trùng làm cho mỏng lấm rồi đó.

Á-Lìn lại cười một dây nữa mà rằng :

— Bị thuốc của thằng Tây làm cho mỏng thì có. Thầy biết sao không ? Hôm nay ông Tây ông chích thuốc cho ngóá chết mà ngóá không chết, nên nay ông bỏ đói cho ngóá chết đó !

Á-Lìn nói rồi vừa kéo gầu-mên cơm lại, vừa nói :

— Ăn cơm với ngừng (gừng) nấu dẩm thì tốt lắm như người An-nam ăn với muối tiêu vậy mà, chết sao được !

Tôi bối rối quá. Hôm ấy có Má Mẹ, người cai quản các bà sơ, ở Sàigòn lên Bình-Dương thanh tra, nên bà Louise bận đón tiếp bà Mẹ Bè Trên ấy, không còn ai cho tôi cầu cứu đè thuyết lý Á-Lìn. Các thầy khán-hô thì đã dặn con bình cũ kiêng xong là nghe tròn phật-sự, không theo dõi họ đè ngăn cản gì nữa. Còn tôi, tôi ngại một điều, mà cũng chẳng khỏi.

Khi tôi giựt lấy gầu-mên cơm, thì Á-Lìn giận dỗi trách :

— Cố lú nói thương ngóá, sao không cho ngóá ăn cơm ?

— Vì thương mới không cho ăn.

Thật thế. Nếu Á-Lìn chỉ là một cô gái xấu xí, tôi cũng không nỡ đè nó tự tử một cách gián tiếp như vậy. Huống chi trong mấy ngày vui mừng tái sanh ấy, tôi lại điên dại mà yêu đứa nô-tỳ này.

Lìn cười gần hỏi :

— Thương gì lại bỏ đói ?

— Vì ăn thì chết ngay.

— Đời thuở nào ăn cơm lại chết. Chỉ có không ăn cơm mới chết thôi !

Á-Lìn lặp lại câu hỏi nãy rồi khóc mùi mẫn.

Thật là em nhỏ, mắt miếng ăn một cái là khóc bù-lu bù-loa. Nhưng không sao, tôi sẽ đỡ em nhỏ thì em nhỏ nín chớ gì. Tôi định bụng như thế, nhưng tôi lầm.

Lần đầu tiên, tôi rờ đến Á-Lìn. Tôi vuốt tóc trán nó và nói rằng :

— Lìn nín đi, rán nhịn, rồi vài bữa khỏi hẳn, tôi sẽ đưa Lìn đi ăn tửu-lầu Triều-Châu Đại-La-Thiên ở Chợ-Lớn, có nhiều món ngon bằng vạn thứ cơm gừng dấm này. Ở Đại-La-Thiên có chè thịt heo nè, có cù-lao nè !

Nhưng Á-Lìn cứ khóc, khóc như mẹ chết không bằng, lâu lắm nó mới nói được trong tăm-tức, tăm-tuổi :

— Ngóá nhớ tía má của ngóá quá ! Tía má ngóá vì không có ăn cơm nên chết. Tía ngóá chết đi được một tháng thì má ngóá bán ngóá cho Xứng-Hinh lấy tiền mua gạo cho mấy em của ngóá ăn. Nhưng cả nhà ăn giỏi lắm được mười ngày, chả rồi cũng chết hết !

Cơm sao lại giết người ? Không cơm mới nguy chớ !

Nghe Á-Lìn nhắc tới nguồn gốc nó, tôi đau xót vô cùng. Cơm là giắc ác mộng của người Trung-Hoa từ mấy ngàn thế-hệ nay, cho đến đổi họ gấp nhau, chào nhau bằng câu : « Ăn cơm chưa ? »

Nhưng làm thế nào cho con bé đại dột nãy hiểu rằng không cơm thì chết đã đành, mà có cơm lầm khi cũng chết.

Và, Á-Lìn không quả quyết ăn vì thèm nữa, mà ăn để trả thù sự chết đói của cả nhà nó thì làm sao mà thuyết lý nó được. Có lẽ nó đang nhìn cơm mà nói thầm : « Ủ, ngày xưa cha mẹ tau không có mày nên chết, bây giờ gấp mày đây, tau

có dung tha đâu ! Tao ăn cho sỗng dai, mặc kệ lũ nó bày diều, đặt chuyện ».

*Biết nói làm sao cũng không xong, tôi xách gầu-mên mà đi ; sau lưng tôi Á-Lìn chưởi rủa om-xóm bằng tiếng Tàu. Nếu nó mà rượt theo được chắc nó mắt mít còn với tôi đè cướp cơm lại.*

Chiều hôm đó tôi trốn luôn, đến sáng ngày sau mới dám chổng gậy qua trại III.

*Á-Lìn vắng mặt trên giường. Thấy tôi ngạc nhiên quanh, một bà lão vừa ho sù sụ vừa nói :*

— Nó chết đêm rồi, thày à. Hồi năm giờ sáng người ta đã khiêng nó xuống nhà xác.

— Trời ơi ! Sao lại chết ?

*Tôi giật chørn mà hỏi câu ngờ-ngần ấy.*

*Người khán-hộ ở đâu sau lưng tôi đáp hộ bà lão :*

— Chảy máu ruột !

— Sao lại chảy máu ruột ?

— Vì ăn.

— Trời ơi !

*Bà lão ho rồi lại nói :*

— Thầy giựt cơm của nó mà trốn đi, thì chiều lại người nhà nó đem cơm vô nứa. Nó ăn xong, tối lại thì kêu đau bụng, vẫn vật tối khuya mới chết.

— Sao bà không mời bác-sĩ gium cho nó ?

— Có, tôi có cho bà sơ hay, bà có kêu thầy dây.

*Bà chỉ vào thầy khán-hộ. Thầy ta lắc đầu thở ra và giải thích :*

— Tôi có tiêm thuốc cho nó, nhưng không gọi bác-sĩ...

— Sao lạ vậy ?

— Vô ích. Chỉ có sang máu mới có một chút xíu hi vọng cứu nó. Nhưng ai sẽ cho máu nó ? Còn thuê người đẽ lấy máu (1) thì tiền đâu ?

Là con trai, tôi không khóc được. Nhưng lòng tôi đã rơi bời như áo mục phơi dưới gió to. Đứng tần ngàn giây lâu, tôi hỏi bà lão :

— Nó có nói gì hay không bà, lúc nó hấp hối ?

— Có. Nó có kêu thầy...

— Kêu tôi ? Có nhảm gì hay không ?

— Nó kêu khóc rằng : « Thầy Hai ơi, té ra quả thật không cơm cũng chết mà ăn cơm cũng chết. Ngóá nghèo dốt, biết đâu ! Trước kia tía má của ngóá nghèo nên không cơm, ngày nay ngóá nghèo nên không biết, hai lần đều chết. Thầy Hai ơi, ở lại mạnh giỏi nhá ! »

Tôi không còn là con trai nữa, nhưng tôi không khóc tiếc thương một cô gái đẹp. Tôi chỉ khóc vì một gia-dình sống không tên không tuổi bị thảm-kịch cơm làm tuyệt chiết còn một mống thôi. Mống ấy trôi dạt đi xa ngàn dặm qua cái xứ có cơm nhiều này mà lại cũng không thoát khỏi thảm-kịch cơm.

Ngày nay, mỗi khi nghe một người Trung - Hoa chào ai : « Ăn cơm chưa ? », tôi bâng-khuâng nhớ lại mối tình yêu đầu và nao-nao buồn mối tình thương đầu của tôi.

(KÝ THÁC)




---

(1) Hồi ấy chưa có ngân-hàng máu như ngày nay.

# Phụ Lục :

Một đoạn văn mà tác-giả ưng ý :

Linh tính báo trước cho chàng một sự chẳng lành. Khi đọc hết trang thư đầu, Ngọc như điên, vội chạy ra cửa, dòm ra ngoài hẻm, rồi lại chạy trở vào, cuống lên như gà mắc đè.

Giây lâu, chợt thấy mình hành động vô lý và vô ích, chàng ngồi phệt lên giường, đọc nốt bức thư... vĩnh biệt của Liên, lòng từng cơn quặn thắt :

*Anh Ngọc yêu quý của em,*

*Hôm qua em đã về nhà lo cho má dọn đi nơi khác, anh không thể nào tìm được nhà mới của em đâu, xin anh đừng cố gắng mất công.*

*Bữa ăn hôm nay là bữa ăn cuối cùng mà em sửa soạn cho anh nên em đè cả thương yêu vào đó. Chỉ tiếc là em vội vàng và phải làm sớm quá, người hết, chắc anh ăn không ngon miệng.*

*Đọc tới đây, chắc anh đã hiểu là em đi luôn. Đi như đi trốn thế này, thật không đẹp chút nào, phải không anh? Nhưng nếu từ biệt anh theo lề, em sẽ không đủ can đảm mà ra đi nữa. Mà em phải đi.*

*Làm sao mà dứt đi được nếu được nghe anh giã từ bằng một lời chân thành, hay được anh vuốt lên tóc một cái nhẹ?*

*Chỉ vì vậy thôi mà em phải trốn. Còn tại làm sao mà em đi luôn? Không, không giống như trong các tiểu-thuyết đâu. Người ta hay hào rồng đã trót dấn thân vào đời mưa gió thì không còn thích quay trở lại nữa. Người ta làm đó, anh à! Không ai tha thiết được làm vợ bằng em.*

*Anh Ngọcơi, thật là hận ngày mà ta đã gặp lại nhau trong một trường hợp không hay... giữa dãy quán cốc bên bờ sông Bảo-Định.*

Còn gì nữa đâu, thiếu-nữ mà anh đã biết dưới bộ mặt nữ sinh trong trắng !

Bấy giờ anh đã bị vỡ mộng, và em chỉ là một kè đáng ghê tởm thôi. Cũng thời một cô gái đó mà trước khi biết sự thật về đời nàng, nàng là người đáng yêu quí, còn sau khi biết, nàng chỉ là một đồng rác thôi. Trời ơi, phàm giá con người không ở nơi tác phong hiện tại, mà còn phải phụ thuộc về dì vắng nữa à ?

Không, đó chỉ là một lời kêu than thôi, chứ không phải là lời trách móc anh đâu, anh Ngọc à. Anh không có lỗi gì cả khi anh ghê tởm em. Hơn thế, anh đã tìm đủ cách, anh đã hi sinh thật nhiều để rửa sạch em cho nó được thơm tho phần nào hẫu cảm em trên tay mà khỏi nghe nhòm tay.

Nhưng em không thể làm được, không còn nuôi được ảo tưởng làm lại cuộc đời, sau cái hôn nữa chừng trong đêm hôm qua của anh. Anh đã hôn em nữa chừng như vậy mấy lần, nhưng em chỉ tủi thân thôi mà không tuyệt vọng như lần chót này vì em chưa được rửa sạch lắm.

Em đã hiểu sự lắng nghe của anh ; anh lắng nghe cái mùi bàn thiêu của mấy năm trước của em. Em đã hiểu cái nhìn xa trong khoảng không của anh : anh bỗng thấy hiện lên dì vắng nho nhỏ của em.

Anh có muốn nhớ đâu và còn cố quên là khác nữa. Nhưng anh không thể quên được. Anh đã mở nút áo của em bằng một bàn tay không phẫn khởi, không tin tưởng vào ý muốn của anh. Anh chỉ miễn cưỡng làm thế vì không thể lùi bước được nữa, một khi bao thử thách đã chấm dứt, không thể lùi bước được nữa, khi mà anh vừa đồng ý với em rằng đêm đó phải là đêm tân hôn của ta, không lùi bước được nữa, sau cái hôn đầu tiên có giá trị như là ký kết hôn thú với nhau.

Anh Ngọc yêu quí của em ơi, em đã bị đánh dấu như bò ở các sở cao-su. Thuở em còn bé, ở tỉnh nhà Bình-Dương, có rất nhiều sở cao-su. Các sở ấy nuôi bò hàng ngàn con, sợ trộm, chủ sở đánh dấu lên da bò bằng sắt nung đỏ.

Bò mang dấu hiệu của các sở, không còn ai dám chửa nữa,  
trừ phi hạ chúng mà ăn thịt thì không kè.

Dấu hiệu đánh lên người em tuy vô hình nhưng vẫn được tạc  
sâu, không bao giờ phai cà đối với những người biết được cuộc  
đời qua của em.

Anh Ngọc ơi, anh là một người thơm phèc mùi đạo đức, một  
người mà lòng và hồn trong veo riu nước suối, hơn thế là người  
dày công xây dựng em thì em còn lòng dạ nào bắt anh phải thỉnh  
thoảng nhởm em một lần khi mà dấu sắt mang trên da bò thoảng  
hiện ra trước mắt anh.

Đè không phụ lòng anh, em sẽ cõi sống một đời lương thiện  
và em sẽ lấy chồng, lấy những người không biết gì hết về mây năm  
qua của em.

Sự mù quáng sẽ cho họ hưởng hạnh-phúc thật với em mà anh  
không bao giờ hưởng được.

Anh Ngọc ơi, trong đời tăm tối của anh, anh đã làm được một  
việc phi thường là xây dựng một cô gái giang hồ. Nhưng rồi anh  
sẽ chết không tên không tuổi với cái việc phi thường nhưng nặc danh  
ấy.

Ít ra em cũng phải thay mặt mọi người mà đáp ơn anh bằng  
cách không làm vợ của anh. Em làm vợ của anh thì cái kỳ công  
oanh-liệt của anh sẽ bị chôn trong hạnh-phúc của em vì em sẽ có  
lợi và giấu nhẹm kỳ công đó.

Em ra đi, tức là ngoài xã-hội có một người không phải là vợ  
anh, biết rõ bí mật anh hùng của đời anh.

Ít ra, trận chiến âm thầm mà anh đã tuùn tháng phải được một  
người nào, ngoài anh ra, biết đến.

Nhưng mà, anh ơi, phải thú thật rằng chung quí cũng chỉ vì  
em ích kỷ thôi. Em muốn được yêu nhiều, yêu trọn vẹn, yêu bằng  
một thứ tình không vẫn dục vì mó kỷ-niệm không hay nào cả.

*Anh quâ dã thật tình yêu em cho đến cả lúc anh bắt chởt em  
đang là loi với khách. Nhưng đó là dư vang của tình yêu cũ mà  
anh nuôi nấng mãi trong những ngày em biệt tích.*

*Gặp lại nhau trong trường-hợp bắt lợi cho em, anh thương hại  
và quyết cứu em chỉ vì lòng thương xót. Quả anh mong sẽ quên và  
sẽ yêu em, nhưng rõ ràng là không được nữa rồi. Cái hôn trở nên  
ngượng ngập ở nữa phần sau của đêm rồi, hùng biện quá, ta không  
thè dõi lòng ta được nữa.*

*Anh Ngọc ơi, bây giờ em mới thấy được tất cả khó khăn của  
việc hoàn lương, và em chỉ có một con đường duy nhất là trốn đi  
thật xa đè gặp những đàn ông mù tịt về dì vãng của em thôi.*

*Một món vật dụng rơi trong bùn, có ai vớt sắn rửa sạch rồi trao  
cho anh, chắc anh sẽ tin dụng. Nhưng nếu chính tay anh vớt nó, rửa  
rát nó, thì anh cứ nghe nhὸm nhὸm mãi, phải không anh? Không,  
anh đừng chối cãi. Cảm giác ghê tởm ấy ai cũng có, không riêng gì  
anh, và rất chánh đáng.*

*Tùi thân ôi!*

*Anh Ngọc à, em tin chắc rằng anh sẽ qua được một cách yên  
lành những ngày buồn sau buồm em ra đi, vì anh thực tế, lại mạnh  
ở cá tính. Vì vậy mà em an dặn xa anh.*

*Nhưng anh Ngọc ơi, làm sao mà khỏi ngậm-ngùi khi thỉnh  
hoảng nhớ đến anh, trong những đêm mưa dài, những chiều sương  
phủ?*

*Ngọc đặt bức thư đọc chừa xong lên đùi chàng rồi ôm đầu  
má rưng rưng lệ.*

*Người mình yêu, bỏ mình đi thì mình đau khổ, nhưng quên  
được, chí như con người đã yêu mình mà không dám yêu, chạy  
trốn trong luyến tiếc, sao mà ngậm-ngùi quá, không biết đến  
bao giờ mới nguôi được cho.*

*Bỗng Ngọc ngẩng lên ;. dáo dác nghe ngóng. Hình như là  
Liên còn lẩn quẩn đâu đây, đang làm cơm dưới bếp hay đang  
quét dọn ở buồng ngoài.*

— Liên ơi ! Liên !

Chàng gọi to lên, rồi ào ành của Liên đang lung linh trong không trung bỗng mờ tan lẩn lẩn...

Lâu lắm, Ngọc cúi xuống đọc tiếp đoạn thơ cuối cùng:

*« Thôi anh Ngọc nhé, vĩnh biệt ! Anh nên nhớ cho rằng trong đời em, em đã yêu anh. Bấy nhiêu đó thật là ít ỏi đối với bao nhiêu công của anh, nhưng em chắc cũng tạm đủ cho anh là người không đòi hỏi một cuộc trả ơn cân xứng.*

*Em yêu anh, em yêu anh nhiều, nhớ anh mãi cho đến lúc bạc đầu. Ngày sau có con trai, em sẽ đặt tên nó là Ngọc và sẽ cố gắng cho nó ăn học đẽ nó làm được cái nghề cao quý của anh.*

Ký tên

LIÊN

Tái bút: Hai tấm giấy của hiệu giặt úi, em đè trong quyển tiểu-thuyết « Một chuyến đi ».

Anh nhớ, thiểm hai quán nước đá còn thiếu ta — à không, thiếu anh — xót d. tiền thõi.

Nước mắt Ngọc đã ràn rụa khi đọc đoạn tái bút này.

— Liên ơi ! Liên !

Chàng lắng nghe một tiếng dạ, như là vắng vắng đâu đây, xa, xa lắm.

Ngọc đứng lên, nhìn quanh căn phố xέp. Cô đơn tràn ngập nơi đây, cô đơn tràn ngập lòng chàng... Chàng vừa từ trong một giấc mơ kỳ thú và triền miên kéo dài đến năm sáu tháng, trở về với cái quạnh-hiu của đời chàng. Chàng vừa thoát vỏ một anh-hùng vô danh, trở lại đời sống trầm trầm của một ông giáo khuôn mẫu...

( NHẸN CHỜ MÒI AI, TẬP II )

Bài thơ « yêu mến nhút » của tác-giả :

### DÂNG MÁ THƯƠNG (1)

*Từ đây thời-gian dậy tiếng ru :*

*« Ủ... ơ » lời má, giọng trầm phù.*

*Má ơi, hồn dắt bao năm thiếp*

*Bỗng chốc trưa nay vắng, tít mù...*

*Kéo-kẹt xà nhè, tiếng vông đưa*

*Đâu đây đồng vọng cõi xa xưa :*

*Thò-ngơi thơm phức ; hồn ma cũ.*

*Lòng rộn vui mà mắt lệ mờ.*

*Ngày qua, năm tháng cứ trôi xuôi,*

*Một phút nhớ xưa thoắt ngậm-ngùi.*

*Những ngõ lùa tàn trên bếp lạnh,*

*Hay đâu than ngùn dưới tro vùi.*

*« Ngược dòng năm tháng » mấy trang này*

*Những áng tuyêt xưa (2) gợi lại đây.*

*Gởi cả muôn thương cùng vạn nhớ*

*Tân-Uyên, đất má, thảm voi đầy ! (3)*

(Lái-Thiệu, 1950)

(1) Bài thơ này (đã đăng tạp-chí Bách-Khoa) dùng làm Tựa cho tập sưu-khảo *Thò-ngơi Đồng-Nai*, nhưng cũng được cho vào tập « *Thơ tay trái* » gồm chừng 40 bài thơ ngắn, chưa xuất bản. (*Lời chú của Bình-nghuyên-Lộc*).

(2) Mượn ý một câu thơ của thi-sĩ Pháp François Villon : *Mais où sont les neiges d'antan ?*

(3) Huyện Tân-Uyên bị tiêu thô trong một vòng bán kính 10 cây số, kể từ trung tâm huyện-lỵ. (*Lời chú của B. N. Lộc*).

• Nhận xét: Rất tiếc trong đoạn ba; chữ thứ 3 câu thứ 2 lại là một tiếng trắc (nhớ); tuy không thát luật vì được phép (nhất, tam, ngũ bất luân), nhưng lệ bất luân cũng có hạn chế, như trong thể thơ thát ngôn chữ thứ 3 các câu chẵn và chữ thứ 5 các câu lẻ bằng mà đối ra trắc là khồ độc.

Trong đoạn chót, chữ « tuyết » ở câu thứ hai cũng mắc một lỗi như chữ « nhớ » ở đoạn trên, lại thêm chữ áng dùng hơi ép vì người ta quen nói « áng thơ », « áng văn » chứ không nói « áng tuyết ». Thiền nghĩ có thể sửa là « Sương tuyết thời xưa... » nghe tạm xuôi hơn. Bình quân nghĩ sao ?

(B. B. L.).

Một truyện dài (bằng văn văn) mà tác-giả « rất thương » :

### THƠ BA MÉN (1)

(Trích một đoạn)

*KHAI TỪ :*

#### Trên bến Ông Lãnh

*Lạnh thăm lòng, mưa mai lác đác,  
Quán bên hè, uống tách cà-phê.  
Nhìn ghe, bỗng chạnh tình quê,  
Rưng rưng nước mắt : tư bè người dưng.*

*Bến Ông Lãnh màn mưa bao phủ,  
Ghe thương hờ ủ-rũ dưới kia.  
Gheơi, vài bữa ghe về,  
Nhắn người dưới ruộng, cô Quì còn không ?*

(1) « Tôi không từng làm thơ. Nhận một buổi mắc mưa tại chợ Ông Lãnh, nghe một người mù đờn độc-huyền đưa hơi theo lời « nói » thơ của anh, cảm thấy rõ rệt sức quyền rũ của thơ bình dân, tôi mới này ra ý viết tập truyện dài này.

Tôi không đặt cho tiêu-thuyết này một cái tên kêu như « Gái thời loạn », chẳng hạn, vì tôi thấy cái tựa trên đây thiệt thà, hợp với hình-thức truyện này hơn. Cũng nên nói rõ để các bạn miền Bắc biết rằng danh-từ « thơ » trong Nam cũng có nghĩa là tiêu-thuyết dài bằng văn văn. Thi-dụ : Thơ Chàng Nhái, Thơ Nàng Ưt, Thơ Sáu Trọng, Thơ Lục Văn-Tiên, v.v...

« Tôi không có tham vọng viết một áng thơ tuyệt tác về hình-thức như Kiều. Tránh cho thơ bình dân khỏi bị hạ thấp xuống bực vè, tránh những hoang đường cũ, thay vào đó những ý tưởng mới của thời-đại, đó là tất cả mong mỏi của tôi. » (Lời chú của Bình-nguyễn-Lộc ở đầu tập *Thơ Ba Mén*).

• Nhận xét : Mặc dầu có đối văn gượng ép như *ngút* với *tách* (đoạn 5), lạc với *nói* (đoạn 6) phần khai từ này — theo thiền ý — tương đối trội hơn cả trong tập *Thơ Ba Mén*, nhất là hai đoạn 2 và 3 vừa tả cảnh vừa gợi tình, cảm hoài man mác. Nếu toàn truyện được như, hay suýt soát như hai đoạn đó thì *Thơ Ba Mén* quả là một thi-phẩm, không chỉ riêng tác-giả rất thương, mà tất cả chúng ta cũng đều « rất thương » vậy.

(B.B.L.)

*Mùi đất nước ruộng bùn phảng-phất,  
Nhớ cõi hương ngây-ngất lòng sầu.  
Năm năm, bao cuộc bèn đâu ?  
Phút giây ôn lại như hồn hôm qua.*

*Bàn bên cạnh; một ông bới tóc,  
Liếc sang mình đang khác trộm thăm.  
Đoán mình là kẻ đồng tâm,  
Lân-la nói chuyện. Mưa dầm cứ rơi !*

*Cà-phê nóng lên hơi nghi-ngút,  
Lò than hồng lách-tách nồ ran.  
Nghe người kè chuyện xóm làng,  
Coi lòng ấm dịu, bàng-hoàng, bâng-khuâng.*

*Viết lại đây màu đời loạn lạc,  
Thương những người chìm nồi, đầy voi.  
Thơ quê khôn tả hết lời,  
Đè ghi dấu vết một thời chiến tranh...*

(Truyện này dài chừng 2000 câu,  
đã đăng báo DUY TÂN năm 1954).





QUÁCH - TÂN

THÚ BÚT VÀ CHỮ KÝ :

Thinh chiu anh  
vay hoac - mong trieu  
giap anh o' nha tang  
anh hung cu - vay  
la - han thien mon voi  
tai - vao mua tet mon  
may hai anh cung  
ra nha tang de lai  
Truc tiep:

J. Adam



# QUÁCH-TẤN

Hiệu : TRƯỜNG-XUYÊN. Tự : ĐĂNG-ĐẠO. Sinh ngày 23 tháng 11 năm Kỷ-dậu (4-1-1910) tại thôn Trường-định, quận Bình-khê, tỉnh Bình-định.

Người Minh-hương, gốc ở Phúc-Kiến (lò tiên sang cư ngũ ở Việt-Nam từ đời chúa Nguyễn).

Lúc nhỏ học chữ Hán. Năm 12 tuổi mới bắt đầu học chữ quốc-ngữ và chữ Pháp. Đậu bằng Cao-đẳng tiều-học tại Qui-nhơn năm 1929. Vì cha mẹ mất sớm, phải xin đi làm việc lòa sứ để nuôi hai người em thơ.

Tập làm thơ từ lúc còn đi học. Sau ra đời tự học lấy và năm 1932 nhờ Tân-Đà dùn dắt và Phan Sào-Nam khích lệ, nên mạnh dạn bước vào làng thơ.

Thơ thường đăng An-Nam tạp-chí, Phụ-nữ tân-văn, Tiếng dân, Tiều-thuyết thứ bảy.

Đã xuất bản : Một tấm lòng (thơ, 1939) ; Mùa cô-điển (thơ, 1941) ; Trăng ma lầu Việt (viết phỏng theo Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn-Dữ, 1944).



**N**HỞ cuốn *Thi-nhân Việt-Nam* của Hoài-Thanh và Hoài-Chân (xuất bản năm 1942), tôi được thường thức thơ của một số khá nhiều nhà thơ mà tôi chưa quen biết, trong đó có Quách-Tấn.

Ở nhà thơ này, có hai điều khiến ta chú ý : một là giữa lúc thơ mới đang đắc thời và bành trướng mạnh, họ Quách vẫn

trung thành với lối thơ xưa ; hai là đang hồi thơ cũ tàn tạ, thu mình trong phạm-vi thù tạc nhỏ hẹp và sáo rỗng, thơ họ Quách vẫn giữ được phong độ của lối thơ này lúc thịnh thời.

Vì thế, giữa những vần thơ hùng tráng của Huy-Thông, điêu luyện của Thế-Lữ, trang nhã của Huy-Cận, mới mè duyên dáng của Xuân-Diệu... những vần thơ luật của Quách-Tấn tuy có vẻ khiêm tốn nhưng không bị lu mờ.

Ta có cảm tưởng như bắt gặp một bộ nam-phục khăn đóng áo dài giữa đám âu-trang gọn gàng đủ màu đủ vẻ. Ta không thấy chướng mà lại có cảm tình, vì người vận nam-phục ấy lúc nào cũng tỏ ra khiêm nhượng dịu-dàng như nếp sống xưa êm-dềm nhỏ nhẹ.

Bởi vậy, tôi đã chăm chú thường thức thơ họ Quách qua lời giới-thiệu của Hoài-Thanh và mường tượng như mình đang ở trong khung cảnh vàng son của thời Đường, Tống. Và tôi khó quên được cảnh « Chiều xuân » với :

*Chim mang vè tờ bóng hoàng hôn,  
Vàng lừng-lơ non biếc đọng cồn.  
Cành gió hương xao hoa tì muội,  
Đồi sương sóng lượn cỏ hương tồn...*

và cảnh êm đẹp của một « đêm tình » có nhạc, có thơ, có cả người đẹp nương song gởi tình theo mây xa mà rưng rưng mắt lệ :

*Giấc thăm tình duyên non gối nước,  
Màn sương đè lọt ánh sao băng.  
Hồn hoa chợp mộng thơm hồn gió,  
Tóc liễu dừng thơ đón tóc trăng.  
Muôn diệu tư lòng run sê sê,  
Nửa vời sóng nhạc dợn lâng lâng.  
Phòng hương thương kẽ ngõi nương triện,  
Tình gởi mây xa lệ ngập-ngừng.*

Thơ ngâm xong mà dư âm còn văng vẳng nhờ âm hưởng của mấy phù bình thanh đồng âm *hương, thương, nương* như « sóng nhạc lâng lâng dợn nứa vời ».

Tôi cảm thông cái buồn « *trơ trọi* » của tác-giả, vì chính tôi cũng đã hơn một lần ở trong cảnh ngộ như anh :

*Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ,  
Bao nhiêu khăng-khit bấy o-hờ !  
Sầu mong theo lệ khôn rời lệ,  
Nhớ gởi vào thơ nghĩ tội thơ !...*

Nhưng bài khiến tôi chú ý hơn hết là bài « *Đêm thu nghe qua kêu* » :

*Từ Ô-Y hạng rù-rê sang,  
Bóng lẩn đêm thâu tiếng rộn-ràng.  
Trời bên Phong-Kiều sương thấp-thoáng,  
Thu sông Xích-Bích nguyệt mờ-màng.  
Bồn-chồn thương kè nương song bạc,  
Lạnh-lẽo sầu ai rụng giึง vàng.  
Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,  
Tình hoang-mang gợi từ hoang-mang.*

Mặc dầu điền « ô y » dùng hơi gượng ép, tôi vẫn thích bài thơ này vì ý cô, lời đẹp và gợi cảm nhiều (nhất là bốn câu giữa).

Câu phá đề làm ta nghĩ ngay đến thơ Lưu Vũ-Tích đời Đường :

*Chu-Tước kiều biên đã thảo hoa,  
Ô-Y hạng khàn tịch dương tà...*

Hai câu thực thi câu 3 nhắc đến bài thơ tuyệt tác « *Phong-kiều dạ bạc* » của Trương-Kế :

*Nguyệt lạc ô dề sương mân thiên,  
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.  
Cô-Tô thành ngoại Hán-sơn iự,  
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*

Câu 4 gợi ra cảnh Tô Đông-Pha thả thuyền trên sông Xích-Bích một đêm mùa thu năm Nhâm-tuất (1) « nhẹ-nhàng như cưỡi gió đi trên không ». Rồi những lời văn tuyệt diệu của họ Tô trong bài phú Tiễn Xích-Bích như văng vẳng bên tai ta :

« *Thanh phong từ lai, thủy ba bắt hưng,... bạch lô hoành giang, thủy quang tiếp thiên.... Ư thị àm từu lạc thậm, khẩu huyền nhi ca chi :*

*Quế trạo hè lan hương,  
Kích không minh hè tố lưu quang.  
Diều diều hè dư hoài,  
Vọng mĩ-nhàn hè thiên nhất phương.*

Và ta bùi-ngùi nghĩ tiếp đến đoạn văn họ Tô tả Tào-Tháo đặc ý cầm ngang ngọn giáo ngâm thơ quạ bay :

« *Nguyệt minh tinh hi, ô thước nam phi, thử phi Tào Mạnh-Đức chi thi hồ ?... Phương kỳ phá Kinh-châu, hạ Giang-lăng, thuận lưu nhi đông dã, trực lô thiên lý, tinh kỳ tệ không, sái từu lâm giang, hoành sáo phú thi, cố nhất thế chi hùng dã, nhi kim an tại tai ?...» (2)*

Hai câu luận lời thật chuốt và hay, nhất là câu 6 bóng bẩy và gợi cảm hơn cả câu :

*Giêng vàng đã rụng một vài lá ngô.*

của Nguyễn-Du, vì câu này chỉ tả cảnh ; còn câu :

*Lạnh-lẽo sầu ai rụng giêng vàng.*

của Quách-Tần vừa tả cảnh lại vừa tả tình và cảnh tình hòa hợp rất khéo đã cụ-thề hóa được cái « sầu » trừu-tượng trong chiếc lá vàng rơi.

(1) Tức năm 1082.

(2) Sau này khi đã quen biết Quách-Tần, tôi được anh cho biết khi sáng tác bài thơ này chính anh cũng đã nghĩ nhiều đèn những thơ văn và điển-tích vừa kể.

Có mấy chục chữ mà gợi được bấy nhiêu tình cảm, tưởng chỉ có thơ Đường-luật mới súc-tích được như vậy. Ấu cũng là một ưu-diềm của lối thơ này.

Trên đây là cảm nghĩ của tôi về thơ Quách-Tấn (trích trong tập *Mùa cò điền*) khi đọc quyển *Thi-nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh và Hoài-Chân.

..

Gần đây, tôi được Quách-quân gửi cho xem hầu hết thi-phàm của anh đã và chưa xuất bản, gồm có : *Một tâm lòng*, *Mùa cò điền*, *Đong bóng chiêu* và một số bài trong *Mộng Ngân-Sơn*.

Và đây là nhận xét — đầy đủ hơn — của tôi về thơ Quách-Tấn.

Xin bắt đầu bằng *Một tâm lòng*, thi-phàm đầu tay của họ Quách.

Vìра mở tập thơ, ta gấp ngay bài *Tựa* của Tân-Đà. Không văn hoa, Tân-Đà án cần giới-thiệu thơ Quách-Tấn : «... Như ông, kè là một người trong tân-học, mà thơ ông thời phẫn nhiều làm theo thè Đường-luật, nhất là những thơ tả cảnh có nhiều vẻ hùng hậu, u àn, nhã chí, tinh công... Thơ ông Quách-Tấn rất là có công phu, nếu không nhận kỹ chô dụng công, thời không thấy bòn sắc của tác-giả »

Lật xem cuối sách, ta được đọc lời *Bạt* của Hàn-Mặc-Tử. Bằng những lời cầu kỳ, văn hoa hơn nhà thơ tiền bối, Hàn viết : « Chàng là thi-nhân. Chàng đã đem cả linh-hồn giàu sang, cả lòng vàng ngọc ra mua một đêm sương mù ở Đà-lạt, hay là mua trum cà suối Cam-ly... »

*Hỏi chàng mua để làm chi, hỏi chàng? Chàng vỗ tay cười hả hà:*

— Ta mua, ôi đên cuồng! tất cả hoa đẹp của nước Nam ta, đem về trồng vào trang sảnh để đèn đèn ra hương, để giữ mãi với muôn đời mùi thơm bút diệt. »

Nghe giới-thiệu đã đủ, giờ ta hãy lắng nghe tiếng lòng của nhà thơ họ Quách. Tôi nói «lắng nghe» vì những tiếng lòng ở đây nhỏ nhẹ lắm, dù vui buồn, tiếc nhớ hay đau thương. Và người thơ thì lúc nào cũng tỏ ra nhẹ-nhàng, mực thước chừng đâu có «vỗ tay cười hì hì» hay kêu hét điên cuồng như Hàn-Mặc-Tử vẫn thường làm và đã gán cho «chàng».

Trong *Một tâm lòng*, tôi đã lượm được khá nhiều câu thơ tả cảnh, tả tình có giá trị, như:

*Khăng-khit thớt em nương thớt chị,  
Vững-vàng hòn cháu đỡ hòn ông.*

(Chơi Hòn-Chóng cầm đê)

*Ghenh đá nước tuôn màu bạc ánh,  
Rừng thông ác rọi chỉ vàng thêu.*

(Cảnh Cam-Lý)

*Bóng huỳnh đưa lối chân dè đặt,  
Tiếng mõ cầm canh ý ngại ngùng.*

(Cảnh khuya đậm trường)

*Hỏa-xa còi thét báo bình-minh,  
Vùng dậy người yêu đã trốn mình.  
Thôi, rửa là xong tình một tối,  
Ừ, ri thêm rảnh nợ ba sinh !*

(Thôi rửa là xong)

Những tiếng địa-phương *rửa*, *ri* khéo dùng làm cho câu thơ có một cái duyên riêng khiến ta dễ mến.

*Xum-xuê nắng hạ phơi cảnh biếc,  
Xao-xác mưa thu trút lá vàng.  
Đông tới chồi non ra lấm-tắm,  
Xuân về hoa thảm nở xuê-xoang.*

(Vịnh cây hồng-mai ở Đà-lạt)

*Một thầy một tờ chôn thư-trai,  
Bàn bạc cảnh khuya chuyện vẫn dài.*

*Hiu-hắt kẽ mành cơn gió lọt,  
Giật mình chạnh tướng vách nghiêng tai.  
(Giật mình chạnh tướng)*

Và hai bài lục bát sau đây phảng-phất giọng thơ Tân-Đà :

*Yêu nhau chằng dặng gần nhau,  
Đè thương, đè nhớ, đè sầu cho ai ?  
Thương ta, ta lại thương người,  
Ta thương người gấp mười người thương ta.  
Nhớ người, người những nhớ ta,  
Nhớ ta, ta nhớ bằng ba bảy người.  
Sầu tay khôn tả nên lời,  
Lòng ta người biết, dạ người ta hay.  
Cùng nhau tình nặng nghĩa dày,  
Xa nhau âu cũng có ngày gần nhau.*

(Trà lời ai)

*Người đâu sắc-sảo mặn-mà,  
Ấy người Vu-giáp hay là Đào-nguyên ?  
Má hồng đượm vẻ thiên-nhiên,  
Không sầu, không cảm, không duyên, không tình.  
Sự đời ngoảnh mặt làm thinh,  
Rộn-ràng ngựa trắng chó xanh mặc dấu.  
Trăm năm ai nấy bạc đầu,  
Nghìn năm ai vẫn một màu xuân xanh.*

(Đé tranh mỹ-nhân)

Ngoài ra, còn mấy bài «Đá vọng phu» và «Đà-lạt đêm sương»(i) với những câu thơ thật hay như :

*Lụy nhớ mưa ngàn tuôn nướp nướp,  
Tóc thề mây núi bạc phơ phơ.*

(Đá vọng phu)

(i) Xin coi trọn bài trong phần *Thi tuyển*.

*Một luồng sương bạc bồng từ mô  
Lèn cuốn vùng trăng cuốn mặt hồ,  
Cuốn cả non sao bờ suối ngọc :  
Người lơ-lửng đứng giữa hư vô.*

(Đỗ-Lạt đêm sương)

Tuy nhiên *Một tấm lòng* không phải là không có khuyết điểm. Khuyết điểm dễ nhận thấy nhất là ở những bài thơ họa (họa vận thơ Hàn-Mặc-Tử...). Người làm bài xướng ít nhiều có cảm-xúc thật trước một cảnh, tình nào nên thơ thường dễ hay ; trái lại người họa — trừ ít trường-hợp đặc biệt — thường chỉ dựa theo bài xướng mà lựa ý gò vần nên dễ rơi vào sáo rỗng. Đó là nhược điểm chung của lối thơ họa vận.

Vì thế, ta không lạ khi đọc những vần thơ gượng gạo của Quách-Tấn họa thơ Hàn - Mặc - Tử. Xin đơn cử một thí-dụ để chứng minh :

Trong bài « Canh khuaya không ngủ », Hàn-Mặc-Tử viết :

*Khóc giùm thân thể hoa rơi lệ,  
Buồn giúp công danh dễ dạo đàn.  
Chỗi dậy nôm na vài điệu cũ,  
Năm canh tâm-sự vẫn chưa tàn.*

Đọc mấy câu này, ta thấy ngay tác-giả có một tâm-sự u buồn : buồn cho thân thể, buồn về công danh nên thức trắng năm canh mà vẫn « chưa tàn tâm-sự ».

Trái lại, những vần thơ họa không nói lén được một tình cảm hay xúc động gì thành-thực và lời thơ thì hoặc sáo hoặc non. Ta hãy đọc :

*Te-te điểm cỏ canh gà giục,  
Phết-phết mành tương ngon gió đàn.  
Hứng cảnh lòng thơ thanh-thanh nhẹ,  
Ưng cùm canh lại chàng cho tàn.*

Những chữ «điểm cò canh gà», «mành tương gió đàn» thật là sáo. Hơn nữa, câu :

*Phết-phết mành tương ngọn gió đàn.*

lại giống hệt — nhưng non hơn — câu :

*Mành tương phết-phết gió đàn.*

của Nguyễn-Du.

Ngoài ra, còn ít nhiều câu khác nữa đã làm cho người đọc mất thú phần nào hoặc vì sáo rỗng hoặc vì dễ dãi tầm thường, như :

*Nguyễn đang tuổi trời cao mãi mãi,  
Non sông rỗng rãi bước nhàn du.*

(Họa thơ Phan-bá-Vỹ)

*Duyên nợ chỉ chi rửa hối mà ?  
Se tờ chàng lựa ngắn trăng già !*

(Họa thơ Hàn-Mặc-Tử)

*Trẻ dại dừng bày đêm bò đìa,  
Đám khùng cắn phải khó kêu reu.*

(Vịnh con cóc)

*Sông được bùa nào vui bùa nấy,  
Hơi đâu ngồi nghĩ chuyện đâu đâu.*

(Trong vắt dòng thu)

Trong *Mùa cò diền*, tư-tưởng của tác-giả có phần chín chắn hơn, lời thơ cũng già giặn hơn. Và cảm nghĩ của tôi giờ đây về thơ Quách-quân vẫn nguyên vẹn như lúc ban đầu khi mới được thường thức một số bài trích trong *Mùa cò diền* do Hoài-Thanh lựa chọn.

Sau đây, xin tặng bạn đọc ít bông hoa quý nữa mà tôi đã hái được khi vào thăm vườn thơ «mùa cò diền» đang lúc thịnh khai :

*Sóng mài nghiền biến ngòi non chấm,  
Gió trại tờ mây chử nhạn đẽ.*

(Thơ vè)

*Bạn khắp non sông mà vắng vẻ,  
Tình trong gang tấc vẫn xa xôi.*

(Dưới liều chờ xuân)

*Gió vàng cợt sóng sòng chau mặt,  
Mây trắng vờn cây núi bạc đầu.  
Điu-dặt tiếng ve còn vắng đầy,  
Vội-vàng cánh nhạn rủ về đâu ?*

(Cầm thu)

*Lá thương nhánh nặng bay hau hết,  
Trời sơ non cõi nhích xuống gần.*

(Trời đông)

*Thơ đậm mực lạnh thương khôn nén,  
Nến xót tình chi lệ chẳng khô.*

(Một đêm thu)

*Có tơ ai nhớ công tăm khò,  
Không mặt dành chê kiếp bướm nhàn.*

(Lè điệu)

*Nhớ chập-chồng non mây sớm tối,  
Tình lai-láng biến nircorc đầy vời.*

(Nhắn ai)

*Thuyền ai neo nguyệt bến Sông Ngân ?*

• • • • • • • •

*Muôn dặm gió về say lão-dào,  
Cành hương chợt tình ngát hương-lan.*

(Đêm mơ)

*Sông trăm năm đó chơi cho thú,  
Chết một lần thôi sợ quái gì !*

(Ông thích chi ?)

*Máu xương chiến đấu thương đà lầm,  
Nanh vuốt xâm lăng giận chửa trừ.  
Vườn cũ tà-tội trời thăng chạp,  
Đường quê khấp-khèn nguyệt canh tư...*

(Lại tàn cư)

*Chich nhánh ủ-e chiều liễu yếu,  
Khóc măng quắn-quai bóng tre cao.*

(Khóc bạn)

*Biết rằng tội ấy, rằng công ấy ?  
Miễn khỏi cầu ai, khỏi lụy ai.  
Tình bạn nước non canh đỡ-vũ,  
Đời riêng thơ mong gác liêu-trai.*

(Vườn quê)

*Lặng-lẽ mây trôi làn viễn vọng,  
Ngập-ngừng sương ứa giọt hoàng hôn.  
Trăng non một mảnh tình lưu luyến,  
Người có như trăng khuyết đè tròn ?*

(Trời chiều)

*Gió dồn mặt sóng hơi thu lạnh,  
Buồm cuộn theo mây ánh nắng vàng.*

(Bên sông)

*Bóng đậu đã xế mai đầu xanh,  
Mà việc chi chỉ cũng chửa thành !  
Tình nghĩa thoáng qua cơn huyền mong,  
Văn-chương rời lại chút hư danh !*

(Xi-xóa)

Nhưng bên những bông hoa đẹp hoặc vì sắc hoặc vì hương  
ấy, còn có ít bông tầm thường cả về hương lẫn sắc, như :

*Người hỏi : Bình sinh ông thích chi ?  
--- Hoa thơm, gái lịch với thơ hay.  
(Ông thích chi ?)*

*Mộng phiền-ba tinh hồn phẫn-điệp,  
Điềm thái-hòa ứng giọng hoàng-ly.*

(Tân xuân)

Đọc những vần thơ này, ta có cảm tưởng như nghe phái những cung đàn lạc điệu.

Ngoài hai tập thơ đã xuất bản mà tôi vừa giới-thiệu với bạn đọc, Quách-quân còn có nhã ý gửi cho tôi xem những thơ chưa xuất bản của anh gồm có tập *Đặng bóng chiều* và một số bài trong tập *Mộng Ngân-Sơn*.

*Đặng bóng chiều* đã làm xong. *Mộng Ngân-Sơn* còn dang dở.

Tập trên (trước định lấy tên là Lá Mā-tiền) là một tập thơ thắt ngôn tú tuyệt. Tập dưới gồm toàn thơ ngũ ngôn.

Cả hai đều có ít nhiều vần thơ đẹp, như :

*Tơ vàng há vị lá dầu xanh,  
Rút ruột mình ra buộc lây mình...*

(Làm kén)

*Lặng-lẽ cây sương trở gió ngàn,  
Trăng tà đôi giọt rụng lan-can.  
Chùa xa riêng cảm đêm thu quạnh,  
Vần kệ ngân đưa giấc mộng tàn.*

(Giao cảm)

*Gió bạt mành tương chiếc lá rơi,  
Lửa hương lư phụng vẫn nồng hơi...  
Đêm đông ai bảo đêm dài lắm ?  
Mộng mới gần nhau đã sáng trời !*

(Chiếc lá rơi)

*Vi có nhân duyên đã vợ chồng,  
Không nên chồng vợ dứt cho xong.  
Dứt nhau không nỡ, theo không nỡ :  
Theo tôi đời nhau, dứt tội lòng !*

(Không nỡ)

*Giếng cúc chờ thu ngâm ý vàng.*

(Hoa lài)

*Tình ta lóng-lánh giọt sương mai :  
Ngọc mây hàng ngưng đọng bóng trời.  
Dì gió đa tình ơi, chờ đến  
Làm cho lá sơ giọt sương rơi.*

(Giọt sương mai)

*Quân tro màn sương dấp nhớ nhung,  
Nằm nghe thu nguyệt khóc thu trùng.  
Cành đâu nghìn dặm in bên gối :  
Tuyết rụng hàn mai nửa trắng bông...*

(Bên gối)

*Sương xuống hồi chuông lặng,  
Đứ âm tràn hư không.  
Lồng-lơ vàng gợi sóng,  
Trắng hờ thu mênh-mông.*

(Âm ba)

*Bèn dòng khe nước trong,  
Cây măng vòi cong cong.  
Lắc-lư chim chèo-bèo,  
Trên nền trời rạng đông.*

(Bóng quê)

*Cơn mưa mai vừa tanh,  
Hoa trúc-dào đọng hương.  
Chim hoàng-ly rìa cành,  
Nhè-nhé rụng kim-cương.*

(Giọt hoa đào)

Nhưng hai tập thơ này đều "thua" *Mùa cò điền*. Và *Mùa cò điền*, theo thiền ý, vẫn là thi-phàm xuất sắc nhất của Quách-quân.



Hồi về nguyện vọng, những tác-phàm đã sáng tác, những bài thơ ưa thích cùng trường-hợp sáng tác những thơ đó, những kỷ-niệm vui buồn trong đời văn và quan-niệm về thi ca..., tôi được Quách-Tấn vui lòng cho biết như sau :

• Về **nguyễn-vọng**, tôi không muốn gì hơn là có tiền in thơ thật đẹp, không bán, chỉ để tặng những bạn yêu thơ.

• Về **tác-phẩm** thì ngoài hai tập thơ (*Một tâm lòng*, *Mùa cò điền*) và một tập văn xuôi (*Trăng ma lầu Việt*) đã xuất bản, tôi đã hoàn thành được thi tập *Đặng bóng chiều* (một tập thơ thất ngôn tuyệt cú gồm 108 bài chọn trong những thơ làm từ 1940 đến 1960) và một tập *Thơ dịch* (*Đường thi và Việt thi*).

Về văn biền-ngẫu, có mười bài *văn-tế*, hai bài *bi-ký* (viết khắc ở đền vua Quang-Trung và lăng Mai-xuân-Thường tại quận Bình-khê, tỉnh Bình-định).

Về văn xuôi, có *Trăng ma lầu Việt* (tập II), *Duyên tiên* (truyện Bích-câu kỳ ngộ và Liễu-Hạnh công-chúa, viết theo Truyền kỳ tân phò của Đoàn-thị-Điềm), *Trường-Xuyên thi thoại* (nói về thơ cò Việt-nam), *Những bức thư thơ* (thi thoại viết thành những bức thư gửi cho người quen thân).

Ngoài ra, tôi đương soạn : *Mộng Ngân Sơn* (một tập thơ toàn theo thể ngũ ngôn), *Hồi ký* (về Tân-Đà và Hàn-Mặc-Tử), *Truyện ký về Bích-Khê*, *Truyện ký về Đào-Tân*, *Thắng cảnh và cờ-tịch Việt-Nam*, *Nghìn lẻ một đêm* (phóng tác).

Đối với thơ, tôi không tách biệt « mới » và « cũ ». Tôi lựa thè thơ Đường-luật là vì thấy thích hợp với tâm-hồn mình. Khi đã lựa được thè thích hợp thì trước hết tôi lo làm cho được lối thơ thất ngôn bát cú, rồi đến lối thất tuyệt, sau nữa đến thơ ngũ ngôn (bát cú và tứ tuyệt).

Đường-luật là thè thơ thường dùng; nhưng thỉnh-thoảng tôi cũng có dùng những thè khác như lục bát, song thất lục bát, tứ ngôn, tạp ngôn.

Lối văn biền-ngẫu, tôi cũng hay làm. Còn văn xuôi thì tôi chỉ thích viết những gì có dính đến thơ và những chuyện nên thơ.

Vì đã lựa được con đường đi nên từ 1932 đến 1941, mặc dù phong-trào *Thơ Mới* sôi nôi, tôi vẫn giữ thè Đường-luật.

Công việc tôi định làm thì nhiều, mà thi-giờ không có. Lắm lúc thật buồn. Lại thêm bên mình không có bạn, không đủ sách cần thiết nên nếu không cố gắng thì không làm nên được việc gì, chờ dừng nói đến chuyện hoàn thành những điều mình dự định. Tôi chỉ biết luôn luôn cố gắng, còn kết quả là việc tương lai.

• Về những bài thơ mà tôi ưa thích, xin kè một số sau đây: Đá vọng phu (*Một tấm lòng*): Đêm thu nghe qua kêu, Lè điệu, Trơ trọi, Một buổi trưa mùa thu, Qua xuân, Đêm tái phùng (*Mùa cò điền*); Viếng thành Huế sau ngày khói lửa (*lần sau thế chiến thứ hai*); Xuân vắng, Giao cảm, Giấc sen, Song chiều (*Đặng bồng chiều*); Âm ba, Bất diệt, Bóng quê, Giọt hoa đào (*Mộng Ngân-Sơn*) ... (1)

Đó là những bài thơ tôi thích ngâm nhứt. Đọc chúng, anh có thể biết qua tâm-hồn tôi.

• Những thơ của tôi phần nhiều đều có một "lịch-sử" và một "tâm-sự". Có bài đã nằm trong người tôi hàng chín mươi năm, rồi một khi gặp duyên lành liền phát hiện. Như bài "Đêm thu nghe qua kêu" là một.

Nguồn cảm-xúc bài thơ này nằm trong người tôi ngót mười hai năm trời.

Nguyên một buổi chiều cuối thu năm Đinh-mão (1927), tôi ở Trường-định xuống An-thái hốt thuốc cho bà thân tôi. Lúc trở về thì trời đã tối. Theo con đường gần và dễ đi nhất, tôi qua bến đò An-thái sang An-vinh, rồi theo đường ven bờ sông Côn đi thẳng lên. (2)

Đêm hôm ấy có trăng, nhưng không được sáng, vì trời nhiều sương. Tôi vừa đi vừa nghỉ vơ-vàn. Chợt đến một khúc đường

(1) Những bài thơ này một phần đã trích in ở trên, trong đoạn giới thiệu thơ Quách-Tân. Còn lại, xin coi trong phần *Thi tuyển*.

(2) An-thái thuộc quận An-nhơn, ở nam ngạn sông Côn. An-vinh thuộc quận Bình-khê, ở bắc ngạn sông Côn. Làng tôi cũng thuộc Bình-khê, cách An-vinh chừng 7 cây số về phía tây. (Lời chú của Quách-Tân).

tre che khuất cả bóng trăng, và mõ nang rụng đầy mặt đất. Tôi dẫm phải những mõ khô mới rụng, tiếng kêu sột-soạt làm bầy quạ đương ngủ trên cây, giật mình vỗ cánh kêu vang dậy. Tiếng kêu thỉnh-linh giữa đêm vắng, nghe vừa rùng-rợn vừa lạnh-lùng. Cả mình tôi rờn ốc !

Từ ấy tiếng quạ ám-ảnh tôi luôn.

Cách ba tháng sau, bà thân tôi mất. Tiếng quạ vẫn cứ theo tôi, nhưng giọng rùng-rợn lạnh-lùng đổi thành giọng náo-nùng. Qua một thời-gian khá lâu, tiếng nghe thưa dần và nhạt dần, rồi lịm mất.

Mùa hạ năm Kỷ-mão (1939), một đêm trăng tôi ngồi hóng mát cùng nhà tôi và một người bạn, trên bờ đầm Nha-trang ở trước mặt nhà. Lúc ấy đã khuya. Nghe tiếng phò rao, nhà tôi gọi. Không thấy trả lời, anh bạn gọi tiếp. Tiếng gọi bị núi Sinh-Trung bên kia đầm dội lại, ngân dài trong đêm khuya... Tiếng quạ năm xưa ở trong tâm-hồn tôi vụt thức dậy rộn-ràng... Rộn-ràng nhưng dịu-dàng chờ không rùng-rợn, cũng không náo-nùng như ngày trước.

Trở về nhà, suốt đêm tôi không ngủ được. Tiếng quạ vang vọng bên tai, và gợi lên không biết bao nhiêu là ký-ức. Phẫn thi nhớ mẹ già xưa, phẫn thi thương cảnh làng cũ, bồi-hồi áo-não..., tôi nằm im lìm để cho nước mắt trào ra... Niềm nhớ thương với theo nước mắt, và lòng tôi êm dịu dần dần.

Toan ngồi dậy ghi lại dòng cảm-xúc, song thấp đèn sợ quấy rầy giấc ngủ của vợ con, tôi đành nằm yên đợi sáng.

Sáng hôm sau nhằm ngày chúa-nhựt, được nghỉ, tôi toan lấy giấy bút để làm thơ thì khách đến! Thế là mất hết buổi sáng. Chiều đến đóng kín cửa phòng, một mình ngồi lập ý.

Vừa nghĩ đến chữ Quạ thì liên tường ngay đến màu đen, đến chữ Ô. Chữ Ô làm nhớ đến bài Ô-y-hạng của Lưu Vũ-Tích :

*Chu-Tước kiều biến dã thảo hoa,  
Ô-Y hạng khàu tịch-dương tà.  
Cựu thời Vương Tạ đình tiền yến  
Phi nhập tầm thường bách tánh gia.*

Những cảnh trong thơ hiện mơ-màng ra trước mắt.

Tôi đặt bút xuống bàn, ngồi nhắm mắt lại để cho lòng vui theo cảnh... Bầy yến dễ thương bỗng bay tản mác, rồi nhập lại nơi một lùm tre cao...

Tre che khuất bóng bầy chim én, nhưng lại đưa ra mấy tiếng quạ rộn-ràng... Liền đó như một cuốn phim, những cảnh bến đò An-thái, con đường ven sông Cồn dần dần hiện ra dưới bóng nguyệt mờ sương... Rồi tiếng quạ ngân lên, và theo dư âm, bến đò An-thái biến thành bến Phong-Kiều của Trương-Kế với quang cảnh :

*Nguyệt lạc ở đê sương mẫn thiên,  
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.  
Cô-Tô thành ngoại Hán-son tự  
Đá bán chung thành đáo khách thuyền.*

Và con sông Cồn biến thành dòng sông Xích-Bích, với con thuyền của Tô Đông-Pha trôi chậm chạp dưới bóng trăng thu... Tôi tưởng tôi là họ Tô đương ngồi vuốt chòm râu rậm bay phết-phơ trước gió, và gõ mạn thuyền ngâm bài phú Xích - Bích có nhắc đến họ Tào. Tôi như trông thấy rõ dáng đặc ý của Tào Mạnh-Đức đứng trên đoàn thuyền kết dài trên mặt sông, quay ngang ngọn đáo ngâm bài :

*Nguyệt minh tinh hi,  
Ô-thước nam phi,  
Nhiều thợ tam táp  
Vô chi khả y?*

Rồi hết điền này đến điền khác nối nhau đưa tôi vào sâu trong cõi mộng... Tôi ngồi ngủ say cho đến lúc người nhà lay dậy ăn cơm tối !

Cơm xong, tôi ngồi lại bàn giấy làm việc. Tôi nhất định ghi tất cả những gì đã đến cùng tôi. Nhưng không thể được, vì tôi không thích lối thơ trường-thiên. Tôi bèn chọn những nét rung-cảm đậm nhất, lọc những gì nên thơ nhất, dồn vào trong 8 câu :

*Từ Ô-Y hạng rù-re sang,  
Bóng lẩn đêm thâu tiếng rộn-ràng.  
Trời bên Phong-Kiều sương thấp-thoáng,  
Thu sông Xích-Bích nguyệt mờ-màng.  
Bồn-chồn thương kè nương sông bạc,  
Thắc-thởm chăng ai quả ăn vàng ?  
Tiếng dội lung mây đồng vọng mãi,  
Tình lang-mang gợi tú lang-mang.*

Tôi rất lấy làm thích, và lấy nhàn-dề là « *Đêm nghe qua kêu* ».

Năm 1941, nhân các bạn ở tòa soạn tạp-chí *Bạn Đường* mới xuất bản, gửi thư xin bài, tôi liền gửi đăng bài ấy.

Cách đó ít lâu, xem xét lại các thơ đã làm để in vào tập *Mùa Cò-Điền*, tôi nhận thấy bài trên đây, câu luận chưa sướng.

Câu trạng do những cảnh cũ gợi điền.

Câu luận bị thời-cuộc lúc bấy giờ ảnh hưởng :

Lúc ấy quân Nhật đóng ở Việt-Nam, nhiều người đi lính để lập công-danh, nhiều bà vợ bị chiếc bóng. Do đó mà mượn đến sông Ngân, mượn đến tích Trương-Hạo lượm được một viên đá tròn do con sơn-thú hóa ra, đem đập vỡ thì thấy một quả ăn vàng có mấy chữ « Trung hiếu hầu ăn », sau làm tượng được phong đến tước hầu.

Chưa lấy làm sướng, nhưng sửa mãi chưa được.

Một đêm tôi ngồi tựa lan-can, trầm ngâm ngẫm - nghĩ... Ngoài trời trăng sáng vắng-vặc. Những cánh cửa sò mờ hé được ánh trăng chiếu vào trông như xuy bạc, và thèm giึง mới rửa loang loáng sắc hoàng kim. Trí tôi và mắt tôi dồn cả vào sắc vàng sắc trắng của cảnh vật và của câu thơ... Chợt một

vật gì rơi vào lòng giếng tạo thành một tiếng « chũm » lạnh-lùng. Tôi cảm xúc sửa ngay được câu thơ :

*Bồn-chồn thương kè nương song bạc,  
Lanh-leo sầu ai rụng giếng vàng.*

Sửa được câu này, tôi khoái hơn khi làm xong tám câu trước. Nhưng ngâm đi ngâm lại, lại thấy câu kết chưa nói đúng nỗi lòng, Một lần nữa tôi phải lo sửa lại:

*Tiếng dội lồng mây đồng vọng mãi  
Tình hoang-mang gợi từ hoang-mang.*

Như thế là ôn. Thích chí ngâm vang cả trời khuya.

Chế-Lan-Viên cũng cho câu sửa hơn hẳn nguyên-tác, nhưng còn chê đè bài chưa được nên thơ, mới thêm vào chữ « thu » thành « Đêm thu nghe qua kêu ».

Đó là «tiều sử» bài «Đêm thu nghe qua kêu», một bài thơ thai nghén một giáp tròn, thành hình trong nửa đêm, rồi đến hơn hai năm sau mới được sửa chữa lại. Khi làm cũng như khi sửa, tôi thường được nhiều hứng thú.

Vì thế mà lâu nay tôi thích bài ấy hơn các bài khác.

Hôm nay, tôi lại thường thêm một thích thú nữa là vừa tìm thấy một sự ngẫu nhiên lạ lùng :

- Bị tiếng qua xúc động năm Đinh-mão.
- Làm bài «Đêm thu nghe qua kêu» năm Kỷ-mão.
- Viết lại sự-tích bài thơ năm Quý-mão.

Trước anh, đã có Bích-Khê hỏi về trường-hợp sáng tác bài thơ này. Tôi kề cho nghe, Bích-Khê bảo tôi viết lại; nhưng từ bấy đến nay tính đã trên 20 năm rồi, tôi cứ định viết mà mãi vẫn không viết. Nay nếu không có anh hỏi nữa, thì e còn lâu lắm tôi mới viết ! Âu cũng là thiện duyên.

• Về những kỷ-niệm vui buồn trong đời văn-chương của tôi, thật có nhiều. Phải chi được ở gần anh, đêm nằm kề cho nhau nghe thì mới hết và mới thú. Böyle giờ tôi xin tạm kẽ một chuyện «cô thú» để anh nghe cho vui.

Vì không có hổ ngăn cách giữa «mới» và «cũ», nên trong chỗ thâm-giao, ngoài Tân-Đà tiên-sinh là bậc bán sư bán hữu, các bạn khác đều là người trong làng «Thơ Mới» như Hàn-Mặc-Tử, Chế-Lan-Viên, Yến-Lan, Bích-Khê...

Sau đây, xin nhắc lại *mỗi duyên thơ giữa tôi và Hàn-Mặc-Tử*

Năm 1931, tôi làm phán-sư tại tòa sứ Đà-lạt. Nhân đọc Phụ-Nữ Tân-Văn, tôi thường thấy những bài thơ Đường-luật đăng tải, dưới ký P. T. Qui-nhơn. Những bài thơ ấy có phong-vị đặc biệt. Phản thì ưa thích thơ, phản thì thấy tác-giả là người ở nơi chôn nhau cắt rún của mình, tôi liền viết thư nhờ một người bạn thân của tôi là anh Nguyễn-Trấp, lúc ấy làm phán-sư tòa sứ Qui-nhơn, tìm giùm xem P. T. là ai.

Ngót bốn năm tháng trời, anh Trấp gặp ai ưa thích văn thơ cũng đều hỏi thăm «P. T. là ai», nhưng tung tích của con người bí mật vẫn chưa khám phá ra được.

Một hôm nơi bệnh-viện Qui-nhơn, anh gặp một số học-sinh đi khám bệnh. Nhân ngồi nói chuyện vắn-chương trong khi đợi bác-sĩ đến, anh Trấp vui miệng nói:

— Không biết P. T. là thằng cha nào mà thơ hay «bắt nhơn», làm cho lão Tân bắt mình kiểm đã muốn chết vẫn chẳng thấy đâu cả!

Anh Trấp vừa dứt lời, thì trong đám học-sinh, một «trò» nhỏ thó, vóc gầy, tóc mời dưỡng rẽ, đứng lên nói với một giọng rụt-rè và cảm động:

— Thưa, P. T. là Phong-Trần, mà Phong-Trần là... em đây!

Anh Trấp mừng như được cửa quí. Nhưng đè cho thật chắc chắn, anh hỏi gần về những bài thơ P. T. đăng ở Phụ-nữ Tân-Văn mà tôi đã chép cho anh biết. Sau khi nhận thấy quả là «người mình tìm», anh hỏi thăm địa-chỉ, rồi tin ngay cho tôi biết. Thế là tôi và P. T. (tức Hàn-Mặc-Tử) quen nhau, rồi trở nên đồng bạn tri-kỷ.

Từ ấy giữa Hàn-Mặc-Tử và tôi thường xảy ra nhiều chuyện vui larmor. Như chuyện đồi hiệu sau đây là một.

Khi mới bắt đầu vào làng thơ, Hàn-Mặc-Tử lấy hiệu Minh-Duệ-Thị. Sau đồi là Phong-Trần. Rồi lại đồi là Lê-Thanh. Lại đồi nữa là Hàn-Mặc-Tử. Sau cùng mới lấy hiệu Hàn-Mặc-Tử.

Hiệu Minh-Duệ-Thị ít ai biết.

Tử bắt đầu nòi tiếng với hiệu Phong-Trần.

Nhưng sau khi đã quen thân cùng Tử, một hôm tôi chê :

— Tướng anh mảnh khảnh thế, này, chịu sao nòi cảnh phong-trần mà ước ?

Một bà cụ thâm nho ở Bình-định cũng bảo rằng hiệu Phong-Trần quá trệ và không thích hợp với tánh tình của Tử. Bà khuyên Tử nên đổi hiệu khác.

Tử bèn lấy chữ đầu của sanh quán (Lê-Mỹ) và chữ đầu của chánh quán (Thanh-Tân) ghép lại thành hiệu Lê-Thanh.

Tử lấy làm vừa ý. Nhưng được ít lâu, tôi lại cười :

— Bộ anh ngó «dẽ thương» mà cái hiệu Lê-Thanh nghe cũng «yều-diệu thực-nữ» quá ! Âu tôi gọi là «cô Lê-Thanh» cho thêm duyên.

Tử làm thính. Nhưng ít lúc sau lại đổi là Hàn-Mặc-Tử.

Hàn mặc là bức rèm lạnh.

Tử cho là «độc đáo» lắm. Và ở Qui-nhơn vào Nha-trang thăm tôi với «bức rèm lạnh» kia, Tử bị tôi trêu :

— Kè cũng ngộ thật ! Tránh kiếp phong-trần, lại đi làm khách hồng-nhan. Sở kiếp hồng-nhan đa truân, lại đi làm kiếp rèm lạnh. Tránh lò chui vào lưới. Sao mà lắn-quần quá thế ?

Tử dám khùng :

— Anh này thật da sự ! Không biết đặt «cái đếch» gì cho vừa lòng anh ?

Tôi cười :

— Đã có rèm thì thêm bóng nguyệt vào. Hồi còn cảnh nào nén thơ bằng ?

Tử hội ý, cầm bút vạch thêm « vành trăng non » trên đầu chữ A của chữ Mặc, thành ra hiệu « Hàn-Mặc-Tử ».

Chỉ thêm một dấu « 」 mà đòi hẳn ý nghĩa cà khóm chữ.

Chữ « Hàn » trước kia nghĩa là « lạnh », nhưng đi kèm với chữ « Mặc » là « mực » thì thành chữ « Hàn » là « bút ».

Hàn-Mặc-Tử là anh chàng bút mực (có nghĩa là khách văn-chương).

Tử sửa xong thích chí nói :

— Đã có bóng trăng rơi vào, thì từ nay danh tôi cũng như văn-chương của tôi sẽ mỗi ngày mỗi thêm rạng ngời, như bóng trăng.

Bây giờ tôi xin kè anh nghe một trong những *chuyện buồn* của tôi.

Chuyện này đã xảy ra tại Bình-định trong thời Việt-Minh cai trị.

Tôi có bộ Tô Văn Trung toàn tập của Tô Đông-Pha, gồm 20 quyển. Tôi rất quý. Những lúc chạy loạn, gì gì cũng bỏ, chỉ mang theo bộ sách « gia bảo » ấy. Nhưng năm 1953, phần thi thuế nông-nghiệp, phần thi tàu bay khủng bố, không làm ăn chi được cả, trong nhà không còn một đồng tiền, một hột gạo. Lại thêm vợ đau. Đồ đạc trong nhà không còn gì có thể bán được, ngoài bộ sách quý.

Lúc ấy khan giấy hút thuốc, mà bộ sách của tôi lại in bằng giấy quyển, nên lầm người thích mua.

Họ trả cho tôi hai mươi ngàn bạc tín-phiếu, tức là một trăm ký lúa theo thời giá.

Không bán thì không lấy gì nuôi vợ nuôi con, còn báu cho người ta làm giấy hút thuốc một bộ sách mà e cả nước Việt-Nam ít người có trọn bộ, thì đau lòng quá ! Tôi chợt nhớ đến Ủy-Ban Văn-Hóa Miền Nam, lúc bấy giờ đóng ở Hoài-nhơn mà Phan-Thao (con trai cụ Phan-Khôi) làm chủ-tịch. Tôi bèn

cuốc bộ trên tám chục cây số, ra tìm Phan-Thao, và xin bán bộ sách cho Ủy-ban với nửa giá tiền người ta đã trả cho tôi, nghĩa là mươi ngàn đồng tín-phiếu, vì tôi nghĩ rằng thà mình chịu thiệt mà sách còn trên trần thế... Nhưng Ủy-Ban Văn-Hóa chê là « đồ vô dụng » không mua. Tôi đành lại cuốc bộ hơn tám mươi cây số trở về.

Những người biết được câu chuyện phẫn động đều cho tôi là « đồ lạc hậu ». Có người thấy tôi do-dự việc bán sách cho đời hút thuốc, thương tình bảo nhở :

— Nếu nước nhà thuộc hẳn Việt-Minh, thì bộ sách anh có còn giữ được, cũng không ích gì. Bằng một mai mình thoát được chế-độ cộng-sản thì « thiếu cha gì » ở Chợ-Lớn. Huống nữa trong lúc vợ đau con đói, thì thân mình cũng phải bán huống chi là sách !

Nghe vỡ lẽ, tôi đành bán bộ sách với giá hai mươi ngàn đồng tín-phiếu. Khi người mua gánh sách đi, lòng tôi như cắt. Tôi ứa nước mắt trông theo. Người mua sách đi được một quãng xa xa, tôi khó chịu quá, không nén được, vội chạy theo, xin chuộc lại một quyển. Tôi lấy quyển đầu có hình tác-giả, và trả lại một ngàn tín-phiếu cho người mua.

Quyển sách ấy hiện tôi còn giữ kỹ, và mỗi lần nhớ đến chuyện bán sách, lòng tôi ngùi ngùi như nhớ một đứa con mình đã bán vì đói khè !

● Sau hết, đây là những ý tưởng rời rạc của tôi về Thơ :  
Thơ không phục vụ cái gì hết.

Làm thơ cũng như ăn ngủ, buồn vui...

Không đói không ăn, không buồn ngủ không ngủ được.  
Buồn không thể cười, vui không thể khóc.

Nghĩa là làm thơ là làm một việc cần thiết cho sự sống của chính mình, cụ-thì hóa tâm-hồn mình.

Cho nên thành-thật mà nói thì người thơ làm ra thơ chỉ

đè thỏa mãn nhu-cầu của chính mình. Thơ làm ra sẽ có ích cho đời như sao, sẽ có hại cho đời như sao, người làm thơ ít khi nghĩ đến. Mà thi-giờ đâu đè nghĩ trong lúc tâm-hồn chìm đắm trong hương-vị của Thơ.

Hoa là thơ của Đất ; Thơ là hoa của Người.

Cho nên Thơ cũng như Hoa, cái Đẹp là cái cốt yếu.

Hoa hải-đường, hoa thược-dược, hoa trà-my... chỉ đẹp, mà người yêu hoa vẫn liệt vào hạng danh-hoa, những người biết hoa vẫn liệt vào hàng khách qui, bạn qui.

Còn hoa dúi-dẻ, hoa cau, hoa bưởi... tuy thơm, nhưng từ xưa đến nay, có giai-nhân nào ngắt cài lên mái tóc, có khách phong-tao nào hái về cầm nơi bàn đọc sách, nơi bàn tiếp tân ?

Có cả sắc lᾶn hương thì không còn phải nói.

Nếu không thế có cả đôi thì nên chuộng cái Đẹp.

Song không phải chỉ hoa-lệ mới gọi là Đẹp. Có vẻ đẹp nồng đậm, có vẻ đẹp thanh-đạm, Có vẻ đẹp dài-các, có vẻ đẹp bình-dân. Có vẻ đẹp khắc-hoạch, có vẻ đẹp tự-nhiên.

Có khi rườm-rà mà đẹp, có khi lơ-thơ mà đẹp.

Có khi đẹp vì khúc-chiết, có khi đẹp vì trực-trần.

Có nhiều vẻ đẹp cò-kính, có lắm vẻ đẹp tân-ky, vân vân...

Hoa có trăm nghìn vẻ đẹp. Thơ cũng phải có trăm nghìn vẻ đẹp như hoa.

Người ta cho những nhà thơ « ưa đẹp » là những nhà thơ « duy-mỹ ».

Đối với phái duy-mỹ, nhiều nhà phê-bình chê rằng « chỉ chú trọng về hình-thức mà sao lâng mặt nội-dung, cho nên Thơ mất cả sinh-khí ».

Nói như thế là chưa hiểu đạo làm thơ. Có lẽ họ nhầm vào những ông thơ thơ, những ông làm thơ chỉ đè tiêu-khiền như đánh cờ, uống rượu.

Làm thơ là đè nói những cái gì mình muốn nói, mình cần nói. Nói bằng lời không đủ, phải mượn đến màu sắc, đến hình ảnh, đến âm-hường của tiếng, đến nhịp-nhàng của câu. Nói cách này không được phải tìm cách khác, dùng chữ này không diễn tả nỗi phải tìm chữ khác ôn đáng hơn... Đứt ruột vì một câu, nát gan vì một chữ, là cốt đè nói được những cái gì mình muốn nói, mình cần nói, nào phải đè khoe cái đẹp cái khéo mà chơi. Vì những nhà thơ chân chính, kè thì ấy Thơ làm nguồn sống, kè lấy Thơ làm phương-tiện đè giải thoát, nghĩa là coi thơ như một Đạo-giáo.

Cho nên dùng cái đẹp bên ngoài đè nói một cái gì ở bên trong của tác-giả, chứ không phải đè làm vui tai mắt cho độc giả, hầu mong được tiếng khen.

Nhà phê-bình vì không nhận thấy điểm ấy nên chê, kè cũng không đáng trách.

Người ta thường nói : « Các nghệ-sĩ lãng-mạn đã đầu độc thanh niên » và cò động bài trừ văn thơ lãng-mạn.

Nói thế không phải không có lý. Song đó là lấy quả làm nhân.

Xin thử hỏi : Vì sao lại sanh ra những nghệ-sĩ lãng-mạn ?  
Có phải vì xã-hội chăng ?

Nghệ-sĩ chỉ là tấm gương phản chiếu tình-trạng xã-hội, nhóm này thi phản chiếu cạnh khía này, nhóm kia thi phản chiếu cạnh khía kia...

Mặt mình lèm-lẹt nhìn vào gương thấy lèm, sao nỡ trách tấm gương này nọ ? Đập gương đi mà mặt mình không lo rửa, thì chỉ bằng cứ đè gương đầy đi rửa mặt có hơn không ?

Nhịp sống luôn luôn thay đổi. Hình-thức của Thơ cũng phải đổi theo nhịp sống thi mới. phản ảnh được cõi lòng.

Từ bốn nghìn năm nay, thơ Tàu thay đổi không ngừng, từ thè tú-ngôn trong Kinh-Thi, thè từ của nước Sở, đến thè ngũ-ngôn, thất-ngôn... và mỗi lần thay đổi người ta đặt cho thè thơ một cái tên « lối Kinh-Thi », « lối Sở-từ », « lối cò-phong » hay « cò-thè », « lối Đường-luật » hay « cận-thè », v.v...

Mỗi lần thay đổi là mỗi lần tiến bộ.

Sao cứ đổi giữ mãi thè Đường-luật, thè Thơ Mới, mà công kích phái thơ Tự-do đương tìm con đường mới. Tìm con đường mới là một việc đáng khen, đáng cờ vua, ai làm được nên làm.

Còn tôi giữ mãi thè Đường-luật là vì thè ấy thích hợp với tâm-hồn tôi, chứ không phải vì cho thè Đường-luật là hơn các thè khác. Thè nào lại chẳng được, miễn sao nó diễn tả được tâm-hồn, và nhất là diễn tả sao cho hay. Đó là điều cốt yếu.

Và tuy tôi theo thè Đường - luật. nhưng vẫn có sự thay đổi trong cách dùng chữ, đặt câu, chuyền hơi, hòa điệu... Chứ đâu phải nhất nhất đều theo cò-nhân. Sự thay đổi ấy không phải do tánh lập-dị, mà chính do sự cần thiết của tâm-hồn. Vì nhịp lòng của người xưa đâu có giống nhịp lòng, người nay, mặc dù người nay vẫn theo một đường một lối với người xưa,

Cho nên trong việc tái tạo vẫn có công sáng tạo, không được nhiều cũng có ít, chứ không phải hoàn toàn không.

Nhạc là một yếu-tố trong Thơ, một yếu-tố quan trọng, có thè nói là quan trọng nhất.

Thơ Hàn-Mặc-Tử nhiều khi đọc lên không hiểu chi cả mà vẫn thấy thích thú, là vì nhạc trong thơ Tử rất giàu. Mỗi bài thơ của Tử là mỗi bài nhạc. Thơ Đường cũng thế.

Có thè nói một cách quả quyết rằng Thơ không có nhạc không thành Thơ.

Thơ Đường hơn thơ các đời khác một phần lớn là nhờ giàu nhạc. Thơ Hàn-Mặc-Tử hơn thơ Bích-Khê cũng thế.

Thơ không có nhạc có thể ví như một ống tiêu dùng đè thời lùa, hay một ống thời lùa dùng làm ống tiêu.

Trong thơ, nội-dung và hình-thức không thể tách rời.

Một bài thơ hoàn hảo, hẽ thay đổi một chữ là thay đổi một ý; hoặc nhiều hoặc ít.

Cùng một ý mà diễn tả bằng hai thể thơ, hoặc bằng hai cách khác nhau, thì đổi ngay vị thơ, người đọc có khiếu thẩm mỹ sẽ thấy, sẽ cảm thi đúng hơn, khác nhau hẳn.

Còn-nhân bảo «dịch là diệt», «dịch là phản», chính vì thế.

Một bài thơ hay, là một bài thơ có vị. Cho nên cái gì tạo ra cái vị ấy, cái ấy là Thơ.

Trong bài thơ, nội-dung tạo ra thơ hay hình-thức ?

Và với cái ý ở trong thơ viết ra bằng văn xuôi có tạo ra vị thơ hay không ? Lẽ tất nhiên là không.

Thể là hình-thức tạo ra vị ?

Nhưng không có cái ý ấy thì có thể tạo ra vị ấy không ?

Nhất định là không. Cho nên bảo nội-dung và hình-thức không thể tách rời là thể.

Cũng như ăn một đĩa gà quay thấy thơm ngon, thấy ý vị. Đó là do cách quay khéo hay do thịt gà ? Hai cái phải đi đôi. Thiếu một, đều bất thành.

Nhà thơ có tài cũng như anh đầu bếp có tài, chỉ lo không có «chất dề nấu» chờ không lo cách nấu.

Làm thơ trước phải uẩn nhưỡng tâm-tư, sau mới thôi xao từ diệu.

Tâm-tư chưa được chín muồi thì dù từ diệu có hay đến đâu cũng không thể tạo được thi-vị ngọt ngon.

Thơ không cần làm nhiều, chỉ cần làm cho đích đáng. Thà chỉ một khóm tường-vi nồng-diệm, hay một chậu cúc thanh-đạm, còn hơn một vườn hoa thực-quí hướng-dương.

Sự đổi chọi trong thơ Đường-luật, đổi với người mới học làm thơ hoặc chưa biết làm thơ, có phần khó, nên bị chê là làm mất tự-do của ngòi bút. Nhưng đổi với tay rành nghề, thì đó là những trò đi dây mà lắc qua lắc lại, hoặc đánh đu mà nhào vài ba bận trên không của các nhà hát xiếc, vậy thôi. Huống nữa ai buộc hẽ «trời» thì phải đổi «đất», hẽ «anh bếp đi qua» phải đổi «chị bồi trở lại» làm gì. Đổi cốt đề giữ cho ý được cân, lời được hòa, khỏi mắc phải sự chênh lệch. Có nhiều khi chữ đổi chọi không thật chỉnh mà ý cũng như lời rất cân xứng nhau :

*Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,  
Bạch vân thiên tài không du du.*

hoặc :

*Bạn già lớp trước nay còn mấy,  
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như.*

Nhiều khi lời đổi thật chỉnh mà ý bị lệch, như :

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,  
Nền cũ lâu dài bóng tịch dương.*

Thật đổi sát từng chữ. Chữ «hồn» mà dùng chữ «bóng» để đổi lại thì về phần văn thật tuyệt. Song «bóng tịch dương» đổi không nòi với «hồn thu thảo» vì một bên đã được nhân cách hóa, một bên vẫn còn giữ «chất thiên-nhiên». Câu trên ý nghĩa nặng, câu dưới ý nghĩa nhẹ. Chữ «hồn» thêm không biết bao nhiêu ý nghĩa, gợi không biết bao nhiêu hình ảnh, còn chữ «bóng» không thêm được gì cả. Đổi như thế, những người «nặng về ý» không vừa lòng.

Thà chữ đổi không chỉnh mà ý xứng, như hai câu trên.

Nhưng đó là nói cho cẩn kẽ vậy thôi, chờ trừ người quá yêu thơ, ai hơi đâu ngồi thăm mỹ từng chút.

(Tháng tám 1963)

*Thi luyện :*

## ĐÁ VỌNG PHU

### I

*Chồng đi biệt tích tự bao giờ?  
Một góc trời riêng một dạ chờ.  
Lụy nhớ mưa ngàn tuôn nướp nướp,  
Tóc thê mây núi bạc phơ phơ.  
Non chồng nghĩa nặng cao vời vợi,  
Nước vương tình sâu chảy lung lờ  
Đau bè đã bao đời kiếp trải,  
Lòng son một tấm mãi trơ trọi.*

### II

*Người đã không về, tin cũng không,  
Đầu non dắt trẻ đứng trông chồng.  
Nước mây quanh vắng tròng khô lệ,  
Mưa nặng phôi pha má lật hὸng.  
Lời thệ vững ghi lòng sắt đá,  
Khối tình riêng nặng gánh non sông.  
Nỗi niềm ai biết, không ai biết?  
Gương nguyệt nghìn thu rạng biển đông.*

(Một tâm lòng)



## ĐÀ-LẠT ĐÊM SƯƠNG

*Bóng trăng lung-lánh mặt hồ im,  
Thời khắc theo nhau lai-rải chìm.  
Đứng dựa non sao bờ suối ngọc,  
Hồn say dịu dịu梦 êm êm.  
  
Một luồng sương bạc bóng từ mô,  
Lèn cuốn vừng trăng, cuốn mặt hồ.  
Cuốn cả non sao bờ suối ngọc :  
Người lơ-lửng đứng giữa hư vô.*

*Trời dắt tan ra thành thủy-tinh.  
Một bàn tay ngọc đắm hương trình,  
Âm-thầm mơ trốn bên đôi má,  
Hơi mát đê mê chạy khắp mình.*

(Một tâm lòng)



### TÚP LỀU THƠ

*Lầu xuân gác phụng giá xem thường,  
Một túp lều tranh ẩn nồng sương.  
Lối chèt lờ mờ rêu thế-sự,  
Song thưa ngào ngọt gió văn-chương.  
In màu đậm bạc mây qua chái,  
Vẽ nét thanh cao liễu nép tường.  
Bên luống cúc già vầy thú cũ,  
Ra về sông áo đượm mùi hương.*

(Mùa cỏ điên)



### LẺ ĐIỆU

*Lạnh-leo sông thu tiễn lá ngàn,  
Mây thu vờn vẽ khói trần-gian.  
Có tơ ai nhớ công tăm khò,  
Không mật dành chê kiếp bướm nhàn.  
Gió bắc mỉa mai lòng bạch nhạn,  
Bóng chiều ngao ngán phận hồng nhạn.  
Con thuyền bến lách không tri-kỷ,  
Đè lè trong sương mây diệu đà.*

(Mùa cỏ điên)



### CHIỀU XUÂN

*Chim mang về tờ bóng hoàng-hôn,  
Vàng lửng-lơ non, biếc đọng cồn.  
Cành gió hương xao hoa tỉ-muội,  
Đồi sương sóng lượn cỏ vương-tôn.*

*Khói mây quanh quẩn hồi chuông vọng,  
Trời biền nôn nao tiếng địch đồn.  
Thường cảnh ông cau tình tự quá,  
Thuyền con chờ nguyệt đến cô thôn.*

(Mùa cỏ điên)



### MỘT BUỒI TRƯA MÙA THU

*Gió tự mê vè, thời đến mô ?  
Mấy cành sao rụng bỗng hoa nô.  
Đây vài giọt nhẹ rơi mưa lá,  
Đó một màu im trải nắng hờ.  
Tóc vương hơi hương vườn túy-liễu,  
Lòng nương tiếng địch bến vi-lô.  
Trưa Bồng-lai khẽ rung-rinh biếc,  
Nghiêng cả hồn thu xuống lững-lờ...*

(Mùa cỏ điên)



### ĐÊM TÁI PHÙNG

*Đưa nhiau nước biếc trò phù-dung,  
Rụng mấy mùa hoa bỗng tái phùng.  
Muôn dặm bèo mây duyên cũ mới,  
Nửa đời đâu bè nỗi riêng chung.  
Vườn nương xuân muộn trao thăm  
Chén rót trắng khuya lắng ngại ngùng.  
Bừng tỉnh giấc say trời chửa sáng,  
Dịch chiều như đã vắng bên sông.*

(Mùa cỏ điên)



### VIÉNG THÀNH HUẾ SAU NGÀY KHÓI LỬA

*Nắng nhạt chiều thu qua rõn-ràng,  
Sầu vương lâu lách lạnh thành hoang.  
Thơ tàn cõi-viện duyên ngao ngắn,  
Đá nát hoàng-cung bước ngờ ngàng.*

*Gãy-guộc gió sương tùng Thể-miếu,  
Bẽ-bàng trăng nước trúc Hương-giang.  
Trông vời Thiên-Mụ mây man-máu,  
Lơ-lửng chuông hôm rụng tiếng vàng.*

(Làm sau thè chiến thứ hai)



### TÌNH XƯA

*Từ buồi thuyền đưa khách thuận đầm,  
Trông chừng bến cũ biệt mù tăm !  
Cảm thương chiếc lá bay theo gió,  
Riêng nhớ tình xưa ghé đến thăm.*

(Đọng bóng chiều)



### SONG CHIỀU

*Ngày trôi chậm chậm sông đưa lá,  
Thoát liệt xa xa én dệt mù.  
Mở rộng song thơ chờ bóng nguyệt :  
Nửa lòng xuân sắc, nửa lòng thu.*

(Đọng bóng chiều)



### BÊN SÔNG

*Gió rủ canh đi, ngàn liêu khóc,  
Sông đưa lạnh tới bóng trăng run.  
Thuyền ai tiếng hát bên kia vắng,  
Ché lại cho nhau gửi chút buồn.*

(Đọng bóng chiều)



### LÒNG THUYỀN

*Anh buộc đời em, bến buộc thuyền.  
Nước trôi thuyền trở, bến nằm yên.  
Một mai anh thả thuyền loi bến :  
Mây nước lòng em lạnh ướt nguyền !*

(Đọng bóng chiều)





TRỌNG - LANG  
(Ảnh do B.B.Lân chụp năm 1963)

THÚ BÚT VÀ CHỮ KÝ :

Mình hinc mìnhs, nén làm giày em dạ thi  
lây' bông lai xe scooter chơi.

Và mìnhs đc c. vở trước lài bông lai xe  
đó, hôm nay 20/7/1963.

Lai thi' họ Bông mìnhs cho nhanh tay  
còn ... gân

Thân. (5/8/1963)

W.M.S.



# TRỌNG-LANG

Tên thật là TRẦN TÁN-CỬU. Sinh ngày 2-10-1906 tại làng Do-lễ, huyện Thượng-phúc, tỉnh Hà-đông (Bắc-Việt). Chuyên viết phóng-sự.

Từng viết giúp các báo : Thực Nghiệp, Đông-Phương, Phong-Hoa, Ngày Nay, Dân-chủ, Tờ-Quốc, Đây Sài-gòn, Hòa-Bình, Việt-Chính, Ngôn-Luận...

Chủ bút tuần-báo Bắc-kỳ thè-thao (Hà-nội, 1932).

Chủ-nhiệm các báo : Thông Tin (Hà-nội, 1943), Ngày Mới (Hà-nội, 1947), Thời-Đại (Hà-nội, 1948), Vì Nước (Hà-nội, 1949), Cười... Cười (Sài-gòn, 1961-62).

Đã đăng báo : Lạc vào động bà chúa Hàng Bạc (1935), Trong làng chạy (1935), Đời bí-mật của sư vãi (1935), Gà chơi (1936), Đèn bóng (1936), Đàm-bà hút thuốc phiện (1937), Sau mặt nạ (1943), Thi-vị đồng ruộng (1944), Đói (1945), Sống sót (1946), Tân cư (1947), Đây, Huế (1951), Quê-hương... giữa thần kinh (1952), À, Sài-gòn ! (1955), Điện thời-đại (1963).

Đã xuất bản : Hà-nội làm than (1938); Làm dân (1940); Làm tiền (1942); Với các ông lang (1943); Những đứa trẻ (1950); Vợ lẽ nàng hầu (1950).

Ngoài những thiên phóng-sự trên đây, còn có một *tiều-thuyết* (Cô gái làm đĩ); mấy vở *tuồng cải-lương* (Mỵ-Châu Trọng-Thùy, Hảo Trương-Chi, Nữ-kiệt Kinh-Bắc...) và nhiều vở *kịch* (Thè-thao vì tình, Lòng mẹ, Nhảy cù khoai lang, Thơ con ốc, Người vỡ mặt trở về...)



 HỒNG-sự là hè văn có hè nói là trẻ nhất trong văn-học Việt-Nam. Hè văn này chỉ xuất hiện khi báo chí ở nước ta đã bắt đầu vào giai-đoạn trưởng thành, vì phóng-sự chính là văn... viết báo. Thiên phóng-sự đầu tiên xứng đáng với danh-từ phóng-sự là *Cạm bẫy*

người (phóng-sự về bạc bỉp) của Vũ Trọng-Phụng, đăng trên báo Nhật-Tân khoảng năm 1934. Sau đó, cũng trên báo Nhật-Tân, tôi được đọc một thiên phóng-sự nữa cũng rất có giá-trị, với nhan đề là *Chốn thôn quê*, phóng-sự về tập tục và sinh-hoạt của dân quê ở nơi thôn xóm. Tác-giả có một lối trình bày khá đặc biệt là tạo ra một nhân-vật để cho giữ cái vai «tôi» trong phóng-sự ấy. Đó là một tiểu công-chức làm việc ở tỉnh nhưng vẫn bị trói buộc chặt chẽ với thôn làng, nơi chôn rau cắt rốn. Anh có một cô vợ nhà quê hiền lành ngoan ngoãn đúng theo cái kiều «phu xướng phụ tùy» của giáo lý Khòng, Mạnh. Vì thế mỗi lần anh phát biểu ý kiến là mỗi lần «hắn vội - vàng trả lời : Ủ ! ». Thế rồi cứ mỗi khi anh nhận được thư từ lũy tre xanh gửi ra, mờ đầu bằng :

Xuân-cửu, le... 1934.

*Nay tôi có mấy nhời hỏi thăm... được đôi chữ bình yên thì tôi mừng lắm, còn về phần chúng tôi ở nhà quê vẫn được như thường... và tận cùng bằng «Thư bắt tận ngôn», là vợ chồng anh lại vội - vàng sửa soạn về quê để ngoan ngoãn làm trọn phận - sự một người con thảo, một người em hiền, một người dân làng trung thành với tập tục lễ nghi từ ngàn xưa đ𝐞 lại. Và mỗi lần như thế là anh lại phải lo «nỗi hai đầu» vì ngân quỹ gia đình tháng ấy lại một phen hao hụt bởi tiền mừng đám cưới, phúng đám ma, tiền góp giỗ hoặc đóng vào phe giáp việc làng. Dưới mắt anh — mà cũng là dưới mắt độc-giả — những phong-tục, tập quán, lễ nghi phiền toái, cùng nếp sống ngàn đời không thay đổi của người quê nhất tè sống lại trong những nhân-vật hủ-lâu và câu-nệ của thôn quê, linh-động như những hình ảnh trên màn bạc. (1)*

Đó là hai thiên phóng-sự đã làm tôi đặc biệt chú ý và bắt đầu ham thích đọc loại văn này.

---

(1) Tôi rất tiếc không nhớ tên tác-giả thiên phóng-sự này. Nếu tác-giả còn sống và hiện có mặt ở miền Nam mà tình cờ đọc những dòng này, thi xin cho tôi được biết địa-chi để tiện liên lạc (B. B. L).

Vì thế, khi vừa thấy phóng-sự *Lạc vào động bà chúa Hàng Bạc* của Trọng-Lang xuất hiện trên báo Ngày Nay, tôi đã sẵn có cảm tình và nồng-nàn đón tiếp. Và Trọng-Lang đã không làm tôi thất vọng, trái lại, còn tỏ ra có nhiều hứa hẹn. Tôi tự nhủ : « Cây bút phóng-sự này sẽ đi xa ! »

Và tôi vui thích thấy mình nhận xét không lầm. (Cũng xin nói thêm là điều này không có gì là lạ, ai đọc kỹ Trọng-Lang cũng có thể nhận thấy vì tác-giả có khả năng rõ rệt. Tuy nhiên hồi ấy tôi cũng cứ chủ quan vui thích như đã làm được một khám phá vậy ! )

Tiếp theo đó, Trọng-Lang cho đăng báo Phong-Hoa, Ngày Nay một loạt phóng-sự như *Trọng-làng chạy*, *Đời bí-mật của sư vãi*, *Gà chơi*, *Đồng bóng*, *Đàn bà hút thuốc phiện*, và xuất bản *Hà-nội lầm than*, *Làm dân*, *Làm tiễn*, *Với các ông lang*, v.v...

Từ đó tiếng tăm Trọng-Lang ngày một vang xa. Và trong làng văn Việt-Nam, Trọng-Lang nghiêm nhiên có một chỗ ngồi danh-dỰ trong ngành phóng-sự, ngang hàng với Vũ Trọng-Phụng, một cây bút phóng-sự ra đời trước anh, nhưng tiếc-rằng tài cao mà mệnh yếu.

Cũng như Vũ Trọng-Phụng, Trọng-Lang cũng cúi nhìn xuống, cũng đi sâu vào cuộc đời tối tăm cơ cực của những người nghèo khổ, cũng gần gũi những cái gì bị đời hắt hủi coi là cặn-bã, cũng phơi bày mặt trái cái xã-hội ích kỷ xấu xa.

Trọng-Lang cũng tả chân, cũng lột trần sự thật nhơ nhớp, nhưng không quá trắng trợn như Vũ Trọng-Phụng. Do đó, cây viết phóng-sự Trọng-Lang không « tàn-nhẫn » bằng cây bút phóng-sự họ Vũ. Ấy là vì Trọng-Lang tuy phơi bày sự thật bằng một giọng châm biếm, nhưng trong lòng bao giờ cũng bị xúc động bởi tình thương. Còn Vũ Trọng-Phụng thì có lẽ vì quá đau khổ, (1) quá hiều đời, tâm-hồn đã thành chai nên lúc nào

---

(1) Vũ-Trọng-Phụng chết yêu vì bệnh lao trong hoàn-cảnh hèt sức nghèo túng.

cũng nhìn đời bằng cặp mắt lạnh-lùng và thản-nhiên mỉm nụ cười mỉa mai cay đắng.

Cũng nhờ cái tình xót thương kín đáo ấy mà văn phóng-sự của Trọng-Lang không chỉ là văn kỹ-thuật; không chỉ làm cái việc thuật sự khách quan của một bài báo, mà còn khiến độc-giả phải xúc động, phải suy nghĩ... nghĩa là nó gần với văn mà vẫn không xa với báo ; khác nào như một bức ảnh mỹ-thuật vẫn ghi chép đúng sự thật, đúng thiên-nhiên mà vẫn có phần sáng tạo của nghệ-sĩ, vẫn là một tài-liệu trung thành mà vẫn nhiều nghệ-thuật truyền cảm.

Trọng-Lang có một lối văn khá đặc biệt : Nó dí-dòm, châm biếm, linh-hoạt, gợi cảm, gợi hình.

Xin chứng minh bằng mấy đoạn văn miêu tả và thuật sự, trích trong vài tác-phẩm của anh mà tôi hiện có dưới tay.

Ta hãy nghe Trọng-Lang tả một buổi chiều ở thôn-quê, một chiều buồn chìm đắm trong quạnh-hiu và yên lặng :

« Sau khi đã cho tôi ăn cơm với cá kho cà, anh K. đặt tôi ra ngồi xóm ở bờ ao, để xia răng và nhìn vắng nước bàng bạc như nước muối cà. »

« Anh chiều tan dần như sương đe ngấm vào cái buồn thê thảm đến bật nồi lên thành mầu vàng, ngấm vào cái yên lặng đang rung lên vì một cái lá tre rơi trước mặt tôi, rơi vì hơi thở của đôi chim gáy... »

« Một đàn vịt lem-nhem, lạch-bach chạy về. Chúng khào khào bảo nhau khạc rồi nuốt, sợ và khinh lũ ngỗng đi vòng kiềng đang vươn cổ mà « húi húi » ở đằng sau ». »

Cái buồn ở thôn-quê còn thấm-thia hơn, nặng-nề và u-uất hơn nữa khi đêm đã xuống hẳn, trong những gia-dình nghèo :

« ... Nhưng rồi tôi cũng được thấy một ngọn đèn dầu bần bật sáng, chiếu rõ một bàn thờ ông vải, một người mẹ ru con, một cảnh nghèo xor-xác. Giọng ru ngủ là tất cả một dì-vāng cho chúng tôi, Người đàn bà ấy, vẻ tiều tụy trên người ấy là cả một quê-hương. »

« Cái yên lặng của tăm tối thật là rùng-rợn khi nó lên tiếng bằng giọng hát ru của người mẹ ».

Chỉ vài nét bút, Trọng-Lang đã « vē » ra được cái rét của những mùa đông ngoài Bắc :

« Rét ở đầu gió mēnh-mông, « nhìn » mà thấy được, nghe mà thấy được, vi-vút từ chân trời xám, từ mặt đê nâu mà đến. Tất cả các mái nhà sờn gai ốc lên, cả một xóm chum đầm trong cái lạnh mău trắng đục, một thứ mău pha bằng cái buồn thu một đêm có trăng, hay là bằng cái hiu-quạnh của lòng một buổi sáng mồng một tết. »

Ta hãy theo nhà phóng-sự tạm dời thôn-quê ra thăm Hà-nội. Và trước khi bước vào châu-thành hoa-lệ này, ta hãy dừng lại một lát ở ngoại ô, để ý quan sát và ta sẽ thấy những gì đúng như Trọng-Lang đã thấy :

« Ngoài ô là cái trạm cuối cùng của « quê-hương » trên con đường vào châu-thành Hà-nội. Nhưng nó không đẹp đâu, vì Hà-nội đổi nó thành cái nồi nước gạo, thành những thùng rác chứa cái nghèo « rác rưởi », cái nghèo « phong-lưu ». Ấy là những đồng rác của thành-phố, những dân « chạy », những chú « cốc » (ăn mày), những à nhà thò lậu, những gái mãi dâm vẫn còn có thể dùng sắc đẹp và tuồi trẻ để ngoi lên một địa-vị xã-hội được. Lại còn có cả một hạng người nghèo sống bằng cái roi vái của đám nhân-loại « rác rưởi » phức tạp ấy... »

Đã thường thức qua văn tả cảnh của Trọng-Lang, giờ ta hãy thường thức văn tả người của cây bút phóng-sự lão thành này.

Tôi xin tạm lựa ba mẫu người điển hình của xã-hội Việt-nam ta thời gần đây : một cặp vợ chồng nhà giàu xứ quê, một me tây kiết vè già và một bọn ăn mày, lũ người áo ôm khổ rách :

« Chúng tôi đã qua một lần hàng rào tre dày, qua một lần tường gạch cao, qua hai lần cửa lim chắc chắn, đến một lớp sân

gạch lớn, qua mõm những con chó về như ghét người lâm, nhặng sỉ, cát-nhau cát-nhau, đầy một bộ tịch « chó cây gần nhà ». Rồi mới đến chỗ ông Bá đứng. Ông vận áo the dài, đội khăn nhiều quấn, hai tay nắm một chiếc quạt. Trước khi nghe ông nói, tôi đã ngắm ông rồi : cái mặt thì ít mắt nhiều lông mày, nhiều thịt quá, đúng là của xôi, của thịt, của chiếc chiếu nhất ngàn năm trong đình. Nhưng bộ râu buông rủ xuống thì lại là của một ông đồ kiết. Nó rủ xuống và ngả dìu cái mầu trọc-phú của thịt.

Giọng ông Bá rất từ tốn :

— Bàm chừ gió nào mà đưa rồng đến nhà tôm vây như ?

Tôi đang như là đứng trước một cái gì không thật-thà lâm, thì lại tưởng đứng trước sân khấu một rạp chèo cò, lúc thấy bà Bá cũng hai tay nắm quạt vái chúng tôi.

Bà cũng vận áo the dài thắt lưng nải ra ngoài, thản trước áo bồ giọt cà đồng. Bà ra cho chiếu lê, rồi như cái bóng, bà đã đem ngay đi cái hình dáng của một người đàn bà Việt-nam ba chục năm về trước.

Chúng tôi uống nước trà tàu, nghe câu chuyện « tòng lý » kéo dài qua những tiếng cười ròn mà chỉ có lão kép hát mới cười được.»

Và đây một me tây già kiết dưới ngọn bút của Trọng-Lang :

« Tôi theo lời người chỉ đường, tôi cũng hỏi : « Bà Cai đâu ? » Tức thì có một tiếng dạ thật « nghè » vang lên, và có một bà tất tả đi vào, vừa đi vừa nói : « Dạ, dạ, tôi đây ! Cai già đây ! »

Tôi thường nghe người ta kể chuyện trên đời vẫn có bà chăng, có những con yêu tinh, những mụ phù thủy.

Có lẽ là bà Cai này đấy, với cái búi tóc to bằng quả cau, một ngọn mũi nhọn hoắt, đôi mắt bé trắng đã và một thân hình ướp muối, cao lêu-liêu, lép kẹp. Giá cho bà vận quần áo đàn ông, thì bà sẽ đúng là một ông nghiệp so bại, có cặp môi thâm mỏng khoé giỗng một vết khía trên miếng thịt trong thì den nhờ như bùn, ngoài vàng khè tựa sáp ong.

*Con người ấy mà xưa kia Tây yêu nỗi, thì thị hiếu của thiên hạ thật khác chúng ta nhiều. »*

Sau hết là bọn ăn mày, một vết nhơ của những quốc-gia nghèo và hậu tiến :

*«... Và ăn mày, cả người già lẫn trẻ con mà toàn thân chỉ còn là cái bụng.*

*Những ma đói ma khát ấy, mùa hè qua, tôi còn thấy đeo tā khắp người. Những tā ấy đã rụng ở trên, lại rụng ở dưới nhưng còn lại ở quăng giữa, đè phân biệt vật với người. Hôm nay bụi quyến với mồ-hôi đã vē thành những hình tā mới trên những mảnh da đen vàng xám. Cái nhoc mệt tự trời gieo xuống đã giúp cho chúng đỡ phải tạo lẩy — như một lũ hè — những nét đau khổ làm cho bức minh, trên những bộ mặt héo như ướp muối.*

*Ăn mày bắt đầu bâu lẩy chúng tôi. Anh K. kêu trời. Vì chỉ mỗi kè một mảnh tā, một mảng tóc mà cũng đủ đè « xe » đến cho chúng tôi cái hơi thiu thối của cả một xe rác... »*

Giờ xin mời các bạn thường thức một đoạn văn thuật sự : nói về cảnh vợ cả vợ lẽ trong gia-đình một... bác phu xe :

*« Anh K. thản nhiên nói :*

*— Kè cũng phiền. Đi làm quần quật cả ngày, bữa đói bữa no. Tôi lại thức đè dỗ con. Mà lại là con của người khác ! Ngứ này rồi cũng bước sớm thôi !*

*Tôi hỏi anh, vì hỏi đã là một thói quen của tôi rồi :*

*— Một vú em, có lẽ ?*

*Anh K. vẫn thản nhiên :*

*— Một vợ lẽ, thưa ngài ! Mà là vợ lẽ của bác xe Thụ, người làng tôi. Cái sự bác lấy vợ lẽ này, áu cũng là do một món nợ tiền kiếp nào đó của nhà bác vậy.*

*Bác có vợ đã mười lăm năm rồi. Mãi đến năm kia, bác mới sực nhớ rằng bác có thể chết được. Mà một khi nằm xuống thì*

thiếu hẳn một người đốt hương cho bác và một chân kéo xe cho xâ-hội. Bác liền lẩy vợ lê...

Rồi hai năm đã qua, trời mới gia cho họ một tai ương không ngờ : vợ lê không đẻ mà vợ cả lại đẻ được một cậu con trai đen trùi trũi.

Anh K. nheo mắt nhìn, rồi làm bầm :

— Giữa cái nghèo túm túm đó, tôi cũng vẫn chưa thấy có chuyện gì.

Anh chợt đòi giọng :

— Quên ! Có đây, nhưng soáng thôi ! Chả hạn thỉnh-thoảng bà cả cột tóc bà hai vào cây cau rồi vụt, làm cho bà hai cứ vòng quanh gốc cau mà chạy như ngựa xiếc !

Anh kết luận :

— Phải có thỉnh-thoảng như vậy, thì đòi họ mới đỡ... té. Thị tôi mới được thấy... nước mắt của họ, đè mà yên trí rằng mình vẫn uống chung cùng một giếng nước với... « người » ! (I)

Tôi còn muốn trích dẫn nhiều nữa, nhưng tưởng bấy nhiêu cũng đủ để bạn đọc có ý niệm khá rõ về « lối văn Trọng-Lang » cùng tài nghệ của anh.



Tuy biết Trọng-Lang qua nhiều thiên phỏng-sự, nhưng tôi chưa được quen anh. Và phải đợi đến tháng chín 1954, nghĩa là sau hiệp-định Genève, tôi mới được gặp anh lần đầu tại Sài-gòn.

Hồi đó mới di cư, nhiều anh em cầm bút thấy có nhiều điều muốn nói mà chưa có « chỗ » nói, và cũng cần viết để cho vợt bớt nỗi buồn, nên vui lòng đáp ứng lời mời của hai bạn Nguyễn-Trinh và Tú-Duyên, « viết chơi » cho tờ tuần-báo *Đây Sài-gòn* do bạn Nguyễn-Trinh làm chủ-nhiệm. Tôi dùng chữ « viết chơi » vì chẳng có nhuận-bút gì hết. Làm báo chỉ là một cớ để anh em có dịp gặp nhau mỗi tuần vài lần nói chuyện

---

(I) Tất cả những đoạn văn trích dẫn trên đây đều rút trong hai tập phỏng-sự *Những đứa trẻ và Vợ lê nàng hầu*.

phiếm và... nhậu nhẹt. Tuy vậy mà cũng tập hợp được một số khá đông anh em như Nguyễn Hiến-Lê, Trọng-Lang, Phạm-văn-Sơn, Tam-Lang, Dương-tử-Anh, Bạch-Linh, Nguyễn-Hương, Trọng-Vân, v.v...

Trong số, có anh vì sinh kẽ, vì thiết thực, chỉ viết giúp cho tờ báo được một thời-gian. Nhưng nhiều anh vẫn giữ vẹn thùy chung cho đến ngày báo định bàn. Trọng-Lang là một trong số những người sau này.

Tôi còn nhớ mãi lời anh nói với tôi : "Tôi không biết rõ anh Nguyễn-Trinh, nhưng tôi thú anh. Mà đã thú nhau thì cái tình là trên hết. Vì thế mà tôi vui lòng viết giúp cho «Đây Sài-gòn» dù chỉ là viết chơi!"

Anh sở dĩ nói như vậy với tôi là vì tôi «bị» anh em ép làm chủ bút! Về việc làm báo «Đây Sài-gòn», tôi còn giữ được nhiều kỷ-niệm êm đẹp ngoài sự quên được phần nào cái buồn ly hương lúc ban đầu và trong số kỷ-niệm đẹp ấy có mối tình bạn chân thành của vài ba anh em.

Ở đời, có những người thích nói : Võ được ai, là nói huyên thiên quen cả thời-giờ và không cần đề ý xem người nghe có theo dõi mình không! Họ thích nói như người đói lâu ngày thèm ăn. Trọng-Lang thuộc hạng người đó. Nhưng có điều khác là những kẻ nói nhiều thường bị người ta không ưa và xa lánh, nhưng với Trọng-Lang người ta không sợ gần anh.

Anh nói nhiều, thật nhiều. Tôi vốn cũng là một kẻ hay nói mà gặp anh vẫn phải nhường lời, ngoan ngoãn đóng vai thính-giả. Trong đầu anh hình như lúc nào cũng có bao nhiêu vẩn-đề, bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu nhận xét cùng sẵn sàng tuôn ra một lúc như nước vỡ bờ. Anh nói bằng cả mồm, mắt, đầu và hai tay, thỉnh thoảng lại điểm mấy tiếng cười hì hì khoái trá. Thành-thực mà nói, ta phải nhận rằng tư-tưởng của anh thường chủ quan đói khi niềm vè tự phụ nhưng đúng nhiều và có lúc rất sâu sắc, tỏ ra là người đọc rộng và từng trải.

Anh cũng nhận là anh có tật nói nhiều. Và gần đây, nhân

cùng tôi phiếm luận về thiên hạ sự, anh cho đó là một thè của bệnh... điên. Theo anh, người ta ai cũng điên hết, không nhiều thì ít.

Tôi điên, anh điên, nó điên... Điên dở mà cũng có điên hay. Điên nên tránh, nhưng cũng có khi điên lại cần. Và anh đã ráng trình bày văn-dề phúc-tạp này trong tập «Điên thời-đại».

Xin trở lại chuyện anh cộng tác với báo «Đây Sài-gòn». Trong báo này, anh cho đăng thiên phóng-sự dài về đồng quê nhan-dề là *Thi-vị Đồng ruộng* và phụ trách mục phiếm luận *Ngang như cua* (với bút hiệu Ba Huế). Ngoài ra, thỉnh-thoảng lại còn cho đăng truyện ngắn nữa.

Văn phiếm luận của anh rất dí-dòm, chua chát và sâu sắc. (1)

Còn phóng-sự «*Thi-vị Đồng ruộng*» là cả một bài thơ dài — mộc mạc những chân thành và rất gợi cảm — làm cho ta càng thương nhớ quê-hương miền Bắc thiết-tha.

Giới-thiệu «*Thi-vị đồng ruộng*», tòa soạn «Đây Sài-gòn» đã viết : «*Thiên phóng-sự này, bạn Trọng-Lang viết từ năm 1943, tại Bắc-Việt, giữa lúc đồng ruộng hãy còn đầy rẫy — nếu không là nguyên vẹn — cái «chất sống thiên-nhiên» tuy phong-phú, nhưng chỉ đủ để... cầm hơi cho cái sông nghèo nàn, đầy «thi-vị» cay đắng của người dân quê miền Bắc hồi nào.*

*Việc xảy ra cách đây mười một năm rồi. Nhưng, lúc này, nó đã có một ý nghĩa rộng rãi, ngoài cái giá-trị một tài-liệu sống hiếm có. Nó là hình ảnh linh-động của «quê-hương» trong hoàn-cảnh đau thương đang ôm quê-hương trong lòng để di xây dựng một «quê hương» trên cái «chất sống thiên-nhiên», cũng như trên cái «chất sống» của tình người. Và riêng chúng ta, ít nhất, chúng ta cũng tìm được — qua «*Thi-vị đồng ruộng*», dưới ngòi bút sâu sắc của tác-giả «Hà-nội làm than» và «Làm dân» — một rung động mạnh mẽ cho tim óc được trở về với nhiều kỷ-niệm cũ hay là một ý niệm nào đó về một «quê-hương» đã không còn.*

(Đây Sài-gòn số 7 ngày 25-9-54)

(1) Xem bài «Cách-mạng và cách-mạng» trong phần Văn tuyển.

Để bạn đọc có ý niệm rõ ràng hơn về thiên phong-sư đáng yêu này, tôi xin lừa trích vài ba đoạn :

« Một khoảng đất độ năm mươi, một ngôi chùa cò, với những cây đã sống đến trăm tuổi, cằn-cỗi, lầm-lì trong một cảnh tiêu-sor, bất diệt. Từng chõ và từng chõ, một cái mà và một cái mà. Một bụi duối chõ này, một bụi dứa chõ kia : vài nét tươi tắn giữa một mảnh bạc mõc. Ánh mặt trời lọc qua mây, qua lá cây dày sít, xuống đến tôi còn hơi âm ấm làm cho lòng tôi chanh nhớ đến một buổi sáng mùa thu. Cái thi-vị huyền ảo của cảnh đùi tôi ngồi yên một chõ.

Chợt thấy bác Nhờ (I), tôi nghĩ ra rằng ở chõ mơ mộng này một mô đất, một hốc cây, một tùng lá đều ủ một thứ nọc giết người. Tôi đang ngồi trong một chõ bị « đầu độc ».

Dời nơi cảnh đẹp nhưng ám-u và « nguy hiểm » này, ta hãy theo tác-giả vào thăm nhà một dân quê, bác Tư Chim :

« Tôi trở về quê nhà. Tôi đi tìm bác Tư, một người chuyên sống về nghề bẫy chim.

Bác đã y hẹn đợi tôi. Bác vẫn đeo bộ quần áo cảnh nau bạc phếch như mầu thân cây cò-thụ. Trong căn nhà, thoát trông như một cái chuồng gà kê liền xuống đất, chỉ có vài cái phản mục thấp, nước trè tươi và những trống rỗng cùng trống rỗng. Nhưng mà sạch như lau như li, đầy ánh sáng mặt trời, chui rúc vào cả tối gầm phản.

Bác trịnh trọng dẫn tôi ra vườn. Vườn của bác mới thật là thế-giới của loài chim, của những cây bưởi trĩu những quả, của na chín, dì từ thời hình như chỉ để riêng cho đợi ăn. Một vật làm tôi chú ý : một chú cò hương mỏ nhọn gần bằng cái dùi, đang lờ-đờ, tỉ-mỉ theo dõi, có lẽ, một tư-tưởng gì như một thi-sĩ.

Và những lồng chim nhốt sáo, chich-chòe, gi đá, vành khuyên, đang riu-riu truyền tin cho nhau, làm rộn cả một góc vườn ».

Và đây là hình ảnh thân yêu của một thế-hệ đã tàn, dè rồi đây không bao giờ ta còn được thấy nữa :

(I) Tên một người chuyên sống bằng nghề bắt rắn.

« Tôi trở lại thăm cụ Thống Lang. Cụ đang cúi lom-khom ngoài vườn, rủ bộ râu cước dài trên những lá lan.

Trong ánh nắng tràn trề, một cái sân đất, một giàn hoa và, dưới giàn hoa, một con gáy đang « gù » là tất cả thi-vị gợi nhớ, gợi thương của thôn-quê. Nhưng cũng là một bức tranh có đáng quý, khi giữa cái thi-vị đó, âm-u một ông lão đã từng sống những ngày cuối cùng của thế-kỷ đã qua. Tôi có cảm-tưởng như bỗng sống lùi lại quãng đời đè chòm, trên đầu gối ông nội, lúc nghe cụ Thống cười hề hề và ngân giọng như ngâm thơ...»

Sau hết, xin mời bạn đọc thường thức bản nhạc đêm của đồng quê, một bản hòa âm của rất nhiều nhạc-công và nhạc-kí:

« Rời cái tôi âm-u, nặng-nề của một đêm không trăng sao đến sầm-sập với phường bát âm riêng, với hương hoa riêng của đêm tối. Tôi yêu cầu bác Tư đợi cho tôi được thường thức điệu nhạc đêm một lát. Trong nhạc đêm đó, tôi vừa nhận ra được những tiếng « ồm-ồp » bị gió át đi của một con ếch.

Ngay trước mặt tôi, như có tới cả trăm con ve sầu đang cùng kêu rèn-rèn. Từ tim phòi tôi, bay ra những tiếng « krich krich ». Và, khắc-khoải ngoài ruộng xa, chỗ này « chuộc » thì chỗ kia lại « chảng chuộc ». Lại có cả một cái gì chắc vĩ-dai, gồm ghiếc lầm đang ngủ; vì nó ngáy « vờ rè, vờ rè » to như tiếng máy chạy. Rồi gần ngay chân tôi, một cái gì nói tiếng hồng-mao tự trong cuồng họng ra « lết-sân, lết-sân » (lesson) hay là kêu liên thanh bằng một giọng tri mũi: « Ghét ! Ghét tôi, tôi ghét ! ».

Bác Tư giảng rõ từng cái cho tôi nghe: « Tiếng ve sầu kêu là nhái bén. Cờ-lịch là dẽ mèn. Chuộc và chảng chuộc là anh chão-chuộc. Ngày vờ rè là chú giun khoang, to như con lươn mít. Nói tiếng hồng-mao hay là kêu « ghét, ghét ông » là anh ễn-hương đấy !

Xong, bác cười :

— Có thể mà cứ ngàn mãi người ra ! Thôi ta đi đi !

Theo ánh sáng được chụp-chờn như ma trời, chúng tôi lẩn theo bờ ruộng, xéo lên bùn, xéo lên cả âm-nhạc lẫn nhạc-công của đêm

*tối, xéo lên những tiếng chó sủa râm ran. Từng bước lại đung trán vào bóng tối, từng bước lại như vấp phải một cái gì ròn ròn...»*

Chính vì văn viết có «vị», có «hồn», có nghệ-thuật và gợi cảm như vậy nên phóng-sự của Trọng-Lang nhiều đoạn hay như một bài văn hay, đẹp như một bài thơ đẹp. Nó đã từ địa-hạt báo bước lên địa-hạt văn. Chả bù với đa số những thiên phóng-sự bây giờ chẳng những không làm trọn nhiệm-vụ một bài báo phơi bày sự thật mà còn bóp méo cả sự thật, bằng một giọng văn nếu không tầm thường nhạt nhẽo thì lại pha trò thô tục hoặc tán nhảm vô duyên.

Cho nên tôi lại nhớ đến lời Hoàng-Đạo nói về Trọng-Lang trước đây, từ năm 1937 : «Trọng-Lang hai mươi năm sau hoặc có người thay anh hẳn, hoặc không có người thay anh được». (1)

Hơn hai mươi năm qua rồi mà trong làng văn phóng-sự Việt-Nam chưa thấy thấy triệu chứng gì báo hiệu sự xuất hiện của một cây bút xuất sắc (2).

Lời nói của Hoàng-Đạo hoặc giả có phần nào đúng chăng ?



Để trả lời những câu hỏi về bước đầu vào làng văn, lý-do lựa chọn con đường phóng-sự, cách làm việc, kỷ-niệm vui buồn trong đời văn (nhất là những kỷ-niệm khi cộng tác với nhóm Tự-Lực văn - đoàn), những tác-phẩm ưng ý, quan-niệm về phóng-sự, v.v... Trọng-Lang trao cho tôi cả một tập tài-liệu dày cộm và nói bằng một giọng vui-vẻ, cởi mở :

— Tất cả những câu anh hỏi, đã được trả lời đầy đủ trong

(1) Lời Hoàng-Đạo nói với một người bạn là Ngô-bằng-Diễn. Trọng-Lang nghe được, tưởng là nói đùa. Hồi lại thì Hoàng-Đạo nghiêm trang lặp lại, khiền — theo lời Trọng-Lang — «tôi không khóc lo lo, và cũng vì lời nói của anh mà tôi chuyên viết về phóng-sự, cò sao mỗi ngày mỗi tiền trên con đường ít bộ hành này».

(2) Ngoại trừ một Phi-Vân ở miền Nam nhưng lại chỉ chuyên viết về đồng quê, và một Nguyễn-Hoạt — mà từ lâu tôi được đọc mấy đoạn phóng-sự trong báo Ngày Nay — tờ ra có nhiều triển vọng, song tiếc thay nhà văn này lại bỏ phóng-sự mà đi sang đường khác !

tập báo chí và tài-liệu này. Anh cứ việc cầm về và toàn quyền xử dụng. Ngoài ra, nếu có điều gì cần rõ thêm, xin cho biết, tôi sẽ trả lời sau.

Và đây tôi xin nhường lời đè Trọng-Lang «tâm sự» với các bạn :

● **Bước đầu** : Trước hết, xin nói ngay rằng tôi chỉ là một ký-giả bắt đắc dĩ. Mục-đích của tôi là : *Tôi viết cho tôi ; tôi viết để thỏa mãn tôi*.

Tôi là con đẻ của phong-kiến, nhưng lại là con tinh-thần của cách-mạng. Nói ra nghe kỳ lăm, nhưng sự thật là như vậy. Ông thân ra tôi đậu phó bảng, đội mũ cánh chuồn, (1) mà lại là bạn đồng-chí của cụ Phan-bội-Châu. Lúc thầy tôi ở Pháp về thì từ quan đè đi diễn-thuyết và viết kịch cho Đông-Kinh nghĩa-thục. Các cụ đã có lần đọc cho tôi nghe câu : « *Thăng Bình viết kịch, thăng Châu tuyên truyền* ». Đó là câu các cụ làm ra để phân công cho nhau : tức là thầy tôi thi giữ việc viết kịch, mà cụ Phan-bội-Châu thi đi tuyên truyền. Cái kịch đầu tiên của thầy tôi là « *Bài ca Á-tế-á* » có lần đã được khắc vào đá, đem đặt ở ngõ Gia-ngư Hà-nội, và làm cho cả phố bị bỗ ráp mạnh. Phong-trào tan vỡ, thầy tôi bị Tây buộc ra làm huấn-đạo, rồi lần mò đến chức tuần-phủ mới chịu về hưu. Anh thấy chưa ? Thầy tôi đúng là một thân « *sống cũng như thừa, nhọ góp vai* » (2) mà lại chứa một tâm-hồn cách-mạng chống thực-dân. Thầy tôi là hai người gồm lại, luôn luôn chổng đối nhau. Tôi cũng vậy. Tôi làm công-chức, rồi viết bá, chống bất lương, bất công, chống Tây « *sáng tác* » ra công-chức.

(1) Thân phụ tác-giả là cụ tuần-phủ Trần-tán-Bình. Tưởng cũng nên nói thêm rằng chính cụ Trần là tác-giả câu đối « mừng » cô Tư Hồng, một me tây lừng danh đất Bắc một thời, khi ông thân cô được sắc phong của Nam-riệu : « *Ngũ phẩm sắc phong hàm cụ lớn ; Trăm năm danh giề của bà to.* » Câu đối này, nhiều người thường lầm là của cụ Tam-nguyên Yên-Đô. (B.B.L.).

(2) Câu đối của cụ Trần-tán-Bình khắc ở nhà mồ : « *Chết không có hẹn, xanh vùi cổ ; Sống cũng như thừa, nhọ góp vai* ».

Năm 1924, trước cành đốc-học Lomberger đánh đập anh em đồng học ở trường Bưởi, tôi đã nhảy lên đầu bàn học vừa khóc vừa hét đả đảo Lomberger. Tôi « hân-hạnh » được sở mật-thám tây ghi tên vào sổ đen cùng với anh Chương (tức bác-sĩ Phạm-hữu-Chương) và anh Bùi-ngọc-Ái. Hình ảnh tây đánh ta đã ghi sâu vào tim óc tôi. Tôi là « phong-kiến » mà ghét phong-kiến ; tôi đi làm với Tây ở phủ toàn-quyền mà lại ghét Tây. Đời con người tôi như thế thì tất nhiên chỉ là một cuộc nội loạn thường xuyên, trong đó cái lố-bịch đáng ghét và cái cao diệu đáng yêu đánh nhau... bằng thích. Hai cái đó, nếu theo lời nhà văn-hào Victor Hugo, thì đúng là tất cả cái chất nghệ-thuật vậy.

Chất nghệ-thuật ấy làm nao lòng mà cần phải được xả hơi. Tôi xả hơi nó vào những bài thơ, những tiểu-thuyết ngắn đăng trong nhật-báo Đông-phương của Mai-du-Lân khoảng năm 1930.

Khoảng 1932, tôi quay về viết những bài dạy cách « đấm đá để hộ thân » (tức là võ Tàu) trong báo Bắc-kỳ thể-thao. Sau viết bài tường thuật những trận đấu bóng tròn cho Ngọ-Báo ; tổ-chức cuộc gấp gõ các tay đua xe đạp ba kỳ (trong số có Bóng miền Bắc và Yên, Còn miền Nam). Tôi tham gia Tòng-cuộc thể-thao Bắc-kỳ, làm trưởng ban xe đạp và võ Hồng-mao. Tôi nghĩ đến việc cần phải « mạnh » đã.

Nhân đó mà sáng tác được một vở kịch vui năm màn, được công diễn năm 1932 tại một nhà hát lớn Hà-nội, do Tú Mỡ đóng vai chính. Kịch lấy tên là « Thể-thao vì tình » với dụng ý chế diều bỡn cợt những anh yếu.

Nhưng thật ra, tôi chỉ tìm thấy lẽ sống cho ngòi bút khi phụ trách viết phóng-sự cho hai tờ báo Phong-Hóa và Ngày Nay của anh Nhất-Linh.

### ● Tại sao tôi viết phóng-sự ?

Vì đời ngay cạnh tôi thảm hại quá và đòi hỏi gắt gao một rung động của trái tim mở nguồn cho một cuộc thay đổi lớn lao phải có ở xã-hội. Cờ lý-tưởng bị hạ xuống. Và cái cờ

của mực nát được trương lên với màu sắc vàng mạ của ván bǎng, chúc tước, mũ cánh chuồn, của bài ngà nô lệ... Trong khi ấy, tôi tìm thấy trong cống rãnh, trong sọt rác, cái món danh-dụ của con người... Chung quanh ta, có biết bao nhiêu kẻ khốn nạn đáng thương, như những kẻ đánh đĩ dài hạn, những vợ lẽ nàng hầu, những đứa trẻ ra đời như một tai nạn sinh-lý, những kẻ cắp không có bằng cắp. Tôi chỉ nhìn là thấy, chỉ đi là gặp họ. Họ không cho tôi được có thì-giờ nghĩ đến trên trời và cõi âm. Tôi bèn bỏ thơ, bỏ tiểu-thuyết, bỏ kịch. Vì — theo tôi nghĩ — thơ là siêu hình của tình-cảm, tất nhiên những kẻ khốn nạn kia sẽ bị « thi-vị hóa » bởi nhà thơ. Vì tiểu-thuyết, siêu hình của trí-tuệ, là giả tạo, tất kẻ khốn nạn kia còn để thêm ra nhiều kẻ khốn nạn khác với trí-tuệ của nhà tiểu-thuyết. Vì kịch, siêu hình của ý chí, là sáng tác — sáng tác như Thượng Đế — tất sẽ sáng tác ra những nhân-vật mới theo hình ảnh của kịch tác-gia. Tôi thấy không nên mơ bên đống rác, không nên bóp méo nhân-loại và không nên sáng tác thêm nhiều đống rác...

Những kẻ khốn nạn của cống rãnh Hà-nội, của cái lò mực dân (chỗ nuôi người như nuôi súc vật) đủ rồi, quá đủ rồi cho một người viết bằng mực máu, bằng tình thương, chứ không bằng « nghệ-thuật ». Phải đúng và thật. Vậy chỉ có môn phóng-sự. Tôi lăn vào phóng-sự để viết cho tôi, nghĩ đến tôi khi nhìn lũ người lầm than đang nhìn mình bằng đôi mắt trắng của khinh bỉ hay bằng đôi mắt vàng của thiếu thốn.

Phóng-sự chính là lẽ sống của báo chí. Vì thế, tôi đã ngã vào lòng báo chí một cách bắt đắc dĩ. Xin nói ngay là tôi chỉ viết bài thuê cho báo chí, chứ chưa hề có thẻ ký-giả, ăn lương tháng như một ký-giả. Có vài lần tôi làm chủ-nhiệm các báo Thông Tin, Ngày Mới, Thời-Đại, Vì Nước, hay làm một anh Ba Vui, Ba Huế, một Lão Trương, một chú Ba Phải, một cái Đinh Bù-Loong, một cậu Ký Cà-nông; một bác Trường Tốc, lại làm cả một... cô Liên-Hương, cũng là như trên, nghĩa là... bắt đắc dĩ, rất « thế chẳng đứng » ! Và là làm cho tôi, vì tôi « thương » tôi, thế thôi !

Tôi nhớ mấy câu sau này trong bài tựa cuốn «Les Misérables» của Victor Hugo : «Trong xã-hội, bởi luật-pháp và phong-tục, còn có sự dày ải con người, lấy tay con người mà tạo ra giữa đời văn-minh này những địa-ngục hắc ám..., khi chưa giải quyết được ba vấn-dề của thời-đại là con người phải mất nhân-cách vì nghèo, người đàn bà vì đói mà mất phàm-giá, đứa trẻ không phát triển được sức sống vì nạn mù chữ tối tăm..., nói một cách khác, hễ trên trái đất này còn có sự ngu dốt, sự cực khò thì những loại sách như sách này không đến nỗi vô ích».

Và tôi lại tâm niệm mấy câu thơ của gia nghiêm :

*Cũng có lúc bầm gan tim ruột,  
Vạch trời kêu mà tuột gươm ta.  
Cùng xương, cùng thịt, cùng da,  
Cùng hòn máu đỏ con nhà Lạc-long.  
Thế mà chịu trong vòng trói buộc,  
Bốn mươi năm nhớ nhuốm lầm than!...*

Trong tâm-niệm đó, tôi đi sâu vào đời sống của những kẻ khốn cùng, rồi viết được một loạt phóng-sự trong khoảng sáu năm, từ 1937 đến 1943.

Tôi viết phóng-sự cho vơi bớt nỗi đau lòng. Tôi viết trước hết là để thỏa mãn tôi. Độc-giả thích đọc *Hà-nội lầm than*, không phải vì tôi, mà là vì độc-giả cũng có một trái tim như tôi vậy. Trái tim của tôi, tôi đã ví với một «nhà thương lớn có đủ chỗ cho từ một con diễm đến một bà hoàng».

#### ● Cách làm việc :

Lối làm việc của tôi cũng không có gì đặc biệt. Tôi không có chương-trình gì cả. Gặp đâu viết đó. Thích cái gì thì viết. Lúc khỏe thì nghỉ. Chỉ có lúc nào mệt, lúc nào buồn thì mới viết cho nó... đỡ mệt và đỡ buồn!

#### ● Kỷ-niệm về Tự-Lực văn-đoàn :

Trên kia, tôi đã trình bày lý-do khiến tôi chọn ngành phóng-sự, nhưng tướng cũng cần phải thêm một điều là chính anh

Nhất-Linh đã đầy tôi vào con đường này. Trong tòa soạn Phong-Hóa, Ngày Nay, anh Nhất-Linh là linh-hồn cũng như khối óc của bộ biên-tập. Anh đã biết khai thác đúng mức sở trường của mỗi cộng sự viên. Chính anh đã khuyên Khái-Hưng viết truyện, thúc Tú Mỡ làm thơ trào-phúng và đầy tôi vào đường phóng-sự.

Nhân-vật đầu tiên của tôi khi ra mắt trên báo Ngày Nay là một « me tây » tự xưng là chúa động Hàng Bạc, bà con thường gọi là bà Bé Tý. Tôi đã nhìn bà ta trên vàng bạc của Tây để nghĩ đến bà và những kẻ đang sống dưới gối Tây. Thiên phóng-sự ngắn ấy lấy nhan đề là « *Lạc vào động bà chúa Hàng Bạc* », được anh em ưa thích; và sau đó, anh Nhất-Linh trao hẳn cho tôi mục phóng-sự của Phong-Hóa, Ngày Nay.

Nhân tiện tôi xin nói qua về cách tờ-chức tòa soạn hai tờ báo này, vì đó cũng là một kỷ-niệm về Tự-Lực văn-đoàn. Chủ-nhiệm thì dĩ nhiên là anh Nguyễn Tường-Tam rồi. Còn chủ bút thì thay phiên nhau, tùy từng trường-hợp.

Ví dụ : anh Tam có lần kiêm chủ bút. Anh đã bỏ hết quảng-cáo để đăng bài. Anh Thạch-Lam (tức Nguyễn Tường-Lân, em ruột anh Tam) thì chủ trương dung hòa « viết và bán » : anh yêu cầu để quảng-cáo mà bớt bài, nếu cần. Nếu thấy báo hơi sút kém về tài-chánh, thì anh Thạch-Lam lên làm chủ bút. Có thể nói anh Tam lên điều khiển tòa soạn với cái bút ; còn anh Lân thì ngoài cái bút còn kèm theo một cái cặp đeo... đựng tiền.

Năm 1945, anh Thế-Lữ làm chủ bút, nhưng anh mãi diễn kịch mà quên cả viết, nên tôi « bị » lên thay (lúc ấy anh Nguyễn Tường-Bách làm chủ-nhiệm).

Về tiền lương thì ai có việc làm rồi chỉ lĩnh từ 15đ đến 20đ một tháng (như Tú Mỡ lĩnh 15đ và tôi 20đ), ai hoàn toàn sống vì bài vở viết cho báo thì lĩnh 70đ.

Có một điểm đáng ghi nhớ là cái không khí tòa soạn, lúc nào cũng đầm ấm và trong trẻo. Mùi hoa hăng ngày của anh Khái-Hưng mua để bày bàn và hương vị của mực, của tinh bột làm cho ai đã đến tòa soạn đều muốn quên về. Mọi người

ura ngồi nán lại nghe anh Thạch-Lam gảy đàn tam thập lục, xem anh Khái-Hưng đánh cờ và uống một chén trà tàu mà anh Khái-Hưng giới-thiệu : « Trà này ngon nhất ! Anh Thạch-Lam bảo thế ! »

• Kỷ-niệm vui, buồn :

Trong đời văn, tôi có rất nhiều kỷ-niệm : vui có, buồn có, cảm-động có và buồn cười cũng có. Xin kể vài kỷ-niệm :

Có lúc ba anh Tú Mỡ, Thế-Lữ, Khái-Hưng và tôi thi nhau viết truyện vui. Truyện của tôi « Lường tài cún » (Lượng địa quan, nghĩa là Quan đo đất) được các anh em trong tòa soạn Ngày Nay cho là vui hơn hết.

*Buồn cười* nhất là dạo tôi viết thiên phóng-sự « Sống sót » nói về đời tàn của thực-dân. Có mấy ông Tây trong sở mật-thám Liên-bang dọa : hễ chúng trở lại Đông-Dương thì người Việt đầu tiên chúng đem bắn là tôi !

Về kỷ-niệm *cảm động*, tôi nhớ mãi những giọt lệ của anh Khái-Hưng khi anh đọc phóng-sự của tôi về « Trường mù ». Tôi đưa người đọc vào cái thế-giới tối tăm ấy bằng cách không nói gì đến ánh-sáng, đến mặt trời, cố ý chứng minh rằng có nơi người ta sống không cần trông thấy. Tôi đã cố tình nói dối bằng sự lâng quên. Đó tức là nói dối không nghệ-thuật !

Một việc làm tôi cảm động nữa là do thiên phóng-sự « À, Sè-gòn ! ». Khi viết thiên phóng-sự này, tôi có vui đâu. Tôi đã viết như một ông đồ viết câu đối tết trước khói trầm thơm, lòng đắm đuối trong cái buồn di-vãng. Thế mà có hơn một trăm độc-giả đã trả tiền trước một năm báo với điều-kiện là « tác-giả phải viết mãi như thế vì buồn cười lắm, nếu không thì bà con đòi tiền lại ! ».

Và, sau hết, đây là một trong nhiều kỷ-niệm *buồn* :

Tôi biết ngoài bút trào-phúng của tôi đã làm cho nhiều người buồn và ít người vui. Những người « bị buồn » nhất vẫn không hề ghét tôi. Có lẽ đó cũng là một kết quả tốt, nhưng rất mong

manh. Vì, gần đây, mấy vở kịch vui của tôi bị nhiều người ghét lầm, Mà là họ ghét hộ nhau kia! Ghét muốn... đồ đi! Thế cũng là một kết quả trong giai-đoạn này. Ví dụ như cái kịch *Nhảy cù khoai lang*. Có kẻ chê là: « Bịa! Ngoài kia đâu có thể! » Có kẻ lại cho là: « Nó có ý đề cao ngoài kia nữa! ».

Nhưng nó đã được công diễn đến mấy trăm lần riêng trong năm phần Việt-nam này, và được đưa lên cả màn ảnh. Kẻ kia liền tìm cách đem kịch vào tận Trung-Việt, cho diễn trước những khán-giả hiều « ngoài kia » nhất vì toàn thế đã ở ngoài kia về, để những đồng bào ấy nhận xét, phê bình cho... chết! Bất ngờ chính những đồng-bào ấy lại công nhận vở kịch là đúng sự thật. Họ nói: « Ngoài kia còn tệ hơn thế nữa! » Tôi chưa hề sống một phút nào với « ngoài kia ». Nhưng tôi đã nghĩ đến những gì sẽ xảy đến cho « ngoài kia ». Ngòi bút trào-phúng đã sáng tác được một sự thật sẽ đến. Vì lòng tôi đã khóc, khi mực tôi cười.

### ● Những tác-phẩm ưa thích :

Trong số những tác-phẩm đã xuất bản của tôi, vừa ý tôi nhất có cuốn *Những đứa trẻ* (viết năm 1945, xuất bản năm 1950). «Những đứa trẻ» với « Vợ lẽ, nàng hầu » ghi một biến thè của nghèo khổ và căm hờn hợp nhất, ghi một giai-đoạn mà con người được cụ-thè hóa tình thương đổi với nhà, với nước, với con người. Trong *Những đứa trẻ*, tôi đã tìm được cho tôi một lối viết phóng-sự, trong đó mực máu hòa lẫn, đã cho phép người viết phóng-sự được « nghĩ » và « nói » sau khi đã « nhắm mắt nhìn rồi thấy ».

Ngoài ra, «Những đứa trẻ» và « Vợ lẽ, nàng hầu » còn là hai văn-đề xã-hội đòi hỏi sự giải quyết cấp bách, lúc ấy. Và cho đến giờ, nó vẫn còn giá-trị của nó : giá-trị một văn-đề nóng hổi.

### ● Quan-niệm về phóng-sự :

Phóng-sự thật ra vốn thuộc thè văn báo chí. Nó đi từ tin vặt có phê-bình, đến điều-tra, kỹ thuật. Tham vọng của nó rất nhũn-nhặn : làm thỏa mãn tính tò-mò của người đọc báo và,

nhân thè, trưng bày một cách khách quan, một xã-hội dưới màu sắc đúng của nó.

Nửa thế-kỷ trước đây, người ta đã gọi viết phóng-sự là chụp ảnh.

Nhờ ở phạm-vi hoạt-động rộng rãi đòi hỏi sự thường ngoạn cần thiết, và vì vậy đòi hỏi năng lực thích đáng, thè phóng-sự, với thời-gian, đã có màu sắc, văn-chương riêng biệt. Vì công dụng của nó, và vì nhiều lẽ, về nghệ-thuật, về xử thế, nên màu sắc văn-chương đã trở nên kín đáo, tết-nhị; nhờ ở những hạn-chế bắt buộc cũng vì lý-do nghệ-thuật và xử thế, thè phóng-sự đã nghiêm-nhiên thành một thè văn làm suy nghĩ, trong đó người viết viết ít, nhưng nói nhiều, gợi nhiều. Chỉ với ba chữ, như ba nét chấm phá, nhà phóng-sự phải thè hiện được một cảnh sống sâu rộng. Một cái phày thay cho một câu, một chữ thay cho một trang. Người viết phóng-sự đã bắt đầu thấy cả một bi kịch qua một nụ cười, cả một cuộc đời trên một giọt nước mắt. Thứ nhất là đã thấy cái chõ bắt đầu thật sự của bi kịch ấy và cái chõ tận cùng thật sự của cuộc đời ấy.

Tức là nhà phóng-sự đã biết « làm » hơn một ống ảnh. Anh đã phải cảm như một thi-sĩ, sống động như một kịch tác-gia và thông-minh như một tiểu-thuyết gia. Anh bắt buộc phải nhìn thấy tim, óc, tâm-hồn nhân-loại. Đất sét của nhà phóng-sự đã lấn sâu vào nội tâm con người.

Tình cảm trong thơ, ý chí trong kịch, trí tuệ trong tiểu-thuyết, cả ba năng-tính ấy là ánh sáng đúc lại thành tấm kính để nhà phóng-sự soi tìm sự thật, đồng thời còn là những thành cầu ngắn anh khôi rời xuống cái vực tình-cảm, ý chí và trí-tuệ dành cho thi-sĩ, kịch tác-gia, tiểu-thuyết gia. Những năng-tính ấy cũng phải là vàng là son, là hiện giữa hai dòng chữ của nhà phóng-sự. Nhờ tiến-triền đọc như vậy, nên nhiều thiên phóng-sự đã được in thành sách, được trưng bày bên cạnh những sách văn-học, và phóng-sự từ địa hạt báo chí, đã bước sang địa hạt văn-chương.

Trái với tiêu-thuyết mà mục-dịch là đem lại cho người đọc « *một thế-giới mới mẻ* » với giá-trị không nhất định của một « *thực tại* » trong thực tại, thì phóng-sự phải phô bày thực tại, nguyên vẹn của cuộc sống, người đọc đang sống và đang thấy hay là chưa có dịp thấy, sống.

Đáng kẽ có vài đặc điểm làm bật rõ sự dị biệt giữa phóng sự và tiêu-thuyết.

Vì phải phô bày thực tại, nên phóng-sự phải đúng và thật (*exact et vrai*). Đúng như một tờ biên-bản của một nhân-viên có tuyên thệ, để người đọc có thể tự động đi tìm để kiềm soát được ngày, giờ, địa-diểm sự việc đã xảy ra, tên tuổi nhân vật đã tả, cả cái không-khí lúc đó nữa. Thật, như một sự việc ghi trong hồ-sơ tòa án.

Cái thật có sẵn đấy, mà thường khi nó làm đau đầu nhà phóng-sự, cũng như sự sáng tác đã làm mất trí một tiêu-thuyết gia. Nhưng có điều với nguồn cảm sáng tác rất phong phú, có mệt trí, nhà viết truyện mới tìm ra điều mình muốn, tìm ra cái đẹp, cái hay làm vừa mình rồi vừa lòng độc-giả, để nhận lấy phần thưởng tinh-thần thích đáng. Và không có gì say sưa cho tiêu-thuyết gia hơn là khi sống « *hòa nhưng bất đồng* » giữa thực tại, lại tìm ra được một thực tại có thể đưa đến tương-lai « *hòa và đồng* ».

Đối với một phóng-sự gia, sự thật có khi làm mất lòng, và có những sự thật không nên nói. Nhưng không nói ra là chối bỏ sứ-mạng của ngòi bút. Cái khò tâm của anh là cứ phải nói, để mà làm phật lòng nhiều người, để có thể gặt hái những bão tố không do gió gây nên.

Đi thêm vào chi-tiết, ta sẽ thấy rằng, trái hẳn với tiêu-thuyết gia, người viết phóng-sự bị buộc vào hai điều-kiện kỹ-thuật có hiệu lực giết chết kỹ-thuật, là :

— Thứ nhất: không được phép rời một bước những nhân-vật mình tả, trong phạm-vi mà hoàn-cảnh cho phép.

— Thứ hai: lúc nào cũng xưng « *tôi* » với độc-giả.

Điều-kiện thứ nhất không bắt buộc đối với tiêu-thuyết gia. Người viết tiêu-thuyết không bao giờ có mặt trong câu chuyện, trong khi độc-giả vẫn cảm thấy có anh mà không trông thấy anh. Anh nấp kỹ trong tâm-khám những nhân-vật anh tả, để cho độc-giả cảm thông với cả những ý nghĩ sâu kín của họ, và theo họ vào đến tận cả những giấc mơ trong những giờ giấc, những hoàn-cảnh mà thường ra ngoài, người ta không được phép dòm ngó đến.

Người viết phóng-sự không thể. Lúc nào anh cũng bị dính liền với những nhân-vật anh tả và anh chỉ có thể tả những nhân-vật ấy qua những gì mà người ngoài có thể nhìn thấy, nghe thấy, trong phạm-vi một người không quen có thể cởi mở với những người không quen. Ngòi bút phóng-sự ngừng lại ở ranh-giới của đời sống thầm kín, riêng biệt của cá-nhân. Nói cho dễ hiểu là thế này: ngòi bút phóng-sự sẽ biến thành ngòi bút tiêu-thuyết, nếu nó dám viết một câu đại đè như câu này: «Nàng tự ngắm trong gương ở phòng tắm, tự cho mình còn đẹp lắm, và nghĩ thế này, thế nọ, v.v...»

Với hạn chế của điều-kiện thứ nhất, nhà phóng-sự đã không cho phép ngòi bút sử dụng cái kỹ-thuật «làm đẹp», tức là tô hồng chuốt lục cho tâm-sự, tư-tưởng của mình như một nhà viết ký-sự, hồi-ký, hay là viết văn theo thè thư tín. Nhà phóng-sự đã phải đẹp bót đi không tiếc bút, những tình-cảm sâu rộng riêng tư của mình, bỏ đi cái vốn tình-cảm riêng biệt của từng nhà văn muốn sống trong lòng người mãi mãi.

Về điều-kiện thứ hai: một bài phóng-sự giống như một màn kịch độc thoại, trong đó một diễn-viên xưng «tôi» với khán-giả để kè lại một cách khách quan gần như tàn nhẫn một câu chuyện đã xảy ra, mà anh đã chứng kiến tận mắt.

Chúng ta vốn biết độc thoại là thè văn khó viết nhất trong các thè văn của tuồng kịch. Người ta gọi nó là tuồng độc. Một nhà văn Pháp đã cho đối thoại là khó, vì nó là cái gì phải học sau cùng.

Độc thoại lại còn khó hơn. Jean Hytier, một giáo-sư kịch-nghệ Pháp, cho là: « *Kẻ nào đòi mới được thè văn độc thoại, kẻ ấy là một bậc đại sư* ». (Quiconque renouvelle le style du monologue, est un grand maître).

Vậy thì nhà phóng-sự đã phải viết như viết độc thoại, lại không được cái vinh-dự như một kịch tác-gia: tự mình sáng tạo ra, theo hình ảnh của mình, những nhân-vật của một thực tại mới mẻ, để nói lên tình-cảm, ý chí của chính kịch tác-gia.

Nhà phóng-sự chỉ lạnh-lùng chép lại những nhân-vật sẵn có, nhắc lại những lời thường chỉ là lời phô biến, nhiều khi lại còn không thật nữa.

Họa chăng anh chỉ có thè hòa tình-cảm riêng tư, một cách khéo như pha thuốc, vào một câu phê-bình ngắn tẽ-nhị và kín đáo.

Và anh chỉ có quyền làm khác người, là cỗ tạo ra cho anh cái kỹ-thuật làm phát động và dẫn dắt tâm tư thăm kín của những nhân-vật anh tả, để cống hiến độc-giả một phát giác tân kỳ về đời sống, bằng một lối trình bày độc đáo, bằng một lối dùng lời, chơi chữ, khả dĩ đưa anh được từ lãnh-vực ký-giả sang lãnh-vực văn-gia.

Vậy thì... người viết phóng-sự mà vô duyên, hời hợt, khi xưng « tôi », — dù cái « tôi » ấy là cái tôi thay. mặt độc-giả, để nhìn thấy cho độc-giả — tất nhiên ta biết ngay số phận mà thiên hạ sẽ dành cho bài anh viết. Con đường đi của bài phóng-sự đó chỉ có thè đưa đến một ngõ cụt. Tuy vậy nhà phóng-sự vẫn còn một vài cái duyên, dành cho ngòi bút. Và cái duyên cuối cùng của bài phóng-sự, và cũng là cái gì xứng đáng nhất làm cho người ta yêu phóng-sự, là cái « *thiện* ».

Cái « *thiện* » ấy thè hiện qua một cử-chỉ, một lời nói dối trá, nó như cái thiện của một y-sĩ, khi ông này cần phải nói dối trước thân-nhân con bệnh.

Thật vậy, một phóng-sự gia quả là đáng ghét khi anh ta tả, chẳng hạn như một cảnh sống của một đám trẻ mù, bằng một câu mở đầu :

« Một buổi sáng kia tôi đến thăm các em mù — qua cái vườn đầy hoa cỏ lạ, rực-rỡ ánh mặt trời,... v.v... ».

Anh đã tả thật. Nhưng anh đã khoe với các em mù là chính anh có mắt sáng để nhìn thấy hoa cỏ, ánh mặt trời.

Anh là một người đáng ghét nhất, nếu khêng hẳn là một người ngu và ác.

Một người lịch-sự và có lòng thương, tất chỉ cố ý miêu tả những gì nghe, sờ được mà thôi, ý chỉ rằng nghe, nghe, sờ mà không cần nhìn cũng đủ thấy cuộc đời vẫn đẹp. Đó là một anh, một món quà tinh-thần còn quý giá hơn món quà của một hội làm việc thiện.

Nhưng một mảng sự thật đã bị hi sinh, khi anh bỏ qua không tả những gì phải không mù mới thấy được.

Rồi, đến khi gặp các em mù, anh không kèn tuổi các em ra để chia loại lớn bé, thản-nhiên như một ông giám-thị nhà trường. Anh nhìn lũ các em mù lên năm, lên bảy, lên mười rồi anh viết:

« Các em mù bằng tuổi cháu tôi, bằng tuổi con tôi ».

Anh nói vậy, mà chưa chắc anh đã là người có vợ và có con rồi. Nhưng người đọc, cũng như người đã biết rõ các em mù, phải cảm động trước cái tình thương, cái thiện sâu xa, tế-nhị của một nhà phóng-sự đã giống một tiêu-thuyết gia ở chỗ biết nói dối.

Trong khi đó, thì nhà tiêu-thuyết có quyền giả dối, tha hồ bày đặt, sáng tác ra sự thật, để xây dựng một thực tại trong thực tại, một thế-giới mới, vì đó mới thật là nghệ-thuật của văn-chương tiêu-thuyết.



Sau hết, tôi yêu cầu Trọng-Lang viết cho mấy dòng đè in làm thủ bút, thi anh bảo cứ lấy bức thư anh viết cho tôi gần đây nhất cho được tự nhiên.

Nguyên văn bức thư đó như sau :

*Bàng Bá-Lan ạ,*

*Trong báo Tự-Do số 19161, khi nói về Nhất-Linh, ông Hiếu-Chân có câu :*

« ... Trong mấy năm liền, có những buổi chiều anh ngồi đeo sau chiếc xe Lambretta của tôi... Thấy thế, có những vần-hữu sợ anh tuồi già đa bệnh ngồi xe như thế dễ mệt và nguy hiểm nên ngỏ ý muốn nhường xe hơi cho anh dùng... » (Anh, tức là Nguyễn Tường-Tam).

*Nhất-Linh năm nay mới có 58 tuổi (tức là sinh năm Bính- ngọ, cũng như tôi).*

*Thì ra thiên-hạ đều chê tại nhà vẫn chóng già, và già thì đa bệnh: đến đỗi ngồi sau xe Lambretta cũng không nòi !*

*Mình bức mình, nên làm giấy xin dự thi lấy bằng lái xe scooter chơi.*

*Và mình đã vớ được cái bằng lái xe đó hôm 2 Août 1963 (số 245793).*

*Nói để họ Bàng mừng cho nhau hãy còn... giàn.*

(5-8-1963)

*Thân*

*Trọng - Lang*

*(Tháng tám 1963)*



Văn tuyển :

## THI-VỊ ĐỒNG RUỘNG

### NGƯỜI NUÔI GÁY

Tôi đến làng T.N. để vào thăm một cụ Thông-lang tức là một người vừa đi cúng, vừa đi thăm bệnh bốc thuốc. Tôi vào thăm cụ không ngoài mục-dịch sưu tầm, vì cụ vốn sở trường về các lối chơi, còn sống sót, của thế-kỷ hòa bình trước : cây cảnh, cá vàng, gà chọi, họa-mi, sơn-ca, chim gáy và đồ cổ.

Cụ đang ngồi xồm, gật gù cười một mình như ta thường thức một câu văn hay, trên thềm nhà trông ra vườn cảnh.

Trông thấy tôi từ xa, cụ đã ra hiệu cho tôi dừng nói. Cụ hơi vènh một bên tai, nụ cười yên lặng bàng-bạc trên bộ mặt đã vàng ửng, chỉ còn lăn da rúm-ró, tôi với ngừng bước đê cùng cụ cùng lắng tai trước những tiếng cúc cu rõn-rập, những tiếng buồn bã « yên lặng », những tiếng vẫn gợi một cái gì cho những kẻ còn có một quê hương. Lát sau thì cụ đã phe phẩy cái quạt giấy, cười hề hề :

— Xin lỗi ông. Tôi đợi có đến hơn một tiếng rồi, mà mãi lúc ông đến chơi, nó mới chịu « một, hai » đồ hỏi.

Cụ mời tôi ngồi, rồi lập tức cầm quạt gõ nhịp xuống bàn, chum miệng, và gật gù một hồi :

— Cúc cu cu, gù gu ! Cúc cu cu, gù gu ! Thế nghĩa là nó « một, hai » đó, ông à. Con chim có hay thì nó mới « một, hai » được. Trong năm tiếng mà nó dùng những hai thứ giọng, là con gáy của tôi đây !

Tôi có cảm tưởng như cụ là một con chim gáy ! Hay là sống bao nhiêu năm rồi cạnh loại chim gáy, cụ đã vô tình bắt chước diệu bộ, cử động của nó.

Cụ cố nhẹn đầu môi cho nó thành cái mỏ gáy. Hai mắt vê tròn, cái đầu gật lên, gật xuống, hai vai hơi lật bật, cụ khoe tài gáy của những con chim cụ nuôi :

— Con « mồi » của tôi gáy mới thật là hay chứ ! Chính nó đang « một, hai » thì ông vào đấy !

Ông hiểu chưa ? Nó vẫn đứng trong lồng, nghe không ?

Tôi vẫy vẫy tay. Thế là nó « gù » ngay : cú gù ! cú gù ! cú gù !

Áy, đấy ! Thế mà nếu dí một anh đực lạ vào cho hai anh gáy đấu là anh ta la la « rặt » luôn rất nhanh : cục cú cu, cục cú cu ! Nhắc anh chim lạ ấy đi chỗ khác, còn một mình, anh mới bực rọc, anh ta liền trò hết tài nghè ra. Anh ta « lèo ». Lèo hay là ngọt, hay là rãp cũng được. Tức là : cục cú cu, cú cu !

Hết lèo đến « chu » : cục cú cu, gù ! cục cú cu, gù !

« Chu » chán, anh ta xoay ra « bò tư » : cục cú cu, cu ! cục cú cu, cu !

Cụ lim-dim đôi mắt, nghỉ hơi và trở về với diệu bộ của người, đè thường thức cái thú trà tàu.

Tôi ngờ ý được cụ cho đi theo cụ đè bẫy gáy.

Đã khen con gáy « lồng » và mấy con gáy « đất » của cụ. Đã nhìn cụ. Mà cụ vẫn chưa chịu buông tha tôi :

— Cúc cu cu, gù gu ! cúc cu cu, gù gu ! Con gáy nào mà biết « một, hai » như vậy mới là đệ nhất chi điều.

### BẪY GÁY

Chúng tôi khởi hành từ ba giờ chiều. Đến đất bẫy của cụ, cách đó một cây số, mất mười lăm phút. Tôi nói đất bẫy của cụ, vì ở đó riêng cụ đã xét thấy có chim gáy. Thực ra nó là ba bụi tre và một gốc cành đồng, đầy bóng mát và gió lồng đang đưa mùi thơm của lúa, đang làm loạn tiếng xào-xạc của lá tre đã khô se trong nắng tháng tư.

Phận-sự của tôi là đi mốc vào một cành tre cao, cái lồng che kín, trong nhốt con « mồi lồng » biết gáy lối « một, hai » của cụ. Phận-sự của cụ là giắt cái quạt vào sau lưng, quần áo cũng

vén lên như ông lý đi ngựa, tìm chỗ đặt con « mồi đất », tức là một con chim gáy hiền lành, lầm lầm, ít « nói » đậu trên một cái « cầu » làm bằng một bộ rễ cây. Nó không hề dụng đáy chân mà một bên vẫn có một màu dây xích vào cầu. Tôi ngắm nó và tưởng như có thả nó ra, nó cũng không bay đi. Tôi ngờ ý đó cho cụ hay, cụ mỉm cười, khẽ nói :

— Ông có thấy cái lông gì ở cò nó không ? Chứ tôi gọi là « hoa cò bạc ». Cái nghĩa là giống nó, dù ông có nuôi hàng trăm năm đi nữa mà đến lúc thả ra, nó cũng bay đi mất biệt. Chứ không phải như con chim câu đâu !

Cụ nói xong, cụ cũng vừa đánh neo được cái cầu chim xuống đất. Bên cạnh cầu, cụ trói ra một cái lưới đan mao mao như lưới « rã tóm », to bằng nửa cánh phản. Phía lưới gần con mồi đất cụ đóng hai cái cọc hai bên giữ chắc lấy lưới trên mặt đất. Phía trên, bên phải, một đầu lưới cụ mắc dây ăn thông ngược lại đến cùng một cái cọc đóng gần cầu. Còn một đầu, có dây buộc thật dài, đến tận sau bụi tre, chỗ chúng tôi sẽ ngồi núp.

Lưới đã sắp sẵn, chỉ còn việc đợi cho chim trời bay đến, đợi con chim gáy mà cụ gấp đi ăn mấy hôm nay rồi. Cụ đã có cách làm cho nó đến : cụ sẽ khiêu khích nó bằng những tiếng gáy của con mồi lồng.

Muốn cho mồi lồng « gù », cụ lại giả làm một con chim gáy lạ mà chúng tôi đang đợi. Cụ đứng cách xa chỗ treo « mồi lồng » mười thước, dập hai tay làm một, giả làm tiếng vỗ cánh của chim gáy, mõm cụ huýt sáo thành những tiếng : Gục gú gu ! Gục gú gu ! như giục giã, như kêu gọi cấp bách.

Thoắt một cái cụ lại đòi chỗ đứng, làm ra như chim vừa bay đòi chỗ vậy. Rồi cụ lại vỗ tay, lại gù !

Cụ mới thoát vỗ tay thì con « mồi lồng » như hiểu biết hiệu của chủ, đã « gục gú gu » rồi. Cụ « gù », nó « gù »; « cụ rặt » nó « rặt » bằng hai cụ. Như là sắp vỡ tờ chim gáy ! Tai tôi như ù lên vì những tiếng gục gú gu, cả thật lẫn giả hiệu.

Rồi lúc chỉ còn có nó «rặt» một mình, là lúc cụ ăn sau bụi tre. Đề norm-norp nhịn nói mà đợi đến nửa giờ đồng đồng. Bỗng cụ khẽ bấm tôi.

Tôi đã tìm một chỗ ngồi để chju, là những rễ tre sạch khô. Tôi đã bị gió mát, hương vị thơm tho của đồng ruộng thả hồn đi đâu không biết. Lúc bị cụ Thống-lang bấm, thì tôi như sực tỉnh ngủ. Và thấy một con gáy đang say xưa gật gù với con «mồi đất».

Cụ cầm đầu dây kéo mạnh một cái như lúc kéo cái điều sấp rơi xuống ao. Cái lưới lộn trở lại, phủ cả con gáy lạ lẩn con mồi đất.

Cụ không «à» vui vẻ như bác Nhở bắt rắn, cụ lại thở dài :

— Mỗi lần bẫy được gáy, thì tôi lại vẫn cứ ấy nay quá ! Vì mỗi lần, tôi lại gây ra một cảnh «sinh ly» cho vợ chồng gáy. Sinh ly vẫn nó vẫn khò hơn là tử biệt, ông nhè !

Cụ giảng cho tôi hiểu hơn :

— Bẫy gáy bằng cách dùng lưới và chim mồi thì an nhàn nhất trong các lối bắt gáy. Nhưng, một năm chỉ bẫy được có trong hai kỳ thoi : tháng tư đến tháng sáu và tháng chín đến tháng một, tức là những kỳ có lúa. Nó chả thế nay mà : giỗng gáy cứ mỗi năm đẻ hai lứa, tháng năm ăn đồng đồng, rồi lên năm ấp 14 ngày. Tháng mười, lứa thứ hai cũng vậy.

Lúc ấp thì đực, mái đồi phiên nhau. Con đực ấp từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều. Con cái ấp từ 3 giờ chiều đến 10 giờ sáng hôm sau.

Lúc mái chưa đẻ thì đồi lứa còn ham nhau, nên anh đực không cần đi tìm đè đầu đáp với chim nào hết. Đến lúc mái ấp, tức là lúc vợ năm chõ, là lúc chàng ta mới giờ cái thoi «lòng chim dạ cá» ra. Cho nên dùng chim mồi đè bẫy, phải tìm mùa chim mái ấp vào khoảng sáng thì từ sáng cho đến 10 giờ, mà chiều thì từ 3 giờ trở đi, là lúc anh đực ấp xong rồi và anh ta đang tấp-tènh đó !

(Đây Sài Gòn số 9 ngày 9.10.54)

## MỘT CÂU HỌC-TRÒ

Hết đường cái quan, thì bắt đầu đường làng, và bắt đầu những bùn là bùn, hay còn nhầy-nhäuser trên cỏ, quanh những vết chân trâu và đã khô se trên những gốc tre, cành duối.

Lúa xanh từng đám rủ xuống, còn đọng nước mưa, long lanh như nước mắt. Cả ông Đồ đi với tôi nữa: Không khí u-uất, ướt sũng của những ngày mưa gió ướp lấy người ông, đè lên ông làm cho vai ông, mặt ông, râu ông xuôi sị xuống. Tôi bắt giặc nhớ lại những ngày khô ráo mà ánh sáng mặt trời len lỏi đến tận cả cái hang của một con giun.



Cả ông Đồ đi với tôi nữa : không khí u-uất, ướt sũng của những ngày mưa gió ướp lấy người ông, đè lên ông làm cho vai ông, mặt ông, râu ông xuôi sị xuống.

(Nét vẽ của họa-sĩ Tú-Duyên)

Trong ánh sáng của trời lúc ấy, bụng ông Đồ tuy có đói, nhưng bộ mặt, bộ râu lại là một khí phách! Và tôi đã tìm mà thấy cũng trong ánh sáng của trời, cái vẻ đẹp đau đớn trên một manh áo rách khô héo, cái vẻ đẹp u nhã phủ một mõ đất, một cụm tre, một nhánh cỏ. Tức là tất cả cái sạch-sẽ, lành và đẹp của quê-hương, tất cả những ánh sáng mà tâm-hồn mong ước, những lúc ở tinh thành, tâm-hồn chỉ thấy trời vẩn bụi và không to hơn cái cửa sổ.

Tôi gọi ông Đồ:

— Ông Đồơi! Tại sao lại còn mưa mai kia ư?

Ông cười hè hè, vì có lẽ ông đã hiểu ý tôi :

— Vì rằng thì là ông trời, ông đã bắt nạt chúng tôi đấy ạ. Ai đời, tháng tám mà mưa thối đất, thối cát. Ông còn lạ gì nữa,

cái việc cứ động mưa là chúng tôi lội bùn đến mắt cá chân. Cứ động mưa là chúng tôi ở trần luân, vì chúng là áo thì nhất manh, mà quần vị chi đi nhất mảnh!...

. . .

*CHÚNG* tôi đến còng nhè ông thì vừa gặp con trai ông sắp sửa đi học. Ông nhìn đứa con độ mười hai tuổi, mặc quần đùi áo cánh nhuộm nâu. Rồi vuốt râu, đặt tất cả cái ý vịnh mai đau xót vẫn nhuốm từng cử-chỉ, từng lời nói của một người đã sống bắc cầu qua hai thế-hệ. Ông cười, đặt tất cả cái ý vịnh ấy vào một câu bảo con trai :

— Cậu «lèo lèo», cậu cẳng bắt tay ông nhặt-trình đā, tao coi!

Tôi bắt tay cậu «lèo lèo» ấy và hỏi thăm cậu học trường nào.

Cậu nghiêm-nghị nói một hơi rất nhanh :

— Trường «Cammunale» (communale), lớp «réparatoire» (préparatoire), tức là lớp dự-bị đấy ạ.

Tôi sực nhớ rằng đã đứng ngãm cái trường làng này, ngơ ngác giữa cánh đồng, và phô với những khói óc mít-mù, cái tên kẽ đèn : «Ecole communale» với chữ N lật ngược.

Cậu «lèo lèo» trường đó đã nói sự thật, sự thật có sai, ấy chỉ là lỗi tại những người như ông Đồ..

. . .

Ông Đồ mời tôi ngồi trên phản một-uống nước vối trong những cái bát dùng để đom bánh đúc. Vẻ hiu-quạnh của ba gian trống trǎi, vẻ ảm mục của bàn thờ mốc chứng tỏ một cảnh nghèo vô cùng, dù cảnh đó được tô điểm bằng cái sống dồi-dào của nhiều cây mít, cây bứa, cây lá vối, những thi-vị thuộc về dī-vāng và xa người quá.

Ông Đồ cho nước vối là rượu có lẽ. Nên ông mượn nước vối để khẽ-khà kè cho tôi rõ tâm-sự của ông :

— Âu thì thôi, cũng là một cách trật bản lề. Nhưng mà biết

*làm thế nào đây ? Ai mà không muốn cháu giấy rách thì giữ lấy  
lẽ, nghêu-ngao dăm ba chữ Hán. Nhưng đè làm gì ? Đè làm  
ông Đồ không có học-trò ru ? Thì có mà đối rõ thật là dài ! Hay  
là cho nó đi cúng ! Khé thủ, đốn thủ, bái thủ, rất cò bỗng  
họng đấy, mà liệu vật mũi có đủ cho vào lỗ miệng hay không ?*

*Thế là bỉ-nhân dành nhịn ăn, kiểm cái cho cậu ấy « đi học »  
đè mà « u đánh đu », trên « i-cờ-rách cây si » !*

*Ông Đồ phá lên cười, bỗng im bất đè hỏi tôi :*

*— Tại sao u lại đánh đu ? Tôi hỏi nó chỉ ậm ừ : ấy chữ  
quốc-ngữ nó thế đấy !*

*Ông quay phắt lại hỏi con trai, lúc ấy đương giấu mõm  
cười khích-khích sau bàn tay :*

*— Giờ nhân có ông nhặt-trình đây, mà y nói tao xem có đúng  
hay là mà y chỉ quen loè tao ? Thế chữ Tây ý gì là : Mày, mà y  
ấy, mà y đi học ? « Si-ba-la-sô » cơ, chứ không theo lối « i di  
học » nghe chưa ?*

*Ông phải gặng đi gặng lại mãi, con ông mới chịu ấp úng :*

*— Tuy, tuy σ, tu va a nê côn nơ. (Tu, tu es, tu vas à l'école).*

*Ông Đồ hỏi :*

*— Thế nghĩa là, nguyên văn : Mày đi học, phỏng ?*

*Con ông đáp :*

*— Nghĩa là : Mày, mà y ấy, mà y đi học.*

*Tôi nhìn cặp mắt đen láy của nó vừa sáng lên. Nhân tìm được  
một câu đè thành-thực khen cái khối óc thông-minh hay là lúu  
cá ấy :*

*— Mày dịch là tu, tạm được. Mày ấy mà dịch là tu es,  
ấy mới là tuyệt đỉnh !*

*Ông Đồ nhìn theo đứa con đã ra đến sân, ông gật gù :*

*— Sáng cậu sơi một bítра, hai bát với cà, trưa cậu lại sực  
một củ khoai, tối cậu lại hai bát với cà. Rồi lại sách, lại vở, lại*

mực, lại bút. Tôi nuôi cậu đi học mà bằng nuôi cả ba họ nhà tôi đi học. Chẳng biết sau này rồi có làm nồi một chân thư-kết hôi-dồng, một chân chưởng-bạ, phó lý hay không đây ?

Ông hạ thấp giọng :

— Nhà tôi đời ấy qua đời khác, mặt lâm cung làm đến ông Đồ. Mà đời ấy qua đời khác, bạch dinh lại chỉ vẫn là bạch dinh. Cái thế-hệ Đồ chết mất ! Nên tôi mới nhất định cho cậu «lèo lèo» ấy phá giới. Nó không làm gì to, thì rồi nó cũng làm nhỏ. Nó không ở làng nữa thì nó cũng ra tỉnh. Có cái «uầy» cái «nông», thì rồi có đi bồi, đi bếp nó cũng vững dạ rồi !

Ông ghé gần tai tôi :

— Nó mà trở về làng với cái oai bá-hộ, thì có đứa vô phúc với tôi đấy !

Ông vừa nói vừa bước đến gần chiếc phản, lấy ra cho tôi coi một quyển sách dày, có đóng gáy hẳn-hỏi. Và hỏi tôi :

— Quyền này là quyền quái gì, ông nhỉ, mà cháu nó phải học thuộc lòng có dễ đến.... năm đêm chứ không ít. Trong nó thức đêm cặm cụi đọc, kè cũng ái ngại. Nên thôi thì đêm nào cũng vậy, hễ chồng quạt cho con, thì vợ thức đè khêu bắc đèn; có đêm vợ chồng già lại hí-huí đi nấu cháo đè nó sơi cho đỡ mệt !

Tôi nhìn qua cuốn sách, thấy cái nhẫn «Phong Thần diễn nghĩa». Cũng muốn nói thật, lại sợ ông Đồ buồn lòng. Đành phải trả lời :

— Không cần biết tên nó là gì. Chỉ biết nó thuộc loại đại khái như dã-sử. Cậu bé đọc nồi nó, tức là học lực dã khai lầm rồi !

Ông Đồ không cười. Ông gọi bà Đồ ơi ơi :

— Bà Đồ nhông ! Bà lên mà nghe đó nợ. Thì ra cậu «lèo lèo» của bà thế mà hóa giỏi ạ !

Bà Đồ tự gian bếp bước lên, ướt át và lôi-thôi lõc-thốc qua chừng Bèo tẩm cùn bám trên tay áo, sưng nhứng nước, giọng bà cũng ướt, trong khi mắt bà cũng ướt, không biết vì khói bếp hay vì cảm động :

— Thê mà ông cứ chả đay nghiến là nó dồn mãi đi. Nó khá là vì nó giống ông đấy, nhà có phúc đấy ! Nếu cứ tin ông như trước, thì ra con nó giống tôi mất rồi, còn gì nữa !...

(Những đứa trẻ)



## NGANG NHƯ CUA

### CÁCH-MẠNG VÀ CÁCH-MẠNG

Đô ba chục năm về trước, muôn thì thào hai chữ « cách-mạng » thì người ta chui vào trong... chǎn. (Đó cũng là một lối trùm chǎn cũ kỹ). Hai mươi năm sau, người ta tung chǎn, từ bóng tối nhảy ra ánh sáng, từ rừng già chạy về, kéo lũ trẻ ra làm cách-mạng.

Hai chữ « cách-mạng » lúc ấy, đã thành khàu-hiệu và lẽ sống cho bàn dân thiên-hạ. Có anh đặt nó ngay trên đầu, ngực-nghẽ như cái mào của con gà trống tây, như cái mũ xì-mầu của anh kép núi.

Nhưng, hãy khoan ! Cách-mạng là cái quái gì, đã ?

Theo ông Tự-vị Đào-duy-Anh thì đại khái cách-mạng, ngày xưa là thay đổi trào vua, và nay là thay một chế độ cũ bằng một chế độ mới. Xấu hay tốt, chưa biết ! Cứ thay cái đã.

Theo ông Thiên-Hạ, thì cách-mạng là đang ăn cơm rau muống lại đi cao hứng ăn... « du pain » và « de la viande » (bánh mì và thịt). Đang tóc bò đuôi gà, thì đi tóc xoắn bụi ốc. Hay là làm trái lái. Và vân vân, vân vân. Kè cả trường hợp nhứng người đang cửa cao nhà rộng, bỗng dùng dùng sủ nhau chạy đại vào chốn rừng thiêng nước độc, đè sống như thò-phỉ Tàu, đợi ngày dùng dùng xuống núi gọi là giúp nước.

*Cách-mạng lối lên rừng xuống núi này, bà con có vẻ thú nhất, và bà con gọi nó là cách-mạng nhất diện giải phóng : hoặc làm cho con người thành địa-tiên, hoặc cho con người về chầu Phật, bằng một chế-độ mới mới.*

(Ta nên nhớ là : một ông địa-tiên thì chỉ ăn cơm nhạt, mà ăn rất ít, nếu có tí... cá mầm càng hay !)

*Bà Huế nói bà con thú nhặt lối cách-mạng này, lý-do là bà con vẫn cứ có quyền tự-do cho nó là thú nhặt !*

*Cho nên vẫn có nhiều anh đang thèm lầm : Thèm làm địa-tiên, vì "tín" rằng địa-tiên ít nhất cũng nên thơ hơn địa-chù, hơn ông Địa, và ông không địa gì cả. Thèm về chầu Phật, và yên trí là ở đất Phật, sẽ không bị sa-đọa luân hồi, quả báo, sẽ không có ai bỏ tǔ mình cả.*

*Các anh ấy thèm làm địa-tiên mà vẫn lưu-luyến địa-vị đã đánh cắp được của kẻ khác. Thèm về chầu Phật mà vẫn lấy quỷ nhà nước, lấy thêm vợ lẽ để con nối giôi giòng họ lu-bù, vẫn hút thuốc phiện, thả cửa một bữa bằng hàng chục người ăn cơm cả tháng !*

*Thành thử, «cách-mạng» theo nghĩa của nó trong tự-vị không còn ý nghĩa cóc khô gì cả. Và biến thể luôn thành... vong mạng.*

*Hàng vạn hàng vạn người đã vong mạng, nhân danh Cách-mạng. Còn bao nhiêu anh sống sót rồi đây lại sắp dùng đùng làm cách-mạng lại như hồi xưa, đè lại vong mạng và làm vong mạng lũ trẻ một lần nữa, cho mà coi.*

*Trên đây là một thí-dụ sống để chứng nhận lời nói phải của nhà văn-hào Maurois :*

*«Tất cả các cuộc cách-mạng sẽ còn thất bại, nếu người ta còn quên «thằng người bắt hủ» và quên giáo-diều chính xác nhất này là : cái «nguyên tội».*

*Thằng người bắt hủ là thằng người lúc sinh ra vốn vô vi (không thiện không ác). Rồi nó nghe anh láng giềng xúi bậy, như*

*nghe con rắn xúi bậy, đè di từ bãt lưống này đến bãt lưống khác, deo ba cái «nghiệt» vào thân (tham, sân, si), và khõng dàn áp nồi thõt tình. Rồi đè cho cái «Sè colonne» (đạo quân làm nội ứng cho địch) tức là ba cái nghiệp với bầy cái tình ấy nó ám sát hết nhũng gì còn «đèm đẹp» trong lòng.*

*«Thằng người bãt hủ» này lại đồng vô cùng, đồng như lõng Tề-Thiên đại-thánh. Và có đánh chết, cũng khõng hết cái ngu.*

*Tai hại nhứt là lúc nào nó cũng phục-kích trong mỗi người chúng ta, đè đợi dịp.. «tò chước» chúng ta vậy !*

*Hiều thế rồi, cũng nên đừng nhầm với «bãt hủ» tức là bãt diệt, là còn sống mãi mãi. Một danh-từ đè tặng cho người nào mà đọc tên lên, ta thấy thơm cả miệng, người nào sống vô cùng, trong lòng nhân-loại. Người bãt hủ này là người nào đã diễn tả được nhũng tư-tưởng bãt hủ (cũng theo lời Maurois nói nữa).*

*Và lại cũng nên đừng nhầm nữa với bãt hủ, có nghĩa nôm là khõng hủ, khõng hủ lâu, là... mới, là... cách-mạng.*

*Thật là luân-quân vậy thay !*

BA HUẾ (I)

(Đây Sài-gòn số 10 ngày 16-10-54)




---

(1) Bút hiệu của Trọng-Lang riêng dùng để viết mục «Ngang như cua».





PHI - VÂN

(Ảnh chụp năm 1953)

THỦ BÚT VÀ CHỮ KÝ :

Ma-thi, dĩ-viết-de-chết, con  
nhắc-lại-lâm-gi-mùa!

Họ-viết-phai-ha-yêu-già-nên-tội-á,.  
họ-chết-là-nhà-nhân-và-hoàn-côc-kết-hết,  
và-qua-kết-thiệt-thiệt...

Thủ Bút : Máy ường chót lấp phỏng sự Đồng Quê.



# PHI-VÂN

Tên thật là LÂM-THẾ-NHƠN, sinh năm 1917 trong một gia-dình trung lưu ở Cà-mau (nay là An-häuser). *Phi-Vân* là một nhà báo chuyên viết truyện ngắn và phóng-sự. Từng cộng tác với hầu hết các nhật-báo, tuần-báo, tạp-chí ở miền Nam ; từng điều khiển ban biên-tập các nhật-báo *Tiếng Chuông*, *Dân Chúng*, *Tiếng Dân* và hiện là chủ bút Thủ-Đô thời báo.

Đã xuất bản : *Dân quê*, *Tình quê*, *Cô gái quê* ; nhưng đáng chú ý hơn hết là tập phóng-sự *Đồng Quê* (giải nhất cuộc thi văn-chương của Hội Khuyến-học Căn-thơ năm 1943, và đã được một nhà văn Trung-hoa dịch ra bạch-thoại năm 1950).



**M**ỒNG một tết năm Canh-tí (1960). Có tiếng chuông reo ngoài cồng. Lũ trẻ ngó ra cửa sò, rồi quay vào nói :

— Học-trò, ba ạ.

Tôi mệt mỏi, làm bầm :

— Lại học-trò nữa !

Ý nghĩ không đẹp ấy thoảng qua óc tôi, vì suốt từ sáng tôi đã tiếp nhiều khách mà học-trò chiếm đa số. Nhưng tôi vẫn vồn-vã tiếp đón người vừa đến. Đó là một trò lớp Đệ Nhị trường N.V.K. Em kính cẩn chúc tết thầy, đoạn đưa ra một gói sách tặng. Tôi vừa nói « cảm ơn » vừa mở sách coi qua, thăm dọc mấy lời đề tặng ở trang đầu :

*Kính thầy,*

*Đề tò lòng tri ân của con đối với thầy, con xin kính dàng thầy  
hai quyển sách này để thầy đọc trong dịp Xuân về.*

Học-trò của thầy

Nguyễn - văn - Nê

Mồng 1 tháng giêng năm Canh-tí.

Tôi cảm động quá, ngược lên nhìn em học-trò bằng cặp mắt ướt ướt, đưa tay ra nắm chặt tay em và một lần nữa nồng-nàn cảm ơn em.

Học-trò đến thăm tôi cũng nhiều, trong số đó người cho sách, tặng thơ cũng không ít, nhưng chưa lần nào tôi xúc động như lần này. Vì có nhiều lý-do : Một hôm đang giờ dạy học, tôi chấm đại bút vào sò đièm đè gọi học-trò lên hỏi bài. Cây bút chỉ trúng tên Nguyễn - văn - Nê. Một trò đứng lên. Tôi buột miệng hỏi :

— Sao tên em lại là Nê ?

Anh học-trò ngạc nhiên, không hiểu. Cả lớp cũng ngạc với vẻ tò mò. Im lặng. Một sự im lặng khó chịu. Biết mình lỡ lời, tôi đành phải cắt nghĩa cho trôi sur vô ý thức của tôi :

— Độc tên các em, tôi có thói quen hay nghĩ đến nghĩa chữ. Theo chữ Hán thì nê ( 倪 ) dù là động-tự hay danh-tự đều không được... đẹp lắm ! Động-tự, nê có nghĩa là câu thúc, bó buộc, bôi lèn... Danh-tự, nê có nghĩa là bùn, là vật gì nhão nát...

Tôi ngừng lại, nhưng vẫn lặng nghe trí óc nói tiếp : ... là vật đầm chìm ở dưới, là cái hèn mọn không đáng kể ! ...

Cả lớp cười ầm. Trò Nê đỏ mặt. Tôi cũng thấy nóng tai và vội tìm cách nói chữa :

— Tuy nhiên chữ Hán là thứ chữ có nhiều tiếng đồng âm dị nghĩa nhất thế-giới. Đây chỉ là những nghĩa thông dụng, còn có nghĩa khác ít dùng hơn. Vả lại, em Nê có thể không dùng chữ Hán mà dùng tiếng Việt hoàn toàn và, như thế, nê tức là no nê nghĩa là lúc nào cũng sung túc !

Nhưng bọn học-trò tai quái đâu có chịu nghe lời giảng gượng gạo ấy. Từ đó, đến giờ tôi dạy mỗi khi nhắc đến Nê là cả lớp xì xào :

— Bôi ! Bôi ! ... Bùn ! Bùn ! Bùn !

Tôi tự giận về sự «bất lịch sự» của mình. Tôi thấy ngượng mặt với trò Nê. Vào lớp, tôi tránh nhìn trò, tránh cả hỏi bài trò... Và lương tâm tôi bứt rứt, bứt rứt... Tôi tưởng trò Nê giận tôi lắm ! Nhưng không. Sau đó ít lâu, một hôm Nê đến nhà thăm tôi. Và thầy trò cảm thông, hỉ hả. Không như phần nhiều các trò khác thường đến thăm tôi để hỏi về văn thơ, trò Nê đến thăm tôi thường chỉ để hỏi thăm sức khỏe. Từ đó gặp những ngày lễ trọng như Giáng-sinh, tết Nguyên-đán, em đều gửi thiếp chúc mừng, dù sau này em không còn học tôi nữa.

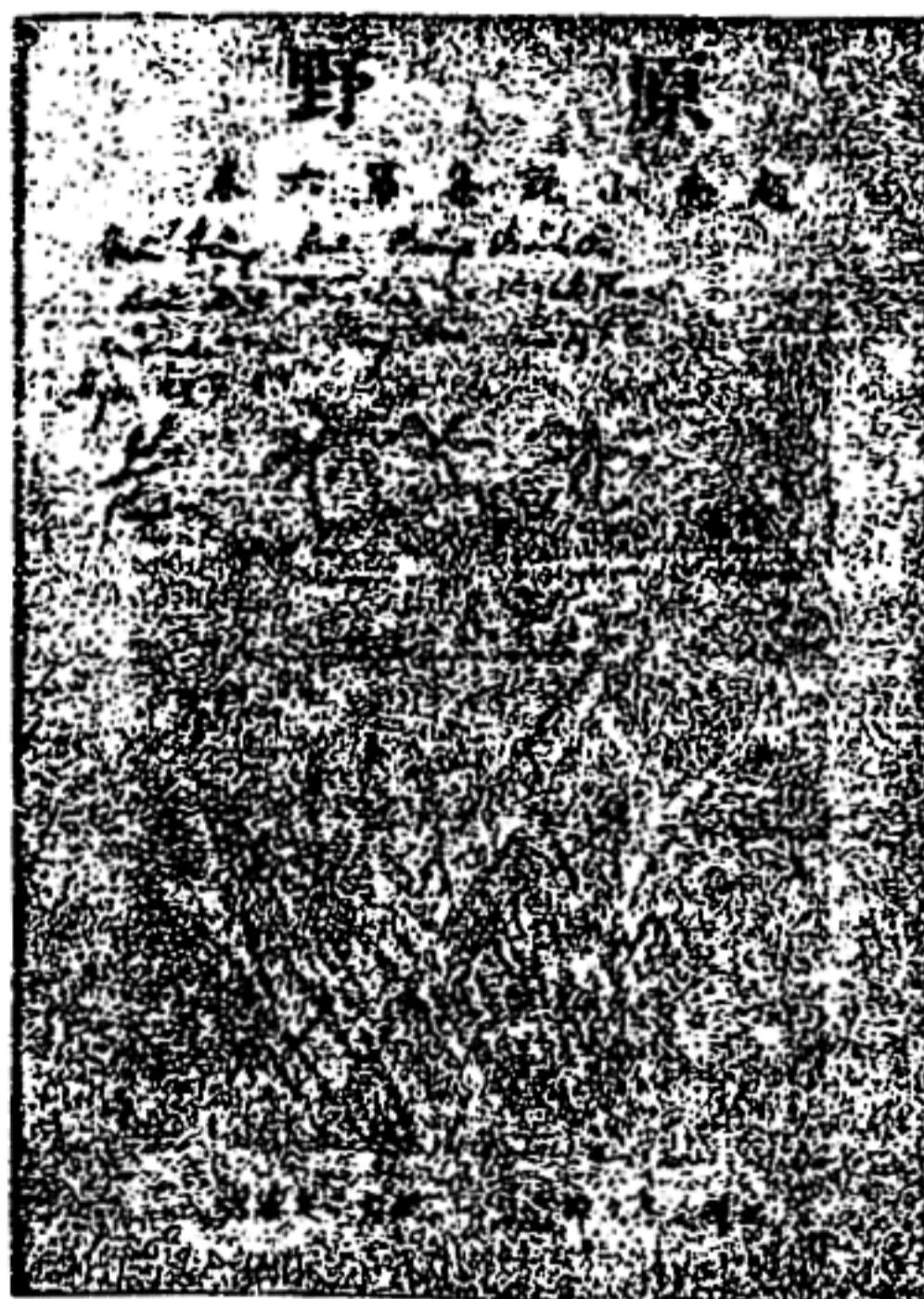
Và mồng một tết năm đó, em cho tôi hai quyển sách «để đọc trong dịp Xuân về». (1)

Cảm động về cử-chỉ của em, tôi quyết thường thức ngay món quà tinh-thần của em tặng, dù ngày tết ai cũng rất bận. Món quà ấy gồm có hai quyển sách : cuốn **Học để làm gì ?** của Lé-văn-Siêu và cuốn **Đồng Quê** của Phi-Vân. Cả hai cuốn đều do nhà sách Đất Nước (Sài-gòn) xuất bản. Nhà văn trên là một bạn quen. Nhà văn sau, tôi chưa nghe tiếng bao giờ. Cái nhan sách **Đồng Quê** lại khá hấp dẫn. Do đó, tôi đọc Phi-Vân trước.

Một trang, hai trang, ba trang... Rồi bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín... Phi-Vân đã dẫn tôi đi thăm đồng quê Nam-Việt, đến tận những vùng xa xôi hẻo lánh nhất với những dân quê chất phác gần như cồ lỗ, với những tập tục lạc hậu gần như dã man. Đời sống ở những nơi này cực nhọc quá, tối tăm quá... khiến ta phải nghĩ ngợi và chua xót. Ta chua xót nghĩ rằng : Cùng chung một đất nước, chỉ cách nhau có vài ba trăm cây số mà

(1) Tôi phải kể lại cái kỷ-niệm nhỏ này hơi dài, vì nêu không có em học-trò đó biếu sách thì có lẽ tôi không bao giờ được biết Phi-Vân.

Sài-gòn thì tràn ngập ánh sáng văn-minh trong khi biết bao miệt què «chó ăn đá, gà ănину» còn chim đắm trong bóng tối mênh-mang của thời man rợ. Man rợ cả từ cái tên như : hóc Bà Tó, xóm Kiến-vàng, tắc Ông Do, mương Chết Kịch, Tham-Troi, U-Minh, Đầm Cùn, Dớn...



Hình bìa NGUYỄN DÃ  
bản dịch Đồng-Quê ra văn bạch-thoại  
xuất bản năm 1950

Văn Phi-Vân hoạt, gọn, thích hợp với thè văn phóng-sự, đôi khi dí-dỏm chọc cười nhưng phần nhiều cười... ra nước mắt !

Tác-phàm *Đồng Quê* gồm hai phần : phần trên có mười hai phóng-sự ngắn, phần dưới là một phóng-sự dài. Tất cả gom lại tạo thành một bức tranh tả chân linh động với đầy đủ những mảnh đời, những mẫu người, những tập tục, dị doan ở nơi đồng quê thô lậu. Ở đây, đời sống vốn đã tối tăm lại càng tối tăm hơn nữa bởi nạn chủ điền bóc lột, hương chức lộng hành. Đọc xong, gấp sách lại rồi, lòng ta còn bùi - ngùi chưa dứt. Một niềm thương man mác dâng lên trong tâm-hồn ta. Và ta bỗng thấy trước mắt cả một vấn đề xã-hội lớn lao được đặt ra và đòi hỏi sự giải quyết gấp rút.

Để giới-thiệu nhà văn này một cách «cụ thể», rõ ràng hơn, tướng không gì bằng trích in sau đây mấy đoạn văn trong tập phóng-sự *Đồng Quê*, văn-phàm chính của tác-giả :

«Làng Thới-bình nép mình trong chòm dừa xanh rậm. Vài xóm nhà lá leo-heo ở dọc theo bờ kinh nhỏ, yên tĩnh với tháng ngày.

Cứ mỗi buổi sáng, đàn ông, đàn bà lẩn cà con nít vác cuốc ra đồng, quanh năm làm bạn với mây mầu ruộng nhà, vài công rãy khóm.

Ở đầu kinh thông ra dòng sông Trẹm, một cái chợ nhỏ nòi lên. Hai bên, hai dãy phố ngồi đứng xùm-xup chịu đựng với nắng mưa gần như xiêu vẹo.

Đây là nơi chứa đựng một phần dân chúng trong buổi sáng, đây là nơi người ta tìm những thức ăn, vật dùng.

Cứ độ hai ngày, con tàu Rach-giá ghé ngang, đem lại nhiều hàng hóa ở thị-thành.

Mỗi lần tàu xúp-lê đăng xa là thiên-hạ nhao nhao ra đón, chen lấn ồn-ào. Rồi mỗi khi tàu đi, chợ tan, làng Thới-bình yên tĩnh lại.

Dòng sông Trẹm lững-lờ trôi ngang và ban chiều, trong chòm dừa xanh ấy, mây làn khói trắng bốc lên.

Người đàn bà xong việc bếp núc, ẵm con ra đợi chồng về, lâu lâu đuổi bầy gà đang buơi trên giồng rau cải ». (1)

(1) Đoạn văn này, tôi đã trích in trong bộ sách *Giảng văn T.H.Đ.N.C.* (phần kim-văn) dưới nhan-đéc «Một làng quê» có kèm theo ít lời phê-bình. Xin in lại sau đây để ghi lại vài cảm nghĩ của tôi về lối văn miêu-tả của Phi-Vân :

Bằng ít nét bút đơn sơ, tác-giả đã tả rõ được cảnh một làng quê nhỏ ở miền nam Việt-Nam với nếp sống cẩn cù trahi lặng, nghèo nàn và an phận. Sự sinh-hoạt thường như chỉ quy tụ ở nơi chợ nhỏ vào mỗi buổi sáng. Ngoài ra, suốt ngày, một sự yên tĩnh buồn buồn đe nặng trên làng quê hẻo lánh. Cũng vì thế mà một việc rất thường, ở đây, cũng có một tầm quan-trọng quá mức : Chỉ một con tàu ở tinh đi qua ghé ngang cũng dù khuấy động cả bầu không khí u-uôi thường ngày, dân làng a nhao nhao ra đón, chen lấn ồn-ào ».

Tác-giả miêu-tả khá tinh-vi, tờ ra đã từng sống ở thôn-quê và đã đe

Ta hãy tạm dời làng Thới-bình, theo tác-giả di xa hơn nữa vào tận chốn hẻo lánh nhất, u-minh nhất. Ở đây, ta sẽ phải kinh ngạc trước nếp sống man rợ của dân xóm Kiến-vàng, nhất là nét sinh-hoạt đặc biệt của trẻ con nơi đó. Tôi xin nhường lời cho Phi-Vân để tác-giả trực tiếp giới-thiệu xóm Kiến-vàng với bạn đọc :

*« Thuộc làng Tân-hưng-đông, ấp Kiến-vàng chia ra làm hai xóm. Thiên hạ hai bên thù nhau từ dời nào không biết mà hồi ấy họ ghìm nhau như địch thủ. »*

*Và không khác hai nước đương chiến, họ tìm mọi cách để ngầm giết nhau. Họ nuôi râu cọp, (1) tìm đủ thứ thuốc độc bò trong nước, trong món ăn, thuốc nhau chết như rạ. Thành ra, ở đó không ai dám tin ai, nhà nào nhà nấy giữ gìn từ lu nước, món ăn, tiệc tùng đâu mòi cũng không dám tới.*

*Một ngày ở đó là một ngày pháp-phỏng.*

*Con nít ở Kiến-vàng là con nít dù tài thao lược.*

*Trên bờ, chúng rồng tắt cả rừng rậm không gai, bắt rắn như bắt ếch, bắt chim như bắt gà, thời thì đạo binh của rừng bụi đều kinh hồn mất vía !*

→ *tâm quan sát kỹ. Những chữ nèp mìn, leo-heo, xùm-xụp, xiêu vẹo vê rõ được cảnh heo-hút nghèo nàn của một làng quê hẻo lánh. Chữ nồi dùng rất đặc vị, vừa tả vừa gợi : vì chợ họp « ở đầu kinh thông ra dòng sông Trẹm », hơn nữa « đây là nơi chưa dựng một phần dân chúng trong buổi sáng » nên những tiếng mua bán ồn-ào như « nồi » lén giữa sự yên tĩnh chìm lắng chung quanh.*

*Văn viết giản-dị, tả cảnh mà gợi tình, tác-giả đã làm cho người đọc phải xúc cảm : ta thấy bụi-ngùi thương cho những người dân lành — một số đông đồng-bào của chúng ta — đã sống một cuộc đời quá thấp, phảng lì như dòng sông nhỏ lững-lờ trôi, lặng-lẽ như làn khói cơm chiều, đời này qua đời khác, chưa biết bao giờ mới được cải tiến ! »*

(1) *Nuôi râu cọp* : Ở một vài vùng quê, người ta tin rằng lây râu cọp đem cảm vào măng non lâu ngày măng thối sinh ra một thứ sâu rất độc, chỉ một chút phân của nó đủ làm chết người rất dễ dàng. Nuôi râu cọp tức là nuôi thứ sâu ấy để lấy phân làm thuốc độc.

*Buồn ! Chúng có thè lôi đầu mẩy con rắn hò ngựa từ trên cây xuống... đá như đá ba-lông, chúng có thè nắm chớp hết những con kỳ-nhông, rắn mỗi ra « rô-ii » nhau rượu :*

*Dưới nước, tốp khác không kém, chúng là một đoàn thủy-quân bơi lội « dàng trời ban ». (1) Liệng chúng xuống bùn-bình sâu hoắm tối ngày chúng không uống một chút nước, không biết lạnh, mà lại còn mò lên một mớ tôm cá, mới tài ! Chúng lại thường theo cha chú ra vàm sông Mang-giỗ ban đêm soi sáu, với những con sấu con đem về cho... cắn lộn.*

*Khi chán chê rồi, chúng vẫy tay một cái là vặt đầu đem hương !»*

Nói đến thôn - quê không thè không nói đến chủ điền. Ở miền quê Nam-Việt có hai hạng chủ điền : một hạng đại điền-chủ có hàng ngàn mẫu ruộng, sống sung sướng như những lãnh-chúa thời xưa và một hạng tiêu điền-chủ — đông hơn — tiêu biều cho loại « nhà giàu xứ quê » keo kiệt, gắt gao đến mức tàn nhẫn. Dưới ngòi bút linh-hoạt của Phi-Vân, hạng người sau này được vẽ ra gọn-gàng và đầy đủ như một mẫu chủ điền điển hình. Ta hãy đọc :

*« Tôi cõm róm bước chưa đầy nửa thước sân, ba con chó vẹn ở đâu ùa ra sủa ồn-ào, nhăn răng, xứng gáy. Một chị đàn bà cầm chổi chà chạy ra quơ... Mấy con chó kinh hãi, nhảy lùi và như còn ấm-ức, sủa với vài tiếng « quັu, quັu ».*

*Tôi biết thân, ngồi bó gối dưới bóng mát hàng rào bông phướn trước sân, chờ. Tôi chờ một chặp, rồi một chặp nữa. Quái cái ông này ! Không biết có phải ông ngủ ban ngày, đè thay vào ban đêm để làm ông thẩn giữ bồ lúa hay sao, mà trưa đến xế dài ông cũng chưa chịu thức dậy. Hay là ông è mình ?...*

*Khi tôi đã mỏi mệt, ngồi gốc đầu lèn gối, thì bỗng nghe một hơi : « rò sò sò sò » như bỗng nước sôi, tôi ngóc đầu dorm : quả là ông Chủ !*

*Ông ngâm một hớp nước, súc miệng-trao ba cái, ngược mặt lên trời sôi « rò sò sò sò », rồi cuộn xuống « phết » một giọt vài vũng gốc cột.*

(1) *Dàng trời ban* : Thành-ngữ có nghĩa là quá sức tưởng tượng.

Sau những hồi liên tiếp như thế, ông ôm ngực ho xù-xụ, rồi khạc.  
rồi lại ho.

Cuối cùng, ông mới tăng hăng, đưa mắt ngó lom-lom ra đường :

— Trẻ coi đứa nào, biếu nó vô đây coi !

Tôi mừng như lượm được vàng.

Tôi theo chị ở vòng ra ngoài sau, vô nhà thì ông Chủ cũng vừa ngồi lên bộ ván.

Ông cao lên một chân, kéo ống quần, lật lại trong lau mặt, chùi râu, rồi bỏ xuống, đưa tay nhẹ nhè kéo cái khay trầu. Ông tỉ-mỉ lựa hai hột cau khô ngâm trong cái chén gần lén meo, bỏ vô miệng nhai chanh-chách, rồi tém trầu nhét thêm vô, rồi lại nhai chanh-chách :

— Mày muốn mướn đất hả ?

Bạn đọc đã thường thức văn miêu-tả (tả cảnh và tả người) của Phi-Vân. Tôi xin trích thêm một đoạn văn thuật-sự nữa cho được giới-thiệu đầy đủ cây bút phóng-sự này, một cây bút phóng-sự có thể coi là đặc sắc của miền Nam. Ta hãy nghe tác-giả thuật lại một đêm hát bội ở làng quê, trước đám khán-giả bình dân dễ dãi, hỗn tạp và vô trật-tự :

« Khi tiếng trống thùng thùng nồi lên trên xóm đình, thì đọc theo bờ ruộng đã thấy lũ-lượt kẻ năm người ba kéo nhau đi xem hát.

Sân đình trước là một đám cỏ cú cao nghều-nghệu, chỉ sơ sơ trong nửa buồi là bị dấu chân người dẫm lên sát rạt.

Trước rạp, người ta dọn dẹp sạch-sẽ, sắp một hàng ghế dài để dành riêng cho các bậc kỳ-lão và hương-chức ; kế đó là ghế của tư-nhân. Họ khuân từ nhà đem lại, chen nhau giành chỗ. Hai ngọn đèn măng-sông được treo tὸn-ten trên cao, trước rạp.

Ba hồi trong cơm tùm-tum báo răng đào kép sáp ra tuồng, mà, tội quá, đám con nít cứ chen lấn nhau kêu la ầm-ì. Chúng trèo níu đanh deo ở hai bên giàn coi đàn kèn và coi các ông tướng vẽ mặt. Hai anh cai-tuần lãnh coi trật-tự đuổi thế nào chúng cũng không đi.

Tức quá, họ bè roi quắt bò trên đầu, trên lưng làm chúng kinh hoàng lẩn nhau té dùn cục. Nhưng một lát, chờ khi anh cai-tuần ròn đi chỗ khác, chúng lại leo lên bu chung quanh như kiến.

Đêm ấy hát tuồng Phụng-nghi-đình. Chinh ông sáu Lý ôm tòng, bây giờ độn cái bụng to, mặc áo rộng thùng-thình đóng vai Đồng-Trác.

Mỗi lần ông đi khệ-nệ, vuốt râu, đưa quạt lên trời hắt hắt, là mỗi lần người ta la ó vang dội.

Anh chàng Lữ-Bố có cái bộ ghen tuyệt diệu. Mỗi lần anh hàn-học với Đieu-Thuyền là mỗi lần mấy cô ngồi chen nhau ở hạng ba veo nhau gần nhầy nhèm, và hit hè chát lưỡi như đám thằn-lằn kêu đói ở trong đình.

Một điều đáng đề ý là sau lưng các cô, đó một chị đàn bà nào, một ông già bà cả nào, hoặc một đứa con nít nào bên mảng tối được. Toàn là bọn thanh-niên đầu chải bóng láng, chen chúc nhau đứng cặp-kè, rợ-rợy nói chuyện vang trời.

Đã vậy mỗi lần ông sáu Lý vỗ cái bụng phệ làm cho người ta cười ngả nghiêng, ngả ngửa, thì phía ngoài thêm một vài cậu lừa thế thò đầu vô, hai tay vẹt đàn bà con nít, mắt liếc coi phía nào có mấy cô là chen tới.

Có vài chị đàn bà bồng con, tay vạch áo đưa vú cho con bú mà mắt chăm-chăm lên sân khấu, hồn gởi trọn cho Đieu-Thuyền. Đứa con ngậm vú không được vùng khóc ré lên. Chị ta không kè đến, cứ đứng sững giơ tay đánh chan-chát vào đít đứa con. Đứa bé khóc ngất».

Sau Đồng Quê, Phi-Vân còn viết thêm được mấy truyện nữa, (đều lấy đề-tài ở cảnh quê, người quê) là: Dân quê, Tình quê, Cô gái quê.

Trong truyện *Dân Quê* (xuất bản năm 1949), tác giả càng chú trọng vẽ rõ đời sống cơ cực của người dân quê qua những hành động bất lương, bỉ ổi, tàn bạo của bọn chủ đất, cường

hảo chuyên áp bức, bóc lột dân lành. Khuynh - hướng xã - hội thấp thoáng trong tác-phàm Đồng Quê, ở đây, đã thành hình rõ rệt.

Đọc Phi-Vân, ta không thể không nghĩ đến Tô-Hoài, một nhà văn miền bắc cũng chuyên viết về dân quê và nếp sống ở đồng ruộng. Nghệ-thuật của Tô-Hoài hơn Phi-Vân một bực; nhưng truyện của Phi-Vân sống thực hơn. Cả hai từng sống nhiều ở thôn quê; nhưng khác nhau ở chỗ Tô-Hoài dùng trí quan sát tinh-tế và nghệ-thuật vững vàng để cấu tạo tác-phàm, còn Phi-Vân thì lăn lóc khắp nơi rồi thành-thực thuật lại những kỷ-niệm, những từng trải của chính mình. Do đó, tác-phàm của Phi-Vân đã phản ánh trung thành và sâu sắc nếp sống cùng tập tục ở miền quê Nam-Việt, nhất là miền Hậu-giang.

Có một điều hơi đáng tiếc ở Phi-Vân là tác-phàm của anh còn sót ít nhiều lỗi chính-tả; nhưng đó là khuyết điểm chung của đa số nhà văn miền nam, nên người đọc cũng dễ dàng « thông cảm » với tác-giả.



Nhin tấm ảnh anh gửi cho, tôi đoán Phi-Vân là một người lạnh-lùng ít nói: anh có cặp mắt nhỏ, khuôn mặt đầy...

Tôi đã lầm. Ngay lần đầu gặp tôi, anh đã có thái-độ rất niềm-nở. Vẻ mặt no đầy, lầm lì trong ảnh không còn thấy ở gương mặt thật sáng tươi. Cặp mắt nhỏ với cái nhìn bí-mật soi mói đã nhường chỗ cho những tia nhìn lóng-lánh tươi cười.

Vì thế, ngay buổi sơ kiến chúng tôi đã nói chuyện rất vui, và mối tình bạn sơ giao đã hứa hẹn rất nhiều thân mật.

Đáp những câu tôi hỏi về đời văn của anh, Phi-Vân sẵn sàng cho biết như sau :

- Tôi say mê văn-chương từ khi còn ôm cặp đi học ở trường làng. Tôi chịu ảnh-hưởng nhiều của các nhà văn đàn anh miền Bắc, nhất là nhóm Tự - Lực văn - đoàn ; thoát đầu

thích làm thơ, từng sáng lập nhiều thi văn đoàn, nhưng lại không trở thành... thi-sĩ !

Tôi bắt đầu thực sự theo đuổi nghiệp văn-chương bằng một thời-kỳ lâng-mạn, thích phiêu-lưu và, sau một dạo ngao du nhiều nơi, đã sáng tác được hai truyện dài loại phiêu-lưu tình cảm : *Trên bãi cát vàng* và *Chim trời bạt gió* (đăng ở báo Phóng-sự hồi năm 1941).

Sau thời-kỳ lâng-mạn, tôi chuyên hướng viết phóng sự và sáng tác quyển *Đồng Quê* năm 1942. Tiếp theo là những truyện *Dân quê*, *Tình quê*, *Cô gái quê*, (đều do nhà Tân-Việt xuất bản). Sau 1945, tôi viết cuốn *Nhà quê trong khói lửa*, nhưng đến nay vẫn còn dang dở chưa xong, một phần cũng vì rất bận bịu với nghề làm báo.

- Trả lời câu hỏi tác-phàm nào ưng ý nhất, tôi có thể nói rằng sau quyển *Đồng Quê* phản ánh sinh-hoạt của dân quê Việt-Nam hồi tiền chiến, tôi thích nhất quyển *Nhà quê trong khói lửa* trong đó tôi đã ghi lại được nhiều « kỷ-niệm sống » trong thời loạn lạc vừa qua. Hiện nay tôi chỉ mong chờ được lúc rỗi rãi để viết cho xong tác-phàm này.

- Đoạn văn mà tôi thích nhất là đoạn chót quyển *Đồng Quê*, tả một người mẹ xấu số chết đau đớn và oan uồng sau một trận đòn ghen của bà chủ điền tàn bạo. (1) Tôi viết đoạn văn này trong lúc xúc cảm đến cực độ, vì tôi đã từng chứng kiến một cảnh tương tự. Ngoài ra, còn đoạn kết ngắn nữa cũng là đoạn văn mà tôi ưng ý.

- Tôi viết văn tùy hứng, có sắp xếp lại sau bàn thảo đầu, ít khi bố cục trước. Tôi không thích vẽ vời mông-mông, không ưa lập dị. Tôi chủ trương viết giản-dị và căn cứ ít nhiều vào sự thực, nên chỉ sáng tác sau khi đã sống trong cảnh thực.

- Nguyên vọng của tôi là chờ cho thời-cuộc lắng dịu,

---

(1) Xem Phụ lục sau phần Văn tuyển.

sự giao thông được dễ dàng đè lại ngao du về miền quê, tiếp tục công việc sáng tác hiện đang bị gián đoạn.

● Về kỷ-niệm trong đời văn, tôi xin kè anh nghe một kỷ-niệm khá buồn... cười sau đây :

Sau khi tuyên bố kết quả giải thưởng văn-chương năm 1943, Hội Khuyến Học Cần-thơ có tổ chức một buổi phát thưởng long trọng, có đầy đủ thân-hào, nhân-sĩ, các nhà tài mэт ở địa-phương và nhiều bạn văn từ các tỉnh xa về tham dự.

Rồi thay, vào lúc đó tôi vừa phiêu-lưu trên hai tháng trong cánh rừng sâu vùng Bến Cát — Chơn - Thành — Tây-Ninh đè tìm tài-liệu viết một thiên phóng-sự đường rừng. Lúc trở về, tôi bị rét rừng nặng. Ngày phát thưởng là ngày tôi đau vùi, nóng mè man, không còn biết trời đất gì nữa. Buổi lễ không thể hoãn lại, vì thiếp mời đã gửi đi các nơi. May người bạn tôi phải « lê » tôi từ Sài-gòn xuống Cần-thơ trong tình trạng bệnh hoạn nguy kịch nhất. Khi tới nơi, bác-sĩ Lê-văn-Ngôn — một nhân-viên trong ban tổ-chức — đến xem mạch và lắc đầu : **Cơn sốt của tôi lên tới 40 độ và tôi vẫn mè man.**

Mọi người đều lộ vẻ lo lắng. Sau khi bàn định với ban tổ-chức, bác-sĩ Lê-văn-Ngôn tuyên bố : « Đêm nay (trước hôm phát thưởng) tôi sẽ chích « cầu âu » cho anh ấy một mũi chót, nếu bệnh Phi-Vân không giảm thì dành kè như anh vắng mặt vậy ! »

May quá, sau mũi thuốc « quyết định » ấy, sáng hôm phát thưởng tôi tỉnh dần, nhưng vẫn còn như kẻ mất hồn. Tất cả đều thở ra nhẹ-nhõm. Và không thể đè tôi vắng mặt được, ban tổ-chức nhất định đưa « con bệnh Phi-Vân » ra giới-thiệu với « hải nội chư quân tử » !

Phút chờ đợi đã đến. Sau những bài diễn-văn, những lời giới-thiệu, người ta dìu người trúng giải nhất ra sân khấu. Dù

là trong giây phút nghiêm trang, trong đám khán-giả cũng có tiếng xi-xào, tiếng « ồ » và tiếng cười khúc-khích :

Phi-Vân, mà người ta tưởng đâu như là một gã thư-sinh « tài hoa phong-nhã » hay ít ra cũng là một người « tướng mạo đường đường », lại chỉ là một kẻ xanh như tàu lá, ốm như que diêm !

Trao giải thưởng xong, sau những lời giải thích cáo lỗi với khán-giả, theo chương-trình đã định, Phi-Vân phải có vài lời cảm tạ, phát biểu ý kiến, v.v...

Sau khi run rẩy đọc xong vài lời, tôi xiu xiu muốn ngắt đi và... được dìu vào trong đề bác-sĩ Lê-văn-Ngôn săn đón nghề túc trực tại đó chích thêm cho một mũi thuốc khỏe !

(Tháng bảy 1963)



Văn tuyển :

## TRAO THÂN CON KHỈ MỐC !

*Hương Ba càu nhàn :*

— Cái làng gì mà kỳ-khôi quá ! Các ông nghĩ : Lãm cha mẹ, ai cũng muốn cho con nó được nên vợ chồng, chàng này họ mảng bo bo mấy cái hủ-tục bắt bẻ từ chút, đòi hỏi từ cái lỗ mọn, đã thèm rồi mới chịu gả con gái... Chịu gả mà có xong cho đâu ! Đây đê tới lúc mình tới rước dâu rồi chú coi, chém chết ông Bá hay ông Tộc-trưởng bên ấy cũng « vặt » anh cai Sót đủ điều !

*Ông Chánh Khá nói thêm một cách chân nǎn :*

— Mà cái xứ gì ở xa tí-mù !

Rồi chân nǎn nhìn hàng cây mầm ở ven rừng, « giảm chân » bên bờ sông Ông Đốc.

Chiếc ghe máy có cái mũi ngạo-nghẽ, khoe những dây cờ lon-con, dăng từ cột buồm ra sau lái.

Tiếng máy chạy sình-sịch.

Trời về chiều.

Tầu chạy hôm nay nữa, là hai hôm rồi : sông Ông Đốc, kinh xáng bà Kẹo, Đầm Cùn, kinh xáng Thơ-Mai, nhưng xóm Kiến-vàng vẫn còn xa lơ xa lắc.

Họ chàng trai mệt nhọc ngồi trong chiếc tàu chật hẹp. Người ta ăn hết ba lượt bánh mì với thịt quay mua ở Cà-mau. Chú rề ngày đầu còn khăn đóng áo dài, hôm sau đã cởi dẹp lại một bên, mặc chiếc áo thun giả ngồi ở trước mũi tàu ngóng ngóng, thỉnh thoảng vươn vai hít không-khí rồi cú-rũ nhìn lú trẻ trong xóm chạy theo tầu, trên bờ sông vỗ tay reo :

— Ô ! Dám cưới !...

Đi họ còn có cả ba cô gái : áo tím, áo xanh, « bot-dê » dài thườn-thượt.

Họ ti-mi từng chút, luôn luôn khẽ nhặt sõng áo và lai quần hàng thằng bóng đè đôi giày cườm khỏi vương mà làm lấm hư đi.

Hôm xuống tàu, ba cô chọn một chỗ sạch, ngồi nói chuyện với nhau khe-khẽ, ai mời ăn gì cũng từ chối, thỉnh thoảng đưa cái bõp đầm lên soi kiếng, sửa lại cái vành mõi.

Nhưng hôm nay, ông Chánh Khá đã vắt cái áo đen trên vai và gói cái khăn đóng lại ; ông chủ hôn Cai Sót đã nắm ngáp trên chiếc sập con, thì các cô cũng đành chia nhau ăn mấy khúc bánh mì còn sót lại.

Son trên mõi đã hoen ố, phần trên má cũng phai đi từng khoảng. Chiếc khăn mù-soa đã được nằm trong túi, không còn đeo-dangling với tay nữa. Vì hai bên bờ, rừng tràm và dừa nước, muỗi nó kêu yang lên như khát máu, đậm bằng tay có hiệu nghiệm hơn, chờ cầm cái khăn mà chấm chấm thì không thấm thấp vào đâu cả.

Hương Ba càu-nhàu mãi, và ngán lăn đến lúc ông phải đem khay trầu rượu đi trình đàng sui gái...

Năm nay đã gần tứ tuần, nhưng ông còn có vẻ... thanh xuân ! Lần này là lần thứ mười tám ông đi làm rè phụ. Hỗn bạn thanh-niên trong làng có cưới hỏi, là người ta nhớ đến ông, vì ông đã từng trải lắm rồi, lại biết đủ tục-lệ.

Ông thường bảo với bọn trẻ :

— Các cậu đừng tưởng làm rè phụ là dễ dâu. Đề các cậu lanh vai ấy thì có mà hỏng bét !

*Anh tài-công cho hay :*

— *Khởi vàm Mang-giỗ rồi, còn hai cái doi nữa là tới Kiến-vàng !*

*Trời tối đen. Bầy muỗi tha hồ bu cắn mẩy ông đi họ dang sật-sù.*

*Nhưng người ta đã giục nhau :*

— *Sửa soạn mau lên !*

*Ông Cai Sót hốt-hải :*

— *Mấy giờ rồi, mấy giờ rồi ?*

— *Mới có mười giờ. Qua giờ tí mới đúng.*

— *Thay kệ giờ nào ! Tới thì phải lên, đã gần chêt rục rồi đây !*

*Người ta hối-tấp sửa soạn. Hương Ba gò gãm khăn đóng cho ông Cai Sót ; chàng rè già khuy cho ông Chánh Khá.*

*Bà sui trai và hai người đàn-bà đi họ, mấy ngày giam hãm trong chiếc buồng con đằng sau lái tàu đè xóix tàu và xả thuốc, bảy giờ cũng thấy hăng-hái xếp đặt cái hộp trầu.*

*Ba cô thiếu-nữ nheo mắt lo đánh vội một lớp phấn và rán vẽ được hình trái tim trên môi đỏ ống.*

*Người ta phùi lại nếp áo, người ta chùi sơ lớp bụi đóng trên mũi giầy.*

*Cây đèn treo lủng-lẳng giữa tàu rơi trên vách mẩy. cái bóng người đi lại lại.*

*Ông Hương Ba đã hờm sẵn khay trầu rượu, xay qua dặn chàng rè :*

— *Thanh, mẩy bụng cái khay hộp theo tao nhé ! Lúc làm lẽ, hẽ tao đặt khay trầu rượu ở bàn nào thì vợ chồng mẩy sẽ lạy ở bàn đó, mà nhớ luôn luôn đứng bên tay trái nghe, « nam tả nữ hữu », rán học cho nầm lòng !*

*Rồi tiếp :*

— *Còn tụi thằng Trí, bụng mâm, khéo lọt mẩy trái cam da !*

*Không được giỡn hớt như ở nhà, ở đây người ta khó lâm, coi chừng ! Còn thằng nào đó, coi qua cái doi chót thì nhớ đốt pháo lên !*

*Tiếng pháo bắt đầu nổ vang cả xóm thì xa xa có mấy tiếng pháo trả lời.*

*Trên bờ sông mấy con chó hè nhau đứng sủa.*

*Tàu ghé bên cái cầu có nhà mát. Cả đoàn lần lượt lên bờ và sắp hàng có thứ-tự di vô sân, đứng đợi.*

*Trong nhà khách, ba bốn ông lão đang nói chuyện vang quanh chiếc bàn tròn trải khàm đỏ.*

*Mấy cây đèn sáp rọi sáng cả gian nhà.*

*Một bọn trai tráng mặc áo dài đen chạy lăng-xăng, pha trà, bụng chén.*

*Họ chàng trai vẫn đứng ngoài chờ.*

*Hương Ba nóng ruột :*

*— Mê ! Tại sao không có người ra mời ?*

*Một câu nói trịnh-trọng từ trong nhà khách đưa ra đường như đè trả lời :*

*— Bay ra mời họ chàng trai đứng chờ đây. Chưa tới giờ đâu !*

*Chưa tới giờ ! Mấy tên bụng mâm chân nǎn.*

*Thằng Trí lầm bầm :*

*— Đợi tới giờ thì gãy mẹ cái tay đi còn gì ! Mỏi thấy tò rồi đấy !*

*Ông rè phụ bức mình ghé vào tai ông Chánh Khá :*

*— Dương là trường-tộc, rán đối đáp ! Bây giờ mình cứ việc... Tôi sẽ đem dán dôi liền, rồi thì mình xin cưới liền dặng về cho kịp con nước một giờ !*

*Thế là Hương Ba bước liều vô nhà và đến đặt khay trầu rượu trên bàn giữa.*

*Mấy ông lão trơn tròn.*

*Ông Báu run run; khẽ kéo cái gọng kiếng sụp xuống chót mũi, đầu nghiêng phía trước, cái búi tóc lọt ra ngoài lớp khăn đóng, dựng đứng lên như tức giận, ngó thẳng vào mặt Hương Ba, dữ tợn.*

*Nhưng Hương Ba đã chắp tay :*

*— Dạ... xin... cho phép tôi... dán dôi liền.*

*— À ! dán liền ! Mà đã tới giờ đâu ? Không phải các ông muốn tới bắt con gái người ta lúc nào cũng được !*

*— Dạ, tôi chỉ xin dán liền !*

*Một ông họ nhà gái già xóm có cái mép lởm-chởm mẩy cọng râu ngắn dài không đều, che mái lưa-thưa trên hai lèn môi mỏng đang « hăm » lui tuột vô miệng đè cái cầm lẩn nước nhô ra như một lái tàu sà-lúp, làn da mặt nhăn-nhiú khô dét như vỏ cây khô cháy nắng, tất cả sự sống đều dồn vào cặp mắt loang-loáng nhìn vòng qua cái gọng kiếng băng thau ; cái khăn đóng quấn suông hai vòng, cao, dày, đè lìa ở từng thương một búi tóc bạc phơ.*

*Cả gương mặt có một vẻ gì vừa lạnh-léo, vừa gay-gắt mà một đứa bé con thấy được là phải khóc ngay !*

*Ông họ ấy đang chăm-băm nhìn mọi người với những nét nhăn không cảm-giác, sực lên tiếng khi nghe Hương Ba nói tới liền.*

*— Dán liền à ? Được !*

*Người ta thoáng thấy một cái nhích mép nó đưa nhẹ chòm râu xéo một bên : cười hay gây ? Nào ai biết !*

*Hương Ba ngờ-ngợ nhìn và lạnh-lợi :*

*— Ông Tộc-Trưởng cho phép chúng tôi dán dôi liền giao hiểu ?*

*— Được. Coi nào !*

*Không đợi nhắc, Hương Ba le-làng phết hồ lên cột.*

*Ông Tộc-trưởng chậm-chạp đứng dậy cầm cây đèn sáp nhỏ đi theo xem.*

*Lớp tuổi già đè nặng trên lưng, nhưng ông cũng cố gắng ngước lên, tay giơ cây đèn cao khỏi đỉnh đầu, tay gõ bằng mây cái móng dài thường-thượt trên lớp liên đò, dò từng nét, từng chữ một và chậm-chạp đọc :*

— Thùa... long... lạc... ý... tam... chi... thọ...

*Ông gật gù, nặng-nề bước qua cột bên kia. Ánh đèn làm nồi bật mẩy nét nhăn và chói sáng cả cái « tầng thượng » trên chiếc khăn đóng : mỗi cái gật làm bùi tóc lắc-lư như con « lật-đật » của trẻ con !*

— Giá... phụng... quan... thành... bách... lượng... xa...

*Rồi bằng một giọng ngâm trầm bồng, ông lặp lại và phê bình :*

— Thùa long lạc ý tam chi thọ. Hay !

Giá phụng quan thành bách lượng xa.

*Cũng hay ! Nhưng mà, ông chủ hôn ơi ! ông cắt nghĩa giùm thử coi câu liên nó thế nào mà tôi « dốt tối dốt tăm » không hiểu được !*

*Ông lại chép miệng làm-thầm như tự hỏi :*

— Tam chi thọ ? Ba nhánh hay ba họ ?

*Ông Chánh Khá nãy giờ đứng rón rén cạnh Hương Ba, nghe kêu, vội-vàng đưa tay lên sửa vành khăn đóng, mạnh dạn bước tới, biết rằng « chiến cuộc » đã « khai hấn » và sứ-mạng của ông là phải giữ danh-dự cho phe nhà.*

— Dám thưa ông Tộc-trưởng, chúng tôi không phải là kẻ thâm-nho, tài hèn chỉ đáng làm mòn-đệ của ông, nhưng ông đã dạy, tôi xin mạn phép vâng lời; nhờ ông không chấp cho chuyện trước cửa Lô-Ban múa búa. Tôi có thể thích nghĩa xuôi hai câu ấy ra như thế này :

Chú rè cõi rồng nương cây ba nhánh,  
Cô dâu hỉ-hạ tìm đặng mối trăm xe.

Còn dịch nôm thì tôi nghe ông Đồ Ướt nhà tôi diễn thử trong câu này :

Rè lành đủ dựa tài lương đồng,  
Dâu thảo vui nên bậc thế quyền.

Tưởng cũng tạm gọi được là hay vậy. Chẳng hay ông Tộc-trưởng nghĩ thế nào ?

— Hay ? Tạm gọi là hay ? Già này thấp thỏi không biết nôm na cao kiến như mấy ông, già chỉ biết rằng trong rừng nho biển thánh, không thiếu chi tiếng dùng, sao lại đem nào là « thưa long, giả phụng... » tiếng của bậc đế-vương vua chúa vô làm chi cho tủ nhục thêm cho con nhà dân-dã chúng tôi !

Chánh Khá xanh mắt :

— Thưa ông...

— Thôi, thưa gởi làm chi nữa ! Theo phép mấy ông trầu rượu tới đây cưới con gái nhà tôi, mấy ông không có quyền khinh khi quá lè... Bây giờ tôi muốn coi đồ nữ-trang trước, rồi đợi tới giờ sẽ hay.

Hương Ba vội-vàng mở khay hộp. Ông Tộc-trưởng nâng từ chiếc vòng, sợi dây chuyền lên nhìn, bỗng nhiên mắt ông sáng quắc lạ thường, chép miệng hỏi :

— Ủa, sao lại có đôi bông nở mà không có bông búp ?

Chánh Khá rối loạn chực nói, nhưng lại bỡ-ngỡ nhìn mọi người.

Hương Ba lẹ đờ lời :

— Thưa bông búp là hỏi « ăn tràu uống rượu » kia. Lời tục người ta nói : « Bông búp về nàng, bông nở về anh », vì đường xa xuôi quá, chúng tôi đã yêu cầu tràu rượu cưới hỏi một lần, thì chúng tôi tưởng « bông nở » không, cũng đủ lễ rồi vậy !

*Ông Báи ngồi ch m-ch i nghe d n đó, b ng nhiên kh c l n r ng-r c:*

— Nh  t i v  ph u c. Tr i ơi! con l m nh c cha nh c m e chi v y h i con!... Sinh con, t u ng g  được ch  m n d ng h p đ i, ai d  h p kh nh m nh d n d i n y!

*Ông Ch nh Kh  bị «t n c ng» g t qu , đ nh d ra m t c u c u v i H uong Ba l n n a m  m -h i tr n tr n d  nh  gi t.*

*H uong Ba ch ng n i ch ng r ng, ngo t ch ng r  b u c v o, c n  ng th  d n c nh  ng Ch nh Kh , l y m t ng  y n i «d  t i», r i n i l n d  th y d i cu c di n:*

— D  tr nh d  n -tr ng, th  b y gi r xin l n d n l m l c c r i.

*Ông T c-tr u ng tr n ng c c p m t, d i l ng m y d ng l n l m t ng v  gi n d , oai nghi:*

— Ai cho p p ch  c r i? T i b o  đợi t i gi r ng e ch ra?

*Ông Ch nh Kh  l p t c tr a lời kh o l o:*

— Xin  ng T c-tr u ng th u ng gi m. Con r  n    d i v i nhau đ ng, c  ph i l i c i gi r d  d u. N u ch  d n gi r t , con n rc ch y r ng cho d n tr a mai, th  ch ng t i ph i ch u ng c c  m y con n rc n a, ch c ch t d i   d c d ng. Nh t l  c  d u kh ng quen di d ng tr u ng b  r  d ri t u n m s u b a, ch ng l  t i n g i p l m sao?

*Ông T c-tr u ng n n l ng.*

*Ch nh Kh  l y H uong Ba. H uong Ba h i y, x   ng qu t n i d n kh y tr u r gu r i d ra t y ngo t m t c i. D m b ng m m l c t c k o v o.*

*Trong l c l n x n, H uong Ba l ra d p k i tai Ch nh Kh  b o m t c u:*

— L y h p xong, d ng xin ki u li n, d ng d  tr  m t ph t n o c . M nh kh ng c n  n m c c ng kh ng c n h p t -t  n a. Ch ng l  h p n u d u l i d u m c s !

*Ch nh Kh  l m nh  l i.*

*Họ đàn ông trai đã thông đồng ăn rập với nhau đứng lên một lượt.*

*Thầy con mình bị « bắt » đi một cách cấp tốc, bà Báu trong nhà khóc rống lên như đám ma, còn ông Tộc-trưởng vỗ bàn lên ầm-ầm.*

*Nhưng đám bưng mâm đã vây quanh họ tống cô dâu, chàng rè xuống tàu một cách hùng-dũng, dẫu phe ông Báu có muốn « phá vòng vây », cũng không tài nào vê nổi.*

*Mọi người đều xuống tàu, trừ Hương Ba đang hí-hửng như vừa thắng trận, đứng cạnh Chánh Khá nói nẩy cười cười:*

— Vậy cũng xong ! Đó, đương thay chưa ? Mình phải... mình phải cương quyết, phải... tài ba như vậy mới được chứ !

*Bỗng ông Tộc-trưởng trên nhà chống gậy xồng-xộc chạy xuống níu tay ông Chánh Khá thở hào-hèn, vènh râu, sừng-sộ :*

— Còn lẽ... « trao thân gởi mình », sao không làm hử ?

*Nhưng Hương Ba bước vội xuống tàu, mặt đang nở hoa, tự-nhiên xanh xám lại, kéo dài ông Chánh Khá theo, cộc lốc trả lời :*

— Trao thân... con khỉ mốc !

*Anh tài-công tàu giựt chuông mở máy...*

(Đồng Quê)



## TIẾNG HÒ TRONG ĐÊM VẮNG

— Thầyơi thầy, dậy mà nghe con nhỏ nó hò !

*Tôi giật mình, dụi mắt hỏi anh chèo :*

— Tôi đâu rồi anh ?

— Dạ, vừa qua khỏi vòm Rạch Bần !

*Tôi chồm ra ngoài, nhìn cảnh vắng. Bên vòm, hàng dừa nước*

âm-u lâu lâu thấy le-lôi một ánh đèn; bên bờ kia thỉnh-thoảng  
nghe tiếng chày giã gạo, tiếng chó sủa đêm.

Đêm nay chỉ có vành trăng hai mươi, nhưng sao đầy trời  
góp ánh sáng lại làm cho cảnh vật thêm ảo huyền thơ mộng.

Một làn gió nhẹ thoảng qua, tâm-thần tôi thêm khoái sảng.

Vâng xa những giọng phù trầm êm-ả của một điệu hè mê-  
ly, đặc biệt của đồng quê, rõ lần trong lặng-lẽ.

— Anh chèo ơi, lời mái đợi họ lại gần, đi cho có bạn và  
nghe hè chơi anh!

— Xin lỗi thầy, nghe giọng hè của «con nhỏ» tôi đã rụng  
rời, lời mái tự nãy giờ. Thế nào tôi cũng lên tiếng.

— Anh cũng biết hè nữa sao?

— Điệu nghệ mà, thầy! Nói gì, gấp phải tri-âm, thức hè  
mấy đêm cũng không biết mệt!

— Ủ, hè đối đáp nghe chơi, mà anh phải ráo làm sao chờ  
đè thua con gái, nhục lắm!

— Dễ không, đè tôi bắt trốn cho thầy coi mà! Kìa, nó đã  
lại gần, tôi phải giáo đầu «nhập đè» mới được:

Hè hớ ờ ơ...

Bạc với vàng còn đen còn đỏ,

Đôi đúa mình còn nhỏ thương nhiều.

Vừa nghe tiếng em là anh muốn như anh Kim-Trọng thương  
chị Thúy-Kiều thuở xưa... ờ...

Hè xong, anh ta đặc chí:

— Đó thầy coi, thế nào rồi nó cũng trả lời, «điệu nghệ  
gặp nhau, là mày tao quấn-quít».

Giọng phù trầm ngừng đi một chặp. Chúng tôi yên lặng chờ.  
Quả nhiên không sai lời anh chèo nói «điệu nghệ gặp nhau, là  
mày tao quấn-quít», tiếng hè lại nói lên :

Hè hớ... ở người không quen ơi!

Nghe anh, em cũng muốn thương nhiều,  
Nhưng hoa đà có chủ, khó chiều dạ anh...

*Anh chèo xoa tay trả lời tức khắc :*

— Hò hơ... Chim kia còn thò-thè trên cành,  
Nghe em nói vậy, dạ không đành rẽ phân.

*Giọng trầm cung không chịu nhịn :*

— Hò hơ... Bình-bồng ở giữa giang tân,  
Bên tình, bên nghĩa, biết thân bên nào ?

*Anh chèo rồi rít :*

— Đó thấy coi, ngon chưa ? Trời ơi, cái giọng đáng yêu  
làm sao !

— Hò hơ, ó em ơi...

Nhứt lê, nhì lựu, tam đào,  
Bên tình, bên nghĩa, bên nào cũng đồng thân.

*Rồi anh lắng tai chờ.*

— Hò hơ, nói mà chơi vậy chờ : Gió thòi hiu-hiu, lục-bình  
trôi riu-riu, anh đứng bận bùi, bờ diệu chung tình, con nhạn  
bay cao khó bắn, mà con cá ở ao quỳnh cũng khó câu...

*Anh chèo đã thấy đồ mồ-hôi, nuốt nước miếng, bảo tôi :*

— Không được, tôi chưa hề gặp con nhỏ nào hò « chiến »  
như con nhỏ này. Nó làm bộ có chồng đè thử mình, rồi bay giờ  
lại làm cao, nếu ở hò cù-cưa, thế nào cũng bị nó « hạ ». Vậy tôi  
phải trả hết nghề, đem diệu hò dài ra tần công cho nó « ứ nhura »  
hợp may nó mới « xếp giáp quy hàng » :

Hò hơ... Ô này em ơi, em hãy nghe cho kỹ.: Xưa nay gái  
không cưới chồng, trai không ở góa, doái thấy nàng xinh đã quá  
xinh. Buông lời vừa vỗ vể non, nếu như nàng lo việc cháu con  
sao không kiềm chốn trao thân gởi thế ?

Trên đời bá công bá nghệ, dưới lại là tút thứ tút dân. Làm  
người sao khỏi chữ lương-nhân, mà nàng chịu đè phòng không

ở góa ? Sách có chữ rằng «phụ nhân nan hóa», ít kẽ yêu vi. Nên lấy chồng phải luận phải suy, phải xem trong lóng đục, đây đã đến phải thời phải lúc... Hò hơ... hay nàng còn cúc dục cù-lao... Đề anh ngo-ngắn ra vào, thăm yêu trộm nhớ dạ nào bỏ anh ?

— Đó thầy coi, thế nào nó cũng chết ngắt, điệu hò dài phải đổi dài, ngắn đổi ngắn, nó mà đáp được kỳ này thì tôi cũng cam giải nghệ cho rồi ! ...

Tôi giục : «Kia nín, nó đã đáp liền kia ! »

— Hò hơ, ó nầy anh nó ơi, số-phận em giao phó cho trời xanh ; lấy anh, em không lấy nhưng cũng không dành làm ngo. Hò hơ... vốn em cũng chẳng bơ-thờ, em đã hằng chọn trong lóng đục, nhưng vẫn còn ngờ nợ duyên. Hò hơ... vốn em cũng muốn lấy ông thầy thuốc cho giàu sang, nhưng lại sợ ồng hay gia hay giàm ; em muốn lấy ông thầy pháp cho đám, nhưng lại sợ ồng hét la ghê gốc ; em muốn lấy chú thợ mộc, nhưng lại sợ chú hay đục khoét rày rà ; em muốn lấy anh thợ cưa cho thật-thà, nhưng lại sợ trên tàn dưới mạt ; em muốn lấy người hạ bạc, nhưng lại sợ mang lưới mang chài ; em muốn lấy anh cuốc đất trồng khoai, nhưng lại sợ ảnh hay đào hay bới ; em cũng muốn chọn anh thợ rèn kết ngõi, nhưng lại sợ ảnh hay nói túc nói êm ; bằng muốn lấy anh đặt rượu làm men, nhưng lại sợ ảnh hay cà rienga cà tỏi ; em muốn lấy ông nhạc-công cho giỏi, nhưng lại sợ giọng quyền giọng kèn ; em muốn lấy thằng chăn trâu cho hèn, nhưng lại sợ nhiều điều thá ví ; em muốn lấy anh lái buôn thiêng-thị, nhưng lại sợ ảnh kêu rêu mắc rẽ khó lòng ; em muốn lấy anh thợ đóng thùng, nhưng lại sợ ảnh kêu trật niền trật ngồng ; em muốn lấy ông Hương ông Tòng, nhưng lại sợ việc trống việc gông ; em muốn lấy anh hàng gánh tay không, nhưng lại sợ đầu treo đầu quay ; em muốn lấy chú hàng heo khi nãy, nhưng lại sợ chú làm lộn ruột lộn gan ; em muốn lấy anh thợ lát thợ đan, nhưng lại sợ ảnh hay bắt phải bắt lôi ; em muốn lấy anh hát bè hát bội, nhưng lại sợ giọng rõi giọng tuồng ; em muốn lấy anh thợ đóng xuồng, nhưng lại sợ ảnh hay dàn hay thúc... Hò hơ, mấy lời trong đục chẳng dám nói ra. Có thầy giáo-tập

trong làng xã, hay dạy hay răn, so đức-hạnh ai bằng, lại con nhà nho-học, sứ kinh thầy thường đọc, biết việc thánh hiền. Hò hơ, gấp nhau em kết nghĩa liền, không chờ chặng đợi cho phỉ nguyền phụng loạn... (1)

*Tuy anh chèo cứng họng, nhưng tôi ngồi trong mui đã thấy khoái trá vô cùng.*

*Còn gì sung sướng cho bằng khi nghe «người ta» vô tình nhắc nhớ tới mình, ca tụng mình trên dòng sông lờ-lững ?*

*Tôi mỉm cười :*

— Chắc anh «phợt-phe» rồi phải không, anh đù ?

*Anh ta đáp xuôi xị :*

— Ý mèn ơi, tôi mới thấy con nhỏ hò lanh hết chỗ !

— Này anh, tôi nói thiệt cho anh nghe. Sao tôi nghe giọng hò của con nhỏ ấy, tôi «mê» lắm ! Anh biết tôi làm thầy giáo chờ ? Nghe nó nói nó đang tìm kiếm kết duyên với chúng tôi, sao tôi cảm động quá, anh à. Anh làm thế nào cho tôi thấy mặt «nó» một chút, một chút xíu thôi, rồi mình đi... được không ?

— Có khó gì thầy, tôi kêu nó cặp ghe lại hỏi mỗi lửa, thầy muốn nhìn bao lâu lại không được.

*Rồi anh lập tức lên tiếng :*

— Chị hò ơi... chị hò ! Làm ơn cặp ghe cho mỗi nhở chút lửa, chị hò !...

*Thấy bóng ghe chèo tới, tôi phẫn khởi trong lòng, bò ra ngoài đờm lom-lom.*

*Ghe cặp chiếc đò, tôi càng thêm hồi-hộp. Ôi ! Tiếng hò như thế, con người làm sao !...*

(1) Mấy câu hò trong bài này, tôi chép hồi hả trong mui ghe, theo giọng hò đài đáp, có thể sai đi nhiều. Nhưng tôi không sửa được vì không có nguyên văn, xin nhờ bạn đọc nào biết rành cài chính giùm cho.

*Tôi hình dung một cô thôn-nữ mà y liễu mảnh dẻo, có vóc mình thon-thon, có bộ tịch khả ái...*

*Bỗng anh chèo đang ngồi nghỉ tay, giật mình đứng phắt dậy. Trong chớp nhoáng, anh bị một tên lực lưỡng thồp ngực anh, đưa ngọn dao ngang cắn cổ :*

*— Nín mắt, la lên thì cụt đầu ! Tao không động tới mầy đâu !*

*Còn tôi... chao ôi, tôi cũng kinh hồn lạc phách, rùi may phó mặc cho trời... Tôi chưa kịp nhảy xuống sông thì đã bị hai tên khác đè cứng dưới ván đòn. Tôi giơm la, nhưng một thằng trong bọn « an » cho tôi một cùi chỏ vào hông, đau lồng ngực, lồng gan, nǎm trợn trắng như chết nửa người.*

*Đã thế, tiếng con nhô hò còn trêu gan trong mui nhỏ :*

*— Chú Bảy coi có con đàn-bà nào ở trung mui, đè cò lột cho tôi sợi dây chuyền !*

(Đồng Quê)



## Phụ lục :

Mấy đoạn văn tương đối ưng ý nhất của tác-giả Đồng Quê :

... *Đêm tàn. Ánh trăng mờ lợt trong màn sương đục ngoài trời. Vài tiếng chó sủa rời-rạc ở xóm ngoài. Mấy con dơi bay đỡp muỗi, đỡp cánh sót-sạt bên vách lỗ.*

*Tôi đang chập-chờn trong ác mộng, bỗng nghe tiếng mẹ tôi thở hòn-hèn kêu :*

*— Conơi, con !*

*Tôi giật mình chối dậy, kinh hoàng đỡ mẹ tôi nằm trên tay.*

*— Conơi... má bị đánh nặng lắm, bầm hết cả mình mày... bầm hết cả gan phổi... Má sắp chết... Con kề tai xuống đây... má*

nói... má nói vì sao... và kẻ nào đánh má. Con... con, người giết một đời má là.. là... ông Chủ ! (1)

Tôi nhảy nhồm người :

— Sao ? Ông Chủ giết má ! Ông Chủ giết mẹ tôi, trời nè !

Tôi tức giận run lên, lảo đảo toan nhảy xuống đất.

Nhưng mẹ tôi gương níu giựt lại :

— Không... con, má nói người giết một đời má là ông Chủ... mà người đánh má là...

— Là ai ?

— Người đánh má là bà Chủ ! Thảm-thiết chưa con, nhục-nhã chưa con !... Thăng tư Hóa lúc nãy đi rồi, ông Chủ lại đây; ông ngồi, ông lân-la chuyện vãn, ông mở lời chọc ghẹo má... Ông ôm đại má... thì bà Chủ ở đâu nhảy xồ vào. Bà níu đầu má, bà chửi, bà rủa... cùng với con ở trái má vô gốc cột, đánh má, đập má tai-bời... Mà con ơi, má đâu có tội tình gì... Con... con...!

Mẹ tôi nắc lên một hơi dài, rồi từ từ nhấp mắt lại, vào giấc ngủ vô cùng.

Tôi đập đầu xuống sập, hé lên một tiếng lớn, rồi ngất lịm đi bên người mẹ xấu số !



### ĐOẠN KẾT :

Năm năm tù và mười năm biệt xứ không dài bao nhiêu, nhưng nó thay trọn cuộc đời tôi. Tôi muốn người ta cho tôi ngồi trong khám mãi đè mà quên đi, quên biệt, còn hơn cho tôi trở về với người đời.

Năm năm trong tù, tôi học rành chữ quốc-ngữ và mon-men được chút đỉnh chữ tây.

Mười năm biệt xứ khiến tôi có dịp dạn dày với cuộc đời và nới rộng tầm con mắt.

---

(1) Chủ diễn.

Tù hận trả xong, tôi lần về làng cũ. Cảnh vật không còn như xưa nữa. Ông và bà thầy pháp đã về cảnh Tiên, Phật; thằng Út đã đi theo cài-lương; đất ông Chủ Nghĩa bán cho người khác; con tám Én đã có chồng với một dọc con dài, chồng nó là thằng tư Bồ.

Tôi cất tạm một căn nhà trên hòn Đá-Bạc. Ở đó, ngày ngày nghe gió thét sóng gầm. Chỉ có gió thét sóng gầm mới an ủi được lòng tôi.

Và chiều chiều, khi vừng thái-dương sắp chìm vào nước biển, tôi leo lên một塊 mỏm đá cao chót-vót, đứng nhìn về phía đất liền. Sau rặng cây xanh bên ấy, chạy dài dồng này sang dồng kia, ruộng này sang ruộng khác. Trong những đồng ruộng mênh-mông, hiền lành đó, àn trú biết bao nhiêu là tá-diền và chủ diền...

Mà thôi, dĩ-vãng đã chết. còn nhắc lại làm gì nữa !

Họ không phải là người gây nên tội ác, họ chỉ là nạn nhân của hoàn-cảnh xã-hội và của một thời-ky...

(Đồng Quê)







DÔNG - XUYÊN  
(Ảnh do E.B.Lân chụp năm 1963)

THÚ BÚT VÀ CHỮ KÝ :

Vân phi Sơn khung Võ Kỵ.  
Nhân Bát phong. Sương Vi lão. Tàu  
(Trần Kỵ - Tùng)

Vân biển mây non, đầm lầy la.  
Người không sương gió, chia tay già.  
Đông - xuân diệu

人非山海  
風雲  
東川半  
壽氣

77/1962





# ĐÔNG-XUYÊN

Tên thật là NGUYỄN-GIA-TRƯỜNG. Sinh ngày 30 tháng 10 năm Bính-ngọ (1906) tại làng Đông-.ngạc, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông (Bắc-Việt) Giòng giõi nhà nhỏ.

Lúc nhỏ theo học chữ Hán ; đến năm 16 tuổi, mới học quốc-  
ngữ và chữ Pháp tới trình-độ năm thứ ba Trung-học phò-thông.

Năm 1929, thi đậu thư-ký Thương-chính (Quan thuế) và ra  
làm công-chức cho đến nay.

Bắt đầu làm thơ từ năm 19 tuổi. Từ 1930 đến nay, thơ đã  
đăng ở các báo : An-nam tạp-chí, Nam-Phong, Phụ-nữ tân-văn,  
Văn-Học tập san, Bách-khoa, Sinh-lực, Văn-Đàn, Phò-thông, Bưu-  
diện thông tin. Văn-hóa nguyệt san và Quan-thuế nguyệt san.

Đã xuất bản : **Máy văn thơ** (1936) ; **Thuyền thơ** (thơ, 1958).



Trong cánh rừng trăm hoa đua nở cũng như trong  
khu vườn muôn hồng nghìn tía khoe tươi, thường  
có những bông hoa ẩn mình nép bóng, khiêm  
tốn e-dè. Phải tinh mắt hoặc do một sự tình cờ, người ta mới  
khám phá ra.

Ở giữa chợ đời, đôi khi cũng có những trường-hợp tương  
tự : Có những bông hoa đủ cả hương sắc mà bị lu mờ bên  
những bông hoa lạ thường thường hữu sắc vô hương, nên bị  
bỏ quên một cách oan hùng.

Trong vườn thơ Việt-nam, thơ Đông-Xuyên chính là một  
trong những bông hoa khiêm nhượng bị bỏ quên ấy.

Đông-Xuyên có thơ đăng báo từ 1930, lại đã xuất bản hai tập thơ, nghĩa là một người đã từng « có thơ văn bán phố phường », vậy mà ít người biết đến.

Cũng như Quách-Tấn, Đông-Xuyên chuyên làm thơ thè cũ. Và anh cứ nơm-nớp sợ rằng thơ anh, vì thế, lỗi thời không được đời nồng-nàn đón tiếp :

*Mái tóc năm nay, đầu bạc nửa,  
Làng thơ mùa cũ, mắt xanh ai ?*

( 52 tuổi )

Anh đắn đo, anh ngần ngại... nhất là trước khi cho xuất bản *Thuyền thơ*. Nghĩa là anh sợ thơ anh... cũ !

Thế là chính anh cũng không phân biệt được rõ ràng sự khác nhau giữa *thơ cũ* và *thơ thè cũ*.

Thật ra, cũ hay mới không phải chỉ ở hình-thức mà phần nặng là do ý tưởng, từ thơ, lối cảm và cách nghĩ.

Đa số những bài thơ tự-do được mệnh danh là « thơ hôm nay » cũng vậy. Không phải cứ vứt bỏ văn điệu; cứ tự-do xuống dòng là mới, nếu ý tưởng chỉ là ý tưởng thông thường...

Trái lại, nhiều bài Đường-thi ngàn đời vẫn mới.

Và chẳng mới, cũ tưởng không quan hệ mấy. Điều quan hệ là *hay* hay *không hay*, là độc đáo hay quẩn quanh trong sáo cũ khuôn mòn.

Thơ có giá-trị hay không là do ở đó.

Với quan-niệm trên đây, ta hãy nhận xét về thơ Đông-Xuyên.

Qua tập *Thuyền thơ* và những bài thơ chưa xuất bản mà Đông-Xuyên đã có nhã ý gửi cho xem, tôi lượm được không hiếm những vần thơ khá đẹp.

Về tả cảnh, có những câu :

*Thiên-lý hoa buông, chùm khóa rủ,  
Thượng-tuần trăng mọc, cánh cung treo.*

( Trên lầu chiểu )

*Ghềnh đá như theo ghềnh cát chảy,  
Bóng vàng cùng lòn bóng mây trôi.*  
( Ra khơi )

*Năm có một đêm trăng sáng nhất,  
Trẻ trong khắp nước bóng thêm nhiều.*  
( Trung thu Tân-sửu )

*Bụi đất sạch lầu năm cõi đất,  
Xanh xanh trở lại khắp chòm cây.*  
( Mừng mưa )

*Cồng nứa bên đường con chó nhỏ,  
Cành xoan trên giếng bóng trăng tròn.  
Cánh qua rừng suối chim bay vội,  
Vần đánh i tờ trẻ học ôn.*  
( Đường rừng nhớ quê )

Có một số câu đặt khá mới, bạo khiếu cho ý thơ càng thêm hàm-súc, như :

*Mây, tầng đá chất nhô đầu núi ;  
Vó, cánh cung giương bắn mặt trời.*  
( Qua Đám Công, buổi chiều )

hoặc những câu tả « Sen Nhật-Bản » :

*Thuyền, ngăn hồn hối đường liên lạc ;  
Sóng, chấn bao nhiêu đợt bất bình.*

Tả tình, Đông-Xuyên cũng có những văn thơ không kém giá-trị như :

*Cây lại này mầm, xanh đất nước ;  
Thơ chưa sạch nợ, trăng mày râu !*  
( Xuân cảm )

*Uống say mà tưởng người trong mộng,  
Nghĩ làm thêm dở chuyện ở đời.*  
( Chiều uòng )

Nước cồn Bến-Hải chia hai đoạn,  
Tình khó Sông Ngân nối một cầu.

(Nhớ bạn)

Thế-giới mỗi người thêm một tuổi,  
Đứ-đồ hai đoạn chốc hai xuân.

(Xuân Bình-thân)

Một thành hoa rượu xuân nhiều quá,  
Hai bộ mày râu bạc đốm rồi.  
Gươm liếc chưa tàn trăng chiến địa,  
Buồm về bồng lộn gió thiên nhai.

(Tái ngộ)

Và đây là cảnh, tình hòa hợp rất khéo :

Cửa kính hiên tây lòa bóng ác,  
Ngàn cây chiều tối ngắt mây thành.  
Trầm trầm ngâm lại câu thơ bạn,  
Mưa rõ lâu hoa giọt thùy-tinh.

(Thông cảm)

Qua mấy vần thơ trên đây, ta có thể hiểu được tâm-hồn tác-giả, một tâm-hồn nghệ-sĩ biết nhìn và biết ghi lại những cảnh đẹp thiên-nhiên ; một tâm-hồn đa cảm có những xúc động trên mức thường.

Tâm-hồn Đông-Xuyên là tâm-hồn nhà nho muốn theo gương cõ-nhân, cố giữ tiết tháo của môn đồ Khòng, Mạnh, tuy biết rằng "nước mà trong quá, cá không yêu". Ta hãy nghe nhà thơ tỏ bày tâm-sự :

Người mảnh-khảnh : thân gầy, sức yếu ;  
Phận côn-con : học thiếu, tài sơ.

Giờ đây, Tô-quốc mong chờ...

Xa xăm tiếng gọi, tiếng thưa vắng mình !

May còn chút, Cao xanh soi xét,

*Là thân này, một chiếc thuyền không (I)*

*Sạch trong tư trước theo dòng...*

(Ta và Non nước)

Con người này tuy chen chân trên chốn vũ đài nhưng lại coi nhẹ công danh và xem chuyện đời như bức tranh ván cù :

*Khoa danh nào giắc mộng tàn,*

*Giai-nhân nào nợ hồng-nhan kiếp nào...*

*Giờ, tất cả thời ào trào gió,*

*Cả chó mây mây chó chuyện đời !*

(Tản bộ chiêu thu)

Một tâm-hồn như thế, mà lại sống giữa thời buổi vật-chất này, hèn chi chẳng nhiều lúc cảm thấy cô đơn, lạc lõng :

*Bạn đã hiếm, bạn thơ càng hiếm,*

*Bậc phong-tao, kiều-diễm họa hoán.*

*Người sơ tạm lấp làm thân,*

*Người xa tạm lấp làm gần, làm khuây.*

(Thư gửi Tham-Toàn)

Nhưng tất cả, ở Đông-Xuyên, chỉ là một-cái-gì tiêu cực. Và con người quá dè dặt, quá thụ động này có lẽ dành chỉ suốt đời sống với nỗi băn-khoăn chua xót :

*Trót sinh ra chẳng cây và đá,*

*Biết góp gì cho nước với đời ?*

(Gửi Liên-Giang)

nếu anh không có một say mê chính đáng, cái say mê thích hợp với khả năng và tâm-hồn giàu tình-cảm của anh : say thơ.

(1) Mượn ý câu đời của Nguyễn Công-Trứ :

*Duy thám già hoạn hải, ba đào vỏ nõi tái không chư.*

Nghĩa là : Bè hoạn rất sâu, sóng gió không giận chiếc thuyền không chờ gì.

Ý nói : Làm quan thanh-liêm thì không sợ bê trên nồi giận. (Lời chú của Đông-Xuyên).

Phải, Đông-Xuyên thuộc hàng người yêu thơ, mê thơ, sống chết với thơ ; chứ không chỉ ưa từng lúc thích từng thời như bao kẻ khác :

*Từ bắc mẹ chôn đau cắt rốn,  
Trời cho ta cái vốn con con :  
Lâng lâng này chút thi hồn,  
Bao nhiêu năm với nước non mộng dài...  
« Chuyện nhân thế : câu cười, tiếng khóc », (I)  
Bầu thiên-nhiên : núi vóc, sông thêu.  
Tình tình, cảnh cảnh bao nhiêu,  
Hồn thơ gửi gắm ít nhiều có ta.*

(Thơ, giày)

Vì thế, cái vui sướng của Đông-Xuyên nặng về tinh-thần mà trong đó thơ là yếu-tố chính. Trước một cảnh xinh tươi, đọc áng văn hay, ngâm văn thơ đẹp, nhà thơ của chúng ta tự thấy mãn nguyện rồi, không cần đòi hỏi gì thêm mà lòng riêng tràn đầy vui thích :

*Trời trong veo, nước cũng trong veo,  
Gió lạnh đâu sang lặng gác chiều ?  
Thiên-lý hoa buông, chùm khóa rủ,  
Thượng-tuần trăng mọc, cánh cung treo.  
Truyện Liêu-trai đọc, bày ma hiện ;  
Thơ Tân-Đà ngâm, vận chữ « vèo ».  
Có thể mà ta vui đáo đè,  
Cái vui u-nhã mấy người yêu ?*

(Trên lầu chiều)

Cái nguyện vọng lớn của đời anh là được theo gót Tân-Đà :

*Trời cho khỏe mạnh, ta còn sống,  
Còn sống mà theo nghiệp Tân-Đà.*

(Ngẫu thuật)

(1) Thơ Tân-Đà

Và anh đã đạt được mục-đích nhờ lòng hi sinh và chung thủy với thơ. Mục-đích ấy là :

*Thơ góp làng văn một bó hoa.*

Bó hoa của anh tuy không lộng-lẫy, nhưng cũng có khá nhiều hương sắc.



Thơ Đông-Xuyên — công bình mà xét — cũng có ít nhiều khuyết điểm. Có những câu hình-thức cũng như nội-dung đều quá cũ. Thí-dụ :

*Hàn-thứ-châm lên mấy chục rồi,  
Còn lên, lên mãi... ơi trời ơi !  
Quạt gì cho hết ? Mồ cha nóng !  
Xua nó càng bâu ! Đέ mẹ ruồi !*

( Hè )

Ta tưởng như nghe một mớ sáo ngữ được chắp lại cho có văn. Có những câu dễ dãi, tầm thường, không tả cũng không gợi được gì hết, như :

*Tưng-bừng hỉ-kì dân Nam-Việt,  
Thừa-thãi thiều-quang n-xorc Cộng-Hòa.  
Một lúc ăn liền hai cái tết,  
Chúa Xuân ban phúc gấp đôi mà !*

( Xuân Quý-mão I )

Ngoài ra, ta còn gặp thấy đó đây những câu thơ sáo và những câu thơ giống hệt thơ Tân-Đà, Nguyễn-Khuyến khiến ta không khỏi bức minh về sự dễ dãi đến cầu thả của thi-nhân. Thí-dụ :

Trong bài « Hủ-nho lo việc đời » của Tân-Đà, có câu :

*Đáng nực cười cho cái sự lo,  
Lo quanh, lo quẩn chẳng ra trò !*

thì trong bài « Tình-cảnh hồi cư », Đông-Xuyên cũng than thở :

*Từ bữa hồi cursive rất những lo,  
Lo quanh lo quẩn, đêch ra trò !*

Mở đầu bài « Sông cái thuyền nan », Tân-Đà viết :

*Thả chiếc thuyền nan bé tẻo teo,  
Cũng buồm, cũng cột, cũng dây lèo.*

thì bài « Ra khơi » của Đông-Xuyên cũng nhập đề như sau :

*Sẵn lá thuyền thơ thả cái chơi,  
Cũng buồm, cũng lái, phóng ra khơi.*

Đọc câu đề bài « Trung thu Tân-sửu, I » của Đông-Xuyên :

*Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo,  
Cái tết Trung-thu, tết dễ yêu.*

ta không khỏi liên tưởng đến câu đề bài thơ « Hội Tây » của Nguyễn-Khuyến :

*Kia hội thăng-bình tiếng pháo reo,  
Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo !*

Nhưng, may thay, những khuyết điểm như trên không có mấy và thơ Đông-Xuyên được cái rất đều, chứng tỏ tác-giả là một nhà thơ có bản lĩnh vững chắc.

Thơ Đông-Xuyên thỉnh-thoảng cũng có giọng mỉa-mai :

Mừng sinh con trai, anh viết :

*Bà gái, bây giờ lại một trai,  
Ồ ! Ta làm bõ bõn con rồi !  
Lương Tây trội được ba đồng bạc,  
Nước Việt tăng lên một xuất người !...*

(Mừng đẻ Quốc-Binh, 1938)

Cười một công-chức thời Pháp-trị, thuộc loại khom lưng uốn gối, suốt đời chỉ chăm lo có một việc nịnh bợ quan trên, ức hiếp người dưới, bán rẻ nhân-cách để mưu cầu lợi danh, Đông-Xuyên hạ những văn thơ thật là cay độc :

« *Nó* » *chửi cho mà « nó » vẫn im,*  
*Nó im chưa đủ, lại cười thêm !*  
*Những quân vong bắn quên thì nhớ :*  
*Này kiếp phù sinh nòi có chìm !*  
*Giống vẹt cũng còn non tặc lưỡi,*  
*Loài người đâu mất cả con tim ?*  
*Thôi, ai có trách chi tuồng ấy ?*  
*Cơm trắng ngày ăn với chả chim !*

(Cười)

Hạng người này — buồn thay ! — thời nào cũng đầy rẫy !  
Và chúng sẽ không bao giờ hết đè cho ta mãi mãi phải cười...  
ra nước mắt với Đông-Xuyên !

Tôi khuyên hai chữ « *nó* » trong câu đầu, dùng thiệt khéo,  
dí-dỏm và mỉa-mai.

Trong sách này, tôi giới-thiệu hai nhà chuyên làm thơ thè  
cũ : Quách-Tấn và Đông-Xuyên. Thiết-tưởng cũng nên có vài  
hàng so sánh, không phải đè phân hơn kém mà đè tìm đặc điểm  
của đôi bên. Theo thiền ý thi thơ Quách-Tấn dài các bay bướm,  
thơ Đông-Xuyên u-nhã dịu-dàng.

Nếu có thè vi thơ với hoa, thi hương thơ Quách-Tấn là  
hương lan, hương cúc ; còn hương thơ Đông-Xuyên là hương  
của một loài hoa khiêm tốn nhưng rất được mến và rất quen  
thuộc trong vườn cảnh của các nhà nho xưa : tôi muốn nói  
hương thơ của hoa mộc.

Hoa mộc ! Hai tiếng đó đã gợi ra trong trí tôi một loài  
hoa sắc trắng nhỏ xíu chỉ đè thường hương mà không thè cảm  
binh cảm lợ, một loài hoa có hương thơm thoang thoảng, kín  
đáo và u-nhã như... hương thơ của thời giấy bǎn mực tầu.



Sau đây là những chuyện vui buồn có dính líu đến đời thơ của Đông-Xuyên mà anh đã có nhã ý kề cho tôi nghe. Bằng một giọng thành thật, anh kẽ lại rất thật-thà không chút che đậy. Nghĩ rằng những lời chân thành của anh có thể giúp độc-giả hiểu rõ thêm nhà thơ, đồng thời cũng giúp cho những ai có ý định hoặc đang sửa soạn bước vào làng thơ ít nhiều kinh-nghiệm, tôi xin nhường lời cho bạn Đông-Xuyên :

Những chuyện về « đời thơ » của tôi, anh đã hỏi, xin lần lượt nhớ lại trong trí óc, kẽ ra anh nghe :

Trước hết, tôi phải nói: Tôi là người ít học ! Sống vào buồi giao-thời, nhà lại nghèo, chữ Hán cũng như chữ Pháp, tôi không được học đến nơi đến chốn. Thầy tôi là nhà nho, sành thơ chữ nho, mà không dạy tôi làm thơ ! Thơ nôm, là tôi học giấu và học lấy ! Ban đầu, tôi đọc thơ trong Nam-Phong tạp-chí... rồi dò-dẫm tìm luật thơ mà làm thơ. Hồi ấy là khoảng 1925, 1926 gì đó, giữa lúc cụ Phan Bội-Châu bị bắt, và sau khi tôi đậu bằng Tiêu-học được độ một năm. Tôi có « sáng-tác » tập thơ đầu, đề là « Cúc-Sơn thi-tập » độ vài chục bài. Nhân lúc tôi đi chơi vắng, đè tập thơ trong phòng sách, thầy tôi bắt được. Lúc tôi về, thầy tôi hỏi: « Cúc-Sơn thi-tập » của ai ? Tôi phải thú nhận là của mình. Thầy tôi bảo đốt đi, vì thất niêm, thất luật nhiều quá ! Song thầy tôi lại nói thêm: « Những cũng nhiều câu có hồn thơ. Như bài « Nhà nghèo », có câu: « Khoanh tay ngồi đó, tiền ai biếu ; thò mặt đi đâu, nợ nó đòi ! »...

Một câu khen của gia-nghiêm làm tôi tin tưởng là mình có thể làm thơ, và tôi tiếp tục...

Qua năm sau (1927), tôi được chú ruột tôi gọi xuống Hải-Phòng, tìm việc cho đi làm sờ tư. Tôi vừa đi làm, vừa học thêm. Năm 1929, tôi thi đậu thư-ký Thương-chính (Quan-Thuế). Ở Hải-Phòng, tôi có « thầm yêu » một người, nhà có hiệu sách ở phố Bonnal. Do đó, tôi có nhiều hứng thơ, làm được vài bài đặc ý

là : « *Buồi chiều sang đờ* » và « *Thăm chùa Bé* » (1) gửi đăng An-nam tạp-chí của cụ Tân-Đà. Không ngờ lại được tiên-tinh tán thường trong mục « *Thi-dàn giảng tập* » (Annam tạp-chí số 13, 14, năm 1930). Chính tay người tôi thăm yêu cầm tờ tạp-chí, mở trang có đăng thơ tôi, đưa cho tôi và nói : « *Này ! Ông Tân-Đà khen thơ ông đây này !* ». Tôi xin thành-thực nói với anh là tôi *cảm, động và sung sướng không biết ngàn nào !!!* Một lời vàng ngọc của Tân-Đà và của « nàng » làm tôi thêm hăng hái tiến sâu mãi vào con đường thơ... Anh bạn Giản-Chi sau này cũng có công với thơ tôi.

Năm sau (1931) tôi phải đồi đi Bạch-hạc. « *Đóa hoa biết nói* » của tôi cũng rụng ! Được tin, tôi đốt hương, khóc cô ở ngũ sở. Đó là thời-kỳ lẳng-mạn và đẹp nhất trong đời thơ của tôi. Rồi tôi đồi về Hà-nội. Ở đây tôi cũng vẫn làm thơ, nhưng toàn những thơ lảm-nhäuser. Thỉnh-thoảng mới được một vài bài ra hồn.

Thời-kỳ tôi làm nhiều thơ nhất là thời-kỳ tan cư ở Phú-thọ. Hồi ấy là hồi lòng tôi vô cùng hoang-mang, vô cùng ảm-ức-như kè bị cô lập, đứng nơi ngã ba đường ! Trời lại dun-dùi cho tôi gặp một gai-nhân nữa ! Và nàng đã thành một nguồn

(1) Hai bài thơ ấy như sau :

### BUỒI CHIỀU SANG ĐỜ

*Bên trời soi chẽch bóng tà-đương,  
Giường mắt giang sơn, thủ lạt nhường.  
Mây tỏa đầu non phơi ngọc-thạch,  
Sóng ròn mặt nước nõi kim-cương.  
Cánh diều gió bốc tăng không thảm,  
Ngàn trúc sương phong tilt dặm trường.  
Trời đất kia ai xoay thuyền lại ?  
Thuyền sang mang cả bóng ô sang.*

Đ.X. (1929)

### THĂM CHÙA BÉ

*(Chùa Bé, tên chữ là Viên - khánh tự, là chùa làng tác-giả, ở giữa đồng, bờ hoang đã lâu, quang cảnh rất tiêu-diệu, ảm-đạm).*

*Mông-mênh đồng rộng, gió đưa ngang,  
Chùa Bé là đây, cảnh cô hương.  
Giáu đờ, cây trơ, chùa đứng trọi,  
Làng xa, sương vắng, bụi ngồi xuồng.  
Bia tàn nham-nhỏ rêu mờ đá,  
Hoành cò cheo-leo chử nhạt vàng.  
Lặng-lặng ngồi nghe con cát cát gọi,  
Bực mình muôn rủa cái tang thương !*

Đ.X. (1929)

thi-hứng của tôi. Tôi hay mượn thân thể nàng đè ký thác tâm-sự mình. Những bài «Thuyền thơ», «Hạt cát Sông Thao», «Ta và Non nước», «Qua Đầm Công», «Đêm sao đóm», «Những ngày luân-lạc», «Đường rừng nhớ quê», v.v... là làm vào dạo đó.

Rồi tôi hồi cư. Và lúc đầu tôi bị thắt nghiệp đến tám chín tháng. Gia-dình bảy tám đứa con, ruộng nương không có một thước, nhà phải đi ở nhờ, vợ lại chửa. Nhưng tôi vẫn không quên thơ ! (1)

Rồi thì di cư vào Nam (1954).

Tôi làm thêm được ít thơ nữa, và sưu tập một số thơ làm hồi tiền chiến và hồi kháng chiến, nhất định xuất bản.

Tập thơ này, tôi đổi tên là «Thuyền thơ» (thay cho tên cũ «Thần-phong» (Gió sớm), vì trước tôi hay làm thơ vào buổi sớm, nên lấy tên đó; nhưng sau nghĩ nó có vẻ «tầu hay nhật», nên đổi như tên bây giờ).

Nghe ông Nguyễn Hiến-Lê là nhà văn kiêm nhà xuất-bản đứng đắn, tôi tìm người nhờ giới-thiệu. Tôi nhớ vào khoảng tháng ba, tháng tư 1957, tôi đem tập «Thuyền thơ» đến nhà ông Hiến-Lê. Ông đi vắng, tôi đe tập thơ lại, hẹn vài hôm sau lại đến. Lần sau này được gặp ông. Tôi trình bày với ông muốn nhờ ông xuất bản. Ông có vẻ bùi-ngùi, và nói với tôi: «Thị-trường thơ lúc này kém lắm ! Xuất bản chỉ lỗ vốn; may lắm mới thu được đủ tiền in. Tôi khuyên ông nên đợi dịp khác». Rồi ông tặng tôi quyển «Nghề viết văn», bảo mang về đọc, sẽ hiểu. Tôi chán ngán vô cùng. Mang sách về nhà đọc, tôi càng thất vọng. Tôi nghĩ: Hay mình tự bỏ tiền ra xuất bản vậy ? Quyết định,

(1) Chính trong hoàn-cảnh đen tối này, tác-giả đã làm bài thơ «Tình cảnh hồi cư» sau đây :

Tử bùa hồi cư rất những lo,  
Lo quanh lo quẩn, đêch ra trò !  
Việc xin mấy cửa, đơn còng xếp;  
Vợ chửa bao giờ ? bụng đã to !

Ao diện : anh Văn, anh Đinh biếu ;  
Cơm xài : chú Huệ, chú Doanh cho.  
Mặt này đáng mặt hi-sinh chửa ?  
Làn-thàn người ta hỏi Cụ Hồ !

rồi lại không quyết định, rồi lại quyết định. Mà tiền thì đâu sẵn ? Chỉ có một số tiền nhỏ, để dành phòng dùng vào việc cần khác. Tôi do dự mãi... Sau không biết có một ma-lực gì thúc đẩy : tôi nhất định ra thơ ! Tôi viết thư cho anh Hiển-Lê (bấy giờ đối với tôi đã thân) nhờ anh đứng tên xuất bản, còn tiền thì tôi dành dụm thêm, được độ tám, chín ngàn đồng, bỏ ra làm tiền in.

Lúc đó, tôi đang phụ-trách tờ « Quan-Thuế nguyệt-san » của Nha Quan-Thuế, do nhà in Hưng-Long, ấn loát. Tôi liền nhờ ấn-nhà in này in sách cho tôi.

Ấn-phí mất vừa tám chín ngàn đồng. Thế là việc thành. Tôi mừng quá ! Số sách in không bao nhiêu : 20 cuốn đặc biệt và 800 cuốn thường. Cái ông Giản-Chi có biết đâu nông-nỗi tôi lúc bấy giờ chỉ vèn-vèn có vừa đúng số tiền nói trên, mà ông ấy cứ đòi in hạng đặc biệt để tặng bạn ! Tôi thấy anh em quý mình mới đòi, nên tôi ừ liền. May mà số chi phí không quá số sẵn có !

Trước kia chưa ra sách, bụng tôi cứ anh-ách như đòn-bà có mang mà chưa đẻ ! Nay đẻ rồi, lòng nhẹ-nhõm, dễ chịu ; nhưng bắt đầu đến giai-đoạn lo. Không phải lo sách không chạy như anh Nguyễn-hiển-Lê đã cho biết trước, nhưng lo thiên hạ công kích ! Thời buổi thơ mới thịnh hành mà ra thơ cũ, thì không đợi phải bị công kích cũng bị chém ! Không ngờ lại được nhiều báo tán thường. Nhưng tai hại thay, giao cho Nhà Tòng-phát-hành bốn trăm cuốn, thì họ cứ lùng-khủng chỉ gửi mấy nhà sách lớn ở đô-thành bán thôi, còn các tỉnh, họ không gửi cho, lấy cớ thơ ít người đọc, đem đi thu về, tốn tiền tốn công. Nhưng tôi không nghĩ đến chuyện tài-chính mấy : từ ngày gửi sách, tôi chỉ lại nhà phát hành có hai lần đè thu tiền — không được là bao ! — rồi bỏ mặc. Hiện nay không biết số phận 350 cuốn « Thuyền thơ » nó trôi đến đâu ? ! Nhà sách Khai-trí, lúc đầu, lấy ngay cho 50 cuốn ; tự mình bán lẻ độ 50 cuốn, còn bao nhiêu tặng bạn gần hết.

Trên đây là những chuyện làm thơ, in sách, kè qua anh

nghe. Vì tôi không có óc thực-tế, nên kè như công việc làm thất bại. Nhưng, như tôi đã nói với anh, từ khi ra được sách mình thấy nhẹ-nhõm, khoan-khoái, như người đàn-bà đẻ được con. Đứa con ra đời lại không đến nỗi «đốn», thế là mừng! Còn muốn gì nữa? Nguyệt-vọng thì to, nhưng mới được có thể, thì làm thế nào? Minh chỉ biết «tận kỵ sở năng» mà thôi.

Ngoài những chuyện trên, xin hiến thêm mấy mẩu chuyện buồn cười về đời thơ của tôi:

1.— «*Thuyền sang mang cả bóng ô sang*», đó là câu kết trong bài «Buồm chiều sang đờ» của tôi (*Thuyền thơ*, trang 14) và cũng là câu được thi-sĩ Tân-Đà tán thưởng hơn cả. Ngày tôi làm việc ở sở Thương-Chính Hải-phòng, có đọc cho một ông tham-tá già nghe. Ông gật gù khen: «Hay thật! Đẹp thật! Cái cảnh đi thuyền qua sông buồm chiều mà che ô thì đẹp thật!»

Tôi phát lạnh người! Định cười mà không dám cười, vì cụ Tham đó, tuổi đáng bức phụ huynh mình!

2.— Bài «*Ta và Non nước*», ngày tôi còn ở hậu-phương, có chép tay gửi cho tờ Nội-San của Nha Quan-Thuế đề đăng. Chữ «Ta», tôi có thói quen viết na ná giống như chữ TQ. Một ông tham-tá (cũng tham-tá!) phụ-trách tờ báo, một hôm gặp tôi, báo cáo: «Bài Thuế-Quan và Non nước» của bác, tôi đăng rồi đấy! Tôi hỏi: «Bài nào là Thuế-Quan và Non nước? Tôi có bài thơ ấy đâu?»

Sau ông Tham cho biết: bài T.Q. và Non nước ấy mà!

Tôi choáng cả người! Trời ơi! Chữ TA, tôi viết giống chữ TQ mà người ta nêu lên là «Thuế-Quan và Non nước»!!!

• Hỏi về quan-niệm thi ca cùng những bài thơ anh riêng ưa thích, tôi được Đông-Xuyên cho biết như sau:

— Theo định nghĩa trong tự-vựng, thơ là thể văn có văn có thể ngâm được.

Người ta sống trong vũ-trụ, giữa xã-hội, tiếp xúc với mọi sự vật, trái tim mình cảm thấy bao sự hòa hợp, sự mâu thuẫn,

nên tâm tình phát động, sinh ra thắt tình (hỉ, nộ, ai, cự, ăi, ố, dục). Nhà thơ có cảm-giác linh-diệu hơn người thường, lại có tài nghệ, nên diễn tả được tình-cảm ra bằng lời nói có văn, có diệu, có ý vị, có khả năng truyền cảm cho người chung quanh mình. Đó là thơ. Thơ đã do tình cảnh tạo nên thì mặc nhiên trong thơ phải có tình, có cảnh. Làm thơ, có lúc thiên về tình, có lúc thiên về cảnh, tùy cảm-hứng, tùy trường-hợp. Nhưng theo tôi, phối hợp được cả tình lẫn cảnh, hoặc mượn cảnh ngôn tình một cách sâu sắc, tể-nhị thì hay hơn. Còn ý nghĩa thì việc gì mà chả có ý nghĩa, riêng gì thơ ? Nhưng ý nghĩa trong thơ khác với ý nghĩa trong một bài luận, một bài toán. Vì thơ không phải là một thè văn để lý luận, để giải thích, để phân-tích. Cho nên thơ mà nhiều ý nghĩa (ý-kiến, nghĩa chữ), kém ý thú, không phải là thơ ! Mà nhà thơ nào sáng tác được những văn thơ giàu ý thú, làm cảm động được lòng người, gây được ảnh-hưởng chân, thiện, mĩ nơi mình và cho người, là đạt được mục-đích của thơ.

Bất cứ trong lĩnh-vực nào (đạo-đức, chính-trị, xã-hội, văn-hóa...), bằng thè gì (mới, cũ), hễ thơ có chứa đựng, có hồn, có khí, phản ánh trung thực được cuộc sống nội tâm và ngoại cảnh, là thơ hay. Muốn thế, cần nhiều điều-kiện : Tình-cảm là yếu-tố quan trọng nhất, rồi đến nghệ-thuật sáng tác làm nỗi bật hình ảnh, tạo nên nhạc-diệu. Văn cũng là một yếu-tố quan trọng không kém, theo tôi, không có không được.

Lời thơ, ý thơ phải như hư như thực, phải bình dị, hàm-súc, già dặn mà tự-nhiên. Bình dị không phải sáng như ban ngày, thẳng như ruột ngựa ; hàm-súc không phải bí hiem, kín như hũ nút ; già dặn tự-nhiên không phải kêu kiệu, cầu kỳ. Bạn ngắm một người đàn-bà đẹp đeo mạng mặt, vẻ đẹp như àn như hiện, làm bạn say sưa, mơ mộng, đó là ý nghĩa « như hư như thực ».

Có lẽ lời này của người xưa bàn về thơ hay là chí lý, xác đáng hơn cả : « Thơ đến bình, đậm, u, viễn là quý ». Tôi muốn thêm : tùy trường-hợp, thơ phải dào-dạt, hùng-hồn, uyền-lệ nứa,

Làm thơ, ai cấm dùng chữ mới, chữ lạ ? Nhưng đừng kệch cỡm. Không chịu tìm tòi, chỉ dùng những chữ quá quen thuộc, lại không biết vận dụng chữ cho khéo để làm này ra ý mình muốn nói và truyền cảm cho người khác là làm thơ sáo.

Về đường lối, thì riêng tôi, tôi tự vạch lấy, không theo đường lối của người nào khác. Tôi chỉ biết làm thơ cũ (cố-phong, đường luật, lục bát, gián thất, v.v...), không làm thơ mới hay thơ tự-do bao giờ, vì không biết luật thơ này. Đề-tài thường rút trong cảnh thiên-nhiên (tôi yêu cảnh thiên-nhiên lắm), trong những cảnh ngang trái của xã-hội, nhất là hay nói tâm-sự mình. Thơ mới, tôi cho không phải là không hay. Còn thơ tự-do — kiều thơ «hôm nay» — tôi không thường thức nói, nhưng không công kích nó. Tôi mong một ngày kia nó hoàn-mỹ hơn ngày hôm nay.

Thơ là sáng tác phàm nghệ-thuật nên tôi thích điêu-luyện, điêu-luyện đến chỗ tự-nhiên. Viết chữ (chữ Hán) dù gân già đến đâu mà không có tập, cũng bắt thành tự ! Tuy nhiên, gấp lúc hứng mạnh thì viết dễ dàng và hay hơn. Nhất là khi có tri-kỹ phái đẹp khích lệ, viết lại càng say sưa !

Tôi làm thơ phần nhiều lúc có hứng. Trường-hop ứng thử, cũng có «nặng» ra thơ, nhưng tự biết không hay, nên thơ về loại này, chỉ lưu lại một số làm kỷ-niệm đối với bạn bè mà thôi.

Còn về nguyện-vọng thì ai làm thơ mà chả mong thơ mình được nhiều người thưởng thức. Như ý tôi, cốt có tri-kỹ đã, rồi càng được nhiều bạn đọc trong đại chúng càng hay. Còn sáng tác cho hậu thế, thì nguyện-vọng là nguyện-vọng, đạt được nguyện-vọng lại là chuyện khác.

Sau hết, xin kính đáp câu hỏi về những bài thơ tương đối vừa ý nhất : Việc lựa chọn thật khó và chính tôi cũng lúng túng ! Xin tạm có bản kê những bài tự mình lấy làm vừa ý, gửi anh coi. Chắc anh thấy bản kê này dài quá ! Không phải tôi tham đâu, song trong mỗi bài đều có câu, có đoạn mình thích. Vậy xin tùy ý anh thủ xá,

Trong *Thuyền thơ*, tôi thích những bài này :

— *Thuyền thơ, Gửi Liên-Giang*, Những ngày luân lạc, Hạt cát Sông Thao, Ta và non nước, Tái ngộ, Ở Ninh-giang gửi Giản-Chi, Chiều Bến Thái (Lý-do : *Nói được tâm-sự mình*).

— Đường rừng nhớ quê, Qua Đầm Công, Đêm sao đóm. Chơi quê, Xóm Bàn-Cờ, Gánh nước đêm (Lý-do : *Tả cảnh đẹp*),

— Vũng nước, Đè (Lý-do : *Có tính-cách xã-hội*).

Ngoài ra, còn một số bài nữa (chưa xuất bản) như : Trên lầu chiều, Thông cầm, Ra khơi, Trung thu Tân-sửu, Sen Nhật-bản, Mừng mưa...

(Tháng chín 1963)



# Chi tuyển :

## CHƠI QUÊ

*Ai có về quê chơi với ta ?  
 Đây riêng phong-thò nước non nhè.  
 Xóm tre người họp đông phiên chợ,  
 Đường đất trâu đi lõm ô gà.  
 Thóc giải nong sân vàng thậm nắng,  
 Bìm leo cọc giậu tím buông hoa.  
 Có về, mới biết quê là thú,  
 Muốn dứt tình đi, dứt khó ra !*

(Thuyên thơ)



## VÔ ĐỀ

*Hôm qua mười sáu trăng tròn,  
 Hôm nay mười bảy trăng mòn tí ti.  
 Chợ Lâm ta tiễn người đi,  
 Ngàn cây, giải nước, bốn bề những trăng.  
 Gió đâu ? Lên bảo chị Hằng :  
 Dêm nay ta có giai-nhân lên đường.  
 Yêu ta, thì bóng trăng vàng  
 Đường xa, soi khéo cho Nàng dễ đi !*

(Thuyên thơ)



## ĐÊM SAO ĐÓM

*Đồng lúa chín lập-lòe lửa đóm,  
 Tầng kh้อง trong lõm-dốm chùm sao.  
 Bao-la đất rộng trời cao,  
 Điểm vàng không một khoảng nào là không.  
 Nay ai thức mà trông : Đẹp quá !  
 Cái đêm nay là cả đêm vàng !*

*Ngày vàng, nắng giải chàng chàng,  
 Lại đêm sao đóm huy-hoàng cả đêm.  
 Rừng lặng-lẽ cây nêm cao vút,  
 Hồ trong veo mặt nước lạnh lùng.  
 Hồ trong sao lộn mây từng,  
 Đóm bay lấp-loáng lên rừng... ngờ sao !  
 Ô hay ! Tít trời cao có đóm,  
 Cõi đất này lõm-dõm sao rơi.  
 Sao sao, đóm đóm tơi-bời,  
 Huy-hoàng trời đất, người chơi quên về !  
 Thơ hưng đến, toan đề họ Lý,  
 E chùm sao vì thế động lòng (1).  
 Bắt con dom-dom trong không,  
 Bỏ vào chiếc túi hồng hồng có thơ.  
 Ngọn gió thoảng phết-phơ càp h trúc,  
 Nhớ người xưa bình chúc, (2) bật cười :  
 Đêm vàng sao đóm không chơi,  
 Chơi đêm đốt đuốc cho đời mệt thêm ! (3)  
 Giờ, tất cả động viên tác chiến,  
 Việc nước non đã chiếm cả ngày.  
 Huy-hoàng trời đất đêm nay,  
 Ngang tàng ai cầm lúc này chơi đêm ?*

(Thuyền thơ)

(1) *Thơ chơi đêm* của Lý-Bạch có câu :

*Dạ tinh bắt kham để tuyệt cú,  
 Khùng kinh tinh-dầu lạc giang hàn.*

nghĩa là: Đêm vàng không dám để thơ hay, sợ sao trên trời rơi xuống sông lạnh (Lời chú của Đông-Xuyên).

- (2) *Do diễn « Bình chúc dạ du »*: Người xưa đốt đuốc đi chơi đêm, vì sợ ngày ngắn, chơi không đủ (Lời chú của Đông-Xuyên).
- (3) Theo thiển ý, bài thơ nên dừng lại ở đây. Thêm đoạn sau chẳng những không có lợi gì mà từ thơ còn mắt đì bao vé hàm-súc và man-máu, vì bị trói buộc bởi sợi dây thời-gian và nặng tinh-cách giai-doạn. Tác-giả nghĩ sao ? (B. B. L.)

## XÓM BÀN-CỜ

Bàn-Cờ đây xóm nghèo,  
 Xoàng-xinh thế mà yêu.  
 Xe vắng, bụi vào ít,  
 Đèn thưa, trăng sáng nhiều.  
 Đọc ngang, đường r'góc-ngách,  
 Nam, Bắc tình sơn keo.  
 Từ dạo di cư đến,  
 Lòng quê khuây sớm chiều.

(Thuyền thơ)



## GÁNH NƯỚC ĐÊM

Đỉnh đầu một bóng trăng,  
 Trên vai một gánh nước.  
 Đường khuya xóm Bàn-Cờ,  
 Một cô cao thấp bước.

Trong thùng nước có trăng,  
 Cô gánh đi thung-thăng.  
 Lầu cao trông ấp-ảnh,  
 Một gánh hai chị Hằng.

Trăng lồng cây xóm vắng,  
 Nước rõ... chân người trăng.  
 Nhẹ bước trên đường trăng,  
 Cô quên mình gánh nặng.

Cô bé, con nhà ai ?  
 Nước gánh bao nhiêu rồi ?  
 Đêm sâu, người đã giấc,  
 Thôi gánh trăng về ngủ !

(Thuyền thơ)



## MÃY VĂN THƠ XUÂN

Năm mới mua tờ lịch mới coi,  
 Bǎn-thǎn : giấy trắng, chữ in tươi.  
 Lịch mua cuốn mới bao nhiêu lượt,  
 Người có ai xuân suốt cả đời ?  
 Vùn-vụt tháng năm bay cành én,  
 Thǎn-thờ râu tóc đốm hoa mai.  
 Đầu năm bóc lịch, khuyên đàn trẻ :  
 Nay cái xuân xanh có một thời !

(Xuân Quý-mão, 1963)



## VŨNG NƯỚC

Mấy hôm trời mưa to,  
 Nước chảy xuống chỗ trũng.  
 Trong những khu nhà nghèo,  
 Nước nhiều đọng thành vũng.

Vũng sâu và vũng nông,  
 Vũng đục và vũng trong.  
 Bao nhiêu vũng nước đọng,  
 Bấy nhiêu khuôn gương lồng.

Chiều ngồi bên cửa sổ,  
 Vũng nước, tranh mờ tỏ :  
 Kìa bóng đầu cây xanh,  
 Kìa ánh mặt trời đỏ.

Vũng nước đẹp làm sao !  
 Muôn trùng soi trời cao.  
 Nhưng trời cao đáy nước,  
 Có thấu cho dân nghèo ?

Dân nghèo ở trong ngõ,  
 Mùa mưa cực và khô.  
 Ngày lội nước ăn chán,  
 Đêm nằm chung muỗi bợ !

(Thuyên thơ)

## ĐÈ

*Ai đến thăm nhà thương,  
Mới thấy người sinh hè.  
Có người vui được con,  
Có người buồn làm mẹ !*

*Lâm bà sinh con ra,  
Miệng nở nụ cười hoa.  
Quà cáp bao cam sữa,  
Thăm nom bao người nhà.*

*Lâm bà sinh con ra,  
Ôm con, lòng xót xa.  
Ü con, không mảnh lót,  
Thăm con, không người cha !*

*Cánh ấy cũng còn khé,  
Bao cảnh còn cực nứa :  
Con đẻ mang đi cho,  
Mẹ vàng tìm ở vú.*

*Ôi ! Cái đời ở vú,  
Thân người, kiếp bò sữa !  
Vết ruột nuôi con người,  
Con mình đem bỏ chợ !*

*Cánh đời bao đau lòng,  
Nỗi đời buồn mênh-mông...  
Sinh con là việc mừng,  
Mà làm người không mong !*

(Thuyên thơ)





NGUYỄN-THỊ-VINH  
(Ảnh chụp năm 1952)

THỦ BÚT VÀ CHỮ KÝ:

Say yêu

Mỗi run lối chàng ngỏ,  
Mắt đắm trong men tình:  
Thì ra hai thê chung nết, say yêu.

Lặng phieu phieu.

Ngấp trong cảm giác rất nhèm mèm thường.  
phải chàng víu móng yên đường  
lặng say tình bâc thường bâc ating?

Ng. Thị Vinh

nguyễn



# NGUYỄN-THỊ-VINH

Sinh năm 1924 tại Hà-đông (Bắc-Việt).

Từng viết giúp các báo : Mới, Tân Sanh, Văn-Hóa Ngày Nay, Tân-Phong.

Đã xuất bản : **Hai chị em** (truyện ngắn, 1953) ; **Thương yêu** (truyện dài, 1954) ; **Xóm nghèo** (truyện ngắn, 1958) ; **Men chiều** (truyện ngắn, 1960).



Ô I bắt đầu làm quen với văn Nguyễn-thị-Vinh qua tập-san Văn-Hóa Ngày Nay (tập 2) phát hành năm 1958, do Nhất-Linh chủ trương. Trong số báo này, Nguyễn-thị-Vinh có hai bài : một truyện ngắn nhan-đe là *Bốc mò* và một đoạn truyện dài *Cô Mai*.

Văn lối văn Tự-Lực văn-đoàn — giản-dị, sáng sủa — nhưng không còn sức hấp dẫn như hồi hai mươi năm trước nữa, vì đa số độc-giả «hôm nay» cho là cũ rồi. Tuy nhiên có điều đáng chú ý, vì đó là cây bút phụ-nữ độc nhất đã chịu ảnh-hưởng trọn vẹn của Tự-Lực văn-đoàn, nghĩa là có đầy đủ ưu, khuyết điểm của nó.

Đó là cảm-tưởng lúc ban đầu của tôi về Nguyễn-thị-Vinh.

Mãi đến tháng 7 năm 1959 tôi mới được gặp và quen biết nhà văn này do cùng cộng tác với tập-san Tân-Phong. Ở báo này, tôi và Vũ Hoàng-Chương chuyên làm thơ; còn Nguyễn-thị-Vinh thì có nhiệm-vụ như một thư-ký tòa soạn.

Người Nguyễn-thị-Vinh cũng như văn của chị : giản-dị, duyên-dáng, dễ ưa. Chị nói chuyện vốn-vã và cởi mở.

Mãi đến lúc này, tôi mới được đọc hết những tác-phàm đã xuất bản của chị.

Truyện dài *Thương yêu* là truyện bốn anh em bồ-cô-i (một anh trai và ba em gái) sống nghèo khổ, chật vật, thiếu thốn giữa thị-thành, nơi người khôn của khó. Nhưng nhờ biết thương yêu, dùm bọc nhau nên họ đã vượt qua cơn sóng gió hiềm nguy của bè trăn và đưa được thuyền đời về bến yên ồn.

Hai cô chị — Dậu và Mai — lập được gia-đinh riêng, mặc dầu không phải với người mà các cô yêu, nhưng cũng tạm yên phận.

Cô em út là Khánh, cũng đã trưởng thành và hi vọng có một tương-lai tốt đẹp hơn. Vì vậy Thân — người anh lớn — cảm thấy bòn-phận dối với gia-đinh như tạm xong đè có thè dốc hết tâm trí theo đuôi lý-tưởng của mình. Và truyện chấm dứt bằng câu : « *Anh bỗng mỉm cười sung sướng* ».

Truyện không có những tình-tiết ly kỳ, ngoắt-ngoéo hay gay cấn, hồi hộp. Nó thực như cuộc đời của đa số chúng ta, buồn nhiều vui ít ; nhưng vì được thuật lại bằng một giọng thành thực, tự-nhiên nên dễ làm người nghe cảm động.

Có những đoạn phân-tích tâm-lý khá sâu sắc khiến ta nghĩ đến Nhất - Linh, đôi khi hơn thế nữa nhờ cái tinh-tế tỉ-mỉ của phụ-nữ.

Xin trích vài đoạn để bạn đọc tiện nhận xét :

« *Bán được năm xu, Mai chỉ cần bỏ vào hộp tiền độ ba, còn bớt lại hai. Hai xu có thè mua được cho Khánh quả cam tây. (I) Chắc Khánh thích lắm ! Nghĩ như vậy, nhưng khi có người mua hàng, thu tiền xong, Mai mắt cà bình tĩnh, Mai bỏ từng trinh, từng trinh vào hộp. Mai cố ý cho có tiếng kêu vang hơn ; còn độ vài xu trong tay, Mai hồi hộp lạ. Chỉ có việc dừng bỏ nó vào hộp tiền của cụ Tư nữa, mà bỏ vào túi mình, thật dễ dàng, vậy mà Mai cũng thấy khó*

---

(I) Lúc ấy Khánh đang ôm và thường ngò ý thèm ăn cam.

khăn quá. Cô đưa mắt liếc nhanh vào nhà trong, bóng cụ Tư thấp thoáng ở trong bếp. Tay Mai run run buông tuốt cà chõ tiền trong tay vào hộp tiền. Thế là xong ! Mai thở mạnh, lòng nhẹ-nhàng thấy mình vừa thoát được một tội lỗi. Giả có ai ở bên cạnh đè Mai được nói bắt cứ một câu gì, cười lên cho bộc lộ được lòng thăng thắn của mình. Cô tự phục mình, nhưng trong lòng vẫn tiếc đã bỏ lỡ dịp tốt...»

Và đoạn này nữa :

« Cụ Lang thấy Mai mới mười sáu tuổi đã tỏ ra rất đảm đang, biết buôn bán mà lại xinh xắn, cụ có ý muốn hỏi cho kỹ Tư. (I) Vì vậy, cụ thường hay nói chuyện kỹ Tư với Mai. Ngày ngày cụ quanh quẩn ở ngoài cửa hàng với Mai và Dậu, cốt đè dò ý tứ. Càng ngày cụ càng ưa tính nết của Mai. Cũng vì thế sự thân mật giữa Mai và Khang không qua khỏi mắt cụ.

Hôm nay, cụ cũng ngồi bên Mai nói chuyện nọ chuyện kia, nhưng Mai không chú ý, đè mặc cụ nói với Dậu. Tay Mai vẫn đan, nhưng óc thì nhớ đến Hạnh. Nét mặt Hạnh lúc đi vào, gấp cô nói chuyện với Khang sao mà khó chịu thế !... Mai tức ; nhưng nghĩ đến Khang, Mai lại hi vọng và thấy vui trong lòng. Cô cầu khẩn trời phạt và nghĩ cả đến linh-hồn mẹ đè phù hộ cho cô được lấy Khang. Nhìn chiếc đồng-hồ đè trên mặt tủ, còn thiếu ba phút thì đến năm giờ, Mai thầm khấn rằng : « Nếu đúng năm giờ mà tôi đan xong đường len dờ này thì tôi sẽ lấy được Khang.; nếu không xong thì việc sẽ hỏng !» Thầm khấn thế xong, Mai thấy tim đập mạnh, tay đan cứ tút lên. Cô nhin cà thở đè đan. Nhưng đến lúc kim đồng-hồ chỉ đúng năm giờ, Mai hãy còn đến bốn mũi nữa mới hết đường len. Mai toát mồ-hôi, nhưng lại khấn lại. Lần này Mai tự hẹn năm phút là đan xong cà đường len. Mai thầm biết chỉ năm phút là đan xong, tuy vậy Mai vẫn vội và cuống. Sau hết, Mai được cuộc. Cô thở mạnh ra, lòng nhẹ-nhàng sung sướng. Nhưng Mai vẫn muốn bồi lại một ít nợ nữa cho chắc chắn ».

Rõ là lần-thần ; nhưng lại rất thực và rất đúng. Đọc những

(I) Con trai thứ của cụ Lang.

dòng trên đây, tôi có cảm-tưởng như chính tác-giả đã từng hơn một lần — trong đời mình — nghĩ như vậy ; biết là dở-dàn mà vẫn làm, vẫn tin. Phải chăng đó cũng là một cách trốn tránh sự thực phũ-phàng, một cách tạo và nuôi hi-vọng cho cuộc đời nhạt-nhẽo thêm hương thêm vị ?

Sở trường của Nguyễn-thị-Vinh là lối diễn tả tâm-lý một cách nhẹ-nhàng khác với lối phân-tích tỉ-mỉ, rườm-rà của phần nhiều các nhà văn tâm-lý.

Văn tả cảnh và tả tình của Nguyễn-thị-Vinh cũng chân xác và điều độ, tỉ như đoạn sau đây :

*« Chiều hôm ấy — một buổi chiều mùa đông về cuối tháng chạp có mưa dầm gió lạnh — trên chuyến xe lửa từ Phú-thụy về Hà-nội, trong một toa hạng tư có tám người bên họ nhà gái đi đưa dâu Mai trở về. Trong số đó, ngoài ba anh em Thân, Dậu và Khanh, còn có ông bác, bà Phó là cô ruột của ba anh em, với Cung, người anh em con dì con già, cùng Loan và Bích, hai người bạn gái đi phù dâu. Dậu ngồi yên lặng, tựa vào góc toa. Bên cạnh, Loan, Bích đang thì thầm bình phàm về đám cưới Mai. »*

Thân thì ngồi tựa lưng vào thành tàu, mắt đăm đăm nhìn qua cửa kính ra ngoài trời. Gặp chuyến tàu vắng, nên bà cô Mai nằm trên ghế, đầu gối lên hộp trầu, co chân lại ngủ. Còn ông bác cũng ngồi ở góc toa đối diện với Dậu, mắt lim-dim.

Khanh ở bên Cung, quỳ trên ghế, mặt dí sát vào cửa kính nhìn ra ngoài. Óc Khanh ôn lại cảnh đám cưới chị Mai lúc nãy. Chị Mai là chị của Khanh, điều quan trọng thế mà sao không có người nào thèm đề ý. Các người xa lạ tận đâu đâu bỗng đứng lại nhận chị Mai của Khanh là chị, là thím, là mẹ, v.v... một cách thân mật quá !

— Bây giờ không biết chị Mai đương làm gì ?

Khanh nghĩ vậy, rồi nhìn vọng về phía tàu đã chạy qua. Khắp bầu trời mưa bụi rơi đều như khói tỏa. Mây thấp nặng nề ; đăng xa lít, một dãy núi xám đứng yên lặng. Những cảnh ấy càng làm

*Khánh buồn và nhớ chị Mai hơn. Rồi từ bây giờ, sáng sáng dậy đơn hàng chỉ còn mình chị Dậu và Khánh. Trong các bữa cơm, chỉ còn có ba anh em ngồi ăn với nhau. Và ngay từ tối nay Khánh không còn được ngủ cạnh chị Mai nữa. Tuy việc ngủ chung ấy đã nhiều lần làm ba chị em cãi nhau, tại người nọ đè cho người kia hay đạp và co chân. Tuy vậy mà cứ nghĩ đến tối nay không có chị Mai nằm cạnh và trong nhà không có chị Mai nữa, Khánh lại nao lòng. Rồi tất cả cái cảnh trong đám cưới lúc nãy dồn-dập hiện lại trong óc Khánh. Khánh bỗng oà khóc.*



Tuy nhiên tôi thích truyện ngắn của Nguyễn-thị-Vinh hơn truyện dài của chị.

Nhà xuất bản Phượng-Giang (hậu thân của nhà Đời Nay) giới-thiệu Nguyễn-thị-Vinh bằng những lời nồng-nàn như sau : « Cũng như Katherine Mansfield, nhà nữ văn-hào Anh viết những « truyện không có truyện » mà hay vào bức nhất thế-giới, Nguyễn-thị-Vinh cũng viết một cách rất giản-dị, rất nhẹ-nhàng về đời sống rất bình thường hằng ngày. Những người yêu nghệ-thuật, ghét những cái có vẻ tuồng, lèo-loẹt, văn hoa, biết thường thức những ý nhị của từng câu từng đoạn, sẽ là bạn đọc tri-kỷ của những tác-phẩm giản-dị và sống như cuộc đời của Nguyễn-thị-Vinh...»

Tôi đã thấy có người mỉm cười khi đọc mấy dòng trên đây : Nữ cười ngờ vực hay nữ cười mỉa mai ? Nhưng dù là ngờ vực hay mỉa mai cũng đều là tự ti mặc cảm ! Tại sao ta lại cứ không dám so sánh mình với người, nếu mình thật có giá-trị. Thi-hào thế-giới đã mấy ai sáng tác được một Truyện Kiều như Nguyễn-Du ?

Theo thiền ý thì lời giới-thiệu của nhà Phượng-Giang, tuy có tính cách quảng cáo, không phải là không có phần đúng.

Nguyễn-thị-Vinh quả thực sở trường về lối viết những truyện « không có truyện ». Từ *Hai chị em qua Xóm nghèo đến Men*

chiều, những truyện ngắn của Nguyễn-thị-Vinh phần nhiều không có những tình-tiết éo-le, rắc rối. Một tình thương, một băn-khoăn, một hối hận, một tiếc nuối, một sự bực mình, một cảnh ngộ, một mảnh đời, một tập tục mê tín... là đủ gợi cho Nguyễn-thị-Vinh dựng nên một truyện ngắn cảm động và hấp dẫn như Quê ngoại, Cắt tiết gà, Đồng năm xu, Anh Triền, Bực mình, Tân cư, Xóm nghèo, Bà Ó...

Nhưng chính cái sở trường này lại không có lợi cho tác-giả khi viết truyện dài, nó đòi hỏi một sức sáng tạo dồi-dào, một óc tưởng tượng phong phú. Cả hai yếu-tố cần thiết đó, ta đều không thấy có đầy đủ ở Nguyễn-thị-Vinh. Do đó, truyện dài của chị không thành công bằng truyện ngắn.

Đọc truyện của Nguyễn-thị-Vinh, ta còn nhận thấy một đặc điểm này là ta có cảm-tưởng như lúc nào cũng gần gũi bên tác-giả, như chính tác-giả đã sống, nghĩ, làm như nhân-vật trong truyện. Vì thế, phần nhiều truyện của chị có vẻ sống, thực.

Xin trích in một đoạn văn miêu tả động-tác cắt tiết gà và cảm nghĩ của Nhung (người làm việc đó) để chứng minh nhận xét trên đây :

*« Nhìn Nhung vừa liếc con dao soèn-soết trên miệng chum để sửa soạn cắt tiết gà, không ai có thể đoán được là nàng rất sợ phải làm những việc như vậy. Rồi cả hai người, u già và nàng, đều ngồi xổm ở sân. Một tay u già giữ hai chân, một tay giữ hai cánh con gà, còn Nhung cầm gọn đầu con gà trong lòng bàn tay trái, nàng bảo u già:*

— U cầm chặt nhé, tôi cắt đây.

*Rồi nàng đưa tay phải cầm con dao vừa liếc cửa mạnh vào cổ con gà, chõ nàng vừa vặt trui một mảng lông. Con gà oằn mình, kêu bật lên được một tiếng « quác » rồi im bặt. Lưỡi dao vừa cửa đứt gần một nửa cái cổ bé nhỏ của con gà, một dòng máu chảy tia ra từ cuống họng nó rót xuống cái đĩa nhỏ hứng bên dưới. Nhung khẽ quay mặt đi để tránh hơi máu tươi tanh nồng.*

U già nói :

— Cô phải cắt cho đứt hẳn cuống họng nó đi chứ, mãi vẫn chưa thấy rãy chết thế này!

Nhung không đáp, khẽ mím môi cầm con dao dính máu cứa thêm vào chỗ cuống họng đứt nửa chừng của con gà. Không biết vì dao không được sắc hay Nhung run tay mà cái cuống họng con gà cứ trật đi trật lại trong vết thương nhầy nhụa đỏ loét máu, mãi mới đứt.

Bỗng con gà rãy mạnh làm chút nữa u già đè buốt cánh nó ra khỏi tay.

Không ai bảo ai, cả Nhung lẫn u già cùng giữ con gà chặt hơn trước. Nhung nghe như những khớp xương trong mình con gà đang gãy theo từng cơn rãy oắn lên của nó. Được mấy cái rãy như vậy thì sức nó yếu dần. Nhưng Nhung vẫn cảm thấy rõ ràng hai mí mắt mỏng, bé nhỏ của con gà đang chớp chớp quệt vào lòng bàn tay nóng ấm của nàng.

Một cảm-giác ghê rợn đột nhập tri não nàng rất nhanh, như một cơn gió mạnh thiòi tắt phực ngọn đèn ; nhưng cảm-giác một sinh mệnh đang chết dần, chết dần trong tay nàng lại nồi bật lên như ánh mắt loài thú dữ vọt hiện ra trong đêm tối. Lúc này Nhung không hề phân biệt vật nàng vừa giết chỉ là một con gà ; nàng chỉ biết rằng mình vừa làm hại tới sự quý giá nhất đời là sự sống."

(Men chiểu — Cắt tiết gà)

Nếu sửa đổi lối viết một chút, bớt được giọng văn « chàng nàng » của Tự-Lực văn-đoàn năm xưa, thì Nguyễn-thị-Vinh có thể thu được cảm-tình của độc-giả hơn nữa.

◆

Trả lời những câu hỏi về những may rủi trong đời viết văn, cách làm việc, những đoạn văn nào viết với hứng thú hơn cả và tác-phẩm nào tượng đối ứng ý nhất, Nguyễn-thị-Vinh cho biết như sau :

● Tôi bắt đầu viết văn từ 1939. Hồi đó, tôi viết nhiều về xã luận và thơ (ký bút hiệu khác). Trong đời viết văn, có lẽ tôi

gặp may nhiều hơn. Ví dụ khi mới chập-chững vào làng văn, tôi đã có cái may được liên lạc trực tiếp với anh em trong tòa soạn báo T. G. Mọi người đều coi tôi như bạn, nên tôi luôn luôn được nghe những lời phê-bình rất chân thành. Những bài xã luận của tôi viết sát tình-thể hồi đó được các bạn tôi ưa thích. Còn về tiêu-thuyết, như anh đã biết, tôi chỉ viết một loại tình cảm, mặc dầu tôi đã cố tìm những đề-tài cho hợp với thời đó. Thi-dụ như truyện ngắn « Người phu xe », trong đó tôi tả một nông dân vì nghèo khó, không tiền đóng thuế thân cho Pháp, phải bỏ làng lên Hà-nội làm phu xe kéo, rồi sau bị lao phổi...

Nhưng vẫn không được các bạn tôi tán thưởng, vì lời văn nặng về tình cảm, thiếu ý thức tranh đấu. Nếu anh đã từng sống ở Hà-nội trong những năm đó, hẳn anh còn nhớ cao trào hoạt động xã-hội mạnh thế nào, mà tôi và các bạn tôi đều có tham dự. Nhưng vì bản tính tôi quá thiên về tình cảm, nên các truyện tôi viết đều không vừa ý các bạn tôi, và cả tôi nữa. Vì vậy, tôi có mặc cảm tự ti về tiêu-thuyết. Tôi bỏ không trau giồi về môn này. Mãi đến năm 1947, tôi gặp anh Nhất-Linh ở Hong-Kong. Anh Nhất-Linh, trái lại, cho là tôi có triển vọng về tiêu-thuyết và khuyến khích tôi viết. Nhờ thế, tôi lại tiếp tục viết, và đã cho ra đời được các tác-phàm như anh đã biết.

• Về cách làm việc thì... cũng còn tùy hoàn-cảnh, anh ạ. Thường thì có hứng tôi mới viết. Nhưng nếu phải viết liên tục cho báo nào thì cứ viết rồi sẽ ra văn.

• Anh hỏi: « Những đoạn văn nào viết với hứng thú hơn cả và tác-phàm nào tương đối ưng ý nhất? » Xin trả lời: Bất cứ đoạn văn nào lúc đang viết tôi đều thấy hứng thú cả. Nhờ vậy, những tác-phàm của tôi mới hoàn thành được, nếu không đã bỏ dở nửa chừng. Sau khi viết xong, tôi không có ý nghĩ ưng ý hay không ưng ý riêng tác-phàm nào cả. Cũng như người mẹ đã nuôi và gây dựng cho con mình đến tuổi thành niên, tự cho bồn-

phận mình nhẹ đi, vì con mình đã là người của xã-hội. Nếu còn băn-khoăn là đè cõ gắt cho những tác-phẩm đang và sắp ra đời được tốt đẹp hơn, nhờ ở những kinh-nghiệm trước và những nhận xét mới mẻ về cuộc sống hiện tại.

Tuy nhiên nếu anh cứ bắt phải phát biểu ý kiến thì xin thưa rằng đó là truyện *Tình và nghĩa* (1) trong tập truyện ngắn «Men chiều», nhưng xin nhấn mạnh chỉ là tương đối mà thôi !

. . .

Tôi hỏi thêm một câu chót:

— Chị nói hồi mới viết văn, chị viết xã thuyết và làm nhiều thơ. Hồi cuối năm ngoái gặp chị, tôi thấy chị nói rằng lại thấy sinh làm thơ. Vậy chị có thể cho biết mấy bài thơ mà chị ưa thích không ?

Nguyễn-thị-Vinh ngâm nghì một lúc, rồi mới nói:

— Đó là bài *Gió mây* (2) đã đăng ở Tân-Phong và một bài tôi mới làm gần đây, xin chép lại anh coi.

Tôi đưa giấy bút cho chị... Viết đến câu cuối:

*Phải chăng giấc mộng yêu đương  
Hay cơn say tình bất thường là đây?*

chị vừa làm-nhàm đọc vừa giải thích:

— Tôi cho yêu đương chỉ là những cơn say bất thường mà thôi, anh à !

(Tháng sáu 1963)




---

(1), (2) Xem phần *Văn tuyển* và *Phụ lục* ở sau,

Văn tuyển :

### TÌNH VÀ NGHĨA

— Im, im ngay, đồ khốn nạn ! Ủ tao nói to đấy, tính tao thế đấy. Mày định cấm cả tao à ?

Trong đêm khuya, tiếng hét của Thinh càng như to hơn, âm thanh ghê rợn gần như không phải tiếng người. Loan cẩn răng nén nhịn chờ cho tiếng vang của câu hét chìm tan đi. Trong bao năm sống bên Thinh không phải lần này là lần đầu Thinh và nàng cãi nhau. Nguyên do những lẽ đã làm cho vợ chồng nàng cãi nhau thì Loan không thè nhớ rõ từng chi tiết. Nhưng phần nhiều chỉ bắt đầu bằng những chuyện hết sức nhỏ mọn, có thể xảy ra ngay cả trong bữa cơm đang vui vẻ, hay giữa lúc rảnh rỗi đang đi chơi với nhau, họ cũng có thể cãi nhau được. Thinh khi nghe nói chuyện với ai không may gặp phải một câu Thinh không đồng ý, chàng ngắt lời đè bày tỏ ý chẳng ; lúc bình thường chàng nói đã chậm, lúc có chuyện phải bàn cãi với ai về bất cứ một vấn đề gì thì giọng chàng thường gằn lại, thành gay gắt, bức tức, vì chậm tìm được lời đè diễn tả ý mình. Nhưng chàng lại hay đem nói bức tức đó đồ lên đầu người nghe và luôn luôn cho họ là ngu không hiểu được mình. Đối với người ngoài, dù bức tức chàng chỉ tức ngầm, nén nhịn và vì thế nên có người cho chàng là điềm-dạm. Nhưng đối với các người thân yêu và nhất là với Loan thì chàng chẳng ngần ngại mang vào mặt nàng, đè thay cho những câu mà chàng không tìm được lời nói giải thích cho nàng hiểu. Thinh bảo nàng là ngu là bướng. Nhưng nếu Loan hiểu chàng sớm hơn thì cũng chẳng may gì. Thí-dụ khi phải đợi nghe Thinh nói từng tiếng chậm chạp, Thinh nói chưa hết câu Loan đã đoán hiểu được hết ý của chồng, nàng ngắt lời chồng :

— Em hiểu rồi đè em nói...

— Hiểu thế nào ?

Thì bao giờ Loan cũng nói đúng ý nghĩ của Thinh. Rút lại nàng cho chồng là nhầm và nàng thao thao bầy tỏ ý mình. Trong lúc

đó thì mặt Thinh hiện lên một nét lạnh-lùng và danh lại như đeo mặt nạ bằng một thứ thép mỏng, có khi bỗt thành lình chùng hét lên rồi bật ra những lời chửi bới rất thô tục. Những lời thô tục đó lại được chàng tuôn ra rất nhanh chóng khác hẳn lúc bình thường chàng chỉ nói chậm rãi.

Như hôm nay câu chuyện cãi nhau xảy ra sau bữa cơm tối. Nguyên do chỉ tại Loan ưa nói nhiều. Và cứ nhắc đi nhắc lại mãi lý lẽ của nàng muốn cho chồng thật hiểu. Nàng chỉ nói nhỏ, nhưng vì cái tật nói dài của nàng dễ làm cho Thinh cáu, mà Thinh hễ cứ cáu giận là lại nói tục và chửi vợ. Loan tuy không chửi lại chồng, nhưng lại nói nhiều câu rất nặng. Vì nàng sợ nếu nhín thì Thinh được thè lần sau sẽ lấn áp nàng mãi. Thế nhưng sau một câu nói của nàng, Thinh bỗng lồng lên, chàng hét không thành tiếng, và chửi vợ bằng đủ thứ lời. Loan cố nép giọng bảo chồng :

— Nay không việc gì anh phải nói to thế ! Định đe cho cả hàng xóm lắng giềng nghe hay sao ? Và anh đừng chửi tôi, nếu không chịu được nhau sao không tính cách khác ?

Và rồi Thinh đã hét lên :

— Im, im ngay đồ khốn nạn. Ưr tao nói to đây, tính tao thế đấy ! Tao chửi mày đấy, tính tao thế đấy, mày định cầm tao à ? Tao chẳng tính cách gì cả, chỉ chửi cha mày thôi !

Đến lúc này thì Loan im hẳn. Nàng im, không phải sợ chồng, hay định nhín, hay biết lỗi, vì cái cớ gây ra chuyện cãi nhau không đáng gọi là tội lỗi gì. Nàng im, chỉ vì sự giận quá đột của Thinh đã làm nàng phải ngạc nhiên, đau khổ đến thành chán nản. Nàng không còn một cảm-giác gì khác, tâm-hồn tan rãng. Nhà chỉ có một chiếc giường ngủ, chung cho hai vợ chồng. Ngồi mãi cũng mỏi, Loan thản nhiên leo lên nằm bên Thinh. Im lặng được một lát, bỗng Thinh chồm ngóc đầu lên, xia vào Loan mà chửi một hơi, xong lại nằm xuống, một lát lại chồm lên. Cứ như thế tái diễn đến mấy lượt. Qua sự khinh bỉ im lặng, Loan bỗng thấy thương hại Thinh. Nàng lên đe ý

nhin chồng. Trên người Thinh lúc này chỉ mặc có chiếc quần đùi và chiếc may-ô. Nét mặt có nhiều đường nhăn dùm lại, hai mắt đục và đỏ không còn lộ một chút nhân cách, chỉ tiết ra những tia nhìn giận dữ, dại dột. Tất cả con người thật của Thinh đã lộ nguyên hình hay đã biến đi, Loan cũng không biết. Bóng dương Loan đâm sợ cả ánh sáng, nàng với tay tắt vội đèn. Bóng tối chiếm ngập phòng. Một cơn gió nhẹ như không phải là gió đêm theo hơi đêm mát rượi thoảng vào phòng. Trong một phút Loan quên hết mọi chuyện, nàng lặng lẽ trong đêm tối thấy thân mình như đang được bọc sâu trong một chất tối xám, mát lạnh, nhẹ lâng lâng. Nhưng không lâu mắt nàng đã quen với bóng tối. Cái đình màn trắng mờ hiện ra, và tuy vẫn chỉ nhìn thằng, Loan cảm thấy sự thật rất rõ rệt. Ngày bên cạnh nàng, Thinh đang nằm lù lù, im lặng không một tiếng chửi bới, không cả một hơi thở mạnh, hình như chàng đã mệt. Cái đình màn và bốn phía màn trắng lờ mờ bao quanh nàng và Thinh, làm nàng có cảm giác như nàng và Thinh đã mang một cái án «vợ chồng», và cùng bị tù chung thân trong cái màn bé mông chật hẹp này. Nhưng kẻ bị tù ngoài đời, ít ra cũng còn có hi vọng được tha hay đôi khi cũng có ý tưởng vượt ngục. Nhưng nàng thì không bao giờ mong được tha và không bao giờ dám có ý tưởng vượt ngục. Cũng có những người đàn bà trong lúc bất bình với chồng thường hay tưởng nhớ tới người yêu cũ, chắc cũng là một cách báo thù ngầm cho quên uất hận mà sống với bôn-phận. Loan cũng nhớ lại hồi nàng mới yêu Thinh và sắp lấy Thinh; có một người đã nhìn nàng bằng ánh mắt rất buồn, dù dju bảo nàng rằng: «Còn anh, anh sẽ không lấy vợ, vì anh sợ có ngày em bị bơ vơ, anh không còn nâng đỡ em được nữa». Sau khi Loan lấy chồng, người ấy đi đâu biệt tích. Có tin chàng chết; lại có tin chàng đã lấy vợ. Nhưng dù người ấy chết hay sống mà đã lấy vợ thì Loan cũng vĩnh viễn mất chàng rồi. Còn điều người ấy sợ nàng bơ vơ thì nay đã thành sự thật. Hồi mới lấy Thinh, vợ chồng nàng cũng thường có chuyện cãi nhau nho nhỏ và mỗi lần cãi nhau xong, Loan cứ thích nhắc đi nhắc lại cảnh yêu nhau buổi đầu đè mà tiếc, rồi khóc lóc trách Thinh không còn yêu

nàng như thế nữa. Tới lúc làm lành họ càng yêu nhau thơ mộng hơn. Nhưng bây giờ Loan không còn dám nghĩ đến hồi hai người mới yêu nhau nữa. Nàng cảm thấy xấu hổ như chính nàng đã lừa dối nàng một cách rất tàn nhẫn. Cái người nắm bên nàng lúc này chính thật là Thịnh, nhưng lại không có liên can gì với Thịnh của nàng hồi xưa. Bỗng nhiên Loan có cảm giác như nàng đang nắm bên một người đàn ông nào rất lạ, mà nàng không yêu. Nàng ngơ ngác không xấu hổ như người đàn bà tự biết mình đang làm một điều gì bất chính. Tự nhiên Loan nắm nhích ra một chút. Cùng lúc ấy Thịnh cũng trở mình và thở rất đều. Loan lắng nghe, biết Thịnh đã ngủ. Thịnh đã không trằn trọc khòe như nàng, chàng coi thường chuyện cãi nhau, những câu chàng hé tì chửi nàng chàng qua do ở tính nóng này đã làm chủ chàng trong lúc nóng giận. Loan lại nhớ tới vợ chồng bác cai thợ nề ở gần nhà, không ngày nào là họ không có chuyện bất bình. Hễ người chồng cắt tiếng chửi vợ, thì người vợ cũng xả xả chửi lại, mạnh ai nấy chửi, rút cục thường là họ đánh nhau. Nhưng chỉ một lát sau họ lại làm lành với nhau rất chóng. Thì ra họ cùng chửi được nhau, cùng nói tục ngang nhau; nên họ có thể coi thường và làm lành mau chóng. Cũng như Thịnh đã chửi được nàng, nên bây giờ chàng đã ngủ rất ngon lành, còn nàng... Loan nghĩ rất nhanh: «Lần sau mình không nhijn nữa xem sao, hễ Thịnh chửi mình thì mình cũng chửi lại. Như thế có lẽ mình bớt khòe hơn!»

Suốt từ lúc cãi nhau, biết bao nỗi uất giận mà nàng phải nhijn đã dần ép lên ngực làm nàng nghẹn ngào, đau khòe cả cổ và muỗn ho. Bật lên một tiếng, nhưng nàng lại nhijn cả tiếng ho mà nàng tưởng chừng như nếu nàng đè bật ra thì chắc sẽ có máu trào theo. Có lúc Loan sắp bật khóc, nhưng nàng lại cố né. Nỗi uất hận đến thành khinh bị đã làm Loan tiếc cả từ giọt nước mắt. Nhưng bây giờ nước mắt nàng bỗng úa ra, nàng khẽ lắc đầu xuă đuôi ý nghĩ chửi nhau tay đôi với chồng. Nàng sờ sợ như tâm-hồn nàng sẽ bị mất đi, nếu nàng xử như thế. Loan không thể hặt được phàn-ni-giá mình, dù tâm-hồn nàng đã bị bơ vơ, nhưng nhất định nàng không thể đè sự cău giận

chiếm lấy nó. Những lúc Thinh chửi bới, Loan có bị đau khổ, oán giận đi nữa; nhưng nàng biết mình vẫn là người. Và còn có tâm-hồn đê thương Thinh, vì chàng chỉ là kẻ đã bị mất tâm-hồn trong những cơn giận dữ. Dần dần Loan thấy những nỗi oán giận đau khổ của nàng chìm lẩn vào trong tình thương Thinh mỗi lúc một tăng như bóng đêm mát lạnh rộng mênh-mông. Và Loan không biết rằng nàng đã tự tìm được lối thoát trong tình thương sâu đậm.

(Men chiểu)



## GIÀ BỐN

Trâm đang ngồi đọc báo thì Phương, chị nàng, vào. Chưa kịp ngồi, Phương đã nói :

— Nay, hôm qua già Bốn ra đây.

Trâm buông tờ báo, sững sốt hỏi :

— Ai ? Già Bốn ra à ?

— Ủ, bây giờ bà cụ lôi-thôi, lèn-thần lầm cơ !

Trâm như không nghe thấy câu chị vừa nói, nàng làm bầm nhắc như hỏi lại :

— Bây giờ ở nhà quê đã ra đây được rồi nhỉ !

— Cái gì ? Người ta đã đi lại nầm-nập như đi chợ ấy rồi lại còn ! Độ năm ngoái khi cô còn ở Sài Gòn, sự đi lại từ quê ra ngoài này còn phải lèn trốn khó khăn mà già Bốn cũng đã ra rồi. Mới trông thấy bà cụ, tôi nghẹn ngào tưởng như ở trong mộng. Tôi giữ bà cụ ở lại mấy hôm. Tôi làm bữa nem thết cụ, sáng ra thì vài lặng cõm non điềm tâm ; hồi ấy lại đang mùa chim ngủi, tôi cũng mua hầm đê cụ sơi, chẳng thiếu vị gì, ấy thế mà... — Phương nhỏ giọng — Ai lại bà cụ lèn-thần ngần-ngơ lầm cơ ; suốt ngày cứ kè hết chuyện con trai lại đến chuyện con gái. Nào thằng Tâm chết, nào con Hiền chết... Nước mắt thì cứ giọt ngắn giọt dài, trông đến thảm. Mới đầu nhà tôi còn nghe, về sau anh ấy cũng sinh chán tai. Ấy thế mà lúc ra về, bà cụ lại còn vơ vét cả từ cái bao tải rách đê đem về cho con dâu, làm

*tôi ngượng mặt với nhà tôi quá! Làm như thế, người ta khinh cho ấy chứ lại!*

*Trâm lơ đãng nghe. Phương nói rút lời mà Trâm vẫn yên lặng. Nhưng kỷ-niệm hồi xưa đang trở lại trong óc Trâm.*

*Già Bốn là chị ruột mẹ nàng. Già lấy chồng nghèo ở nhà quê và sinh được bốn người con. Hai trai là anh Tâm và anh Tính đã được mẹ Trâm nuôi cho ở Hà-nội để học nghề thợ nguội. Còn lại hai người con gái suýt soát bằng tuổi Trâm ở nhà quê với già, người lớn tên là Hiền, người bé là Hậu.*

*Hồi ấy, Trâm mới đỗ mười hai, mười ba. Được mẹ cho về nghỉ hè ở nhà quê, Trâm ở với bác ruột nàng. Bác Trâm hồi ấy đương làm lý-trưởng. Người bác cũng giàu, có nhà ngói, cây mít, sân gạch rộng天堂-thang, thóc lúa chứa đầy mẩy căn nhà ngang. Trâm được bác chiều chuộng lắm. Bữa cơm nào cũng cá thịt đầy mâm. Hoa quả ngoài vườn, Trâm tha hồ hái ăn mà không hề phải mang. Trâm biết dưới già Bốn và trên bác vẫn có sự xích mích, nguyên do chỉ vì nhà Trâm giàu có. Mỗi lần ba mẹ Trâm về đều ở nhà bác; vì bác là họ nội, lại là nhà trưởng. Nhưng một đôi khi, già cũng có làm cơm mời thầy mẹ Trâm xuống ăn. Thầy thế, bác Trâm cho là già cầu cạnh nợ hót để kiếm lợi. Già Bốn muốn tránh tiếng ấy, nên ít vồn-vã, tuy già rất thân mến em và yêu các cháu.*

*Những ngày ở nhà quê, Trâm vẫn thích xuống chơi dưới già Bốn. Trâm yêu mến già và chị Hiền, chị Hậu lắm. Gia đình già sống trong một nhà tranh cũ kỹ, ở một ngõ vắng. Hai bên đầu ngõ đều là vườn hoang của nhà ai. Họ trồng hàng rào găng tay và từ-bi; vì lâu ngày không ai tìa nên hai bên hàng rào cây mọc rậm rạp nối liền vào nhau trông như một cái còng tò-vò ken bằng lá. Ở đầu ngõ đi vào mấy bước, có cây ôi rất lớn. Cây ôi này quả thì ngon, nhưng cả làng đều đồn là lầm ma. Mỗi bận, dù là giữa ban ngày, đi qua đấy, Trâm cũng rờn tóc gáy, trống ngực nồi thình-thịch, hai chân cứ ríu lại. Nhưng rồi Trâm cũng cố lấy hết can đảm chạy vào nhà già. Gần đến nơi, Trâm*

vừa thở vừa gọi chị Hiền, chị Hậu rồi rít cả lên. Bao giờ Trâm cũng được các chị chạy ra đón. Thấy Trâm sợ, Hiền, Hậu cười vang cả ngõ. Cũng có bận, Trâm đến ngõ gặp người vào, Trâm theo liền cùng với họ. Tới gần nhà già Bốn, Trâm đẩy cửa vào bất thình lình đè té như mình can đảm lắm, dám đi qua cây di mà không sợ.

Bác Bốn, chồng của già, trừ những buổi rượu ra thì tính nết ông hiền lành ! Suốt ngày ông tần mẫn, hoặc sửa lại cái bờ lô, hoặc chè, lạt cạp lại mấy cái rò rách. Nhiều hôm gặp bữa, Trâm ăn cơm luôn với già. Cơm thường chẳng có gì ngoài mồn rau luộc và đĩa tép vụn kho tương. Chị Hiền, chị Hậu thấy Trâm cùng ăn thì vui lắm. Nhưng già Bốn thì vẫn giữ nguyên nét mặt râu ria và khe khẽ bảo :

— Cháu ăn ở dưới này, rồi trên bắc lại nói !

Bác Bốn vừa nhấp một chút rượu vừa nói :

— Bà rõ thật ! Trẻ nó gặp đâu ăn đầy cho vui. Ai nói thì mặc ai, mình cứ biết mình, sợ cái gì !

Rồi ông bảo Trâm :

— Ngồi xuống ăn đi cháu. Nhà bác chỉ có tép kho tương, nhưng già làm khéo cũng ngon chán !

Trâm vừa ăn vừa thuật lại cho già nghe :

— Hôm nọ Trâm cũng ăn ở dưới này xong, lúc về trên bắc đang ăn cơm và Trâm nghe tiếng bác nói : « Cứ ăn đi, không phải phàn, chắc nó lại ăn ở dưới già nó rồi chứ gì. Dưới ấy chả lầm gạo mà, đầy buồng thóc ra đầy ! ».

Nói đến đây, Trâm ngừng ngay lại. Trâm vừa nhận thấy trên mặt già có nét đau khổ lắm. Già lại khẽ thở dài rồi đáp, vẫn một giọng rầu rầu :

— Già thì nghèo, cả làng ai chẳng biết. Bao giờ mà già có được một buồng thóc, buồng trầu thì có !

Già nói thế, vì nhà già vẫn làm gạo bán nên có nhiều trầu.

Bác Bốn nói như hơi gắt với vợ :

— Ô hay, thì đã sao ? Người ta mong cho mình như thế thì đã sao ? Ủ, thì đã sao ?

Rứt lời, ông ngửa mặt cười khà khà, rồi cầm ly rượu top một ngụm. Uống xong, ông đặt mạnh ly xuống mâm. Trâm thấy hối hận vì mình đã mang câu chuyện buồn vào bữa ăn. Nhưng hai chị Hiền, Hậu thì như không biết chuyện gì, vẫn cứ vừa ăn vừa cười đùa vui vẻ.

Xong bữa, Hiền, Hậu rủ Trâm vào buồng trầu. Mấy chị em lấy chiếu trải lên trên mặt trầu rồi chơi nhào lộn, rồi hò hét ầm ĩ.

Gần đến tối, già Bốn giục Trâm về. Trâm cũng không về. Trên nhà, bác lại cho chị Năm xuống đón. Trâm lấy cớ sơ cây đi đầu ngõ, không chịu đi, đòi ngủ lại dưới già. Chị Năm chiều Trâm, dành ra về một mình.

Bác Bốn say rượu nên đi ngủ sớm. Trời sáng trăng vắng-vặc ; già Bốn lấy chiếu trải trên sân ngồi chơi. Mấy chị em quây chung quanh, bắt già kè chuyện cò-tích. Trâm nũng nịu nằm vào lòng già. Một tay già khe khẽ soa trên lưng Trâm ; một tay quàng lên lưng chị Hậu ; chị Hiền tựa đầu bên lưng già. Nhân có trăng sáng, già bèn kè chuyện thằng Cuội vì nó đối với cha và chú nên phải bay lên mặt trăng cùng với cây đa, rồi ngồi giữ trâu dưới gốc cây đa trên đó chờ tới bảy giờ. Già Bốn chỉ tay lên mặt trăng và bảo :

— Kìa, cái chỗ đèn đèn kia là cây đa, và dưới cây đa là thằng Cuội, nó ngồi đấy... đấy...

Trâm xoay người nằm thằng, đầu gối lén dùi già, mắt theo tay già chỉ, nhìn lên mặt trăng tìm thằng Cuội. Cả Hiền và Hậu cũng nhìn lên. Một lát quả nhiên Trâm thấy rõ ràng hình cây đa nồi bật lên giữa hình tròn của mặt trăng, và dưới gốc cây đa quả có một hình người ngồi đợi nó.

Càng nhìn, mỗi lúc Trâm càng thấy mình gần mặt trăng hơn. Gió lúc ấy thoảng nhẹ, hơi mát thăm dần vào người Trâm như

lạnh lạnh mà lại không phải lạnh. Từ mặt trăng tỏa ra một thứ ánh sáng huyền ảo dị thường. Có lúc Trâm thấy giống như một thứ lụa rất mỏng đong vương khắp không gian. Có lúc cả bầu trời trong suốt như thủy-tinh. Trâm có cảm tưởng như sờ mó vào được. Cố lúc lại như khói nhẹ bay tỏa khắp nơi. Trâm thấy người mình nhẹ-nhàng, lúc bồng, lúc chìm như đang chơi với ở giữa trời. Trâm ôm chặt lấy già và cảm thấy như cả hai bác cháu đang từ từ bay lên gần mặt trăng như hồi nào thằng Cuội ôm chặt lấy cây đa mà bay lên cung trăng. Và rồi Trâm ngủ đi lúc nào không biết.

Lại một buổi Trâm đến nhà già đúng vào bữa ăn. Cả nhà có một đê ngô bung đê giữa giường. Mỗi người xúc một bát ngồi ăn riêng một nơi. Già Bốn cầm bát ngô ngồi trên bức cửa ra vào. Già vừa ăn ngô vừa ngó ra sân như có điều gì suy nghĩ. Thấy Trâm vào, già chỉ khẽ hỏi :

— Xuống đây à ? Ăn cơm chưa ?

Trâm vốn thích ngô, nên trông thấy vội reo lên :

— A ngô ! Cháu ăn cơm rồi, nhưng cháu cũng ăn thêm ngô.

Hậu đặt bát xuống, nhanh nhẹn chạy đi lấy thêm bát đưa cho Trâm. Hiền đỡ lấy bát, xúc ngô vào. Ba chị em lại vừa ăn vừa cười khúc-khích. Bác Bốn thì ngồi xếp chân bằng tròn trên tấm ghế ngựa kê ở gian bên, trước mặt có đĩa lạc rang và chai rượu. Còn già Bốn vẫn ngồi yên chỗ cũ, vừa ăn vừa thỉnh-thoảng giật chân, mồm kêu suýt suýt để đuổi đàn gà con đang bới đống rác ở giữa sân. Cứ chỉ ấy của già như để giấu nổi vui vì thấy Trâm ăn.

Ăn xong, Hiền, Hậu rủ Trâm ra vườn sau chày khế chua xuống, xắt mỏng dầm tương ớt, rồi mấy chị em lại cùng ăn với nhau.

. . .

— Tôi đã bảo bà cụ ra chơi gấp giờ ăn nấy, đừng có tham lam nhặt nhạnh thế ! Còn cháu rè, nó thấy nó khinh cho chứ, phải không ?

Tiếng Phương hỏi to, kéo Trâm trở về hiện tại. Nàng đã hiểu chị nàng nói gì về người già thân mến. Trâm buồn rầu bảo chị :

— Kinh hạy không là ở mình, chị ạ. Người nhà mình dù nghèo, dù rách, nếu mình kính trọng trước thì tự nhiên chồng mình cũng phải kính trọng theo. Chứ người già nua nào mà chẳng có tính lòn-thòn thế !

Trâm không muốn nhắc lại câu Phương bảo già Bốn tham lam. Trâm vẫn không thể tin được rằng già Bốn sinh tính tham lam. Vì xưa kia, già Bốn tuy nghèo nhưng rất an phận và ngay thẳng. Trâm buồn rầu nhắc lại một vài kỷ-niệm cũ của già Bốn đối với chị em nàng cho Phương nghe. Phương có vẻ cảm động nói :

— Thì tôi vẫn mời mọc bà cụ từ tể chứ có làm gì đâu ! Cô đi xa lâu ngày mới về nên không biết đây chứ ! Mà bây giờ cô có muốn đón bà cụ về chơi mấy hôm cũng được. Bà cụ chưa về quê đâu, vẫn còn ở dưới chị Tâm ấy.

Chiều hôm ấy, Trâm tự đi xuống nhà chị Tâm, con dâu già Bốn, đón già về nhà mình chơi.

Trong mười năm trời xa cách, già Bốn nay trông già hơn xưa nhiều lắm. Tóc đã bạc gần hết đầu, nhiều nét nhăn in sâu trên mặt, duy cùn hai đầu mày vẫn còn nhíu lại như hồi xưa. Từ hồi cùn bé, Trâm cũng đã thấy hai đầu lông mày của già lúc nào cũng nhíu lại. Người ta bảo già vất vả là vì thế. Trâm xa cách già từ hồi cùn nhỏ tuổi, trong lòng vẫn mang một kỷ-niệm thân yêu. Lúc sấp gặp già, Trâm mừng rạo-rực tưởng như nàng vẫn còn có thể làm nũng già như hồi xưa, hồi mà già còn hay vuốt tóc Trâm và còn gọi nàng bằng cháu, hoặc một đôi khi quen giọng quê mùa, già thân mến gọi nàng bằng mày : « Này, mày ăn đi, quả quýt này thế mà ngọt ! ».

Bây giờ thì không thể được nữa, tuy già Bốn vẫn sống, và đang ở trước mặt nàng, nhưng nàng thấy già xa lạ với mình quá.

Khi gặp nàng, trái với cùi-chì vồ vật như Trâm tưởng, già Bốn chỉ nhìn nàng bơ ngơ. Nói với nàng, già cũng giữ lẽ phép. Một điều, hai điều gọi nàng bằng cô. Trâm cố gợi tinh-cảm cũ

của già Bốn. Nàng nhắc lại những chuyện trước, nhưng nét mặt già vẫn không thay đổi. Họa hoãn lầm Trâm mới chợt thấy mắt già sáng lên một giây rồi lại trở lại bình thường.

Thế, là hết. Già Bốn bây giờ chỉ còn là một « bà lão lẩn thẩn lẩn-thẩn trong thấy cái ống bơ sữa bỏ cũ cung nhặt. Đè cho mẹ Tâm nó đóng gạo ». Thấy cái nài cũ mà Trâm bỏ không dùng vứt ở xó bếp, già cũng nhặt lên ngắm nghĩa : « Cái này bỏ à ? Đè mẹ Tâm nó nấu cơm thì vừa đây. Hồi tản cư, những đồ như thế này bán cũng được khôi tiền, chẳng ai bỏ ! »

Hễ cứ ngồi cạnh già Bốn lúc nào là Trâm lại phải nghe già kè chuyện :

« Thằng cả Tâm mà nó dừng chạy xa quá thì cũng không đến nỗi chết. Khô, nó bị ngã nước mà chết đấy chứ có gì đâu ! Hồi nó đi, cái da nó vẫn cứ đỏ hồng. Còn thằng Tính nữa bây giờ cũng chẳng biết sống chết ra sao ! Mà bom đạn thế này thì sống làm sao được cơ chứ ! Giá bình yên ra thì bây giờ nó cũng đã có vợ có con rồi đấy. Lại cái Hền nữa. Mới đẻ mà chạy loạn lên mãi tít tận mạn ngược. Giá nó dừng chạy thì làm gì đến nỗi chết ! Cái thân già này chẳng chạy được thì lại chẳng chết cho. Còn con Hậu nó theo chồng nó. Nó bảo đợi mấy tháng bình yên thì nó về mà bây giờ mấy năm rồi. Con ơi ! ».

Rứt lời, già Bốn đưa vật yếm lên lau mắt rồi lại tiếp :

« Bây giờ còn có con mẹ cả Tâm. Thằng bé thì cứ sài đẹn, leo-khoeo mái, mà mẹ nó kiêm chẳng đủ ăn ! ».

Mấy lần đầu nghe già kè, Trâm cảm-động thương già đến phát khóc. Nhưng luôn mấy ngày hôm nay, nàng cứ phải nghe mãi một giọng và một chuyện ấy mãi, Trâm thành ra khó chịu. Lần lúc nàng phải giả vờ đứng lên làm việc gì đấy để khỏi phải nghe. Nàng đã thấy muốn tránh cái bà già lẩn-thẩn. Nhưng tránh được già rồi thì Trâm lại thấy hối hận ngay. Nàng thấy như mình ích kỷ và thấy khổ chịu ngay với chính mình. Trâm tự nhủ là phải đối đãi với già Bốn cho tử-tế hơn. Nàng cho người đi mua vải

lụa vè đè may quần áo cho già ; nàng làm các thức ngon vật lạ cho già ăn. Tuy vậy Trâm vẫn không muốn ngồi gần bên già. Nàng khó chịu vì tính làm-cầm của già. Đã có lúc nàng mong cho già Bốn sớm trở về quê mà ở, ý nghĩ này làm Trâm đau khổ vô cùng. Nàng thấy mình đã phạm vào một lỗi đe phải hối-hận Trâm biết rằng miệng ngon, vật lạ, quần áo nàng mua sắm cho già thì dễ, tình thương nàng vẫn có, thế nhưng có được cái tình cảm chân thành yêu mến già như hồi nhỏ thì thật khó quá chừng !

( Xóm nghèo )



## Phụ lục :

Hai bài thơ mà tác-giả ưa thích :

### GIÓ MÂY

Cánh buồm theo gió nghiêng nghiêng,  
Có con thuyền hướng về miền tự-do.

Tôi ưa vọng chân trời,  
Tôi thích nhìn mặt biển :  
Đôi con tầu ra khơi,  
Sóng trùng dương bất tận,  
Chí phiêu du muôn nơi.  
Tôi mơ chàng là gió,  
Tôi ước tôi là mây,  
Gió chàng nhẹ-nhé thổi,  
Mây tôi bồng-bềnh bay..  
Đường trên trời rộng lắm,  
Không chia Đông và Tây.  
Cõi bờ nào cản gió,  
Ranh giới nào ngăn mây.  
Chúng ta cùng bất diệt,  
Muôn đời vẫn « gió mây ».

( Tân - Phong, tập 16 — 1960 )

## SAY YÊU

*Môi run lời chăng ngờ,  
 Mắt đắm trong men tình :  
 Thì ra hai đứa chúng mình say yêu.  
 Lòng phiêu phiêu  
 Ngợp trong cảm - giác rất nhiều mến thương.  
 Phải chăng giấc mộng yêu đương  
 Hay cơn say tình bất thường là đây ?*

( 1963 )





### MỘNG - TUYẾT

THÚ BÚT VÀ CHỮ KÝ :



Gương ngọc thiên kim giá đài vừa  
Khuôn duyên tròn một quả đèn đưa  
Ngòi đây mà nhẹ tăng phuong gó  
Đại trung tâm rộm chuyền A. Cô

Mộng - Tuyết  
\* \*.  
S.T.



# MỘNG-TUYẾT

Họ THÁI, nhũ-danh là ÚC (bạn học thường gọi đùa là Nàng Út). Sinh năm 1914, nguyên quán làng Mỹ-đức, tỉnh Hà-tiên.

Năm 1926, bắt đầu tập làm văn ở Trí-Đức học-xá (do Đông-Hồ điều khiển), lấy hiệu là Thái-nữ Mộng-Tuyết và sáng tác được một số bài văn nhỏ gộp lại dưới nhan-đề «*Bông hoa đưa nở*», đăng ở Nam-Phong tạp-chí năm 1930.

Năm 1935, chuyên viết truyện ngắn cho tuần-báo Sóng (Sài-gòn).

Năm 1939, có tập thơ **Phấn hương rừng** dự cuộc thi văn-chương hằng năm của Tự-Lực văn-đoàn và được khen tặng.

Năm 1943, chung với Văn-Đài, Hằng-Phương, Anh-Thơ xuất bản tập thi-tuyên **Hương Xuân** (Nhà xuất bản Nguyễn-Du, Hà-nội).

Từng có thơ, tùy bút, truyện ngắn đăng trên các báo : Tiêu-thuyết thứ năm, Hà-nội báo, Con Ong, Đông Tây, Trung Bắc chủ-nhật, Tri-Tân (Hà-nội), Gió Mùa, Ánh sáng, Nhân-loại (Sài-gòn).

Ngoài bút hiệu Mộng-Tuyết, còn ký Hà-tiên cô, Thất-tiều-muội, Nàng Út, Bách-thảo-sương, Bân-Bân nữ-sĩ...

Đã xuất bản : **Đường vào Hà-tiên** (Bốn Phương, Sài-gòn 1960) ; **Nàng Ái-cơ trong chậu úp** (Bốn Phương, 1961).



**S**INH trưởng ở một nơi cõng tịch, gần thiên-nhiên, có nhiều cảnh đẹp như «hồ thơ, núi mộng», (1) lại được dưỡng dục từ nhỏ trong không khí thơ của Trí-Đức học-xá, Mộng-tuyết — mà tâm-hồn vốn đa cảm — đã yêu thơ, mê thơ ngay từ buối thiếu thời.

(1) Nói theo kiêu Mộng-Tuyết.

Đọc thơ Mộng-Tuyết ta thấy tác-giả là một người rất mơ mộng, cái mơ mộng dịu hiền của những cô gái hay chữ thời xưa : những cô gái trong Tình-sử, trong những tiểu-thuyết diêm tình Trung-quốc.

Thực vậy, Mộng-Tuyết «thơ mộng» trong cả từng tờ thư, từng nét bút : Phong-bì và giấy viết thư của người thường là loại giấy đặc biệt bao giờ cũng có in dấu Hồ thơ núi Mộng, và chữ ký của người thì đủ cả trăng sao.

Còn thơ thì lời thường êm-dềm lưu-loát chứng tỏ một tài nghệ vững vàng, nhưng ý thường là ý xưa tú cũ.

Trong thơ Mộng-Tuyết, ta thấy rất nhiều những hình ảnh xưa, nỗi lòng cũ. Những tình cảnh ấy đã quá quen thuộc nên chỉ có tác-dụng gợi cho ta trong chốc lát lòng hoài niệm dĩ-vãng với ít nhiều vẻ đẹp xưa, mà không đem đến cho ta những xúc cảm bất ngờ mới lạ.

*Bên đường, qua lại bao nhiêu khách ;  
Riêng bẽ cảnh xuân đưa tặng nhau.  
Sung sướng Giang-nam chàng phơi ngựa,  
Tháng ngày bóng liễu rũ tờ sầu...*

(Dương-liễu tân thanh)

Cái cảnh biệt ly bên đường bẽ liễu và liễu rũ tóc buồn đứng bên đường như chờ đợi nhớ mong... đẹp thi có đẹp, buồn thi có buồn, nhưng không còn gợi cảm được người đọc như mấy chục năm về trước nữa. Cũng như những chữ «Giang-nam ruồi ngựa», «bèo nước tương tư», «khách bến sông Tương», «dịp cầu Nguyễn-ước» :

*Thôi ! Đã qua rồi hẹn phấn hương,  
Một năm làm khách bến sông Tương ;  
Dịp cầu Nguyễn-ước nhờ ai bắc ?  
Bèo nước tương tư. Ôi ! nhớ thương !*

(Bèo nước tương tư)

Song le, cũng như Đông-Hồ, Mộng-Tuyết rất yêu thương tiếng Việt, yêu thương đến mức nồng-niú từng chữ, ve-vuốt từng lời, nên nhiều khi thấu hiểu được ma-lực của từ-ngữ mà xử dụng tài tình, tạo nên được những văn thơ hay bằng những chữ dễ nhảm dễ sáo :

*Có nghĩa gì đâu một bức thư ?  
Cho lòng nhẹ với nỗi tương tư.  
Nhưng rồi lại thấy tương tư nữa,  
Một bức thư sau vẫn đợi chờ !*

( Bức thư tương tư )

*Trăng chảy ngập đường đi. Thuở ấy  
Đôi người so bóng bước song song.  
Rồi trăng từ đó tương tư bóng,  
Chảy ngập tương tư khắp nẻo lòng.*

( Bóng trăng tương tư ).

*Một chiều bến ghé con tàu nhỏ,  
Có một khung trăng cửa sổ tròn.  
Từ đó tương tư « nhìn trước nhất »  
Bàn tay thoảng ngõ trăng thon thon.*

( Khung cửa tương tư )

Cũng vì rất mực yêu thương tiếng mẹ nên Mộng-Tuyết mới có đủ cảm-hứng để mà vì một « người tặng sách » để tặng một « người được tặng sách ».

Việc là việc làm hộ, để là để khô khan, vậy mà tác-giả đã viết nên những lời thơ khả ái đầy ý nghĩa và duyên dáng :

*VÌ ANH THƠ-XUÂN*  
Để tặng anh Đông-Hồ bộ Việt-Pháp lỵ-diền

*Vì ai, để tặng sách cho ai ;  
Rồi lại vì ai, cảm ta người ;*

Bởi sợ nhà thơ nghèo đến chữ,  
Yêu nhau, đưa tặng mấy mươi lời.

Tiếng nhà, của sẵn kho vô tận,  
Mặc sức tiêu hoang, mặc sức chơi :  
Muôn phương trời mây nước đẹp,  
Muôn nghìn năm cảnh cỏ hoa tươi.  
Hãy còn thừa thãi, tiêu chưa hết,  
Muôn lấp, tràn-gian, tiếng khóc cười.

Trước hết, đã mua rồi một món :  
Thành Phương-hương đầm mãi tình dài.

( Phản hương rừng )

Cũng vì say mê thơ và yêu thương tiếng mẹ, nên Mộng-Tuyết mới có ý nghĩ lạ lùng là bán thơ để lấy tiền... cứu đói, nhân vụ đói lịch-sử năm Ất-dậu (1945) tại Bắc-hà.

Trước thảm cảnh ấy, Mộng-Tuyết có sáng tác được mười bài thơ kêu gọi đồng-bào « miền Nam no ấm » hãy :

Xót tình máu mù con nguy biến  
Xé cháo nhường cơm, ai hối ai !

gom lại thành một tập nhan đề là « *Mười khúc đoạn trường* » do Đông-Hồ trình bày (viết tay và vẽ) trên giấy « bạch ngọc » bằng bút « cứu trùng xuân sắc », mục « hồ khê tam túc », làm tấm bản đánh dấu bằng tâm câu thơ Cảm hoài của Đặng-Dung, từ « Thế sự du du nại lão hà ? » đến « Kỳ độ long-tuyền đái nguyệt ma ».

Ngoài việc cẩn cui trình bày, Đông-Hồ lại còn có mấy văn giới-thiệu tác-giả và rao bán giúp thơ như sau :

*Mười khúc đoạn trường thơ cứu đói,*  
*Bốn phương tri-kỷ gió đưa duyên.*  
*Non sông cõi quất lòng dang rộn,*  
*Son phấn tài hoa nợ chửa đèn.*

*Mài mực viết nên câu thông thiết,  
Đề thơ đem bán chợ văn-chương.  
Thử nhìn trên những tờ hoa gấm,  
Mong đợt cho cân giá ngọc vàng.*

(Đông-Hồ)

Đề bạn đọc có một ý niệm về «thơ cứu đói» của Mộng-Tuyết, tôi xin trích in vài bài sau đây:

### GIÁ GẠO TRÀNG-AN

(gửi Văn-Muội, cô hàng hoa vườn Trí-Đức)

*Nghe nói Tràng-an giá gạo cao,  
Đói cơm cừu hạn khát mưa rào.  
Bà con ta ở miền Trung, Bắc  
Thóc gạo Đồng-nai những ước ao.*

*Tò-Quốc 'bằng-khuâng hồn nghệ-sĩ,  
Cô em rủ chị học làm thơ.  
Em vui bè mực dăm ngồi thò,  
Chị mai rừng văn xây lối mơ.*

*Cấp báo về đây tự nèo xa,  
Người đang ngắc-ngoài đợi chờ ta.  
Vốn nghèo biết giúp gì, em nhỉ?  
Ngã mại kỳ văn, nhỉ mại hoa.*

(Bài thứ I)

### CẤM YÊN

*Vật uống món ăn dành đã hết,  
Có tiền không gạo biết đâu mua!  
Ruộng vườn trông trải, đồng không cỏ,  
Không vụ chiêm, không cả vụ mùa.*

*Mặt mới gieo xong đã gặt liền,  
Mái tranh không sợi khói vươn lên.*

*Thứ thì bắt ti thanh-minh tiết,  
Đè sự trù trùng dã cẩm yên.*

(Bài thứ 7)

Tôi nhận rằng tác-giả có xúc động thật trước cảnh đói năm Ất-dậu, nhưng chỉ là tai nghe mà chưa được nhìn tận mắt cái thảm cảnh có một không hai đó, nên mới có thè «chơi chữ» bằng một giọng khá bình tĩnh như trên (bài 1) và đã hoàn toàn tưởng tượng khi viết :

*Ruộng vườn trông trại, đồng không cỏ,  
Không vụ chiêm, không cà vụ mùa.*

Thật ra đâu có phải vì mất mùa mà đói ! Dân đói, chết hàng triệu là vì bị cả Pháp lẫn Nhật cướp hết thóc ăn. Chúng cố ý gây ra thảm cảnh ấy vì lý-do chính-trị và quân-sự đặc biệt hối đó !

Trong nhà ngoài vườn hết nhẫn thức ăn, nhưng đầy đồng lúa xanh mơn mởn. Và lúc giáp hạt là lúc dân quê chết đói nhiều nhất. Họ đã quá mòn hơi kiệt sức không chờ được nữa ; và những người cuối cùng đã gục ngã giữa khi lúa bắt đầu vào mày, đè rồi sau xảy ra cái cảnh lúa chín đầy đồng mà không người gặt hái ! Đó mới là nỗi đau xót chung thiêng !

Tôi không được rõ việc «bán thơ cứu đói» có thâu lượm được kết quả gì chăng ? Nhưng hôm nay cầm tập thơ (1) trên tay, ngắm những nét bút và nét vẽ công phu của Đông-Hồ, tôi không khỏi bùi-ngùi thương cảm. Tôi như vừa mến lại vừa thương. Mến là mến người thơ và hành-động đẹp. Thương là thương việc làm không lấy gì làm thực-tế của con nhà thơ, những con người lầm lúc ngây thơ như đứa trẻ, cứ tưởng ở đời — không nhiều thì ít — thế nào chẳng có kẻ cũng yêu chuộng văn-chương chữ nghĩa như mình !

Thơ Mộng-Tuyết tuy có nhiều vẻ xưa, nhưng dù sao thì người cũng là người của thời-đại này nên không thể chỉ hoàn

(1) Tập thơ dành riêng cho tác-giả có đánh dấu « Vô cùng thiêng địa nhập hàn ca », do Đông-Hồ cho tôi mượn coi.

toàn cảm nghĩ như lớp người xa cũ. Cho nên trong thơ Mộng-Tuyết, ta cũng gặp thấy vẻ nhí-nhảnh, tự-nhiên cùng những xao-xuyến, rạo-rực, ước mơ... như những cô gái mới.

Ta hãy coi nàng « xấu hổ » vì khi đang... tắm bị người yêu tình cờ bắt gặp :

*Quảng vội khăn bông em chạy vào,*

*Ngần-ngo ngó anh hỏi :*

*— Đã làm sao ?*

*— Không làm sao cả, nhưng em thấy*

*Thèn-thẹn lòng em nó thế nào !*

(Em xấu hổ)

Ngoài thơ ra, Mộng-Tuyết còn viết văn nữa. Mà viết khá nhiều.

Theo bản kê « những sáng tác đã đăng các báo chí » của Mộng-Tuyết gửi cho xem, tôi thấy nhà văn này đã viết được hơn ba mươi truyện ngắn và ký-sự, ba kịch vui, bảy du-ký, một trung thiên tiểu-thuyết (*Đi tìm hạnh-phúc*), một thiêm khảo-cứu (*Tho' Đường ở Nhật-bản*).

Ngoài ra, còn những thi-thoại, tùy-bút và một tiểu-thuyết dã-sử đã xuất bản (*Nàng Ái-cơ trong chậu úp*).

Văn Mộng-Tuyết, cũng như thơ Mộng-Tuyết, có dáng-dấp xưa và thường lấy đề-tài trong dĩ-vãng.

Truyện *Nàng Ái-cơ trong chậu úp* đã làm sống lại một thiêm tinh-sử đau thương của Mạc Thiên-Tích, tòng trấn Hà-tiên. Truyện được viết bằng giọng văn xưa nên gọi được phong-vị cò.

...

Tôi được gặp tác-giả *Nàng Ái-cơ trong chậu úp* lần đầu vào tháng sáu năm 1954, nhân dịp đến thăm thi-sĩ Đông-Hồ tại Yiêm-Yiêm thư-trang ở đường Kitchener (bây giờ là đường Nguyễn-thái-Học).

Nhân dịp này hai nhà thơ đất Hà-tiên có nhã ý đưa tôi

đi ăn ở Chợ-lớn. Trong lúc đàm đạo, tôi có nhắc đến một thứ trái cây có cái tên rất thơ mộng ; tôi thường ao ước được nếm mà chưa có dịp (tôi mới vô Sài-gòn được mấy bữa). Trái cây ấy là *sầu-riêng*.

Nhà thơ Đông-Hồ liền giải thích : « Thú trái cây này gốc ở bên Xiêm, tên chữ là *đào-liên* ; người Xiêm gọi là *thầu-leng*, người mình kêu chêch ra *sầu-riêng* ».

Tôi còn đang băn-khoăn không hiểu tại sao nhiều trái cây khác ở miền Nam như xoài, mãng-cvit đều có đưa ra bán ở ngoài Bắc mà *sầu-riêng* thì tuyệt nhiên không thấy bao giờ, hay là người miền Nam có thâm ý chỉ cho bà con ngoài Bắc « văn kỳ thanh » mà không cho được « kiến kỳ hình » để mà mơ ước, để mà... *sầu* riêng !

Đông-Hồ cười và cho biết rằng : vì *sầu-riêng* có một mùi thơm rất đặc biệt mà người không quen không thường thức được nên người Pháp không cho chở trên máy bay cũng như họ đã cấm chở nước mắm và mắm tôm. Một lẽ nữa là phần nhiều người Bắc khó ưa được hương vị *sầu-riêng* nên không ai nghĩ đến việc đem nó ra bán ở ngoài.

Nghe những lời giải thích ấy, tôi càng thêm tò-mò nóng muốn được làm quen với *sầu-riêng* ngay.

Thấy vậy, Mộng-Tuyết bảo tôi :

— Hồi này, *sầu-riêng* đã bắt đầu có bán. Đề lát nữa về, tôi sẽ tìm mua biếu anh một trái.

Và chị đã giữ lời.

Sau khi từ biệt hai nhà thơ mới quen, tôi đem trái cây mơ ước đó về phòng ngủ. Và trong đêm ấy, tôi đã phải dậy đến hai lần vì mùi thơm quá nồng-nàn của *sầu-riêng* : một lần đề mở toang hết cửa sò; lần thứ hai đề đóng kín cửa sò sau khi đã đem treo trái cây quý trên giàn hoa ngoài sân.

Sáng hôm sau tôi hãy còn ngây-ngất nhức đầu vì mùi hương kỳ dị, thi lại thấy mọi người trong nhà cứ hếch mũi lên hít không khí như có vẻ tìm tòi.

Lúc sau, một người bạn đến chơi, cũng làm như vậy.

Tôi bỗng bật cười, vì một ý nghĩ đột hiện ra trong trí: tôi thấy cái sầu riêng của tôi đã thành ra cái sầu chung của mọi người. Tôi nghĩ thầm: « Trái cây này thiệt là nhiều chuyện! » Để chấm dứt « tình trạng căng thẳng » ấy, tôi chỉ cho người bạn chỗ treo sầu-riêng. Anh ta vội-vàng ra lấy xuống, nâng-niu bằng cả hai tay, đè sát vào mũi mà hít dài và khen tẩm-tắc :

— Chà ! sầu-riêng đầu mùa ! Quý lâm ! Tôi bồ... Anh nhé ?

Tôi gật đầu: Anh ta liền trịnh trọng bồ ra và đưa mồi tôi. Tôi lừa một múi nhỏ. Nhưng vừa đưa lên miệng, tôi đã muốn lè ra: Trái cây gì mà lại có cái vị béo ngậy của hành sào mỡ !

Tôi cố nuốt mà mãi không trôi, dành bồ dở; trong khi anh bạn đã ăn hết cả quả mà vẫn còn có vẻ thèm thuồng.

Anh ta nói :

— Tại anh chưa quen đấy ! Sầu-riêng là trái cây quý nhất và đắt nhất ở đây, vì nhiều người ghiền nó lắm ! Có người nhất là người Tàu — mỗi mùa sầu-riêng ăn hết cả bắc ngàn !

Tối hôm ấy, tôi ngồi viết mục *Lá thư về Bắc* cho tuần-báo « *Đây Sài-gòn* », đã đẽ hẳn một đoạn dài nái về trái sầu-riêng, lại có kèm cả một bài thơ tạ lòng người đã cho quà quý.

Xin ghi lại dưới đây để lưu một kỷ-niệm về Mộng-Tuyết trong lần sơ ngộ :

### LẦN ĐẦU LÀM QUEN VỚI TRÁI SẦU RIÊNG (do chí Mộng-Tuyết mua tặng)

Xa xôi nghe tiếng sầu-riêng,  
Cám ơn Nàng Út làm duyên tặng quà.  
Muốn đem ra Bắc khoe nhà,  
Lại e đường xa ngày-ngày khó đi !  
Chao ôi ! Hương sắc dị kỳ,  
Hăng-Nga bờ vía, Tây-Thi giật mình.

*Bỏ đi, phụ tâm chán tình!  
Mang theo chẳng được! Thôi dành... său riêng!*

*Quen hơi bén tiếng một phen,  
Xa Nam-Việt, nhớ său-riêng hoài hoài!*

(Sài-gòn, tháng sáu 1954)



Trả lời câu hỏi về những bài thơ ưa thích, Mộng - Tuyết  
cho biết riêng ưa hai bài sau đây (một bài làm đã lâu và một  
bài mới sáng tác):

### TƯƠNG-TƯ LÁ ĐỎ

Tặng văn diệp thương để hồng oán,  
Diệp thương để khi ký dữ thùy?  
(*Nghe trên lá đỏ để thơ oán,  
Lá đỏ để thơ biết gởi ai?*)

Cô-thi

*Còn nhớ nghìn năm Tàu thuở trước  
Để thơ trên lá đỏ tương-tư.  
Sáng nay muôn gởi thơ theo lá,  
Đợi mai! Thu về, lá chẳng khô.*

*Danh phải để thơ trên lá xanh,  
Xanh hay hồng lá vẫn đa tình.  
Nhưng không phải lá trôi dòng Ngự,  
Lá chẳng hồng nên chẳng mối manh.*

*Lá nói gì đây? — Chỉ lá thôi!  
Xanh xanh tờ lá vẫn xanh hoài,  
Tương-tư vẫn một màu Mơ-ước  
Lá đỏ để thơ thả nước trôi.*

### MỌNG-TUYẾT

(Ánh Sáng văn-chương số 153 ngày 6-9-48)



## NGUYÊN-TIÊU TƯ HƯƠNG

*Gương ngọc thiên kim giá đài vừa,  
Khuôn duyên tròn một quả đèn dưa.  
Ngồi đây mà nhớ trăng phượng đó,  
Đọc trăng đêm rằm chuyện Ái-cơ.*

MỘNG-TUYẾT (1963)

Tác-giả lại có nhã ý cho biết rõ cả trường-hợp sáng tác và lý-do ưa thích hai bài thơ đó như sau :

❶ Bài *Tương tư lá đỏ* làm từ năm 1944, khi tác-giả còn ở Hà-tiên quê nhà.

Một sáng tác đầu thu, tác-giả cùng đứa cháu gái ngồi chơi dưới gốc cây bên bờ nước Đông hồ. Đứa cháu ngắt mấy chiếc lá làm thuyền ném xuống hồ, thả cho nước trôi đi. Tác-giả tự-nhiên nhớ đến chuyện « Ngự câu đê hồng diệp » trong Tình-sử, liền buột miệng đọc câu thơ cù :

*Tăng văn diệp thương đê hồng oán,  
Diệp thương đê thi ký dữ thùy ?*

Nhìn lên hàng cây thì đang mùa mưa thu, lá xanh ngắn ngắt, không tìm thấy một chiếc lá vàng lá đỏ nào. Một từ thơ vừa đến giúp tác-giả nghĩ được bốn câu đầu :

*Còn nhớ nghìn năm Tàu thuở trước  
Đề thơ trên lá đỏ tương-tư.  
Sáng nay muôn giờ thơ theo lá,  
Đợi mãi ! Thu về, lá chẳng khô.*

Rồi không nghĩ tiếp được nữa.

Tác-giả bày trò chơi cho con bé : Ngắt tờ lá rộng, rút chiếc kẹp tóc, xâm lén tờ lá xanh bốn câu thơ vừa nghĩ ra. Con bé thấy thì đòi. Đưa tờ lá cho nó, nó lại ném xuống nước. Chiếc lá xanh có chửi lại trôi vèo theo gió nước. Nhân đó mà tác-giả nghĩ tiếp được câu :

*Đành phải đê thơ trên lá xanh.*

Rồi sau khi lững-thững về nhà, nghĩ nốt đoạn dưới cho đến trọn bài thơ.

Tác-giả thích bài thơ này của mình, vì mỗi khi đọc nó, thì như thấy lại phong-cảnh lá xanh nước mát chốn quê-hương, gợi ra những kỷ-niệm êm-đềm thuở nhỏ, cho nhớ lại bao tình bè bạn xa gần, gửi cho nhau một tờ thơ. đợi của nhau một bức thư, của những người bạn có khi đã quen thân, có khi chưa từng gặp gỡ. Riêng thích nhất là bài thơ này đã nói lên được mùa *thu xanh* của miền Nam, có khác với mùa *thu vàng* của phương Bắc. Đó là một từ thơ riêng lấy làm độc sáng

● Bài *Nguyên-tiêu tư hương* làm trong đêm rằm tháng giêng năm nay (1963). Nhân đêm đó có hội hoa-đăng ở Tỳ-bà trang, có họa thơ, đầu dề là « Nguyên - tiêu tư hương ». Mộng-Tuyết đã làm bài này. Đêm nguyên-tiêu, nhìn trăng tròn như một trái cây, tác-giả bỗng nghĩ đến quả dưa đỏ. Rồi từ quả dưa đỏ, tác-giả liên tưởng đến quả đèn dưa mà nhớ chuyện nàng Ái-cơ, rồi nhớ quê-hương. Vì sao có sự liên lạc như vậy ? Câu chuyện khá dài. Muốn cho tỏ tường, phải nghe kè rõ đầu đuôi :

Nguyên là Mộng-Tuyết hai năm trước có viết một truyện dài dã-sử ở Hà-tiên, quê-hương của tác-giả. Tác-phẩm này nhanh là *Nàng Ái-Cơ trong chậu úp*, kè truyện một người tài-nữ, trong đêm nguyên-tiêu, đã dùng quả dưa hấu chế khắc thành một chiếc lồng đèn dưa đem dự hội hoa-đăng ở Chiêu-anh các, do Mạc-Thiên-Tích đương thời là Đô-đốc trấn Hà-tiên tổ-chức. Nàng lại có một bài thơ vịnh quả đèn dưa như sau :

### **Nguyên dạ qua đăng Chiêu-anh thắng hội**

*Đêm xuân hội mở tuần trăng mới,  
Đốt quả đèn dưa sánh quả trăng.  
Áo gấm thanh-vân phô điện bích,  
Lòng son đan-quế giải cung hằng.*

*Đây Chiêu-anh các ngời châu ngọc,  
Kia Quảng-hàn cung rạng tuyết băng.  
Non nước thần tiên mừng có chủ,  
Cỏ nhàn mừng tò mờ hoa đăng.*

Nhan-sắc và thi-tài của nàng khiến cho bậc anh-hùng nho-nhã là Mạc-hầu tri ngộ, nạp làm ái-thiếp, gây nên một thiên phong-lưu tình-sử cho hậu thế truyền tụng.

Câu « *gương ngọc thiên kim* » vừa thích câu « *xuân tiêu nhất khắc trị thiên kim* » vừa nói về giai-nhân Phù-cừ, nhân-vật chính trong truyện « Nàng Ái-cơ », một thiên kim khuê-các.

Câu « *khuôn duyên tròn* » vừa tả gương trăng đêm rằm tròn vành vạnh mà cũng vừa nhắc đến tình duyên giữa nàng Ái-cơ và Mạc-hầu nhờ quả đèn dưa mà tròn trăn.

Tác-giả đêm nay ngồi ở đây (Sài-gòn) nhớ quê nhà ở Hà-tiên thì còn biết làm gì hơn là giờ truyện « Nàng Ái-cơ » đọc lại cho trăng một đêm nguyên-tiêu này vậy !

Ngoài hai bài trên đây, Mộng-Tuyết còn ưa thích mấy bài thơ nữa như : *Đợi gió*, *Em xấu hổ*, *Bốn bức tranh xuân*. (1) Về văn, tác-giả cho biết « tác-phẩm ý trung lý-tưởng của Mộng-Tuyết là *Nàng Ái-cơ* trong chậu úp mà đoạn văn xứng ý nhất của tác-giả là chương mười một, tức là chương *Đêm ở Ich-Thanh là* ».

Rất tiếc tôi không trích in được đoạn văn này trong phần văn-tuyên vì in đầy đủ thì dài quá mà cắt xén thì e làm giảm giá-trị phần nào. Vậy xin chỉ rõ số trang để bạn đọc yêu văn tiện tìm coi : Chương mười một (từ trang 128 đến trang 145).



Trả lời những câu tôi hỏi về nguyện-vọng, phương-pháp làm việc, quan-niệm về thơ văn, v.v..., Mộng-Tuyết đã gửi cho

---

(1) Xem phần *Thi văn tuyên*.

những dòng duyên dáng sau đây dưới nhan-de Một vài cảm nghĩ về sáng tác :

● « Những ý tưởng cảm nghĩ thường đến với tôi trong lúc tâm-hồn hoàn toàn yên tĩnh. Trong những lúc mình thật là của mình, không bị ngoại cảnh chi phối.

Cho nên ở giữa chốn đô-thị huyên náo tôi thấy mình nghèo nàn quá ! Khi nào cầm bút là phải rúc vào cái vỏ. Phải tự tạo cho mình một cái vỏ hến — không phải là tháp ngà đâu nhé, vì tháp ngà không kín bằng vỏ hến — để chui vào, rồi mới sē ghi chép.

Có rất nhiều ý tưởng cảm nghĩ chợt đến, nhưng mình chưa kịp nhốt mình vào vỏ hến để nghiên ngâm thì nó đã tan mất ngay. Có khi nó còn lảng vảng mãi trong trí. Rất nhiều khi nó thoảng qua rất nhẹ; một hai khi còn gấp lại. Nhưng mà phần rời rót cũng rất nhiều.

Mình chỉ viết cho mình, vì mình không phải nhà văn chuyên nghiệp cho nên đã đe trôi qua biết bao nhiêu tình ý vì không cố công đuổi bắt nó, một khi nó lảng vảng đến với mình.

Chỉ ghi lại được những gì đã chín muồi như trái cây nhơn-sâm sắp rụng ; không biết dùng mộc bạc mà hái, không biết dùng chậu vàng mà hứng thì e nó chui tuột hết xuống đất. Cảm-hứng cũng mong-mạnh, nhát tiếng động và ưa lèn trốn như quả nhơn-sâm.

Vốn xuất thân ở Trí-Đức học-xá, chịu ảnh-hưởng của người chủ trương, cho nên khi bắt đầu cầm bút là chỉ ghi lại những cảm nghĩ của người học-trò, đại loại như những bài văn con con đã xuất bản trong « Lời Hoa » của Trí-Đức học-xá.

Kế đó là thời-ky sáng tác truyện ngắn. Viết thường xuyên cho báo « Sông » cũng do Trí-Đức học-xá chủ trương năm 1935.

Rồi thi võ-vẽ làm thơ, gửi dự thi thơ do Tự-Lực văn-đoàn tổ-chức. Tập *Phản Hương Rừng* được giải khuyến khích năm 1939.

Hai thời-kỳ này kè là thời-kỳ sáng tác nhiều hơn hết. Nhưng sau đó tự kiềm điềm không thấy thỏa mãn : Thi-hứng của mình nghèo nàn quá ! Thử tìm thi-hứng ở phương trời xa xem có gì mới lạ hơn của mình ; mới tìm dịch thử một ít thơ Tây phần nhiều là thơ trong tập *Les Fleurs du Mal* của Baudelaire. Thì thấy rằng lạ thì có lạ hơn của mình đó, nhưng mà xa mình quá ! Đã xa lạ thì không thè nào gần mình và không khi nào là của mình được. Vì thơ nào cũng không nói được hết lời. Bèn nghĩ viết lối tùy-bút và thay vì làm thơ thì làm văn, với đúng nghĩa «làm văn», với quan-niệm là «làm-văn» cũng phải khó khăn, cũng phải rèn luyện, cũng phải tử công-phu như «làm thơ», là bài thơ tự-do không xuống dòng.

Và bài văn đó nhất định phải đẹp, phải đẹp như một bài thơ. Bài văn đó cũng phải điêu-luyện, cũng phải trau-chuốt, cũng phải là lời vàng tiếng ngọc đẽ mà diễn tả những ý ngọc tình chau.

Và còn đọc văn nữa. Đọc văn lại cũng phải công-phu như đọc một bài thơ.

Người viết đã dọn mình mà viết ; người đọc sao lại không dọn mình mà đọc, đâu rằng người đọc không cùng một quan-diêm với người viết nữa.

Chiếc vòng ngọc-thạch hoặc rỗng hoặc hẹp, không vừa với cù tay mình, nhưng mà nó vừa vặn ở cù tay người khác, thì mình dẫu không đeo nó, cũng phải biết thường thức đúng với cái đẹp của nó ở cù tay của người giai-nhân không phải là mình.

Những bài trong «Văn cáo Dưới Mái-Trăng Non» là tạm được ứng ý, vì nó gần đúng với hoài-cảm của tác-giả.

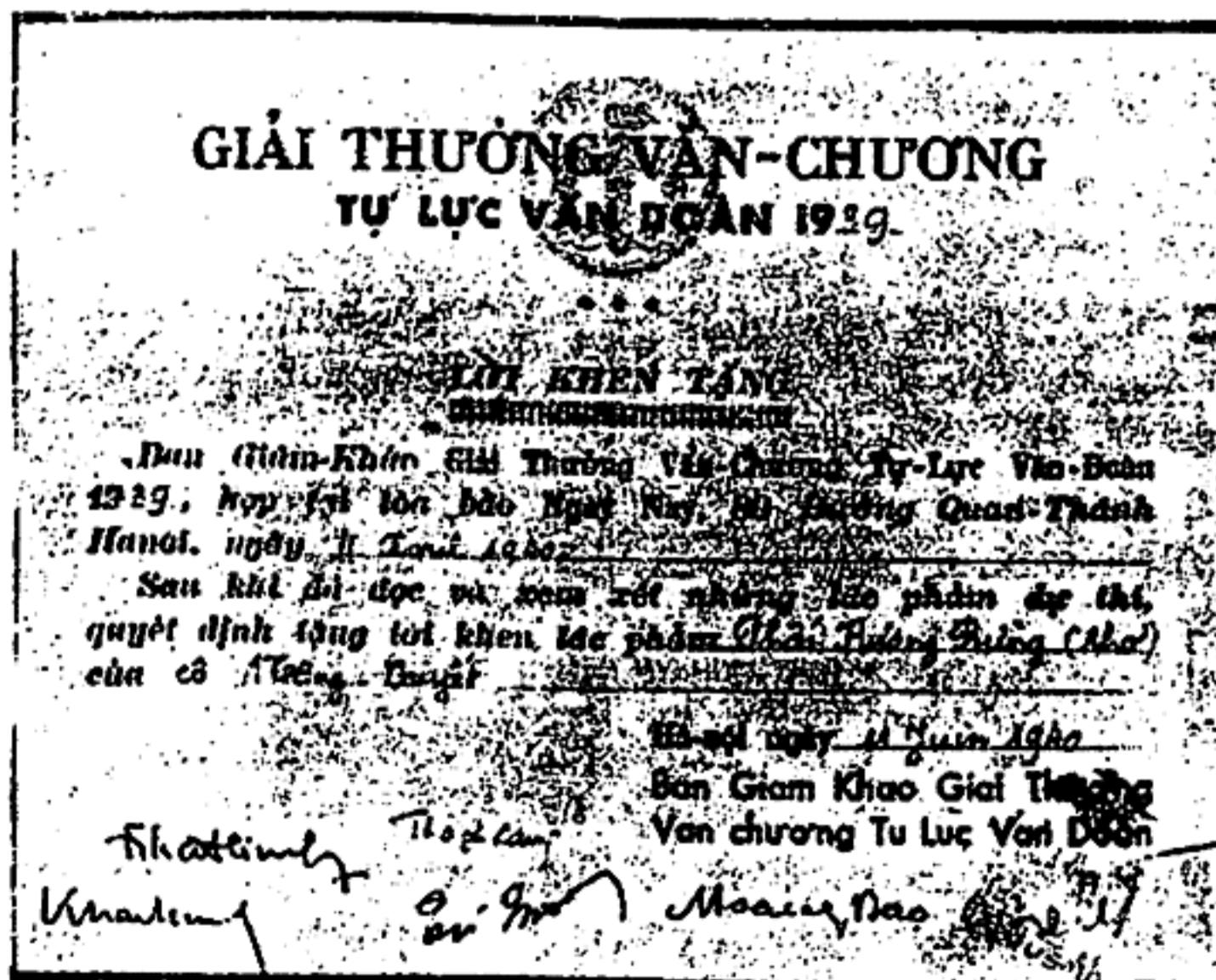
Nhưng đó cũng chỉ là những bài văn thay cho những bài thơ mà tác-giả tự thấy không đủ tài để đem thơ diễn tả, cho nên phải luyện văn đẽ làm phuơng-tiện. Có thè nó là những cảm nghĩ vụn vặt tự mình thỏa mãn cho những bâng-khuâng, những thắc-mắc của tâm-hồn.

Đến như «Nàng Ái-cô trong chậu úp» như trong lời bạt đã dẫn thì đó cũng là đẽ giải những băn-khoăn, đẽ cởi những thắc-

mắc chớm từ thuở ngày thơ. Tác-giả đã trải qua bao phen nghiền ngẫm, trải qua bao lúc mắc tưởng trầm tư, trải qua bao giờ phút chập-chờn trong giấc ngủ, trong đêm khuya ; trong lúc tâm-hồn minh thực là của mình.

Nhưng mà hãy còn bao nhiêu mộng khác đang chập-chờn lờn-vờn trước mắt chưa thành hình rõ-rệt. Mình cũng chưa kịp nhớt mình vào vỏ hến, mà nó đã tan biến đi rồi ! Nó còn sẽ trở lại hay nó tan biến luôn ? Nó sẽ còn có lúc nào chín muồi như quả nhơn-sâm đợi mình sắm sẵn móc bạc chậu vàng mà hái lấy, đẽ chế luyện thành món tác-phẩm trường sanh cho hậu thế hay không ? Cái đó thực khó mà nói được ở giữa lúc « văn-chương nào phải buồm bình thi » !

(Tháng chín 1963)



Bằng khen tặng của Tự-Lực văn-doàn với đầy đủ chữ ký của ban giám-khảo : Nhật-Linh, Khải-Hưng, Thạch-Lam, Tú-Mỡ, Hoàng-Đạo, Thế-Lữ.



# Thi, văn tuyệt :

## ĐỢI GIÓ

Gởi Anh-Thơ,  
 Mấy vần thơ đợi gió,  
 Lòng xuân thăm đở,  
 Lòng thuyền nho nhở,  
 Đợi nước triều lên...  
 Triều đã lên rồi, trăng cũng lên ;  
 Trăng lên rồi đó. Gió chưa lên.

Mặt n'ớc hờn nằm say giấc mơ,  
 Lòng gương không vướng gợn mây mờ,  
 Khói chiều đứng thẳng trên quan tái,  
 Hương tỏa hồn hoa ướp cỏ bờ.

Cánh gấm buồm ai buông trăng tinh,  
 Phơi nền trinh-bạch giữa trời xanh,  
 Cầm sào bến cũ buồm lơ-lửng,  
 Chờ mộng muông phương, mộng viễn trình.

Trời Bắc bên kia dương ngóng trông,  
 Sông Thương, sông Nhuệ mở đôi lòng.  
 Xuôi chèo Nhâm-tuất theo trăng lạnh ;  
 Mở yến Đào-viên chuốc chén nồng.

Gió gác Đằng-vương chẳng thời đưa,  
 Cho thuyền đợi gió đến bao giờ,  
 Cho buồm Vương-Bột trong giây phút,  
 Nghìn dặm bay sang bến đợi chờ.

Khi xuân thăm đượm khắp nơi nơi,  
 Vạn vật đem xuân trả lại Đời,  
 Mà chẳng trả cho thuyền tí giò,  
 Đề thuyền thương nhớ những phương trời.

(Tri-Tân số 51 ngày 17-23 tháng sáu 1942)

### EM XẤU HỒ

Nhớ chuyện đêm qua còn thận thùng;  
 Mặt hồ phẳng lặng ánh trăng trong,  
 Bóng trăng cùng với em dang tắm,  
 Làn nước vờn da em lạnh-lùng.

Giáu trúc bờ bên, gió phất-phơ,  
 Bỗng nghe tiếng hát vắng bay qua.  
 Giật mình ngạc-nghác nhìn... Em thấy  
 Sau trúc, trời ơi ! anh bước ra.

Quảng vội khăn bông em chạy vào.  
 Ngần-ngợt anh hỏi :

— Đã làm sao ?  
 — Không làm sao cả, nhưng em thấy  
 Thèn-thẹn lòng em nó thế nào !...

(Hà-nội báo số 18 ngày 6-5-1936).



### BỐN BỨC TRANH XUÂN CHIẾC ÁO TẾT

Náo-nức tìn xuân đến.  
 Năm tần, đám nghỉ kim,  
 May nhanh chiếc áo tết,  
 Hí-hớn mặc chàng xem.



### BƯỚC TINH SƯƠNG

Bên đường hoa cỏ lạnh,  
 Ngần-ngại bước tinh sương.  
 Một tấm băng trong muốt  
 Xuân ngậm ý yêu đương.



## HOA BẮT TUYỆT

*Giữa đầm um-tùm lá,  
 Hoa xuân rụng hết rồi.  
 Trên cành, hoa bắt tuyệt  
 Vẫn nở : nụ cười ai ?*



## NÓN GÒ-GĂNG (1)

*Cô gái quê thành Trúc  
 Làm cô gái Qui-nhơn.  
 Mơ-màng xuân nghỉ nhớ  
 Sự-nghiệp người Tây-Sơn.*

Mộng-Tuyết, Thát-tiêu muội.



## ĐÊM HỘI HOA ĐĂNG

*Hà-tiên trấn, khai trấn Tông-binh Khâm-sai Đại Đô-đốc bá  
 cáo cho sĩ-phu nhân dân gần xa được biết :*

« Hà-tiên bản trấn, trước kia, nguyên là một cõi đất cung  
 tịch, hải-phệ sơn-tưu ».

« Đáng tiên-quân ta, từ ngày phù hải đầu nam lao khò  
 kinh-doanh, gian nan đè-tạo, trải hơn ba mươi năm, khai canh  
 tịch hoang, chiêu thương lập ấp, thương vō sùng văn, di phong  
 dịch tục, khiến cho một nơi hoang-vu nay đã trở thành một  
 nơi bán buôn trù-mật, trồng trọt phồn-vinh, có lễ-nghi có phong  
 hóa, có pháp-độ có kỷ-cương, nghiêm-nhiên là một nước vă-  
 hiến đích thè cùng Hoa-hạ.

« Mùa hạ năm Ất-mão, chặng may đắng tiên-quân quyên  
 quán, hồng đồ đại nghiệp giao lại cho ta.

---

(1) Gò-Găng, là địa điểm ở trong tỉnh Qui-nhơn, sản xuất loại nón đẹp  
 tên là nón Gò-găng, là nơi phát tích Nguyễn-Huệ, Bùi-thị-Xuân  
 (*Lời chia của Mộng-Tuyết!*).

« Từ ngày kế thừa tiên-chữ, ta hằng giữ một lòng kính trời  
ở mạng ái chúng thân dân, ngày đêm nom-nớp, chỉ sợ đức  
bạc tài sơ, không tròn được di-huấn của tiên-quân, không đáp  
được ngưỡng vọng của nhân-sĩ.

« May thay, trước nhờ hồng phúc của tò-tiên, âm phù mặc  
trợ, trên nhờ hậu ý của Chúa thượng, ái ái liên tài, dưới  
nhờ các bậc phụ chấp dạy dỗ bảo ban, mà cương-vực ngày  
một rộng lớn, xã-tắc ngày một vững bền.

« Đã hai năm nay, biển lặng sông trong, mưa hòa gió thuận  
phong đăng hòa cốc, vật phụ nhân khương, khiến cho lòng ta  
đỡ được đôi phần lo sợ.

« Nay muốn biều-thị nỗi vui mừng, phô trương cuộc hưng  
vượng, ta đã bùm mạng Chúa thượng, tò-chức vào đầu xuân  
năm tới, những khánh-tiết thịnh-điền để nhân dân trong trấn  
ai nấy đều được tham gia, trên dưới đồng hoan cộng lạc.

« Ta đã định, Tết nguyên-dán năm Đinh-tị tới đây, trấn ta  
ăn tết cho đến hết nửa tháng giêng. Từ nguyên nhât kéo dài  
cho đến nguyên-tiêu. Ngày mồng chín, tế cáo Sơn-xuyên. Ngày  
mồng mười tết cáo Xã-tắc. Đêm mười bốn, tế thánh Không phu-  
tử. Đêm nguyên-tiêu, đêm chót, là đêm hội Hoa-đăng để cho  
dân chúng hái lộc rước đèn. Cũng đêm đó, là đêm hội tao-dàn,  
để cho các văn-hào thi-bá, chư quân-tử hải-nội, nhân dịp mì  
cảnh lương thần, thường tâm lạc sự, phàm để nếp gấm nền  
hoa của quốc thò, ca tụng huân lao vĩ nghiệp của tiền-nhân.

« Mong rằng sĩ-phu nhân dân, thừa ý ta, dự bị mọi lễ vật  
mang đến, trước là để biều lộ lòng thành kính đối với thiên địa  
thần kỵ, sau là để chứng tỏ đất nước ta phì-nhiều; mùa màng ta  
phong-túc.

« Trên lịnh một truyền. Dưới lòng muôn thỏa. Chức nào  
việc ấy, chờ trái lời ta.

« Long phi, năm Bính-thìn tháng Chạp, ngày Mồng mốt ».

*Hồi khoảng đầu tháng chạp năm Bính-thìn (1736), moi*

người đã thấy tờ bá cáo mà nguyên văn đã sao trên kia, dán khắp địa-phương trong trấn. Chẳng những ở bảy phủ huyện cũ, mà ở hai đồn-diễn mới khai khàn, tiếp giáp từ mây phủ ven biển cho liền với hữu ngạn Sông Sau, ở đâu cũng nghe nô-nức về tin « Ăn tết Đinh-tị 15 ngày ». Nhà nhà đều dự bị, nhà nhà đều sửa soạn để lên trấn-lỵ Phương-thành dự lễ tết Sơn-xuyên, tết Xã-tắc, nhất là dự hội Nguyên-tiêu.

Các địa-phương quan đã sức cho dân chúng đem nạp các thò-sản, loại ngũ cốc, loại hoa quả, các súc vật, loại trâu dê béo tốt để làm tế-phàm.

Nô-nức hơn hết là mọi người dụng công đua tài tinh xảo, chẽ tạo nên những loại đèn lồng, để dự thi đèn trong cuộc du hồ, đêm hội hoa-đèng, mà giải thưởng rất lớn. Nghé nói có những ngà voi nguyên cắp, thủy hỏa toán thạch, hàng trăm cây vải Tây-dương, hàng chục chiếc chiếu đèng-hoa.

Lạ hơn hết là trong giải thưởng, có thưởng một loại gà gọi là Tây-dương hỏa-kê, to như con chim trĩ, mà mồng đầu và đều cò đỏ như lửa, vừa để làm giải thưởng, vừa để cho các địa-phương đem về nuôi làm giống. Giống gà này nuôi rất có lợi, thịt trắng như bột, hàng hai mươi cân nạc, trứng gà to bằng trái cam.

. . .

Mới là ngày khai-hạ mà trấn-lỵ Phương-thành đã rộn-rỡ tấp-nập bày ra một quang cảnh đặc biệt.

Những câu đối tết hay còn đỏ rực khắp các nhà phố, khắp các cửa vườn, khắp các cây cối.

Số liền đối dân nhiều gấp bội mọi năm, câu đối nào cũng đỏ đẹp khác thường.

Chẳng là Mạc-hầu đã cho nhập cảng, từ Phúc-kiến chờ đến, một tàu pháo mân-địa toàn hồng và giấy hồng-đơn rơi kim cho dân giàn ăn tết. Pháo đốt nồ hàng tràng không lép một tiếng, xác

đỏ tươi như bông hoa đào rơi tung-tóe ở sân một cảnh đào viên nào, đang thời kỳ thịnh phong.

Giấy phu-kim hồng cầm-tiên đẹp lạ lùng. Đó một mẫu đỏ như hò-phách mā-nāo, điểm niềm kim-tinh lóng-lánh. Chất giấy dẻo như lụa, dán ngoài trời, mưa gió không làm hư hỏng, sương nắng không thối màu.

Cho nên, đã khai hạ rồi mà mọi người còn được thấy ở trấn-ly Phương-thành, những xác pháo và câu đối hây còn rực như mới giao-thừa.

Đối liên nhiều như vậy, là vì ngoài một số do mọi nhà tự động viết lấy, còn một số nhiều do các nho-sinh viết nữa.

Nguyên là giấy từ Phúc-kiến tải sang, hai phần đem bán cho các thị-trấn, còn giữ lại một phần ba. Từ đầu Chạp năm rồi, Mạc-hầu đã giao số giấy đó cho nhà Nghĩa-học để dùng vào cuộc thi viết câu đối Tết. Tất cả nho-sinh đều được dự, được tùy ý viết câu đối. Hoặc là câu đối mới nghĩ, hoặc là câu đối có sẵn, điều đó không quan hệ lắm. Cốt viết lấy những câu đối chữ thật đẹp. Giấy mực bày sẵn thường trực tại nhà Nghĩa-học. Hằng ngày mọi nho-sinh tùy ý tùy thời, hứng bút đến viết. Qua trăm tháng chạp, thì những câu đối viết thi đó được các vị sứ phó đem ra phàm bình tuyên chọn lấy những câu xuất sắc nhất để phát giải. Mỗi câu đối được chấm, giải thưởng một ngọn bút Tập-đại-trang, một thoi mực Huy-châu tùng-tư hầu, hai trực giấy gấm vẽ tứ-linh và một quan tiền đồng mới đúc.

Mạc-hầu truyền cho giữ lại độ trăm câu khá nhất, còn hàng ngàn câu khác bị thải thì phân-phát hết ra dân gian cho dán nhà. Vì thế mà tết năm Đinh-tị này, trấn-ly Hà-tiên đỏ rực lên những câu đối là câu đối.

. . .

Che thuyền từ các phủ huyện cũ: Hương-áo, Lũng-kỳ, Căn-bột, Phú-quốc, Giá-khê, Kha-mao cho đến hai đồn-diễn mới khai thác Trấn-di, Trấn-giang, lần lượt kéo về đậu chật bến nước Cảng-khầu. Buồm thuyền xon xát như rùng.

Các ghe thuyền nhỏ lớn đậu ken khít nhau. Muốn vào bờ từ thuyền này bước sang thuyền khác, thuyền nhau liên tiếp như bước trên cầu nồi.

Người đến Phương-thành dự hội, nhiều không kể xiết. Chẳng những nhân dân trong tam chín phủ huyện của trấn nhà, mà cả đến nhân dân sĩ-phu ở Trấn-biên, Phiên-trấn, miền đông, cả những thị-trấn miền lân cận ở Giản-bộ-trại (1), nghe đồn đãi cũng kéo về dự cuộc thịnh điền, nhân dịp thăm chơi danh lam thắng cảnh.

Quan trấn-lỵ đã phải dự bị cất những khách-xá cho du-khách về trú ngụ. Hàng ngàn trại khách-xá dựng dài theo chân thành Tiều Trúc-băng, từ cửa đồn tả liên tiếp tới cửa đồn hữu.

Đêm mồng chín, tết Sơn-xuyên; và đêm mồng mười, tết Xã-tắc. Chính vị tòng-binh đại Đô-đốc Mạc-hầu đứng chủ tết. Tất cả các quan viên văn võ, các sĩ thứ đều được dự. Lễ vật các nơi mang về, bày chất đầy khắp hai ngọn đồi Bình-sơn san phẳng đắp thành đàn Sơn-xuyên và đàn Xã-tắc.

Đặc biệt hơn hết là hai cây gỗ trầm-hương. Đây là loại gỗ trầm-hương do các thò dân miền sơn-cước Trường-sơn thương tiễn ngự dụng. Nhân khi được biếu của Mạc-hầu báo cáo về việc tết lễ, muốn tỏ lòng đặc biệt ưu ái với vị trọng thần biên-trấn, Chúa Đinh quốc-công ban cho hai thanh gỗ công-hương này.

Hai thanh công-hương đèn như thuyền, bàn rộng hơn tấc, cao những hàng xích. Một thanh dựng ở giữa tết đàn Sơn-xuyên, một thanh dựng ở giữa tết đàn Xã-tắc. Khói đốt bốc thẳng đứng, như hai cây cột khói thơm dựng ở giữa trời.

Hương trầm tỏa ngàn ngát giữa đêm thanh, trăng sao lồng lộng; dân cư tận xa vòng ngoài Trúc-băng thành, còn nghe thấy mùi thơm trộn trong gió chuông rao rao.

---

(1) Giản bộ trại: tiếng Tàu dịch âm tiếng Cambodge, chỉ nước Chân-lạp (Tiều-chú của Mộng-Tuyết).

Văn-miếu, cũng là Chiêu-anh các, được trang hoàng dự bị cho lễ tế Thánh và đêm hội Nguýên-tiêu. Giữa Đại-thành điện, đặt một chiếc cò hương-ấn bằng gỗ mun chạm kiều lục ly. Trên án trầu thiết các món tết-kí tôn, tước, trả, đậu bằng đồng đúc màu vỏ cua, đúc từ đời tiền Hán.

Trên cửa chính Đại-thành điện, một biền ngạch kết bằng hoa tươi bảy chữ cõi-triệu: Đại-thành chí-thánh văn-tuyên vương.

Bên tả-vụ, một biền-ngạch kết bằng các thứ lá cây bốn chữ: Ngưỡng cao toàn kiêm.

Bên hữu-vụ, cũng một biền-ngạch, đối lại, kết bằng các thứ vỏ cây bốn chữ: Chiêm tiền hốt hậu.

Trước Khuê-văn lâu, giữa hai cột hoa-biều xây bằng đá hoa Vân-nam, dựng một lá cờ phướn to thêu bốn chữ: Vạn thế sư biểu.

Tinh-xảo hơn hết là ở bốn góc Khuê-vân lâu, có bốn chữ toàn bằng hoa bạch-mai kết thành hình tròn to như bốn chiếc mâm bạc. Đứng ở cung tường ngoại vọng, còn nghe có mùi thơm thoang-thoảng từ bốn chữ đó tỏa ra.

Giống bạch-mai này là do Kiêm-ngũ lão-nhân, Dư Tích-Thuần chiết nhánh ở Linh-nam gởi tặng, hồi còn sinh thời Mạc tiên-công Linh-công đã cho trồng chung quanh hai dàn Sơn-xuyên, Xã-tắc.

Mùa xuân này, nhân có trận mưa bất thường đêm mồng tam, hoa nở thịnh quá. Xa xa nhìn như tuyết phủ quanh tết-dàn một màu tinh-khiết. Buổi sáng đó, Mạc-hầu ở tại trai-thất, dựng gǎn tết-dàn, nhìn thấy, lấy làm cát triệu, thịnh sự, mới nảy ra ý nghĩ truyền cho các nho-sinh nghệ-sĩ khéo tay, kết các hoành-phi biền-ngạch bằng các lá hoa tươi. Riêng ở Khuê-văn lâu, là chỗ trung tâm bình thơ của Chiêu-anh-các, Hầu truyền kết toàn bằng giỗng hoa bạch-mai bốn chữ Kim thanh ngọc chấn đặt ở bốn góc tao-dàn.

Bao nhiêu đối liên do các nho-sinh viết đưa, được tuyển

*chọn hồi trong năm, bấy giờ đêm dán khắp các cửa thông vào  
đàn và chung quanh bách nhện cung tường.*

*Đêm Nguyên-tiêu đăng tiết là đêm kim-ngoô bắt cẩm. Bốn  
cửa Phương-thành và hai cửa Trúc-bằng thành mở rộng suốt  
đêm, để cho toàn thè dân-cư trong thành ngoài đồn ra vô thong  
thả dự hội Hải lộc và xem hội Hoa-đăng.*

*Từ chập tối, mọi người đã kéo nhau vào các vườn hoa, vườn  
quả trong các đường mòn nèo khuất, quanh vùng Bình-sơn, Tượng-  
sơn, Ngũ-hồ sơn, Bát-giác sơn. Trên tay mỗi người đều cầm một  
chiếc lồng đèn dưa hấu, chạm tia những cành lan cành trúc, câu  
chữ bài thơ. Đây là dịp tao-phùng cho bọn hồng-nam lục-nữ, để  
cùng nhau tỏ tình hoan lạc trong cuộc thập thúy tầm phuong.  
Trong đám hoa tươi lá non, phất-phơ chập-chói áo gấm xiêm là,  
dưới ánh trăng sương ẩn ức, điểm niềm ánh đèn dưa.*

*Mọi người hái lộc vội-vàng, rồi còn đi dự cuộc thi đèn  
trên hồ.*

*Nhân dân đã kéo lũ-lượt ra đứng chật trên bờ Đông-hồ và  
trên bến Tô-châu.*

*Hàng trăm chiếc hoa-thuyền đã thả ra giữa Đông-hồ. Thuyền  
câu thuyền chài, đôi ba chiếc một, kết thành bè, người đi lại  
trên đó, vững-vàng như đi trên mặt đất. Thuyền nào cũng treo  
hoa kết lá, treo tòng kết-tụi, thành kiều lâu dài đình tạ. Trên  
thuyền giăng giăng những đèn lồng, phất bằng sa bằng giấy, làm  
thành mọi hình-thức, mọi kiều cách: long, lân, qui, phụng, điều  
thú cầm ngư. Có những đèn kéo quan làm ra tích Bát tiên quá  
hở, tích Tây-vương-mẫu hiến bàn đào, tích Đào-công huề Tây-thi  
du Ngũ hồ vân vân...*

*Có ba thương thuyền Tây-dương, Hòa-lan, Nhật-bản đang  
đậu ăn hàng tạ: Cảng-khầu, cũng dự vào cuộc du-hồ. Họ đốt  
những pháo bông, rất lạ mắt.*

*Có loại pháo quay tít như chong chóng, hào quang tung toé  
như mặt lửa đe búa lò rèn. Có loại pháo thăng thiên vượt tít*

*lên trời, nồ ra những trái châu xanh đỏ đủ màu, lơ-lửng giữa không trung, rơi xuống gần mặt nước thì tan biến. Có loại pháo khi nồ ra thành hình con rắn con rít, ngôi sao cánh hoa.*

*Thỉnh-thoảng, họ tấu những khúc nhạc, kèn trống rộn-rã, thuyền neo tận ngoài cửa biển Kim-dự mà âm thanh cứ đồng vọng tung bừng.*

*Trong một vùng hồ biển bao la, khói sương bát ngát, vắng vặc ánh trăng sao, các hoa-thuyền buông chèo, thả bập-bènh theo sóng nước, sinh ca nhã nhạc, réo-rắt vang lừng.*

*Mạc-hầu cho bày ra cuộc du-hồ đã có dụng ý. Hầu muốn nhắc cho mọi người nhớ rằng danh-hiệu Hà-tiên, phát tích duyên do từ một thần-thoại « quần tiên dạ hội dao-trì » mà cảnh dạ-hội hoa-thuyền trên Đông-hồ đêm Nguyên-tiêu này đã tượng trưng hình-dung ra đó.*

### NÀNG ÁI-CƠ TRONG CHẬU ỦP (Hà-tiên ngoại-sử ký-sự tiều-thuyết)



# VÂN-ĐÀI



Họ ĐÀO. Sinh ngày 29 - 1 - 1908 tại Hà-nội.

Từng đăng thơ trên các báo : Phụ-nữ tân-văn, Phong-Hoa, Ngày Nay, Tinh-Hoa. Viết giúp tuần-báo Đàm-Bà (thơ, truyện ngắn, du-ký).

Đã xuất bản : **Hương Xuân**, thi tuyển do nhà xuất bản Nguyễn-Du in và phát hành năm 1943 (chung với Hằng-Phương, Anh-Thơ, Mộng-Tuyết).



**RONG** quyền *Thi-nhân* Việt-nam (xuất bản năm 1942), giới-thiệu Văn-Đài, Hoài-Thanh viết vở vẹn có ba dòng mở đầu như thế này : « *Vợ một ông chủ-sư vô tuyển diện...* ».

Và phê bình thơ Văn-Đài, ông viết : « *Chọn thơ Văn-Đài, tôi phân vân quá. Bài nào cũng được. Không có gì sâu sắc. Văn-Đài chỉ là một người chơi thơ. Nhưng lời thơ bao giờ cũng nhẹ nhàng, êm-ái. Ít khi tiếng Nam có vị ngọt-ngào như thế. Ấy cũng vì Văn-Đài chỉ ưa nói những gì rất mong-mạnh, rất bình yên.* »

Những câu xôn-xao nhất như :

Gió xuân đâu biếL cho lòng thiếp,  
Ôm ấp bên mình thiếp mãi chi ?

thì lại là những câu phỏng theo thơ Đường. Ai ngờ thơ Đường còn có thể gửi về cho thơ Việt thời nay chút hương sắc dục» (1)

Chỉ có thể! Thiền nghĩ nói về Văn-Đài như vậy quả là sơ sài, thiếu sót và e chưa được xác đáng.

Thơ Văn-Đài không sâu sắc, đúng. Nhưng bảo rằng «Vân-Đài chỉ là một người chơi thơ», rằng «Vân-Đài chỉ ưa nói những gì rất mong-mạnh, rất bình yên» thì e không khỏi có điều sai sót.

Thật ra, tâm-hồn Văn-Đài là một tâm-hồn lâng-mạn, giàu tình-cảm, dễ xúc động. Ngay từ buồi thiếu thời, thiếu-nữ họ Đào này đã có «những giấc mơ say đắm chẳng vì đâu» đè mà mãi mãi không quên được mãi :

*Tình bâng-khuâng khi cắp sách qua cầu,  
Hờ-hững mắt, trao duyên bằng cắp mắt.*

Và khi đến cái tuổi «làn tóc xanh, má đỏ với môi hồng không sơn phấn cũng đủ màu rực-rỡ» thì — mỗi độ xuân về — nàng cảm thấy hồn say đắm muốn «ôm ấp tình xuân», cảm thấy «lòng tựa giờ hoa» quyến rũ cả đàn ong bướm. Nàng xúc động đến phát khóc và «quỳ xuống hôn xuân trên cỏ biếc». Vì sao vậy?

Vì :

*Lòng em rạo-rực nỗi yêu đương.*

Để bạn đọc hiểu rõ thêm, tôi xin chép lại sau đây trọn bài thơ «Xuân nữ» :

*Đầy vườn riu-rit tiếng chim vang,  
Âu-yêm ôm xuân nắng dịu-dàng.  
Mỗi nụ như tô thêm sắc thắm,  
Mỗi cây như nhuộm một màu vàng.*

*Xuân sắc muôn màu náo-nức tươi,  
Gió như ngừng thiêng, nước ngừng trôi.  
Hồn em ngây-ngất trong say đắm,  
Ôm ấp tình xuân trước gió cười.*

(1) Thi-nhàn Việt-nam trang 268.

*Cảm thấy lòng em tựa giờ hoa,  
Xuân về quyến rũ bướm ong qua.  
Đời em như trái trong không khí  
Đầy những mùi thơm, những tiếng ca.*

*Như giọng oanh vàng thánh-thót kêu,  
Như làn hương khói nhẹ phiêu phiêu,  
Như tranh, như mộng trong huyền ảo  
Đã cảm lòng em, cảm thật nhiều.*

*Rồi như nắng ấm tan trong sương,  
Em khóc, vì em thấy đượm buồn.  
Quỳ xuống hôn xuân trên cỏ biếc,  
Lòng em rạo - rực nỗi yêu đương.*

( Tuần - báo Đàm - Bà )

Và sau này khi đã đứng tuổi, trên đường đi đến nhiệm-sở thăm chồng, người đàn bà giàu tình-cảm ấy trong lúc « ăn quán ngủ sông » có những đêm đã mơ thấy mặt sát mặt, môi kề môi với người trong mộng ; nhưng khi tỉnh giấc chỉ thấy trăng tà bên gối, gió lọt giường khuya, càng cảm thấy chán chiểu lạnh-lùng và bâng-khuâng tiếc nuối giấc mơ ân ái :

*Ai - ân giục giã gọi lên đường,  
Nắng áo giang hồ bụi gió sương.  
Ăn quán ngủ sông tình mây đoạn,  
Đèn tàn đêm giữa mộng canh trường.  
Mặt ôm gần mặt trăng bên gối,  
Môi gấp làn môi gió lọt giường.  
Đãi lạ đêm nay chán chiểu lạnh,  
Gà ai gọi tình giấc mơ suông.*

( Lên đường — Tuần - báo Đàm - Bà )

Đời nàng mơ mộng đã nhiều, yêu đương cũng lắm, đã từng say sưa, đã từng đau khổ nên có lúc tỏ ra từng trải đến chán chường, coi tình yêu như ... thuốc độc :

*Xin đừng nói đến ái ân chi,  
 Ân ái lời suông có nghĩa gì !  
 Ở miệng trăm lần quen nói mãi,  
 Ở lòng từng thnocket nèo đường đi*

*Của những chàng trai độ tuổi xanh  
 Dặng đường mật ngọt, lười tư tình  
 Đề lừa quấn riết đôi chân nhỏ  
 Của những nàng tiên trẻ rất xinh.*

*Hằng tưởng tình duyên mộng đẹp sao,  
 Lòng ham dun - dùi bước chân vào :  
 Một vườn trong giấu đầy gai góc,  
 Đề lộ ngoài trông trái ngọt ngào.*

*Thuốc độc êm - đềm thăm giữa cây,  
 Ngãm trong từng cánh đóa hoa say,  
 Như đôi lá úa cành thu cõi  
 Rơi tung chờ cơn gió nhẹ lay.*

*Một sớm hoa duyên đã lạt phai,  
 Cảnh hồng ân ái kém xuân tươi.  
 Cố em tựa cửa nhìn vor - vân,  
 Mắt dõi theo mây, miệng biếng cười...*

(Xin đừng nói đến — Tuần báo Đàm-Bà)

Và khi đến cái tuổi «đã toan về già», kiềm điềm lại những nỗi «lầm than, đầy ải» đã trôi qua, nàng buồn rầu cảm thấy lòng mình như «một chiếc áotoi» lướt-thuốt dưới trận mưa tầm-tã :

*Rồi đời ta căn cõi tựa cây khô,  
 Cảnh xác-xor và lá cũng xác-xor  
 Như đã trải bao phen mưa gió dài,  
 Với bao nỗi lầm than, bao đầy ải,  
 Mà lòng ta như một chiếc áotoi  
 Đã bao lần tầm-tã lệ mưa rơi!*

Tuy đã chán chường đến cả tình yêu mà nàng lại rất ngại phải «ly dị» cùng xuân, rất lo da nhăn tóc bạc và — mâu-thuẫn

thay ! — rất sợ ái-tình nguội tắt trong lòng ! Nàng muốn níu thời-gian, van thời-gian ngừng cánh :

*Thời-gian hỡi, ngừng bay theo cánh gió !  
Hãy khoan trôi xuân thăm của đời ta.  
Tuổi ba mươi là lúc tuổi dương già,  
Ta sắp sửa cùng xuân ly dị mãi.  
Ta dù muốn van nài xuân ở lại  
Cho lòng ta trẻ mãi với thời tươi,  
Nhưng ngày xanh chỉ có hạn. Than ôi !...*

• • • • •

*Ta hãi hùng nghĩ đến áng xuân qua,  
Trên mái tóc xanh sắp nhuộm sương pha  
Với những dấu phai tàn trên nét mặt  
Và cả ái-tình trong lòng dần tắt...*

( Van thời-gian )

Cái tình đào-dạt của Vân-Đài không chỉ quẩn quanh trong vòng tình-ái mà còn được gửi vào cảnh đẹp thiên-nhiên. Khi phải dời Cát-bà ra đi, nàng không làm thơ từ giã người mà chỉ làm thơ từ biệt cảnh. Và đến phút chót, quá cảm-động và quyến-huyền, nàng muốn — cũng như nhà thơ Huy-Thông — « ôm ghì cả vũ-trụ vào lòng » (1) :

*Ta đi bước chẳng nỡ rời,  
Bao lòng đau tiếc, bao lời xót xa.  
Muốn ôm vũ-trụ bao la  
Riết vào bên trái tim ta không rời.*

( Biệt ly )

Trên đường sang Lào, khi qua bến Pak-tha, trước cảnh đẹp của mây nước núi rừng như một bức tranh tiên tuyệt mỹ,

---

(1) Thơ Huy-Thông : *Tôi muốn có đôi cánh tay vỗ cùng to rộng  
Để ôm ghì vũ-trụ vào lòng tôi.*

Vân-Đài quá xúc cảm, «say sura quên cả cuộc đời» và có ý nghĩ muốn được chết chôn giữa nơi thắng cảnh ấy :

*Thuyền đi một lá trong sương,  
Cây chìm, nước lảng ánh gương thủy mờ.  
Cả trời say một giấc mơ,  
Thuyền trôi nước chảy lung-lò băng-khuông.*

*Một rừng man-máu său dâng,  
Núi xa mây vẫn, bến gần khói mơ.  
Đồi nai lẩn bóng sương mờ,  
Con nghe, con uống bên bờ suối êm.*

*Thuyền đi nhẹ nép dòng Xiêm,  
Tôi no mắt ngắm tranh tiên tuyệt vời.  
Say sura quên cả cuộc đời,  
Thân tôi ước chết giữa nơi bến này !*

(Qua bến Pak-tha — Đàm-Bà)

Cũng vì yêu mến thiên-nhiên như thế nên Vân-Đài đã có lần thử đi vào con đường tả thực, muốn khách quan truyền cảm như kiều Anh-Thơ. Muốn biết Vân-Đài có thành công trong lối thơ này hay không, ta hãy đọc bài *Tan sương* dưới đây :

*Trời hửng nắng, cành xoài chìm rộn hát,  
Rơi gương hồ đàm vịt rìa lồng non ;  
Mấy mẹ gà cúc cúc gọi đàm con  
Một bà lão cầu tre ngồi giặt áo.*

*Trên ruộng cỏ tung-tặng non chục sáo,  
Con đậu sừng, con mèo giữa lưng trâu.  
Bỗng lại gần, thăng bé vác cần câu,  
Một tiếng động : sáo bay rồi lại đậu.*

*Vài cặp bướm phất-phơ trên lưng giậu,  
Và thằn-thơ bay giữa đám hoa vàng.  
Một chiếc xe vun-vút chợt đi ngang,  
Bao cát bụi làm lên rồi lảng xuồng.*

*Vườn cài mới nghiêm hàng năm bảy luống,  
Lá xanh xanh êm biếc rủ mành cây,  
Như lạ-lùng bõ-ngõi tuồi thơ ngây,  
Nghe hơi thở chồi non đâm dưới đất.*

(Tuần-báo Đàm-Bà)

Ta thấy Vân-Đài không hoàn toàn khách quan như Anh-Thơ đè mà tẽ nhận cảnh vật. Vân-Đài thường đè cho tình-cảm chi phổi, mặc cho trí tưởng-tượng hoạt động tự-do nên có lúc vượt ra ngoài phạm-vi tả thực. Do đó, ta thấy có những nhận xét sai như lá « cài mới » còn thấp nhò mà lại « rủ mành » :

*Vườn cài mới nghiêm hàng năm bảy luống,  
Lá xanh xanh êm biếc rủ mành cây.*

hoặc có sự gán ghép giả tạo như cho rằng những cây cài mới biết « lạ-lùng bõ-ngõi » trước sức lớn mạnh quá mau của chúng :

*... Như lạ-lùng bõ-ngõi tuồi thơ ngây,  
Nghe hơi thở chồi non đâm dưới đất.*

Nhưng cũng vì giàu tình-cảm nên Vân-Đài đã thành-thực xúc động trước cảnh « đốt rừng » ở miền thượng-du và ngậm-ngùi chia xẻ nỗi đau đớn lo âu của cây rừng cỏ núi :

*Trời thiêu nắng cháy khô muôn ngọn cỏ,  
Các nèo rừng cây lá dương lo âu :  
Cành xác-xơ, hoa úa cỏ rầu rầu,  
Nорм-nóp sợ mỗi rơm đưa lửa đến.*

*Những ngày ấy gần rồi không phải đêm...  
Một buổi chiều dáng nứt chữa mờ sương,  
Khắp mặt rừng ánh lửa dày đầy nương,  
Sôi tiếng nô : cỏ cây than khóc đầy !*

(Đốt rừng)

Thi-nhân càng xúc động hơn nữa — xúc động như « buồn hương day nghiến cõi lòng », như « oán hận ngàn đời day dứt mãi » — khi lắng nghe « tiếng khèn » của người Lào ti-tê ai-oán đâu đây :

*Tiếng ai oán càng lên càng áo náo,  
Tưởng oan hồn vất-vương ở đâu đây !  
Bao lời than trong gió, khóc trong mây  
Như thốt tự dưới chín tảng địa-ngục.  
Tiếng khèn nồi ti-tê lên từng khúc  
Và từng hồi dùu-dặt lại chơi-vơi.  
Nỗi sầu tư, bi thiết của muôn loài,  
Nỗi oán hận ngàn đời day dứt mãi.  
Giọng khèn chảy tự sông xa trôi lại,  
Tiếng cao đưa vi-vút xé từng mây,  
Và tiếng trầm ấp-ủ dưới chân cây...*

(Tiếng khèn)

Điệu nhạc buồn ấy làm cho lòng lữ-khách sầu vô hạn giữa  
cảnh đất trời xa lạ hoang-vu :

*Lòng lữ-khách vẫn vương muôn ẩm đạm  
Giữa nơi trời là lạ, gió trăng hoang.*

Tóm lại, thơ Văn-Đài thuộc loại thi ca lãng-mạn ; tâm-hồn  
Văn-Đài là một tâm-hồn đa cảm đa tình ; lời thơ Văn-Đài thì —  
như Hoài-Thanh nhận đúng — bao giờ cũng ngọt-ngào êm-ái.

Tuy nhiên những người khó tính đọc thơ Văn-Đài, vẫn có  
thể không hài lòng ở một vài điểm : Như chữ dùng nhiều khi  
quá dễ dãi và tri tưởng-tượng thường đi quá đà làm cho từ thơ  
đôi khi thiếu thành-thực.

Thí-dụ :

*Trên đồi phảng-phất gió đưa,  
Áo xanh, thiếu-nữ thản-thor nhìn trời:  
Chiều về bóng nắng dần phai,  
Ruộng vàng, sông trăng miệt mài ánh dương.  
• • • • • • • • • • • • • • • • • •  
Bóng chiều tắt khói sương mờ,  
Mây chiều vơ-vẩn say xưa quên về.*

(Trên đồi)

Những chữ *phảng-phất, thằn-thør, miệt mài, vơ-vàn, say sura* ở đây được dùng quá đẽ-dãi, làm giảm giá-trị lời thơ không ít !

Đến như trước cảnh *Đốt rừng*, tác-giả vừa mới ngậm-ngùi chia xẻ nỗi lo sợ đau đớn với cỏ cây :

*Khắp mặt rừng ánh lửa dày đặc nương,  
Sôi tiếng nồ : cỏ cây than khóc đấy !*

mà sau đó lại thấy cảnh rừng cháy đẹp như « hội hoa-đăng nơi thị tứ » thì thật là giả tạo và mâu thuẫn :

*Người xứ lạ dày mìn h nơi sơn cước,  
Thở những làn khói gió giữa trời hoang  
Và nhìn xa ánh lửa tóe hào quang,  
Tưởng tượng hội hoa-đăng nơi thị tứ.*

( *Đốt rừng* )



Tôi đọc thơ Vân-Đài từ hồi mới khởi phong-trào Thơ Mới trên các báo Phong-Hoa, Ngày nay, Tinh-Hoa ; nhưng mãi năm, sáu năm sau mới có dịp quen biết người thơ, nhân cùng viết giúp báo Đàm-Bà của Thúy-An. Vân-Đài tính tình nhã-nhặn, nói năng nhò-nhé, xử sự lịch-thiệp. Bà đã có lần lên thăm non nước Sông Thương và tỏ ý thích thú đời sống nhàn dật của tôi. Có lẽ tại sống mãi ở chốn phồn-hoa nào nhiệt; nay được hưởng mấy ngày êm lặng ở tinh nhò, lại thêm nhà tôi tuy ở giữa phố buôn bán sầm uất mà luôn luôn cửa đóng then cài, cửa sò mặt tiền cây leo chằng chít như một « lâu đài hoang-vu », dòng đời ở đây lờ-dờ êm chảy nên nhà thơ — vốn giàu tình cảm — dễ bị quyến rũ chăng ?

Thật ra, bây giờ mỗi khi nhớ lại tôi thấy những ngày ấy nhàn hạ thì có nhàn hạ nhưng quá êm lặng, quá tĩnh đối với tuổi thanh xuân của tôi lúc đó và không khỏi ngậm-ngùi tiếc cho quãng thời-gian quý báu đã đè buông trôi một cách... vô tình.

Nhưng với các bạn tôi hồi đó — nhất là các bạn thơ —

thì ai cũng cho là đời sống của tôi êm-đềm, thi-vị lắm ! Hoài-Thanh ở mãi tận thần-kinh xa lắc — đối với tôi — chỉ biết thơ, không hề quen biết người, mà cũng đẽ cho ngòi bút theo đà tưởng tượng khi ông viết về tôi : « ... Người sống cuộc đời thông-dong một ông chủ trại, thì-giờ đẽ làm ruộng ít hơn là đẽ làm thơ. Chuyện mộng của nhiều người, với Bàng Bá-Lân đã thành chuyện thực ... » (1)

Và Văn-Đài, khi trở về Hà-nội, cũng gửi lên tặng tôi và nhà tôi một bài thơ nhanh là « Rừng chiều », ca tụng đời sống gần thiên-nhiên êm-đềm và thơ mộng của chúng tôi. Bài thơ này sau có in trong tập thi-tuyền Hương Xuân (xuất bản năm 1943). Tiếc rằng tôi không còn giữ được tập thơ đó và bài thơ cũng không nhớ nên không chép được vào đây để lưu một chút kỷ-niệm của người cũ.

Ấy cũng vì các bạn ca tụng quá lời nên tôi bị ảnh hưởng, yên trí cuộc đời mình đầy thi-vị, đáng ước mơ, nên cứ ngùp lặn trong đó mà không hề nghĩ chuyện đổi thay, mặc dầu lắm lúc tôi cũng cảm thấy « ngày lại ngày đằng - đằng tựa muôn năm » và mình đã sống những ngày gần như vô ích và vô vị !

Vân-Đài lên thăm tôi vào giữa lúc tôi đang sửa soạn cho in tập thơ Xưa (1941), nên tôi có đưa bà coi bản thảo để góp ý. Vân-Đài ngỏ ý thích nhất bài « Vợ linh thú ». Vì thế, tôi đẽ tặng bà bài thơ này. (2) Tiện đây, xin cũng chép lại bài thơ đẽ cho kỷ-niệm được đầy đủ và đẽ bạn đọc — qua cái sở thích ấy — có hiều thêm con người phần nào chăng ?

### VỢ LÍNH THÚ

Tặng Văn-Đài

Hoa-mai, nón dâu, bao vàng,  
Người đi đẽ lại muôn hàng lệ rơi !

(1) Thi-nhân Việt-Nam (xuất bản năm 1942).

(2) Chi-tiết này cũng đẽ trả lời một số độc-giả của thi-phẩm Xưa và báo Đàm-Bà hồi đó, tò ý không hiểu tại sao tôi lại đẽ tặng Văn-Đài bài thơ « Vợ linh thú ».

*Ngũ liên trống giục bồi - hồi,  
Một đàn vợ tơe ngậm-ngùi ven sông.  
Thuyền đi, bao mắt mờ trống ;  
Thuyền đi, lại ngỡ thuyền dong buồm về !*

*Mong chồng thuỷ-thủy miền quê,  
Bao lần mướp rụng, bốn hè nắng mưa.  
Mùa dưa rồi lại mùa dưa,  
Dưa về đúng hẹn, nhà vua sai lời ! (1)  
Chiều thu mưa gió ngập trời,  
Nhìn gương, buồn khóc thêm vài nếp nhăn !*

(Xưa, 1941)

.. .

Ngoài thi ca, Vân-Đài còn viết nhiều truyện ngắn và một thiên du-ký (*Tối sang Lào*) đăng ở báo Đàm-Bà. (2)

Truyện ngắn của bà cũng thiên nhiều về « thơ » hơn là về « truyện ». Truyện *Tháng Khạ-mù lục* in trong phần « Thi, văn tuyển » sau đây đủ chứng minh điều đó.

(Tháng mười 1963)



- 
- (1) Về thời Đông-Chu vua Tề (Tương-công) sai tướng là Liên-Xưng và Quản-chí-Phủ đem quân ra trận ở cõi Quí-Khâu. Bây giờ đang mùa dưa, Tương-công có hẹn đèn mùa dưa chín năm sau sẽ cho người ra thay. Một hôm quân sĩ dâng dưa mới, hai người nhớ lời vua hẹn, nóng lòng mong đợi, nhưng trông đã mỏi mắt mà chẳng thấy người thay. Tương-công đã quên lời hẹn !
- (2) Vân-Đài có viết cả loại sách thiết dụng cho phụ-nữ, và đã xuất bản được hai quyển : *Làm bếp giỏi* và *Thanh-lịch* (trình bày về phép xử thè).

# Chi, văn tuyển :

## TIẾNG ĐÊM

Vườn trăng tha-thướt cành in bóng,  
 Từng giọt tầu tiêu đìèm tiếng sương.  
 Cỏ nép chân cây, cành rủ lá,  
 Vài tia gió nhẹ rƠn hoa tường.

Song thưa từng mảnh sáng trăng qua,  
 Thức giấc, tôi thăm lén bước ra,  
 Rón-rén lượt đi như gió thoảng,  
 Sợ làm kinh động giấc mơ hoa.

Bên gốc, tôi nghe có những lời  
 Rù-rì trong đám lá khô rơi,  
 Tưởng hồn thu thảo trong khuya vắng  
 Rù-rì cùng hoa nói chuyện đời.

Lại thoảng tình hương ở các bông  
 Bay ra lan đượm khắp không trung ;  
 Trong cơn ngây ngất say xưa ấy,  
 Chợt động cành cây tiếng lá rung.

Tiếng gió lùa qua thức mộng chim,  
 Phá tan hương khói giấc êm-đềm,  
 Lại thêm tiếng khánh chùa xa thăm  
 Quen đến buồn tôi lúc nửa đêm.

(Tuần-báo Đà-n-Bà)



## SAY

Giốc cạn duyên thơ quá chén rồi,  
 Men nồng thăm đượm khắp hồn tôi.

Vui không có hạn, sầu không cớ,  
 Năm giữa lòng trăng, khóc giữa trời.  
 Đầu ngà cành xanh : vai vũ-trụ,  
 Tay ôm hương sắc : những mùa tươi.  
 Quên nghe thời-khắc, quên năm tháng,  
 Say uống hương hoa giữa suối đời.

(Đàn-Bà số 109 ngày 20-6-41)



### BIỆT LY

(Tặng cành Cát-bà)

Lòng ta tràn ngập nỗi buồn  
 Như người đứng ngã ba đường nhớ ai.  
 Trái tim hồi-hộp thở dài.  
 Hèa theo với tiếng bốn trời tiễn đưa.

Sáng nay mây trắng bơ-phờ,  
 Gió ngừng, mặc rặng lau thưa bên nguồn.  
 Bè sầu lệ bạc trào tuôn,  
 Chim sầu ca khúc đòn buồn, buồn tênh !

Cỏ vườn đẫm lệ long-lanh,  
 Mỗi dòng châu, mỗi mảnh tình biệt ly.  
 Nước than-thở dưới chân khe,  
 Nhớ ai, núi đứng dựng bia mờ trời ?

Ta đi, bước chặng nỡ rời,  
 Bao lòng đau tiếc, bao lời xót xa.  
 Muốn ôm vũ-trụ bao la  
 Riết vào bên trái tim ta không rời.

(Đàn-Bà số 29 ngày 6-10-39)



## MƯỜNG-LUÔNG CHIỀU

*Chuông chiều ngân trong gió,  
Tháp núi ẩn màn sương.  
Lầu vua thu bóng nhỏ,  
Chùa bụi lạnh hơi sương.*

*Đường hút bóng người thưa,  
Cây hoang bụi phủ mờ.  
Rừng thu xơ xác lá,  
Suối bạc vắng xa đưa.*

*Tiểu-phu vai nặng cùi  
Đầu nghiêng chân bước dẫu.  
Cành cao nghe riu-rít  
Âu-yếm cành chim chiều.*

*Thuyền ngủ bên hàng dừa,  
Tàu rủ lá phất-phơ.  
Mênh-mang trên bãi trăng  
Trời nước lặng như tờ.*

*Xóm làng yên như mộng,  
Lờ-mờ giữa hàng tre.  
Bến trời hiu-hắt gió,  
Xa xa tiếng cắc-kè.*

(Đàn-Bà số 147 ngày 17-4-42)



## HI-VỌNG

*Hi-vọng là giấc mơ bao kẻ tỉnh,  
Là bóng râm trên bãi cát nồng xè,  
Là hào-quang đêm u tối sau mưa,  
Là nước suối lúc trời thiêu nắng cháy.*

*Lòng không chết, vì bao tư-tưởng ấy  
Hàng ước ao mong đến quán che mưa.  
Mặc dầu sau không trời được bao giờ,  
Không trời được mới còn mong mỏi mãi.*

Không yêu nữa, xin làm sao tình ái  
 Đừng bao giờ chia xẻ nếu không yêu,  
 Vì lòng người to tát có bao nhiêu  
 Cho một chỗ vẫn còn chưa thật đủ !

Ôi Hi-vọng, lời nhân-tử bắt hủ  
 Hằng mơ mèn, an ủi những người say.  
 Đứng cuối trời mong bắt nhạn chân mây,  
 Giữa sa-mạc, tìm suối trong giải khát.

Không thiện xạ, biết bao giờ trúng được.  
 Cánh chim hồng bay liêng giữa không trung.  
 Nhưng người đời đâu có hết trông mong,  
 Vẫn hi-vọng có ngày đi tới đích.

(Đàn-Bà số 9 ngày 19-5-39)



## TRUYỆN NGẮN

### THÀNG KHẠ-MÚ

Khi lên đến Houeisai, nhà tôi phải ở ngay trên đỉnh đồi, một ngọn đồi cao và dài, đứng trên đó có thè trông bao quát tất cả cảnh vật chung quanh. Tôi lấy thế làm mãn nguyện lắm. Đứng sau nhà, một rừng trúc lúc nào cũng xanh xanh, mỗi cơn gió đưa, những cành yếu la-đà; lá xuống tận treet, trông lão-dảo say sưa như người con gái đương múa một điệu múa lạ lùng, ngoè ngô. Trước nhà là sông Mê-kông. Dòng sông lúc nào cũng chảy xiết, như lôi kéo, rủ rê cảnh vật trên thương-lưu phải trôi theo với mình một lượt. Cảnh sông mấy cây dù cao và thẳng, xòe những tàu lá thưa và dài, trông yêu-diệu, dịu-dàng và tình tứ. Thỉnh-thoảng một chiếc thuyền chầm chậm sang sông. Dăm ba con chim trời in bóng đèn đèn trên nền mây trắng, xa trông chỉ thấy một hàng cánh cong liền nhau. Cánh mỗi con hình như hai cái lông mày vòng quyết to và dài khít lại.

Những rặng núi lờ mờ ở xa, nhiều ngọn cao thấp, viền lên nền trời một giải lụa tím đen, chỗ trời lên, chỗ xụp xuống như một hàng rặng cưa đẽ ngược. Cảnh vật lúc nào cũng êm-dềm, nhẹ-nhàng như ru người ta vào cõi mộng. Thật là một cảnh phũ hợp với tâm-hồn tôi. Tôi say sưa trước cảnh thần tiên ấy. Nhưng đó chỉ là phần tinh-thần. Còn phần vật-chất thì phiền lắm !

Nhà ở trên đồi cao, sự sống của mình cái gì cũng bị thiệt hại. Nào là đi chợ trưa, hết thức ăn, lại thêm cái nạn củi nước : ai tha từng bó củi lên cao, ai gánh từng gánh nước, đi từ dưới suối lên ngọn đồi ? Người ở tôi đem bên ta sang đều khoanh tay trước sự vất-vả ấy.

Văn-dẽ nước là một văn-dẽ khó nhọc nhất ; một ngày không có nước là đủ thấy sự nhem nhuốc, lầm than rồi !

Tôi bèn mượn một người thợ mây đi tìm hộ cho một người ở. Bác thợ mây là người Lào, giỏi tiếng An-nam. Bác lên giọng chán đời bảo tôi rằng :

— Người Lào không đi ở đâu ! Bà có tiền mây, họ cũng chẳng ở. Nếu bà có cần người, tôi có thể thuê hộ cho bà một thằng Khạ-mú.

— Thằng Khạ-mú là thằng gì ? Nghe tên nó có vẻ ghê sợ lắm !

— Ấy là cái tên nó thẽ ! Cái giọng nó làm việc nặng giỏi lắm, vẻ nước nôi bà không cần phải lo.

Ngày hôm sau, đương buổi trưa, tôi nghe như có tiếng người nói ngoài sân. Tôi nhìn ra, thấy bác thợ mây đưa lại trước nhà tôi ba người Mán áo xanh, trông như Mán ở Thương-du vậy.

Bác ta bảo tôi chọn lấy một người trong ba người này. Lê tất nhiên là tôi chọn một người khỏe mạnh và có vẻ thông-minh hơn cả. Về giá tiền, bác thợ mây nói :

— Nó đói một năm, năm chục và hai bộ quần áo.

Rồi bác ta trề môi nói :

— Nó bắt bí đây ! Giá ở năm của chúng nó có ba chục và một bộ quần áo thôi. Chỉ trả nó đô thê, nó không ở thì thôi !



Sáng hôm sau, thằng Kha-mú bắt đầu làm việc. Nó gánh luôn một lúc bốn gánh nước. Tôi trông nó không có vẻ mệt l้า. Song tôi cho thê cũng là quá ; công nó một ngày có bao nhiêu, mình phải cân đồng tiền mua sức khỏe của nó cho thằng bằng mới phải. Từ đây, tôi cứ giao chờ nó một ngày bảy gánh nước ; còn cơm nó ăn, tôi đã bảo người nhà thời xôi (nó không ăn cơm) cho nó và bữa nào cũng san riêng cho nó vài món đồ ăn.

Cách hai hôm sau, tôi xuống bếp vào lúc nó đang ăn cơm ; tôi không thấy bếp cho nó thức ăn nữa. Món ăn của nó hôm ấy chỉ là mấy miếng măng ở chợ, người ta đã luộc sẵn, một món ăn rẻ nhất ở đường rừng và một bát đỗ những muối với ớt. Tôi gọi anh bếp lên mắng và cấm từ sau không được khinh bỉ nó, mặc dầu nó là người mán thồ.

Anh bếp sững sốt nói :

— Có phải con không cho nó ăn đâu ! Bao nhiêu thức ăn bà bảo mức cho nó, nó không ăn. Hôm qua con cho nó ăn sott ba-ton-nét, nó kêu « mect » ! (1).

Từ đó tôi cho tiễn nó mua đồ ăn riêng ; nhưng từ đó tôi thấy nó có vẻ buồn lảm. Ngày nào cũng vậy, ngoài việc gánh nước, tôi thấy nó ngồi thử người, nhìn ra rặng cây sau nhà, với một vẻ mặt buồn thảm như nhớ nhung, mong mỏi một vật gì. Hai mắt nó lờ-dờ, thờ-thẫn, ngụ không biết bao nhiêu nỗi ảm-đạm xa xăm, bao nhiêu điều mênh-mang bí ẩn.

Tôi muốn người hỏi nó :

— Có ốm không ?

— Không ốm.

---

(1) Hết !

— Có phải công việc nhiều, mà không chịu được không ?

— Không phải.

— Tại làm sao mà buồn ?

— Không biết.

Tâm-sự nó không ai hiểu ra làm sao, càng ngày càng thấy nó ủ rũ hơn. Rồi một hôm, nó bảo nó đi về, không ở nữa. Tôi lại gọi bác thợ mày đến dỗ nó và trả cho nó thêm một đồng một tháng công nữa. Nó cũng không bằng lòng.

Từ khi nó đi rồi tôi vẫn ân hận. Tôi cho rằng trong nhà tôi, có người nào làm nó uất ức điều gì mà nó không thể nói ra được.

Cách đó ít lâu, tôi hình như quên hẳn nó, người ăn ở trong nhà ra vào là thường. Nó đi, mình cũng chỉ bắn người vài ngày; có người khác thì thôi, ai còn nhớ đâu nữa.

Một hôm tôi đi bắn về. Cảnh chiều trong rừng có vẻ nồng nề, tịch-mịch. Trời ít gió, cây cối im lặng, không rung động trong lớp áo màu xanh xám. Thỉnh-thoảng một cây già cỗi, lá rụng xác xơ giơ ra những cảnh khắc-khiu gầy khô như bộ xương cũ kỵ.

Chúng tôi đóng ngựa cho đi thông-thả, định tìm thêm ít chim chiều hay đậu sớm. Gần đến quãng rừng lau, tôi thấy con chó đi theo chúng tôi, tự-nhiên rẽ vào trong bụi, một lúc chạy ra, vẩy đuôi rối-rít, hình như nó gặp người quen nào ở trong ấy.

Tôi thúc ngựa đi lên, đứng lại chờ chó chạy vào lúc trước, bỗng trông thấy có bóng người. Một người gánh củi, đương đỗ gánh xuống nghỉ chân.

Tôi nhìn kỹ thì ra thằng Kha-mú. Nó đương vơ-vẩn nhìn lên trời, xem những thức mây bay nhẹ-nhàng như những mớ bông nõn trai trên nền trời xám. Trước mặt nó, một dãy đồi xanh biếc, chân đồi bóng đã ngả, màu cây xanh mát dịu, cái màu tự-nhiên của cây cỏ. Nhưng nửa trên ngọn đồi, ánh nắng chiều còn tha-thươn, nhuộm cảnh cây một màu vàng non và sáng, trông trong như thủy-tinh. Một cơn gió nhẹ qua, mây hàng lau nghiêng mình, lả-lướt ưỡn éo, những bóng lau trắng phấp-phới, lung-lay như

reo cười với gió. Vài con trâu trên cánh đồng xa đương ăn cỏ, ung-dung, chậm-chạp.

Thằng Khạ-mú của tôi nhìn những cảnh vật ấy với vẻ lưu-luyến, âu-yếm vô cùng. Mắt nó trông vào cõi hư-vô, hình như có một vẻ gì linh-thiêng huyền-bí. Nó ngây người, như say sưa, mê mải với chốn uyên-thâm cao rộng ấy. Tất cả cảnh vật chung quanh nó, cái gì đối với nó cũng như có một linh-hồn, có sự cử-động và cả tiếng nói. Tiếng cây reo, thác chảy, tiếng chim gáy, đẽ kêu đều là những tiếng du-dương, an ủi của người bạn hiền. Ngoài cảnh trời đất, cái thế-giới luyến ái ấy, thằng Khạ hình như không trông thấy gì nữa.

Tôi buộc ngựa cho ăn một nơi, rón-rén đi lại dằng sau lưng nó. Tôi thấy cảnh mình nó đè dựa một gánh cùi nặng, hai đầu bò cùi lại đèo thêm hai giỏ măng nứa, thứ măng bè ở rừng, trong khi đi hái cùi. Cái áo nó mặc khi ở với tôi lúc trước, nay đã rách cả lưng, toạc ra một đường dài, hở hần một bên vai. Trên bả vai vì xạm nặng và gánh nặng đã nhiều, nên thịt đã bầm đen và dập cả lên.

Tôi tiến đến trước mặt nó. Chợt nghe có tiếng người, nó hình như tinh cơn mơ mông, trở lại thực tế. Nó nhìn tôi với vẻ mặt thản-nhiên, lạnh-lùng. Trước khi chưa cho nó trông thấy tôi, tôi vẫn tưởng rằng ngày nay nó vất-vả nhiều, chắc nó sẽ hồi về sự nồng nàn, nhẹ dạ của nó đối với tôi. Thế nhưng không, mặt nó vẫn thờ-ơ, như không có điều gì ân hận cả.

Những kẻ thuần lương, sống quen đời chất phác ở rừng núi như nó, có bao giờ có nét mặt gian triá, hay sự lẫy lờ giả dối đâu, trông qua cũng có thể biết được. Tôi tức mình trước cái thái-độ điềm-nhiên của nó; tôi bập-bẹ được mấy tiếng Lào vừa dù hỏi nó:

- Điều ni mưng du sày? (Bây giờ mày ở đâu?)
- Khoi du nàm khốn ưn. (Tôi ở với người khác).
- Peng nhắng mưng bò đặc dù nấm cu? (Tại sao mày không ở với tao?)

— Chau,bò hay khoi pây pà! (Vì không cho tôi đi rừng !)

Mắt nó sáng lên, mặt nó có vẻ linh-hoạt hơn lên, nó nói rất nhiều, tôi chỉ có thể hiểu lờ mờ được rằng nó thích đi rừng, nó chỉ ở rừng. Rừng là nhà của nó.

Bây giờ tôi mới hiểu ra cái lỗi ở tôi: Tôi tự hỏi tại sao tôi không bắt nó đi gánh cùi!

(Tuần-báo Đàm-Bà)



# THAY LỜI BẠT

Ở xong cuốn sách nhỏ này, bạn đọc hẳn đã nhận thấy rằng ngoài những kỷ-niệm của tác-giả về các nhà văn nhà thơ, còn có những kỷ-niệm riêng của các nhà ấy trong đời văn của họ, những kỷ-niệm mà chúng tôi thuật lại với ý mong rằng nó sẽ giúp độc-giả hiểu thêm phần nào các tác-gia và, do đó, thấu hiểu văn thơ của họ hơn. Cũng vì thế mà nhan sách lần này được đổi lại cho thích hợp.

● Văn phê-bình vốn khô khan nên chỉ có một số ít người ưa đọc. Chúng tôi giới-thiệu các tác-gia dưới hình-thức « *kỷ-niệm và nhận định* » cũng chỉ là muốn tránh sự khô khan đè độc-giả vui mà đọc. Chúng tôi mong rằng những lời « *tâm-sự* » của các nhà thơ nhà văn về cảm-hứng sáng tác, về kỷ-niệm vui buồn, v.v... không phải chỉ đè làm thỏa mãn tính tò mò mà là những tài-liệu sống có thể giúp kinh-nghiệm cho những ai mới hoặc sắp bước vào thi, văn giới.

● Việc sắp xếp trên hay dưới cũng như sự giới-thiệu trước hay sau không phải có ý trọng hoặc khinh hay là phân biệt kẻ hơn người kém. Có nhiều nhà văn lớp trước, tôi chưa giới-thiệu được là vì chưa thu thập đủ tài-liệu. Cũng như có lầm thi, văn hữu tôi quen thân mà chưa tiện nói đến; vì các bạn ấy đang sáng tác đều đẽu, nhận định bây giờ e quá sớm !

● Với những tác-gia có nhiều tác-phẩm, thì vài ba chục trang sách dĩ nhiên chưa nói được đầy đủ; tuy nhiên chúng tôi cũng ráng trình bày những khía cạnh chính đè những độc-giả không có thời giờ hoặc phương-tiện đọc hết tác-phẩm cũng thấu hiểu được nhà văn.

● Người xưa có nói : « *Chê ta mà chê đúng, ấy là thầy ta. Khen ta mà khen đúng, ấy là bạn ta...* » Chúng tôi rất mong được đón nhận những lời *khen chê đúng*.

Những lời khen chê dù không đúng nhưng với công tâm thiện ý, chúng tôi xin cũng cảm ơn.

Nhưng chúng tôi quyết không sờn lòng trước những lời chỉ trích xuyên tạc vì đố kỵ hay tư hiềm, và chúng tôi sẵn sàng nêu lên đề rộng dư luận và thêm kinh-nghiệm cho những bạn đi sau, muốn theo đuổi cái nghề bạc bẽo này.

● Có thể có người sẽ cho những nhận xét của tôi là chủ quan. Tôi xin nhận. Nhưng chủ quan không có nghĩa là thiên vị, cũng như khách quan không phải là vô tư, như nhiều người lầm tưởng. Theo thiền ý, việc làm gì ở đời mà không có ít nhiều chủ quan; vì có chủ quan mới phát huy được cá-tính độc đáo của mình. Trước một cảnh đẹp của trời đất, nhà văn hay nhà thơ chỉ tả đúng cảnh thực, họa-sĩ chỉ chép đúng thiên-nhiên; thì những bài thơ văn ấy có khác nhau bao nhiêu, những bức họa ấy trông đều tương tự.

Không, văn-nghệ đòi hỏi những đặc sắc của mỗi tâm-hồn, những nét độc đáo của mỗi tài năng. Văn-nghệ không bao giờ thỏa mãn với những văn nghệ-sĩ chỉ khéo bắt chước tạo-hóa, mà đòi hỏi mỗi văn nghệ-sĩ phải là... một tạo-hóa.

Muốn thế, người phụng sự văn-nghệ phải nhìn bằng khói nhìn riêng, cảm nghĩ với cảm nghĩ riêng, diễn tả theo lề lối riêng... và như vậy thì làm sao có thể không chủ quan được!

Sài Gòn, ngày 15-10-1963

**BÀNG BÁ-LÂN**

# CHUNG QUANH SÁCH

## VÀI KỶ-NIỆM VỀ MÃY VĂN, THI-SĨ HIỆN ĐẠI

**XV** IẾT sách phê-bình đã khó tránh được sự đụng chạm. Viết sách phê-bình mà có nói đến « *cái tôi* » (mặc dầu đã ghi rõ tiêu-dề *kỷ-niệm*) càng dễ va chạm hơn ! Vì vậy, Quyền I vừa phát hành đã có một ít người không bằng lòng vì lẽ này hay lẽ khác, và có một người mới viết văn đã núp dưới tên hiệu phụ-nữ viết bài chỉ trích không phải với thiện ý xây dựng mà chỉ cốt thỏa mãn một mối *tư hiềm cá-nhân* không chính đáng, nên đã dụng ý xuyên tạc bằng một giọng hàn học rõ ràng, khiến ai đọc cũng phải ngạc nhiên, ngờ vực.

Chúng tôi có nhận được nhiều thư của độc-giả — vì quá yêu — đã bót thì-giờ viết về khuyễn khích và hỏi về vụ này. Vì không thể trả lời riêng được, nên nay nhân tiện Quyền II ra đời, chúng tôi xin lựa trích in ý kiến của một số nhà văn, nhà thơ, nhà giáo... cùng bài trả lời bài phê-bình đăng trong báo Bách-Khoa để độc-giả tiện phán xét. Riêng với chúng tôi, đó cũng là những « *kỷ-niệm* » vui buồn chung quanh cuốn sách vậy.



• Tôi đã đợt mới của anh. Đây xin gửi anh nhữ  
nhận xét của tôi:

Quan-niệm « *muốn phê bình thật đúng một nhà thơ, nhà văn nào, cần quen biết nhà thơ, nhà văn ấy* » đúng. Công việc của anh mệt mỏi, chưa ai làm, và giúp ích cho độc-giả nhiều. Chính nhờ nó mà tôi hiểu thêm được cô Anh-Thơ, Nguyễn-Vỹ, Vũ Hoàng-Chương... Bài anh viết hay nhất là bài về Vũ Hoàng-Chương, rồi đến bài về Nguyễn Nhược-Pháp, Đông-Hồ, Anh-Thơ.

Về Nguyễn Nhược-Pháp, anh đã phân tích rất kỹ và rất thú bài « Sơn-tinh, Thùy-tinh » mà từ trước ít ai để ý tới. Sáu hàng kèt lai láng cảm-tinh...

Về Đồng-Hồ, không khí trong phòng và tính tình con người : tài khéo. Bài « Chuỗi ngọc », anh phê bình rất hay. Đồng ý với anh.

Về Vũ Hoàng-Chương, gần đây cũng có người phê bình trên báo ; nhưng đọc xong tôi chẳng nhớ gì cả... Đọc bài của anh, tôi hiểu Vũ hơn. Anh đã phân tích từng giai-đoạn trong thơ họ Vũ, đúng mà sáng sủa lắm.

Về Nguyễn-Vỹ, tôi khuyên chữ « khá » (khá chân thành) của anh ở trang 148. Cảm-tưởng của anh y như cảm-tưởng của tôi khi gặp Nguyễn-Vỹ lần đầu. Anh bênh vực Nguyễn-Vỹ, cho ông ta không có ý muốn « lèo đời » như Hoài-Thanh đã nói. Tôi hơi ngờ... .

... Và còn anh, tôi thấy rằng, văn anh cũng giống con người của anh : hoạt-bát, lanh-lợi, hóm-hỉnh nhưng quá thẳng-thắn nên, thỉnh thoảng cũng hơi ác. Anh có nhận như vậy không ?... (1)

NGUYỄN HIỀN-LÊ, nhà văn.

(Sài-gòn, ngày 24-11-1962)



• Đầu năm, việc sách « Vài kỷ-niệm... » của bác òn ghê quá ! Lâu nay không gặp để hỏi thăm chuyện ngoài lề. Hôm nào có rảnh thì ghé chơi, cho biết. Phải phản ứng chứ !...

DONG-HO, nhà thơ.

(Sài-gòn, ngày 14-2-63)



• Tôi gửi thư cho anh hôm nay để — cùng mày bạn nhà văn khác nữa — tỏ cảm-tình với anh trong vụ quyền sách của anh mà anh vừa bị làm phiến, và nhứt là tôi rất tiếc sao anh lại có bài trả lời mà tôi được đọc hôm nay. Anh cứ để vậy thì hơn. Đa số thi, văn-hữu hiều anh, thà đù rồi !

BÌNH-NGUYỄN-LỘC, nhà văn

(Sài-gòn, ngày 7-2-63)



• Đọc sách anh rất hứng thú : Phê bình văn-chương nhiều chỗ công bình và xác đáng...

DONG-XUYÊN, nhà thơ.

(Sài-gòn, ngày 4-2-63)



• Tôi có thể nói ngay là sách của Ông rất có ích cho chúng tôi, nhất là tôi ở ngoại quốc muôn kiềm và gom góp tài-liệu văn-học nước

(1) Nếu chỉ vì nói thực, nói thẳng mà mang tiếng ác, thì tôi xin nhận tiếng ác vậy ! (B.B.L.)

nà. Vì thè, tôi rất mong ông sẽ tuân tự cho xuất bản tiếp những tập II, III, IV... trong loại này. Tôi tin là sẽ được nhiều độc-giả chán thành hưởng ứng...

B.S. NGUYỄN TRẦN-HUÂN, nhà văn:  
(Paris, 7-1-63)



• Minh-Đức đọc sách của anh rồi : đẹp và hay quá!... Sách của anh làm Minh-Đức biết thêm được nhiều chuyện. Đó là loại sách đặc biệt, vé sau này thuộc loại lịch-sử văn-nghệ. Sách anh đứng đầu ; anh đã gop công xây dựng nền văn-nghệ Việt-Nam ; anh còn đòi gì nữa?

MINH-ĐỨC, nữ thi-si.  
(Paris, 16-1-63)



• Tôi có cảm-tưởng anh không dám chè thẳng tay những cái đắng chát ; vì nhà thơ là giống đa tình, dù có khóc áo phê bình thì cũng vẫn còn cốt cách nhà thơ, mà tình-cảm thì hay thiên vị, có phải không anh ?

Nhưng cũng may anh lấy nhan-de là » Vài kỷ-niệm... » chứ không phải « Phê-bình văn-học », mà nói đến kỷ-niệm là nói cá-nhơn, người ta có quyền chủ-quan...

Về văn, anh có lối viết rất duyên-dáng. Tôi thích nhất bài nói về Vũ Hoàng-Chương. Viết như thế đúng đây, anh ạ. Có nhiều khám phá mới về thi-si này, và toàn bài giúp người ta có một ý-niệm rõ-rệt về toàn bộ tác-phẩm của một tác-giả, có ích cho những người không đọc đủ về tác-giả ấy như tôi chẳng hạn.

Nói chung toàn tập, rất dễ mến, vì nét bút tươi đẹp của anh và vì những tài-liệu tồn nhiều công-thu-thập. Hi-vọng nó sẽ trường tồn và rồi đây sẽ có tái bản lần thứ hai, thứ ba, thứ tư...

THU-VÂN, nữ văn-si.  
(Paris, ngày 2-3-63)



• Tôi mừng cho anh về quyền « Vài kỷ-niệm về mấy văn, thi-si hiện đại » được nhiều người chú ý.

Nhiều bạn khen anh đã công-binh mà nhận xét và dám ché những điểm yếu của vài nhà thơ, nhà văn...

LÊ-VĂN-TẬT, nhà thơ.  
(Châu-đốc, ngày 26-12-62)



• Văn anh sáng sủa, nhẹ nhàng ; tài-liệu rát phong phú. Nhât là có gợi lại những kỷ-niệm dễ khiền độc-giả-theo dõi tới cùng để tìm hiểu một nhà thơ, nhà văn. Anh lại phê bình nữa ; cái đó mới cần thiết lắm cho những ai muốn tìm học tìm hiểu...

Về kỷ-niệm, tôi đã say thích và cảm động khi đọc đoạn cuối bài về Nguyễn Như Óc-Pháp. Hai câu thơ của Tân-Đà mà anh dẫn vào làm âm vang của câu chuyện như còn ngắn dài không dứt..

Đoạn kỷ-niệm với anh Nguyễn Hiền-Lê qua câu thơ « Em-dèm sóng lợa trôi trên lúa » do một học-sinh gợi lên, thật có duyên và đèn lúc hai anh gặp nhau rát lôi cuốn. Ngoài ra, còn những kỷ-niệm với các nhà thơ, nhà văn khác mà anh thuật lại, ai mà không muốn biết, muốn coi...

Về phê-bình, anh có giọng văn uôn éo rát hay. Anh lại dám nói thẳng không sợ mất lòng và rát nhiều khách quan, chính xác... Tóm lại, tôi rất thích sách của anh và mong sao anh chóng viết xong toàn bộ.

NGUYỄN-VĂN-HẦU, viết văn và dạy học.  
(Chợ Mới, ngày 16-12-62)



• Hồi đầu năm nay, nhân đọc xong cuốn « Vài kỷ-niệm về mấy văn, thi-sĩ » của anh, lại đọc bài phê-bình cuốn đó trên báo, tôi cứ định đèn thăm anh để nói chuyện, nhưng rồi nản ná lại thêm mắc bận nên quên đi. Nhưng giờ có gặp anh mà nói cả ngày thì chắc kèt luận cũng chỉ gồm vào một câu : « Sự thật mất lòng là thù đày anh ạ ! ».

NGUYỄN-THỊ-VINH, nhà văn.  
(Sài-gòn, ngày 26-6-63)



• ... Thật công phu. Và đọc rất thích thú. Đó là những lời người bạn nói chuyện về những người bạn, thành-thật đưa những ưu khuyết điểm ra cho bạn thêm thày rõ được minh.

QUÁCH-TÂN, nhà thơ.  
(Nhà-trang, ngày 22-7-63)



• ... Bài anh viết về Vũ Hoàng-Chương — theo tôi nghĩ — là một bài phê-bình rất có giá-trị, vì cả đôi phần chủ-quan và khách-quan anh đều giữ được với một mức-độ quân-bình lý-tưởng. Nếu adi địa-vị tôi làm anh Chương được, tôi sẽ rất sung sướng cảm ơn anh...

B.S. HOÀNG-VĂN-ĐỨC  
Trung-tá, Chi-huy trưởng Đại-Học Quân-Y  
(K.B.C. 4493, ngày 30-3-63)



• Cũng như hầu hết các bạn được hân hạnh biết anh, tôi ước ao ngoài những giờ dành cho công việc soạn sách giáo-khoa, anh sẽ sớm cho chúng tôi thường thức tập « Văn, thi-sĩ hiện đại II » để chúng tôi được thêm những hứng thú bất ngờ.

HOÀNG-VŨ, nhà văn.  
(Sài-gòn, ngày 23-7-63)



• Đa số bạn tôi — nhà văn và nhà giáo — đều khen ngợi rất thành thực sự đóng góp một số tài-liệu hữu ích vào văn-học sử bằng công-trình anh đang theo đuổi với rất nhiều thiện chí. Về những thi-sĩ quen tên với họ như Nguyễn Nhược-Pháp, Anh-Thơ, Vũ Hoàng-Chương, Đồng-Hổ cùng những nhà biên-khảo, sử-gia như Nguyễn Hiền-Lê, Phạm-văn-Sơn..., anh đã cung cấp cho họ nhiều tài-liệu giúp họ hiểu được cả về những sáng-tác, biên-khảo lẫn đời sống riêng mà ảnh-hưởng không ít đến hoạt động tinh-thần.

Trong những tác-phẩm văn-nghệ xuất bản gần đây, cuốn sách của anh được đón tiếp niềm-nở nhất. Sự kiện này hẳn là phần thưởng vô giá để làm đà gây nhiều cảm-hứng cho anh, một người mải miết âm-thầm làm việc cho tương-lai văn-học nước nhà.

TRƯỜNG-SƠN, viết văn và dạy học.  
(Sài-gòn, ngày 6-12-62)



*Và sau đây là thư của một vài trong số rất nhiều độc-giả đã sорт sảng viết cho tác-giả sau khi đọc sách hoặc mới nghe tin sách ấn hành:*

• Ở Đà-lạt xa xôi nên đến nay mới thấy cuốn sách của ông. Với lòng hâm mộ ông từ hồi tiền chiến và vừa rồi có đọc bài trả lời của ông trên báo Bách-Khoa nên tôi muốn ông dành cho một bàn quύ để thường thức lối văn phê-bình của ông (lâu nay chỉ yêu và biết thơ của ông mà thôi). Ở Đà-lạt có bán, nhưng giấy không tương xứng với giá-trị của sách và uy-tín của tác-giả.

Kính xin ông đừng làm kẻ hâm mộ này thất vọng...

Đính kèm : Bưu-phiếu số 4757-  
175 ngày 13-2-63 (200đ).

HOÀNG-TÔNG  
Hạt trưởng Lâm-vụ Đà-lạt  
(Đà-lạt, ngày 12-2-63)



• Tôi đã nhận được sách non tuần nay, nhưng chờ đợi mua quà đặc biệt địa-phương để biếu ông nên chậm trả lời, kính xin ông miễn lỗi.

Hôm trước, tôi gửi bưu-phiếu quá giá ghi trên sách là cò ý muốn  
góp phần nhỏ vật-chất vào văn-học ; không ngờ ông lại gửi lên những  
hai cuốn. Kính xin cảm ơn ông.

Cuốn kia, tôi vừa gửi biếu một thầy học cũ cũng yêu thương ông.

Hàng ngày tôi vẫn theo dõi sinh-hoạt văn-nghệ của ông ; lúc nào  
có tác-phẩm xuất bản, xin ông đừng quên tôi.

HOÀNG-TÔNG  
(Đà-lạt, ngày 5-3-63)



• Văn phê-bình của ông đọc rất vui. Ông lại tỏ ra thành-thật, dám  
nói sự thật không che đậy. Nhưng chính cũng vì thè mà ông có thè bị  
hiểu lầm, nếu người đọc thiều vô tư hoặc đầu óc nhuộm màu đồ kỹ !...

Tôi đã đọc bài phê-bình của cô Phương-Thảo và bài trả lời của ông  
trong báo Bách-Khoa. Bài phê-bình không phê-bình gì hết mà chỉ toàn  
giọng bối móc thấp hèn ; nó đã làm tôi bất mãn và đoán chắc bên trong  
có ẩn tình gì !... (1) Nhưng bài trả lời của ông cũng không làm tôi thỏa  
mãn, vì ông đã không nói (hay không dám nói) rõ cái ẩn tình ấy ra ! Vì  
sao vậy ? Ông đã hết dám thành-thật rồi chăng ?... Tôi mong rằng có  
dịp nào ông nên phơi bày tất cả sự thật, đó cũng là một cách giúp chúng  
tôi — những người mới bước hoặc sắp bước vào làng văn — những  
kinh-nghiệm quý báu... Thành-thật cảm ơn ông trước.

NHAN-HỒNG-DƯƠNG  
(Sài-gòn, ngày 8-2-63)




---

(1) Xin thành-thật cảm ơn bạn đã an ủi và khuyên khích chúng tôi ;  
nhưng xin mạn phép bạn xén bỏ những lời nặng nề (nhất là câu ngạn-  
ngữ nước ngoài ấy). Mong bạn thông cảm.

Tiện đây, tác-giả cũng xin có lời cảm ơn tất cả các bạn đọc đã có  
lòng yêu bót thì-giờ viết thư cho chúng tôi để phản đối — nhiều khi  
bằng những lời nặng nề — bài phê-bình của cô Phương-Thảo đăng trong  
tạp-chí Bách-Khoa. Chúng tôi xin trân trọng ghi nhận cảm-tinh và những  
nhận xét với thiện ý xây dựng của các bạn. Tuy không in cả được vào  
đây (điều mà chúng tôi rất tiếc), nhưng chúng tôi trân trọng lưu giữ  
những thư đó làm kỷ-niệm đẹp. (B.B.L.)

## TRẢ LỜI CÔ PHƯƠNG-THẢO

về bài điểm sách « Vài kỷ-niệm  
về múa văn, thi-sĩ hiện đại » (1)



Chân-dung  
«cô» Phương-Thảo

Trong tạp-chí *Bách-Khoa* số 143, mục *Điểm Sách*, cô Phương-Thảo tức ông Vũ-Hạnh — (tôi sở dĩ gọi đích danh người điểm sách là để dễ nói chuyện vì có lý-do chính đáng sẽ nêu ở sau) — đã có nhā ý dành cho cuốn « *Vài kỷ-niệm về múa văn, thi-sĩ hiện-đại* » của tôi vừa phát hành những tám trang giày đặc. Việc đó chứng tỏ ông đã để nhiều thi-giờ đọc kỹ cuốn sách mới ra và dành cho nó rất nhiều « sòt sắng » ! Tôi xin cảm ơn ông.

Sách đã in ra, bạn đọc có quyền khen chê và có thể khen chê không đúng, tùy sở thích và quan-niệm của mỗi người. Điều đó không có gì đáng nói. Điều đáng nói là phê-bình xuyên tạc trắng trợn với những ẩn ý không đẹp đẽ thỏa

mãn một mồi tư hiém không chính đáng, như trường-hợp ông Vũ-Hạnh vừa phê-bình sách của tôi. Vì vậy, tôi bắt đắc dĩ phải viết bài trả lời này, sau khi đã đắn đo nhiều ngày vì rất ngại phải nói trắng ra sự thực không đẹp đẽ !

Trước hết, tôi xin chứng minh sự dụng ý xuyên tạc của ông Vũ-Hạnh : Sách phê-bình phải có khen có chê, vì « nhân vô thập toàn », và văn thơ — cũng như người — có thể nào toàn bích ! Hoài-Thanh — ngày trước — viết quyển « Thi-nhân Việt-nam », vì khen nhiều mà đã bị bao lời chê trách ; thậm chí có kẻ còn tung ra dư-luận là ông « ăn tiếc » của

(1) Bài *Trả lời* này đã đăng trong tạp-chí *Bách-Khoa* (số 146 ngày 1-2-63) nhưng bỏ lại đoạn cuối. Nay xin in lại đầy đủ, theo lời yêu cầu của nhiều bạn đọc muốn biết rõ sự thực. Chúng tôi cũng muốn in cả bài phê-bình của cô Phương-Thảo (tức ông Vũ-Hạnh) vào đây để có bạn nào chưa đọc thì coi cho được rõ hơn, nhưng tiếc rằng bài ày trình bày dài dòng quá không tiện in trọn bài mà cắt xén thì chúng tôi không muốn. Vậy nếu bạn nào muốn rõ hơn, xin tìm coi báo *Bách-Khoa* số 143 ngày 15-12-62.

các thi-nhân ! (2) Ông đây, các văn, thi-sĩ đều là người quen biết của tôi, tôi lại càng phải thận trọng, vô tư để tránh sự ghen ghét, hiếu lầm và nhát là để cho những lời khen của tôi được người đọc chú ý và khỏi bị xuyên tạc.

Ông Vũ-Hạnh đã bỏ hết những lời khen (phản quan trọng của cuốn sách) và dụng tâm chỉ nhặt toàn những lời nói về khuyết điểm (rất ít) rải rác đó đây, đem cắt xén, và chắp lại cho thêm nặng nề, cột để tuyên bố rằng tôi muốn « đào huyệt chôn gấp » các văn, thi-sĩ đồng thời để khỏi bị che lấp !

Tôi đã gọi các bạn ày là văn, thi-sĩ, tôi lại viết sách giới-thiệu các bạn ày, mà tất cả đều dở hết (theo như ông Vũ-Hạnh đã nói), thì sao còn xứng gọi là văn, thi-sĩ ? Tôi tưởng cũng không cần phải dài dòng về điểm này, chỉ xin trích một đoạn trong mấy lời nói đầu mà tôi đã viết, bạn đọc chắc đủ thấy rõ ngay sự dụng tâm xuyên tạc của ông Vũ-Hạnh : « Trong sò mười văn, thi-sĩ mà tôi đưa ra giới-thiệu hôm nay, có người có tiề trở thành « bút tử », có người rồi ra chỉ còn là « vang bóng một thời », có người đã tự tạo được một vòng hào quang khá rực-rỡ, có người chưa có mày tiếng tăm ; nhưng tất cả đều đã ít nhiều đóng góp vào công việc xây dựng lâu đài văn-học Việt-nam với tất cả khả năng và tinh huyệt. Riêng một điều đó cũng đáng kề rói. »

Bây giờ tôi xin phép bạn đọc đi sâu vào chi-tiết chút nữa để thêm minh chứng :

• Về cái tên sách, nhan-de đầy đủ là « Vài ký-niệm về mấy văn, thi-sĩ hiện đại ». Họa-sĩ trình bày bìa thay rậm-rạp quá không đẹp nên đã bóc bớt đi mày chữ, còn lại : « Ký-niệm văn, thi-sĩ hiện đại ». Chúng tôi đều nhận thấy nhan-de này có hơi giàn lược không được sáng nghĩa, nhưng nghĩ bên trong còn có hai trang in lại nhan-de đầy đủ thì chắc độc-giả cũng thông cảm mà thè tắt cho. Hoặc có ai khó tính, cứ cò chắp bắt lỗi, thì tôi — vì đã « hi sinh » cho mỹ-thuật — xin một mình nhiệm cứu. Vậy ông Vũ-Hạnh bắt bẻ, tôi xin nhận. Nhưng chí hơi tiếc là ông đã quá nặng lời : ông bỏ ra gần trọn một cột báo để bẻ về mày chữ ày, chỉ cột để được hạ bút viết rằng : Tên sách Ký-niệm văn thi-sĩ hiện đại là một nghi-nghia, nói lên một sự giàn ước vô lối đi ngược tinh-thần tiếng nói. Đó là một điều rất khó chắp nhận khi nó được in chữ lớn ngoài bìa và khi tác-giả là một giáo-sư dạy môn Việt-văn ở các cấp bậc Trung-học. »

Nhưng ông Vũ-Hạnh nhìn lỗi người thì sáng mà nhìn lỗi mình lại

---

(2) Theo tờ cáo-bạch (prospectus) kèm theo bản in « T. N. V. N. » lần thứ hai (1943).

rất mờ. Trong bài «dièm sách» của ông có rất nhiều lối văn-phạm và những chữ dùng bừa bãi. Ngay trong câu vừa trích trên đây, ta đã lượm được một lối về chữ dùng «vô lối» (!) và một lối văn-phạm nữa : *Ngược dòng, ngược chiều* thì được ; nhưng *đi ngược tinh-thần* thì thiều chữ với đầy ông ạ ! Còn nữa ! Trong bài «dièm sách» của ông mà tôi đang trả lời, tôi thấy nhan nhản những lối mà tôi chỉ xin kể ra đây một ít làm thí-dụ mà thôi. Ông Vũ-Hạnh viết : « Tóm lại, vé hai nhà thơ có nhiều tiếng tăm đã được để cùi ra quốc tế ngày nào... » *Đi ra quốc-tế là đi...thì nào*, hở ông Vũ-Hạnh ? Và đây nữa : « Tuỳ nhiên, trình bày như vậy sợ rằng chúng ta cũng không hiểu hết dụng ý *Bàng-quân* ». Ông chỗ khác, ông viết : « *Bàng-quân* không phải đào huyệt chôn gắp các người đi trước của mình... » Trong câu trên, ông Vũ-Hạnh có thày thiều chữ gì không ? Và câu dưới thừa một chữ gì, chắc bây giờ ông đã rõ !

Ày cũng vì văn ông viết thiều thận trọng như vậy, nên tôi không thể làm vừa ý ông được, dù rất nề lời giới-thiệu của anh bạn chúng ta (xin coi ở đoạn cuối bài).

• Bằng một giọng hàn học, ông Vũ-Hạnh đả kích lối phê-bình dựa vào sự quen biết của tôi, chê rằng quan-dièm phê-bình ày « đã rút lui về trong một thời-khoảng hiện đại giữa những biên-giới quốc-gia chật hẹp... » để rồi mia-mai kèt luận rằng : « Ở đây, không khéo lại thêm một quan-dièm phê-bình mới mè, tạm gọi là *quan-dièm phê-bình gia-tộc* ». ! Vô tình hay hữu ý, ông Vũ-Hạnh đã quên cái dụng ý của tôi trình bày ở ngay đầu sách. Tôi không hé chủ trương chỉ quen biết tác-giả mới có thể phê-bình (vì ai chẳng biết « văn túc là người » !); mà chỉ muôn đưa ra một khía cạnh trong việc phê-bình, mong thỏa mãn phần nào một vài đòi hỏi của người yêu văn thơ. Xin trích ngay một đoạn ở đầu sách của tôi để chứng minh dièm này : « Nhiều lúc ngâm đọc những bài thơ, đoạn văn ưa thích, tôi thường tự hỏi : « Không biết tác-giả có thích như mình không ? Đây có phải bài thơ, đoạn văn mà tác-giả ưng ý nhất không ? » Đồng thời với những câu hỏi này — những câu hỏi thật khó trả lời — tôi bỗng này ra ý ước ao giá có những phê-bình gia cùng thời và quen biết các thi, văn-si ày làm cái việc mà mình đang muôn biết này, há chẳng hay lắm ru ! Ý nghĩ ày cứ ám ảnh tôi hoài, nhất là những khi tôi đọc những bài phê-bình văn-học hoặc chính tôi phải làm việc bình giảng văn thơ. Mắt nhìn những dòng chữ nhảy nhót mà lòng tôi thắc-mắc hoang mang... Tôi hoài nghi tự hỏi : « Có thật tác-giả có tư-tưởng này, có dụng ý kia, có tâm-sự nọ ? Hay tất cả chỉ là vỗ đoán ? » Rồi sự thắc-mắc trên đưa tôi kèt luận này : « Muôn phê-bình thật đúng một nhà thơ, nhà văn nào, cần quen biết nhà thơ, nhà văn ày ». Và đứng ở quan-dièm đó, tôi có ý định viết một quyển sách phê-bình văn-học để làm thỏa mãn phần nào những người ưa thích văn thơ có những đòi hỏi như tôi... »

• Ông Vũ-Hạnh cho rằng tôi sở dĩ đặt Nguyễn Nhược-Pháp và Nguyễn Hiền-Lê « lên trên đầu sách theo đúng thứ-tự của sự trân trọng » là vì hai vị đó đã khen ngợi tôi nhiều, và tôi đã có ý trích in những lời khen ấy (mà ông Vũ-Hạnh cho là những lời khen ngợi xã-giao) để tự đe cao. Tôi có ý ấy hay không, xin đe độc-giá của tôi phê phán. Tôi chỉ xin trả lời ông Vũ-Hạnh về điểm « thứ-tự trân trọng » rằng : Không có sự hơn kém, trọng khinh trong việc đe người sau kè trước. Tôi giới-thiệu Nguyễn Nhược-Pháp đầu tiên, vì anh là người mà tôi quen trước hết và đã mắt rồi ! Còn nhà văn Nguyễn Hiền-Lê, tôi đe giữa Nhược-Pháp và Anh-Thơ chỉ là muôn xen lẩn văn với thơ đe cho có sự thay đổi làm vui người đọc, cũng như tôi đã đặt nhà văn Toan-Ánh giữa hai nhà thơ Nguyễn-Vỹ và Phạm Đinh-Tân. Còn những lời khen ngợi của Nguyễn Nhược-Pháp và Nguyễn Hiền-Lê có phải vì xã-giao như ông Vũ-Hạnh đã nghĩ hay không, tôi thày không cần phải biện bạch nhiều lời, chỉ xin thưa rằng những lời viết về tôi của Nguyễn Hiền-Lê là những lời in trong sách của anh và được viết ra từ trước khi anh quen biết tôi. Ai đọc sách của tôi cũng đều nhận thày rõ ràng ; chỉ riêng ông Vũ-Hạnh cò ý hiểu sai đi, không hiểu vì mục-dịch gì vậy ? Việc trích in một đoạn trong thư của Nguyễn Nhược-Pháp cũng chỉ là đe làm cho sáng tỏ câu chuyện, chứ nếu tôi muôn tự đe cao (như ông Vũ-Hạnh nghĩ) thì đã trích in những lời anh phê-bình tôi (người mà lúc đó anh chưa quen biết) trên báo L'Annam Nouveau. Không, tôi không hề có ý nghĩ mà ông Vũ-Hạnh đã gán cho tôi. Chính trong đoạn nói về Nguyễn Nhược-Pháp, tôi đã có viết : « Hơn hai mươi năm qua rồi, kiêm điêm lại những sáng tác của mình, tôi không khỏi buồn rầu và hờ hụt, vì nhận thày không xứng đáng với lòng tin tưởng của anh đeo với tôi ! » (trang 22).

• Phê-bình đoạn tôi viết về thi-sĩ Đông-Hồ, ông Vũ-Hạnh viết : « Tác-giả đã đăng nguyên văn cả bản tiêu-sử khá nhiều chi-tiết của Đông-Hồ gửi đèn cho mình rồi ghi chú thêm : « Đọc những dòng tiêu-sử trên đây do chính tác-giả gửi cho tôi và tôi đe nguyên văn chỉ bỏ bớt ít, nhiều chi-tiết không quan trọng, bạn đọc chắc cũng hiểu được đại khái nhà thơ Đông-Hồ là người thè nào ». Người ta không rõ qua cái sự kiện « tôi đe nguyên văn » và câu ghi chú trên đây nhà thơ họ Bàng có dụng ý gì đe giới-thiệu thêm Đông-Hồ với các độc-giá. »

Tôi có dụng ý gì ? Thì mà trang tiếp sau (91, 92) đã nói rõ. Rằng : Đông-Hồ « tiếc tôi với vẻ niết-nở rất Á-đông, nghĩa là vui mà không ồn, lặng-lẽ nhưng thân-mật, lúc nào cũng khoan-thai, cũng nhò nhẹ.... Đông-Hồ đúng là một trong số ít nhà thơ của thè-hệ cũ còn sót lại..... Ông như luôn luôn hút thở cái không khí Tòng, Đường ; sòng nèp sòng của Tô Đông-Pha; Lý-Bach... Bởi vậy, ta không lạ thày giữa cuộc đời

vật-chất cạnh tranh ráo riết, Đông-Hồ vẫn sòng nèp sòng riêng của ông : chậm rãi, nhẫn-nha, không chen, không vội... v.v. »

Và, như vậy, tôi đã không viết lại tiểu-sử của ông, vì muốn để độc-giả nhận thấy rằng giữa lúc người ta dùng chữ một cách bừa bãi, giữa lúc nhiều người trong chúng ta không phân biệt rõ « tự » với « hiệu » khác nhau thè nào thì ít ra cũng có một người bê từng nét chữ (chiết tự), nâng-niu ve vuốt từng lời như một giờ lan quý.

Ông Vũ-Hạnh còn viết : « Riêng Đông-Hồ có một chiếc ảnh trẻ trung thì họ Bàng đã kịp ghi vào dưới một câu : « *Hình chụp năm còn trẻ* » có lẽ để cho các nữ độc-giả bồn phuong khòi lâm. » Tôi ghi như vậy, vì không được rõ hình Đông-Hồ chụp vào năm nào, trong khi hầu hết các hình khác đều có ghi rõ năm chụp (để hợp với tính-cách kỷ-niệm). Thực đáng buồn khi phải trả lời những câu phê-bình kiêu « có lẽ » này !

• Về Vũ Hoàng-Chương, ông Vũ-Hạnh — vô tình hay cò ý — đã trích sai cả những lời tôi nói. Ông viết : « Về Vũ Hoàng-Chương, họ Bàng phát giác thêm cho chúng ta thày rõ tác-giả của *Máy và Say* đã bị thiếu thuốc phiện tàn phá thè nào... » Rồi ông nhàn mạnh : « Tác-giả còn cho ta rõ thi-si họ Vũ là kẻ thất vọng vì tình nên phải đi sâu vào trụy lạc, phải ghiên gấp nặng làm cho cuộc đời tàn tạ như kẻ chết nửa vời... »

Tôi xin thanh minh rằng ông Vũ-Hạnh đã nói thêm bớt, nhất là chữ « thiếu » tôi không hề viết bao giờ ! Còn muốn hiểu rõ và đúng về điểm mà ông Vũ-Hạnh vừa nêu ra, cần phải đọc cả đoạn văn tôi đã viết mà ở đây tôi không thè nhắc lại được. Vì tôi đã đề nhiều trang để phân tích cái say của Vũ Hoàng-Chương qua những văn thơ của anh phần nhiều làm từ trước năm 1945. Người ta cò ý nhàn mạnh vào sự « ghiên gấp » (!) để gán cho tôi cái ý không tốt đồi với thi-si họ Vũ. Thực ra, rượu chẳng là một trong « tử đồ thường » đầy ư ? Vậy mà ngày nay người ta thường thức những văn thơ chèn-choáng hơi men của Lý-Bạch, Tân-Đà đều thích thú ngợi khen mà chưa từng có ai chê hai vị ấy là nát rượu ! Ấy là Lý-Bạch, Tân-Đà đã lớn tiếng ca tụng rượu không thèm kèm xia đèn đài ; Vũ Hoàng-Chương, trái lại, cay đắng nhận rõ cái hại của « nàng tiên nâu » : đó chính là điểm luân-lý đáng kể trong thơ họ Vũ vậy.

• Ông Vũ-Hạnh còn xuyên tạc khi viết : « Thi-si họ Bàng còn cho ta biết nữ-si Ngân-Giang rất thích thú hai câu thơ của tác-giả như sau :

*Tương tư thuyền nhớ sông dài,  
Tương tư là có hai người nhớ nhau !*

... Đồng thời họ Bàng không quên nói úp nói mở đe người ta hiểu Ngân-Giang đã tương tư mình ra sao. Nhờ thè, người ta hiểu Bàng Bá-Lân tốt sò đáo hoa... »

Đây chỉ là một chi-tiết trong đoạn trình bày kỷ-niệm về Anh-Thơ, và là lời Anh-Thơ thuật lại với tôi (như đã viết rõ ràng trong sách) khi trao cho tôi bài thơ « Tương tư » của Ngân-Giang. Đọc đoạn này trong sách của tôi, ai cũng hiểu là hai câu thơ trên chỉ gợi ý cho Ngân-Giang viết bài « Tương tư » mà thôi. Và lại, ngay sau đó tôi đã viết : « Vì chuyện dưa thơ và mày bài thơ đăng báo này mà hối đó trong giới văn-nghệ Bắc-Hà nói lên ít nhiều tiếng sì-sào với những già-thuyết vô căn cứ...; Sự thực — như tôi vừa trình bày — chỉ có thè thòi ! Tôi không hề gặp Ngân-Giang lần nào, không hề biết mặt nàng nữa ! » (trang 74).

• Sau khi đã xuyên tạc từ đầu đến cuỗi, ông Vũ-Hạnh hạ bút : « Chúng ta tin rằng thè nào sách của Bàng-quân cũng sẽ bán chạy. Bởi vì ngoài các di ảnh, chân dung, ngoài những thủ bút, chữ ký, ngoài những tính tốt, tính xấu, tâm tình của văn, thi-sĩ, tác-giả còn bán được cả những đoạn văn thơ thích nhất của họ, công trình nǎo tùy của họ. Như thè, Bàng-quân sẽ có triền vọng nhờ tác-phẩm này mà được cả lợi lộc danh... »

Sách tôi viết không phải là một tuyển tập thi văn, nên — mặc dầu nhiều vị đã có hảo ý rộng rãi với tôi — tôi chỉ trích in ít bài thơ văn dù để giới-thiệu tác-giả mà thôi. Nói như ông Vũ-Hạnh thì những tập văn-tuyển, thi-tuyển đã xuất bản từ trước đây nay đều là « ăn không » công trình nǎo tùy của văn, thi-sĩ cả sao ? Hơn nữa, sự thực đã từng cho ta thấy rằng không phải tất cả những tuyển tập có đủ các điều-kiện mà ông Vũ-Hạnh nêu ra đều bán chạy !

Bây giờ tôi đã hiểu quá rõ ông Vũ-Hạnh. Cho nên đèn câu này của ông : « Tóm lại, Bàng-quân thật là sờ trưởng về thơ tuy không sờ trưởng chút nào về sự khiêm tốn », tôi tưởng không cần phải biện bạch dài dòng mà chỉ xin nói vắn tắt rằng : Về sự khiêm tốn, xin để công luận phẩm bình ; còn điều sờ trưởng về thơ xin trả lại ông, tôi không dám nhận !

.. .

Ngoài sự xuyên tạc trắng trợn, bài « điều sách » của ông Vũ-Hạnh còn đầy giọng hán-học khiên ai đọc cũng nhận thảy ngay và nhiều người đã đoán hán bên trong có điều uẩn khúc !

Sự thực có điều không đẹp nên tôi đã do-dự mãi trước khi viết bài trả lời này. Nay vì bị dồn vào cái thè phải nói, nên tôi bắt đắc dĩ phải kê ra, để tùy độc-giả phê phán.

Nguyên tôi có nhận soạn giúp nhà xuất bản Xây Dựng một bộ sách giảng văn cho các lớp Trung-học từ Đề Thát đến Đề Nhị. Khi tôi đang soạn về phần kim văn (các lớp Thát, Lục), có một bạn nhà văn thường

tới thăm và tỏ ý tán thành phương-pháp của tôi về cách trình bày và lựa chọn văn các nhà văn mới. Thì rồi một hôm anh đưa một nhà văn trẻ đến chơi, an cần giới-thiệu là Vũ-Hạnh và đưa ra một sàp bài của nhà văn này cắt ở các báo ra để tôi lựa trích in vào sách, « cũng là một cách khuyên khích người đi sau » theo lời anh. Hôm ấy, ông Vũ-Hạnh rất có lẽ-độ và hiền lành như... một cô gái. Tôi có hứa là sẽ xem và, nếu được, xin vui lòng làm theo ý bạn. Nhưng hứa là một chuyện mà trích được lại là chuyện khác ! Tuy nhiên, vì phép lịch-sự, tôi vẫn phải nói là đang coi và có thể sẽ trích... Sau đó, một hôm tôi có việc ghé nhà xuất bản thì gặp ông Vũ-Hạnh và một người bạn ông ở đây. Ông Vũ-Hạnh có nói với tôi rằng : « Chúng tôi có quyền sách phê-bình văn-học, xin đưa để quý ngài duyệt xem có thể in được không ? » Tôi cười trả lời : « Việc đó, xin quý bạn thương lượng với ông này ! » Vừa nói, tôi vừa trở vào ông chủ nhà xuất bản Xây Dựng. Sau khi ông Vũ-Hạnh và bạn ông ra về, ông chủ nhà xuất bản cho tôi biết rằng : Ông Vũ-Hạnh tức là cô Phương-Thảo hiện viết giúp mày tờ báo ở Sài-gòn (theo lời bạn ông giới-thiệu) muôn in một quyền sách thuộc loại phê-bình ; và ông trả lời là sẽ hỏi ý kiền ông Bàng Bá-Lân trước khi quyết định ». Nhưng rồi ông từ ý quyết định, nghĩa là từ chối không in sách của cô Phương-Thảo (tức ông Vũ-Hạnh), lày có là đang in quyền sách phê-bình của tôi rồi !

Sau khi bài « điêm sách » của cô Phương-Thảo (tức ông Vũ-Hạnh) in ra, ông chủ nhà xuất bản Xây Dựng lại cho tôi biết thêm rằng : Trước đó, đã có một lần ông Vũ-Hạnh nhờ bạn ông (có quen với ông chủ nhà xuất bản) giới-thiệu để in một cuốn sách giáo-khoa nhan-de là « Mỹ-tử pháp ». Ông cũng bảo là « để hỏi ý kiền ông Bàng Bá-Lân », rồi ông cũng từ chối.

Có lẽ vì thế mà ông Vũ-Hạnh để tâm thù tôi chăng ? Mặc dù tôi chưa hề có dịp đọc mấy tác-phẩm nói trên của ông để mà cho ý kiền !

Khi quyền « Vài kỷ-niệm... » của tôi vừa in xong, chưa phát hành, bạn ông Vũ-Hạnh đã đến thăm nhà xuất bản ngay. Không gặp ai, ông có để lại một tàng danh-thiệp hỏi thăm về quyền sách và có câu này : « Tin anh hay : cô Phương-Thảo sẽ phê bình cuốn « Vài kỷ-niệm... » đó ! » (Tàng danh-thiệp này nhà xuất bản vừa trao cho tôi và tôi hiện giữ). Sau đó, ông bạn ấy còn trở lại lần nữa để lấy cho được một cuốn sách tặng và không quên nhắc lại là cô Phương-Thảo (tức ông Vũ-Hạnh) sẽ phê-bình cẩn thận !

Như thế dù chứng tỏ là ông Vũ-Hạnh đã rắp tâm phê-bình quyền sách của tôi từ trước khi nó được in xong !

Vậy thì khi ông viết vé tôi : « ... Ta tiếc rằng những nhận xét của Bàng thi-si về họ (chỉ những văn, thi-si trong sách) không phải để làm công

tác văn-học mà chỉ để thêm sáng tỏ một người đang bị một mối tư ám ảnh tâm-hồn », phải chăng ông đã nói lên chính tiếng lòng thămkin của ông ?

Trước sự thực phũ-phàng, một người hiều danh, nóng nảy lại hay thù vặt như ông Vũ-Hạnh chắc sẽ cảm hờn tối lắm và không biết sẽ còn núp dưới tên hiệu gì và giờ trò gì nữa đây ? Nhưng sự thực bao giờ cũng là sự thực, không ai chối bỏ được !

Tôi xin ngừng bút ở đây và thành-thực xin lỗi độc-giả, vì đã làm mất thời-giờ của quý vị với những chuyện không đẹp đẽ !

(Tháng giêng 1963)

BÀNG BA-LÂN



## PHÊ-BÌNH VĂN-NGHỆ

... Chúng tôi vừa đọc cuốn « Kỷ-niệm văn, thi-sĩ hiện đại ». Sự khoe khoang « cái tôi » của tác-giả trong cuốn đó làm cho người đọc phải bức minh... (1)

Nhưng vẫn chưa lạ ! Rồi chúng tôi được đọc bài phê-bình tác-phẩm ty. Đọc xong, chúng tôi càng thàt vọng. Tính-cách bói móc của bài phê-bình đã tới cao độ. Nhưng chúng tôi vẫn chưa khõ tâm bằng khi phải đọc những đoạn văn cắt xén, mà điển hình là hai đoạn sau đây :

1.— « ... Về Vũ Hoàng-Chương, họ Bàng phát giác thêm cho chúng ta hấy rõ tác-giả của « Mây » và « Say » đã bị thiếu thuốc phiện tàn phá thế nào... »

Thực ra, chữ « thiếu » không hề có trong tác-phẩm K. N. V. T. S. H. Đ.

2.— « ... Sau đó, qua đôi lời khen, người ta nghe Bàng Bá-Lân xét nhận về nhà thơ ấy : « ... Đông-Hồ đúng là một trong số ít nhà thơ của thế-hệ cũ còn sót lại... »

Thực ra, trong tác-phẩm kia đã viết : « ... Tiếp tôi với vẻ niêm-nở rất Á-Đông, nghĩa là vui mà không ồn, lặng-lẽ nhưng thân-mặt, lúc nào cũng khoan thai..., Đông-Hồ đúng là một trong số ít nhà thơ của thế-hệ cũ còn sót lại... »

(1) Thực tình tôi chỉ trình bày đúng sự thực, định lấy cái thành làm căn-bản cho cuốn sách hứa mong có giúp ích được phần nào cho những người đi sau, chứ thực không dám có ý « khoe khoang » (vì tự xét mình trí thiền tài sơ không có gì đáng khoe khoang hết ! ) Nhưng viết mà để độc-giả hiều lầm mình thì vẫn là vụng kém. Tôi xin nhận khuyết điểm ấy và xin nguyện sẽ rèn luyện lại ngòi bút cho gùi giặn hơn.

(B. B. L.)

Chúng tôi càng phân vân hơn và tự hỏi một lần nữa : « Phải chăng phê-bình gia bây giờ đã cần phải dùng tới mảnh lời xuyên tạc hèn hạ ? ... »

**HOÀI-VĂN-TƯ**

Trích báo *Tự-Do*, mục « Nói hay đừng »  
số 1800 ngày 16-3-63.



## MỘT VÀI Ý NGHĨ VỀ VĂN ĐÈ PHÊ-BÌNH VĂN-NGHỆ

Giữa niên đại 60 của thế-kỷ này, vào lúc mà một số cơ-quan văn-hóa quốc-tế chuẩn bị dịch thuật và giới-thiệu những tác-phẩm của các nhà văn tại những nước có tới tám chín mươi phần trăm dân số chưa thoát nạn mù chữ, vào lúc mà tuần-báo, nguyệt-san văn-nghệ bấy kín sạp báo ở thủ đô Sài-gòn và hầu hết các thị-trấn miền Nam, mọi người chúng ta ở đây bỗng cảm thấy một nỗi sầu muộn khi nghĩ đến, nói đến văn-de phê-bình văn-nghệ.

Tại sao vậy? Có phải tại lúa chín đầy đồng mà không có thợ gặt, vì sáng tác quá nhiều mà không có người phê-bình, giới-thiệu chăng? Hay ngược lại, có phải là vì phê-bình quá hắp dẫn nên người ta đã ham phê-bình mà bỏ quên sáng tác?

Thật hoàn toàn không... Quả thật không phải vì khan hiếm cây bút phê-bình giới-thiệu, cũng không phải vì cây bút phê-bình đã thặng dư so với số cây bút sáng tác. Mà chính là vì có một số không ít người đã quan-niệm phê-bình theo cái phương-thức *đập cho nát* (!); hoặc phê-bình là *cốt đẽ bốc* (!) hầu giúp cho tác-giả bán được sách; hoặc là phê-bình theo kiểu *thù-tạc*, khen mày câu chê mày câu, khen chiều lệ cho khòi lò-bịch, còn chê cũng nhẹ nhàng để khòi gây oán két thù!

Phê-bình một tác-phẩm văn-nghệ mà nói là cốt đẽ *đập cho nát* thì cũng ghê thật! Chẳng những nó có vẻ đao tö búa lớn, mà còn mang một ý nghĩa thù địch, nhưng người ta đã không ngần ngại mà nói thẳng ra khi muôn « *đập nát* » một tác-phẩm nào!

Mặc dầu có *đập nát* ra được hay không là một việc...

Nhận định về cái kiêu phê-bình bằng cách *đập cho nát*, có nhiều ý kiền cho rằng đó là một thủ đoạn mon-men vào địa-hạt nghệ-thuật bằng cửa ngõ phê-bình, vì cứ chửi người khác thì tự khắc tên tuổi của người phê-bình (*đập nát*) sẽ nổi bật. Ý kiền này cũng có phần đúng, vì từ hồi nào đến giờ người ta vẫn thường coi vai trò phê-bình là ngụ-sử của văn-

dàn. Ngự-sử vốn là một chức tước, một địa-vị quan trọng của triều-định vua chúa, mà vua phải nể và quan tè-tướng cũng phải e sợ, nhất là cái ông ngự-sử đó là ông ngự-sử mặt sắt đen sì. Vậy các vị phê-bình theo kiểu *đập nát* nào đó chắc cũng tự phong cho mình một chức tước, tự nghĩ rằng ta đây là một ông ngự-sử !

Nhưng thời nay bài phong-kiền, người ta không thích chức tước hoặc cũng có thể không kịp nghĩ đến cái chức ngự-sử. Vậy nên đôi khi người ta phê-bình theo kiểu *đập nát* không phải cõi đè tên tuổi nổi bật mà đè hả lòng thù ghét hoặc vì thành-kiền mang sẵn trong đầu.

Còn nhiên sự xuất phát cái ý định *đập nát* một tác-phẩm văn-nghệ nào đó còn được bắt nguồn từ những nguyên-nhân khác nhau, từ những khía cạnh thâm kín mà chỉ các nhà phê-bình *đập nát* (!) mới tự tìm thấy được trong lúc họ tham thiền nhập định. Nhưng tựu trung người ta đã đánh lộn sòng, đã làm cho tác-già và độc-già bị lạc hướng giữa cái kiều phê-bình *đập nát* với sự phê phán nghiêm khắc và thái-độ trung thực trong việc vạch ra cái tệ hại của một tác-phẩm mà người phê-bình văn-nghệ chân chính cần phải có... (1)

NGUYỄN-NGUYỄN  
(Tự-Do số 1813 ngày 31-3-63)




---

(1) Bài này có nhiều ý kiền khá xác đáng về hiện trạng phê-bình văn-nghệ ở nước ta. Chúng tôi tiếc không lục in được trọn bài vì dài quá. Đây chỉ là đoạn đầu. Bạn nào muốn rõ tường tận, xin tìm coi phụ-trương nhật-báo Tự-Do số và ngày đã ghi ở trên.

## ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	CHỮ IN SAI	XIN ĐỌC LÀ
8	3	ioujours	toujours
39	16	thuyết lý	thuyết phục
61	20	nghī chyuện...	nghī chuyēn...
77	9	áy Thơ...	lý Thơ...
90	4	văn kȳ-thuật	văn kȳ-thuật
97	5	và một cùi mà	...cái mà
101	23	tại một nhà hát lớn Hà-nội	tại nhà hát lớn...
104	24	nhưng anh mãi diễn	...mãi diễn
106	ápchót	kȳ thuật	kȳ thuật
107	7	màu sắc, văn-chương.	màu sắc văn-chương
108	18	làm vừa mình	làm vừa lòng mình
136	21	niém-nō	niém-nở
154	18	hé lên	hở lên
170	ápchót	...hi-sinh chුra ?	...hi-sinh chුra ?
187	5	dề cho...	dồ cho...
202	6	cái nài cũ	cái nồi cũ
216	11	dé khi	dé thí
217	11	Một sáng tác đầu thu	Một sáng đầu thu
223	17	muōng phuong	muôn phuong
226	2	ợ mạng	sợ mạng
233	14	ba dòng mờ đầu...	ba dòng, mờ đầu...
235	1	giօ̄ hoa	giỗ hoa.

## MỤC LỤC

	Trang
❖ THAY LỜI TỰA . . . . .	7 — 8
• BÌNH-NGUYÊN-LỘC . . . . .	9 — 27
Văn tuyển . . . . .	28 — 50
• QUÁCH-TẤN . . . . .	51 — 80
Thi tuyển . . . . .	81 — 84
• TRỌNG-LANG . . . . .	85 — 112
Văn tuyển . . . . .	113 — 123
• PHI-VÂN . . . . .	125 — 139
Văn tuyển . . . . .	140 — 155
• ĐÔNG-XUYÊN . . . . .	157 — 175
Thi tuyển . . . . .	176 — 180
• NGUYỄN-THỊ-VINH . . . . .	181 — 191
Thi văn tuyển . . . . .	192 — 204
• MỘNG-TUYẾT . . . . .	205 — 222
Thi văn tuyển . . . . .	223 — 232
• VÂN-ĐÀI . . . . .	233 — 243
Thi văn tuyển . . . . .	244 — 252
➤ THAY LỜI BẠT . . . . .	253 — 254
➤ Chung quanh sách <i>Vài kỷ-niệm về mấy văn, thi-sĩ hiện đại (I)</i> . . . . .	255 — 270
➤ ĐÍNH CHÍNH . . . . .	271
➤ MỤC LỤC . . . . .	272

# CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

---

## \* ĐÃ XUẤT BẢN :

TIẾNG THÔNG REO ( <i>thơ</i> )	1934
XƯA ( <i>thơ</i> )	1941
THƠ BÀNG BA-LÂN	1957
TIẾNG VÔNG ĐƯA ( <i>thơ</i> )	1957
VÀI KỶ-NIỆM VỀ MÃY VĂN, THI-SĨ	
HIỆN ĐẠI ( <i>Quyển I</i> )	1962
VĂN, THI-SĨ HIỆN ĐẠI ( <i>Quyển II</i> )	1963

## \* SẼ XUẤT BẢN :

VÀO THU ( <i>thơ</i> )
VĂN, THI-SĨ HIỆN ĐẠI ( <i>Quyển III</i> )

— — —

**VĂN, THI-SĨ HIỆN ĐẠI**  
**(kỷ-niệm và nhận định)**  
**của Bàng Bá-Lân**

**THUỘC LOẠI GIAI-PHẨM CỦA NHÀ  
XUẤT BẢN XÂY DỰNG SÀI-GÒN.  
BÌA ĐỎ NGUYỄN-NGỌC-QUAN TRÌNH BÀY.  
NGOÀI 3.000 ÀN BẢN THƯỜNG VÀ  
500 ÀN BẢN ĐẸP TRÊN GIÀY BLANC  
FIN DÀY, CÒN IN THÊM 15 BẢN QUÝ  
TRÊN GIÀY CROQUIS ĐÁNH SÒ**

**TỪ C. 1 ĐẾN C. 15.**

**In xong ngày 25-10-1963  
tại nhà in riêng của nhà  
XUẤT-BẢN**

**BẢN ~~██████████~~**

**TÁC-GIÁ GIỮ BẢN QUYỀN**

**Kiểm duyệt số  
N.T.V.K.H.T.T. ngày**